

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG

**KHAI THÁC YẾU TỐ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG
TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH**

**(LẤY CÔNG VIÊN KHU VỰC KHU ĐÔ THỊ MỚI TÂY BẮC
LÀM ĐỊA BÀN THÍ ĐIỂM)**

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ
CHUYÊN NGÀNH QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ**

HÀ NỘI, 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG

**KHAI THÁC YẾU TỐ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG
TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH**

**(LẤY CÔNG VIÊN KHU VỰC KHU ĐÔ THỊ MỚI TÂY BẮC
LÀM ĐỊA BÀN THÍ ĐIỂM)**

LUẬN ÁN TIẾN SỸ

CHUYÊN NGÀNH: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

MÃ SỐ: 62.58.01.05

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GS.TS.KTS. ĐỖ HẬU

HÀ NỘI, 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của cá nhân tôi. Các số liệu, kết quả đề xuất trong luận án là trung thực, chính xác và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

NCS. Nguyễn Thị Diệu Hương

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với GS-TS-KTS Đỗ Hậu- người thầy đã tận tình hướng dẫn, động viên tôi từng bước hoàn thành Luận án. Thầy chính là tấm gương sáng- là nguồn động lực vô tận thôi thúc tôi cố gắng phấn đấu, rèn luyện trong học tập, nghiên cứu và công tác giảng dạy.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Kiến trúc Hà nội, Khoa Sau đại học, Ban chủ nhiệm Khoa Quy hoạch đô thị- nông thôn, Bộ môn Thiết kế đô thị và các đơn vị ban ngành liên quan đã tạo điều kiện, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện Luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của các chuyên gia, các nhà khoa học, các đồng nghiệp đã chia sẻ kinh nghiệm và dành cho tôi những ý kiến đóng góp quý báu trong thời gian nghiên cứu Luận án.

Cuối cùng, từ sâu thẳm trái tim, tôi xin được dành lời cảm ơn tới gia đình, người thân, bạn bè đã luôn đồng hành cùng tôi, là chỗ dựa tinh thần, ủng hộ, động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận án này ./.

Hà nội năm 2019

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Diệu Hương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	viii
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	x
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn.....	3
6. Những đóng góp mới của luận án.....	4
7. Các khái niệm sử dụng trong luận án.....	4
8. Cấu trúc luận án.....	5
NỘI DUNG.....	6
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN KHAI THÁC YẾU TỐ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH.....	6
1.1. Tổng quan khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên trên thế giới và Việt Nam.....	6
1.1.1. Trên thế giới.....	6
1.1.2. Việt Nam.....	10
1.2. Thực trạng hệ thống công viên trong đô thị Bắc Ninh.....	12
1.2.1. Giới thiệu chung về đô thị Bắc Ninh.....	12
1.2.2. Hệ thống công viên trong đô thị Bắc Ninh.....	15
1.3. Nhận diện các yếu tố Văn hóa truyền thống đặc trưng tại Bắc Ninh.....	16
1.3.1. Yếu tố văn hóa vật thể.....	17
1.3.2. Yếu tố văn hóa phi vật thể.....	22
1.4. Thực trạng khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.....	27
1.5. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan.....	32
1.5.1. Các nghiên cứu trên thế giới.....	32
1.5.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam.....	35

1.6. Những tồn tại và hướng tập trung nghiên cứu của đề tài	38
1.6.1. Những tồn tại	38
1.6.2. Hướng tập trung nghiên cứu của đề tài	40
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC KHAI THÁC YẾU TỐ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH.....	41
2.1. Cơ sở lý luận.....	41
2.1.1. Cơ sở lý luận về tổ chức không gian công viên	41
2.1.1.1. Các loại hình công viên trong đô thị.....	41
2.1.1.2. Hệ thống tầng bậc các công viên trong đô thị.....	42
2.1.1.3. Cấu trúc không gian công viên.....	43
2.1.1.4. Các đối tượng hoạt động trong các khu chức năng	47
2.1.1.5. Các hình thức bố cục không gian công viên	48
2.1.1.6. Không gian văn hóa truyền thống	51
2.1.2. Cơ sở lý luận về Văn hóa truyền thống.....	52
2.1.2.1. Triết học Phương Đông trong tổ chức không gian công viên.....	52
2.1.2.2. Vai trò của Văn hóa truyền thống trong xu thế toàn cầu hóa	53
2.1.2.3. Xu hướng khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên.....	54
2.2. Cơ sở pháp lý.....	56
2.2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật.....	56
2.2.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn.....	58
2.2.3. Định hướng mạng lưới công viên trong Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh. 60	
2.2.4. Các định hướng phát triển	62
2.3. Cơ sở thực tiễn	63
2.3.1. Kết quả điều tra xã hội học về việc khai thác Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.....	63
2.3.2. Các yếu tố tác động đến việc khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên.	65
2.3.2.1. Điều kiện tự nhiên	67
2.3.2.2. Yếu tố kinh tế	68
2.3.2.3. Yếu tố văn hóa xã hội	69
2.3.2.4. Yếu tố chính trị.....	70

2.3.2.5. Yếu tố quy hoạch.....	72
2.3.2.6. Yếu tố khoa học công nghệ.....	73
2.3.2.7. Sự tham gia của cộng đồng.....	74
2.4. Các bài học thực tiễn về khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên.....	75
2.4.1. Trên thế giới.....	75
2.4.2. Tại Việt Nam.....	80
2.4.3. Những bài học đúc rút từ kinh nghiệm thế giới và Việt Nam.....	84
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP KHAI THÁC YẾU TỐ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH..	85
3.1. Quan điểm, mục tiêu.....	85
3.1.1. Quan điểm.....	85
3.1.2. Mục tiêu.....	86
3.2. Các nguyên tắc khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.....	87
3.3. Đề xuất khả năng áp dụng các yếu tố Văn hóa truyền thống trong các công viên đô thị Bắc Ninh.....	89
3.4. Xác định quy mô, mức độ ưu tiên các khu chức năng trong công viên.....	92
3.4.1. Xác định quy mô các khu chức năng trong công viên.....	92
3.4.2. Xác định mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng trong công viên.....	94
3.5. Mô hình cấu trúc không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.....	98
3.5.1. Mô hình tổng quát cấu trúc không gian công viên.....	98
3.5.2. Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung.....	100
3.5.3. Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập.....	100
3.5.4. Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp.....	101
3.6. Các giải pháp khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.....	102
3.6.1. Giải pháp phân khu chức năng trong công viên.....	102
3.6.2. Giải pháp tổ chức không gian công viên.....	111
3.6.3. Giải pháp hạ tầng kỹ thuật.....	120
3.6.4. Giải pháp đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý công viên trong quá trình sử dụng.....	125
3.6.5. Giải pháp vai trò của cộng đồng trong xây dựng và quản lý công viên.....	128

3.7. Áp dụng mô hình và giải pháp khai thác yếu tố văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên khu đô thị mới Tây Bắc- Thành phố Bắc Ninh	129
3.7.1. Vị trí và đặc điểm hiện trạng	129
3.7.2. Mô hình cấu trúc áp dụng cho công viên khu đô thị mới Tây Bắc- Thành phố Bắc Ninh	136
3.7.3. Các giải pháp áp dụng tại công viên khu đô thị mới Tây Bắc- Thành phố Bắc Ninh	137
3.7.3.1. Phân khu chức năng trong công viên khu đô thị mới Tây Bắc- Thành phố Bắc Ninh	137
3.7.3.2. Giải pháp tổ chức không gian các khu chức năng trong công viên khu đô thị mới Tây Bắc- Thành phố Bắc Ninh	140
3.7.4. Giải pháp tổ chức thực hiện, quản lý, khai thác công viên khu đô thị mới Tây Bắc- Thành phố Bắc Ninh.	139
3.8. Bàn luận các kết quả nghiên cứu.....	142
3.8.1. Bàn luận về khả năng khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.	142
3.8.2. Bàn luận về mô hình cấu trúc không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh ...	143
3.8.3. Bàn luận về giải pháp khai thác yếu tố Văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh	144
3.8.4. Bàn luận về giải pháp đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý công viên trong quá trình sử dụng.	145
3.8.5. Bàn luận về huy động sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch và quản lý công viên.....	147
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	149
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	153
TÀI LIỆU THAM KHẢO	154
PHỤ LỤC.....	161

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
Công viên	CV
Công viên đa chức năng	CVĐCN
Đô thị	ĐT
Đô thị hóa	ĐTH
Đô thị mới	ĐTM
Khoa học kỹ thuật	KHKT
Tiêu chuẩn xây dựng	TCXD
Thành phố	TP
Thể dục thể thao	TDTT
Quy hoạch chung	QHC
Quy hoạch đô thị	QHĐT
Quy hoạch xây dựng	QHXD
Văn hóa truyền thống	VHTT
Ủy ban nhân dân	UBND

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Tổng quan tình hình khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên trên thế giới	6
Bảng 1.2. Tổng quan tình hình khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại Việt Nam.....	10
Bảng 1.3. Hiện trạng cây xanh vườn hoa công viên địa bàn TP Bắc Ninh [101].....	15
Bảng 1.4. Số lượng vườn hoa, công viên trên địa bàn TP (Số liệu Công ty TNHH MTV Môi trường và CTĐT Bắc Ninh).....	15
Bảng 1.5. Hiện trạng cây xanh công viên địa bàn thị xã Từ Sơn- Nguồn Viện Quy hoạch Kiến trúc Bắc Ninh	15
Bảng 1.6. Hiện trạng cây xanh công viên địa bàn huyện Tiên Du và các xã Quế Võ 15	
Bảng 1.7. Những yếu tố Văn hóa truyền thống đặc trưng tại tỉnh Bắc Ninh	17
Bảng 1.8. Hiện trạng cây xanh trong công viên Nguyên Phi Ý Lan	28
Bảng 1.9. Hiện trạng trò chơi trong công viên Nguyên Phi Ý Lan	28
Bảng 1.10. Đánh giá hiện trạng hoạt động VHTT- công viên Nguyên Phi Ý Lan ..	28
Bảng 1.11. Hiện trạng các trò chơi truyền thống tại công viên.....	28
Bảng 1.12. Hiện trạng cây xanh vườn hoa trong công viên Nguyễn Văn Cừ.....	29
Bảng 1.13. Hiện trạng trò chơi trong công viên Nguyễn Văn Cừ.....	29
Bảng 1.14. Hiện trạng các hoạt động VHTT trong công viên Nguyễn Văn Cừ	29
Bảng 1.15. Hiện trạng các trò chơi truyền thống tại công viên Nguyễn Văn Cừ.....	31
Bảng 2.1. Các loại hình công viên	41
Bảng 2.2. Phân cấp công viên.....	42
Bảng 2.3. Triết học phương Đông trong tổ chức không gian vườn- công viên Việt Nam.....	52
Bảng 2.4. Tổng hợp tiêu chuẩn diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng.....	58
Bảng 2.5. Diện tích đất tối thiểu của các loại công viên	58
Bảng 2.6. Thành phần sử dụng đất trong công viên văn hóa nghỉ ngơi.....	59
Bảng 2.7. Tỷ lệ các loại đất trong công viên văn hóa nghỉ ngơi	59
Bảng 2.8. Chỉ tiêu diện tích cây xanh công cộng ở đô thị Việt Nam	59
Bảng 2.9. Chỉ tiêu diện tích cây xanh công cộng trên thế giới.....	60
Bảng 2.10. Quy hoạch sử dụng đất công viên, cây xanh, TDTT tại các phân khu đô thị- đô thị Bắc Ninh	61
Bảng 2.11. Hệ thống công viên tại thành phố Bắc Ninh theo QH chung	61
Bảng 2.12. Mục đích đến công viên.....	64

Bảng 2.13. Lý do người dân đến công viên.....	64
Bảng 2.14. Khoảng cách từ nhà ở tới công viên.....	64
Bảng 2.15. Tần suất sử dụng công viên.....	64
Bảng 2.16. Nhu cầu xây dựng công viên mang nét đặc trưng VHTT tại Bắc Ninh.	65
Bảng 2.17. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng, theo độ tuổi	65
Bảng 2.18. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng, theo giới tính	65
Bảng 2.19. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng theo nghề nghiệp	65
Bảng 2.20. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng theo trình độ học vấn	66
Bảng 2.21. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng có chênh lệch khoảng cách từ nhà tới công viên	66
Bảng 2.22. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên theo tần suất sử dụng	66
Bảng 3.1. Khả năng áp dụng yếu tố VHTT trong các công viên tại đô thị Bắc Ninh	89
Bảng 3.2. Bảng đề xuất tỷ lệ các khu chức năng trong công viên có khai thác các yếu tố VHTT	93
Bảng 3.3. Bảng đề xuất tỷ lệ từng thành phần trong các khu chức năng công viên có khai thác các yếu tố VHTT	94
Bảng 3.4. Đề xuất mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng trong công viên.....	97
Bảng 3.5. Đề xuất các dạng mô hình cấu trúc k/g công viên tại đô thị Bắc Ninh....	99
Bảng 3.6. Vận dụng các yếu tố VHTT trong các khu chức năng CVĐCN.....	102
Bảng 3.7. Các khu chức năng chuyên biệt trong công viên vận dụng yếu tố VHTT đặc trưng của Bắc Ninh	106
Bảng 3.8. Đề xuất khai thác yếu tố VHTT trong phân khu chức năng các công viên tại đô thị Bắc Ninh.....	61
Bảng 3.9. Khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian cây xanh trong CVĐCN tại Bắc Ninh.....	116
Bảng 3.10. Đề xuất khu chức năng công viên tại khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh	137

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vườn công viên thời kỳ Cổ đại	8
Hình 1.2. Dinh thự Vecxay-Pháp.....	8
Hình 1.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan công viên Yanweizhou- Trung Quốc.....	9
Hình 1.4. Mặt bằng công viên Thống Nhất- Hà Nội-1962-là loại hình CVĐCN	11
Hình 1.5. Sơ đồ định hướng phát triển không gian làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam.....	11
Hình 1.6. Mặt bằng Công viên Tuổi trẻ	11
Hình 1.7. Công viên Lê Thị Riêng- TP Hồ Chí Minh.....	11
Hình 1.8. Công viên Hòa Bình là CVĐCN	12
Hình 1.9. Công viên văn hóa Đầm Sen- TP Hồ Chí Minh.....	12
Hình 1.10. Mặt bằng quy hoạch dự án công viên Centre Park- TP Hồ Chí Minh ...	12
Hình 1.11. Bản đồ tỉnh Bắc Ninh.....	13
Hình 1.12. Hiện trạng hệ thống công viên tại đô thị Bắc Ninh	15
Hình 1.13. Một số hình ảnh làng nghề ở Bắc Ninh.....	18
Hình 1.14. Mặt bằng- mặt cắt-trạm khắc bên trong đình làng Đình Bảng- Bắc Ninh	19
Hình 1.15. (a) Chùa Phật tích; (b) Đền Đô; (c) Chùa Dâu.....	21
Hình 1.16. Cấu trúc chung làng truyền thống.....	21
Hình 1.17. Quan họ Bắc Ninh- di sản văn hóa phi vật thể được Unesco công nhận	23
Hình 1.18. Một số hình ảnh lễ hội truyền thống ở Bắc Ninh	25
Hình 1.19. Vị trí công viên Nguyên Phi Ỗ Lan- thành phố Bắc Ninh.....	27
Hình 1.20. Sơ đồ mặt bằng công viên Nguyên Phi Ỗ Lan- Thành phố Bắc Ninh...	27
Hình 1.21. Một số hoạt động văn hóa dịp lễ hội tại công viên Nguyên Phi Ỗ Lan..	27
Hình 1.22. Một số trang thiết bị tập thể dục, trò chơi và chòi nghỉ xuống cấp, hình thức kiến trúc khô khan tại công viên Nguyên Phi Ỗ Lan	27
Hình 1.23. (a) Nhà vệ sinh công cộng tại công viên; (b) Nơi tập kết rác; (c) Hệ thống đèn chiếu sáng trong công viên.....	27
Hình 1.24. Vị trí công viên, Tượng đài tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ.....	30
Hình 1. 25. Sơ đồ mặt bằng công viên Nguyễn Văn Cừ- TP Bắc Ninh	30
Hình 1.26. Các công trình phụ trợ (chòi nghỉ, nhà vệ sinh công cộng), hệ thống đường dạo và đèn chiếu sáng trong công viên.....	30
Hình 1.27. Các trò chơi trong công viên Nguyễn Văn Cừ- Bắc Ninh mang tính hiện đại.....	30
Hình 1.28. Sơ đồ mặt bằng công viên Hoàng Quốc Việt- TP Bắc Ninh	31
Hình 1.29. Tượng đài và nhà tưởng niệm trong công viên Hoàng Quốc Việt.....	32

Hình 1.30. Các trò chơi hiện đại dành cho thiếu nhi tại công viên Hoàng Quốc Việt	32
Hình 2.1. Sơ đồ cấu trúc không gian chức năng công viên.....	44
Hình 2.2. Cấu trúc công viên dưới góc độ chức năng hoạt động	44
Hình 2.3. Cấu trúc không gian công viên theo tính chất mức độ hoạt động của các đối tượng sử dụng.....	44
Hình 2.4. Sơ đồ cấu trúc công viên	45
Hình 2.5. Sơ đồ các thành phần, đối tượng hoạt động ảnh hưởng đến không gian chức năng trong công viên.....	48
Hình 2.6. Sơ đồ tận dụng điều kiện tự nhiên	49
Hình 2.7. Sơ đồ bố cục theo mảng, tuyến, điểm.....	50
Hình 2.8. Sơ đồ sử dụng các đường tia hội tụ, hướng tâm.....	50
Hình 2.9. Sơ đồ sử dụng các dạng hình học với các trục đối xứng	50
Hình 2.10. Sơ đồ sử dụng các dạng hình học đều đặn	50
Hình 2.11. Sơ đồ bố cục kết hợp.....	50
Hình 2.12. Minh họa triết học Phương Đông trong tổ chức không gian vườn lăng Minh Mạng.....	52
Hình 2.13. Mạng lưới cây xanh trong Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh năm 2030 tầm nhìn 2050.....	61
Hình 2.14. Mạng lưới công viên trong quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	61
Hình 2.15. Di Hòa Viên.....	76
Hình 2.16. Mô hình thu nhỏ các công trình văn hóa lịch sử nổi tiếng của Trung Quốc trong công viên Trung Hoa Cẩm Tú.....	77
Hình 2.17. Các công trình kiến trúc trong công viên được xây dựng mang đậm nét kiến trúc truyền thống của Nhật Bản.....	78
Hình 2.18. Công viên Tjapukai- Australia	79
Hình 2.19. Bản đồ công viên France Minianuter mô phỏng lại bản đồ nước Pháp và mô hình thu nhỏ các di tích văn hóa nổi tiếng của Pháp.....	79
Hình 2.20. Công viên Văn hóa Suối Tiên- TP Hồ Chí Minh	81
Hình 2.21. Tượng điêu khắc và Cánh chim Lạc khổng lồ được thiết kế theo phong cách Á Đông truyền thống tạo nên sự độc đáo cho công viên kết hợp hồ điều hòa được bố trí đan xen tạo nên một cảnh quan, mềm mại, hấp dẫn	82
Hình 2.22. Công viên Yên Sở- quận Hoàng Mai- TP Hà Nội.....	82
Hình 2.23. Bản đồ Quy hoạch tổng thể dự án công viên Văn Lang	83
Hình 3.1. Biểu so sánh mức độ ưu tiên của các khu chức năng theo nhu cầu sử dụng	97

Hình 3.2. Mô hình tổng quát cấu trúc không gian công viên	98
Hình 3.3. Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung	100
Hình 3.4. Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập	101
Hình 3.5. Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen hỗn hợp	102
Hình 3.6. Sơ đồ hóa khu nghỉ tĩnh vận dụng nguyên tắc tận dụng điều kiện tự nhiên	103
Hình 3.7. Sơ đồ hóa khu VHGD với nguyên tắc bố cục theo tuyến (các không gian chức năng theo chuyên đề), kết hợp với nguyên tắc các đường tia hội tụ, tạo điểm nhấn là không gian VHTT	103
Hình 3.8. Sơ đồ hóa khu VCGT với nguyên tắc đường tia hội tụ (với các khu trò chơi truyền thống) kết hợp với nguyên tắc bố cục đối xứng	104
Hình 3.9. Sơ đồ hóa khu chức năng biểu diễn với nguyên tắc bố cục theo trục tuyến kết hợp với nguyên tắc đường tia hội tụ tạo điểm nhấn là các không gian biểu diễn	105
Hình 3. 10. Sơ đồ hóa khu chức năng thể dục thể thao, sử dụng nguyên tắc bố cục dạng hình học kết hợp với điều kiện tự nhiên.....	105
Hình 3.11. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian khu Bắc Ninh thu nhỏ với bố cục hỗn hợp, phối kết giữa cách bố cục tự nhiên và các yếu tố mảng, trục, tuyến điểm	107
Hình 3.12. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian Khu Bắc Ninh truyền thuyết, huyền thoại và lịch sử với bố cục theo tuyến.....	107
Hình 3.13. Sơ đồ cách tổ chức không gian Khu làng nghề truyền thống vận dụng cấu trúc làng truyền thống trong tổ chức không gian kết hợp trục tuyến, hướng tâm	108
Hình 3.14. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian khu làng Quan họ Bắc Ninh.....	109
Hình 3.15. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian khu trò chơi truyền thống.....	109
Hình 3.16. Sơ đồ phân khu chức năng trong CVĐCN tại Bắc Ninh	110
Hình 3.17. Minh họa tổ chức không gian kết hợp các yếu tố cây xanh, mặt nước, công trình kiến trúc và các yếu tố phụ trợ theo phong cách truyền thống	112
Hình 3.18. Minh họa tổ chức không gian vận dụng cách tổ chức không gian truyền thống	113
Hình 3.19. Minh họa tổ chức không gian cây xanh	115
Hình 3.20. Minh họa không gian mặt nước lớn trong công viên- bố cục theo dạng tự nhiên	117
Hình 3.21. Minh họa không gian mặt nước nhỏ trong công viên- bề trang trí có dạng hình học.....	117
Hình 3.22. Minh họa không gian mặt nước nhỏ trong công viên.....	118

Hình 3.23. Minh họa hình thức kiến trúc công trình với vật liệu sử dụng truyền thống tre, gỗ	119
Hình 3.24. Minh họa tiện ích trong công viên.....	120
Hình 3.25. Sơ đồ mạng lưới đường theo điều kiện tự nhiên	120
Hình 3.26. Sơ đồ mạng lưới đường theo dạng hình học	121
Hình 3.27. Minh họa chiếu sáng mang tính dẫn hướng	123
Hình 3.28. Minh họa chiếu sáng không gian động	123
Hình 3.29. Minh họa chiếu sáng không gian tĩnh.....	123
Hình 3.30. Minh họa tạo điểm nhấn trong không gian	124
Hình 3.31. Minh họa hình thức, vật liệu các loại hình trang thiết bị chiếu sáng trong công viên.....	124
Hình 3.32. Vị trí công viên và khu ĐTM Tây Bắc trong mạng lưới cây xanh mặt nước trong quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh	130
Hình 3.33. Vị trí công viên nghiên cứu trong khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh..	135
Hình 3.34. Mặt bằng hiện trạng công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh	135
Hình 3.35. Mô hình cấu trúc công viên khu ĐTM Tây Bắc – TP Bắc Ninh.....	136
Hình 3.36. Cơ cấu chức năng công viên tại khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh.	138
Hình 3.37. Tổ chức không gian khu thể dục thể thao và vui chơi giải trí tại công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh.....	141
Hình 3. 38. Minh họa khu vui chơi giải trí- công viên ĐTM Tây Bắc-TP Bắc Ninh	135
Hình 3.39. Thông kê chủng loại cây xanh trong các khu chức năng trong công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh	135
Hình 3.40. Minh họa tổ chức không gian khu văn hóa giáo dục và làng nghề TT	133
Hình 3.41. Minh họa công trình kiến trúc trong khu văn hóa giáo dục và làng nghề	136
Hình 3. 42. Minh họa đường dạo trong khu làng nghề truyền thống.....	136
Hình 3. 43. Minh họa mê cung cây- đường dạo trong khu văn hóa giáo dục	136
Hình 3.44. Tổ chức không gian khu dân ca Quan họ trong công viên ĐTM Tây Bắc	134
Hình 3.45. Minh họa tổ chức không gian khu dân ca Quan họ trong công viên ĐTM Tây Bắc	138
Hình 3.46. Tổ chức không gian khu thảo hoa viên (khu nghỉ tĩnh) tại công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh.....	137
Hình 3.47. Tổ chức không gian khu trung tâm – áp dụng các dạng họa tiết hoa văn truyền thống tại công viên ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh	139
Hình 3.48. Minh họa công trình kiến trúc trong khu dịch vụ tổng hợp	139

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Công viên là thành phần chủ yếu trong hệ thống cây xanh đô thị, có vai trò không thể thiếu trong hệ thống văn hóa, giáo dục, nghỉ ngơi giải trí và là môi trường vật chất quan trọng trong việc hình thành, phát triển nhân cách con người thông qua giao tiếp xã hội và nâng cao sức khỏe. Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về đời sống tinh thần của con người đòi hỏi ngày càng cao hơn, sâu sắc hơn, nhu cầu nghỉ ngơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa giáo dục của người dân ngày càng lớn, phong phú cả về lượng và chất. Vì thế, trong những năm gần đây, tổ chức không gian vườn hoa công viên đang là một vấn đề nóng và nhận được sự quan tâm không chỉ của các cơ quan quản lý của Nhà nước, chính quyền các đô thị mà còn nhận được sự quan tâm của đông đảo quần chúng nhân dân.

Việc khai thác các giá trị VH TT trong tổ chức không gian các công viên hiện còn rất hạn chế. Các chức năng và các hoạt động trong công viên chưa đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng của người dân, nhiều hoạt động còn mang nặng tính giải trí. Các trò chơi trong công viên chủ yếu là các trò chơi mang tính hiện đại, hình thức công trình chưa được nghiên cứu kỹ, không mang đậm dấu ấn văn hóa vùng miền dân tộc. Tổ chức không gian trong công viên đơn điệu, việc phối kết cây xanh và chủng loại nghèo nàn không phản ánh được hết sự phong phú, đa dạng sinh thái tự nhiên Việt Nam.

Là một đất nước giàu truyền thống văn hóa, bản sắc văn hóa của dân tộc được trầm tích hàng ngàn năm, được kế thừa, tiếp nối, bồi đắp và giữ gìn qua nhiều thế hệ. Đây là những giá trị tiêu biểu tạo thành cội nguồn sức mạnh cho cả dân tộc. Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nền văn hóa ở Việt Nam. Việc khai thác các yếu tố VH TT- những giá trị đã được đúc kết, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác- trong hiện tại và tương lai là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Bởi lẽ tác động của các giá trị VH TT đến đời sống con người Việt Nam là rất lớn. Tại Hội nghị TW 5 khóa VIII- văn kiện mang tính đường lối, chủ trương chính sách của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, đã đúc kết ý

kiến về các giá trị truyền thống cơ bản của người Việt Nam để đưa ra định nghĩa về bản sắc dân tộc, trong đó quan điểm giữ gìn, xây dựng, phát triển đậm đà bản sắc dân tộc chính là nhiệm vụ hết sức quan trọng của văn hóa.

Đề tài chọn Bắc Ninh là địa bàn nghiên cứu khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên bởi lẽ. Thứ nhất, Bắc Ninh là vùng đất lưu giữ nhiều dấu tích, cũng như nhiều giá trị VHTT nổi trội của vùng đồng bằng Bắc Bộ đồng thời cũng là nơi sản sinh ra nền văn hóa Quan họ vô cùng đặc sắc. Thứ hai thực trạng tổ chức không gian công viên ở Bắc Ninh, các yếu tố VHTT gần như chưa được đưa vào khai thác. Thứ ba trong Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn 2050 và quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn 2050 đã xác định mục tiêu, động lực phát triển đó là bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, từng bước xây dựng Bắc Ninh hiện đại, mang đặc trưng văn hóa Kinh Bắc, điều này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua Quyết định số 1560/2015/QĐ-TTg. Thứ tư trong kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố, việc lồng ghép yếu tố VHTT, đưa ra những mô hình tổ chức không gian trong các công viên vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, sâu sắc và toàn diện. Chính vì vậy, luận án đã lựa chọn đề tài “Khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh”, nhằm góp phần giải quyết những vấn đề nêu trên. Đây thực sự là đề tài mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp tổ chức không gian CVĐCN dựa trên cơ sở khai thác các yếu tố VHTT nhằm đáp ứng các nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của người dân đồng thời góp phần giữ gìn các bản sắc VHTT, phát huy yếu tố thẩm mỹ độc đáo trong quy hoạch đô thị Bắc Ninh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

- Nhận diện các yếu tố VHTT đặc trưng tại Bắc Ninh.
- Khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian các khu chức năng Công viên đa chức năng tại đô thị Bắc Ninh

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian
 - ✓ Nghiên cứu định hướng tổ chức không gian CVĐCN tại đô thị Bắc Ninh theo đề án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đã được phê duyệt (bao gồm thành phố Bắc Ninh, huyện Tiên Du, thị xã Từ Sơn và 3 xã thuộc huyện Quế Võ)
 - ✓ Nghiên cứu cụ thể công viên trong khu ĐTM Tây Bắc tại TP Bắc Ninh
- Về thời gian
 - ✓ Theo quy hoạch định hướng phát triển không gian đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 đã được phê duyệt.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tiếp cận hệ thống: đánh giá kiểm nghiệm quá trình hình thành phát triển hệ thống công viên, phân tích những đặc điểm riêng của CVĐCN.
- Phương pháp điều tra xã hội học: Điều tra, phỏng vấn các cộng đồng dân cư, nhằm đánh giá nhu cầu nguyện vọng của người dân về tổ chức không gian công viên và vấn đề khai thác yếu tố VHTT tại Bắc Ninh
- Phương pháp tổng hợp và dự báo: Nhận định và đưa ra các quan điểm áp dụng về khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên
- Phương pháp kế thừa: Tiếp thu, chất lọc những kết quả nghiên cứu có liên quan làm cơ sở cho nghiên cứu đề xuất của luận án.
- Phương pháp chuyên gia: Bao gồm các nghiên cứu, các kinh nghiệm thực tiễn, các thiết kế kiểm nghiệm và hội thảo chuyên môn.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Về mặt khoa học:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận tổ chức không gian trong CVĐCN.
- Nhận diện các yếu tố VHTT tại Bắc Ninh
- Đóng góp cho công tác đào tạo và tư vấn quy hoạch công viên đa chức năng.

Về mặt thực tiễn:

- Góp phần giữ gìn các bản sắc VHTT tại các đô thị Bắc Ninh.

- Đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, nhu cầu văn hóa và tinh thần cho người dân đô thị Bắc Ninh.
- Hoàn thiện và phát triển hệ thống công viên tại đô thị Bắc Ninh

6. Những đóng góp mới của luận án

- Nhận diện những yếu tố VHTT (bao gồm yếu tố vật thể và phi vật thể) của Bắc Ninh, lựa chọn những yếu tố đặc trưng và phù hợp đưa vào tổ chức không gian công viên.
- Đề xuất mô hình tổng quát cấu trúc không gian công viên và 3 mô hình cấu trúc hạt nhân phát triển từ mô hình tổng quát:
 - ✓ Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung
 - ✓ Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập
 - ✓ Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp
- Đề xuất các giải pháp khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh ở các khía cạnh: Phân khu chức năng; tổ chức không gian công viên; hạ tầng kỹ thuật và các giải pháp tổ chức thực hiện, quản lý, khai thác công viên trong quá trình sử dụng.

7. Các khái niệm sử dụng trong luận án

- **Công viên:** Là khoảng trống quan trọng dành cho các hoạt động nghỉ ngơi- giải trí; đặc biệt đây là nơi lý tưởng cho việc tổ chức lễ hội truyền thống và hiện đại mang tính cộng đồng và giao lưu quần chúng với quy mô rộng lớn. Đồng thời công viên là tác phẩm nghệ thuật có giá trị lớn trong việc giáo dục thẩm mỹ cho con người và góp phần vào việc hình thành gương mặt đô thị, nông thôn. Công viên còn là không gian thiên nhiên quan trọng của đô thị trong việc hình thành và cải thiện môi sinh. [31]
- **Cây xanh vườn hoa:** Là diện tích cây xanh chủ yếu để người đi bộ đến dạo chơi và nghỉ ngơi trong một thời gian ngắn. Diện tích vườn hoa không lớn, từ vài ba ha trở xuống. Nội dung chủ yếu gồm hoa, lá, cỏ, cây và các công trình xây dựng tương đối đơn giản.[107]
- **Công viên đa chức năng:** là loại công viên có không gian cây xanh- mặt nước

kết hợp với một số hạng mục công trình dịch vụ, trò chơi,...được quy hoạch xây dựng có mục tiêu. CVĐCN có vai trò cải tạo môi trường tự nhiên, có không gian nghỉ ngơi và một hay nhiều không gian chức năng khác phục vụ cho các cộng đồng dân cư[24]

- **Tổ chức không gian:** là việc sắp xếp các yếu tố quy hoạch có ý đồ về thẩm mỹ, công năng sử dụng.
- **Văn hóa:** là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người (cá nhân và cộng đồng) sáng tạo ra để phục vụ sự tồn tại và phát triển của xã hội [9]
- **Truyền thống:** là tập hợp những tư tưởng, tình cảm, thói quen, tập quán, lối sống cách ứng xử của một cộng đồng người nhất định, được hình thành và phát triển trong lịch sử đã trở nên ổn định và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác [35]
- **Văn hóa truyền thống:** là toàn bộ giá trị, thành quả, thành tựu vật chất và tinh thần của cộng đồng được lưu giữ, trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.[14]
- **Bản sắc văn hóa dân tộc:** hệ thống những đặc tính bên trong, những sắc thái có tính chất nguồn gốc, bản thể của một nền văn hóa dân tộc, khiến nền văn hóa dân tộc đó không bị hòa tan vào một hoặc nhiều nền văn hóa dân tộc khác và ngược lại. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc không có nghĩa là đóng cửa mà phải đẩy mạnh giao lưu, tiếp thu cái hay, cái đẹp của các nền văn hóa khác để bản sắc văn hóa dân tộc được tiếp tục phát triển. [15]

8. Cấu trúc luận án

Luận án bao gồm 3 phần : Phần mở đầu ; Phần nội dung; Phần kết luận, kiến nghị. Phần nội dung được trình bày theo 3 chương cụ thể:

- Chương 1. Tổng quan khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh
- Chương 2. Cơ sở khoa học khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh
- Chương 3. Giải pháp khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN KHAI THÁC YẾU TỐ VHTT TRONG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH

1.1. Tổng quan khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên trên thế giới và Việt Nam

1.1.1. Trên thế giới

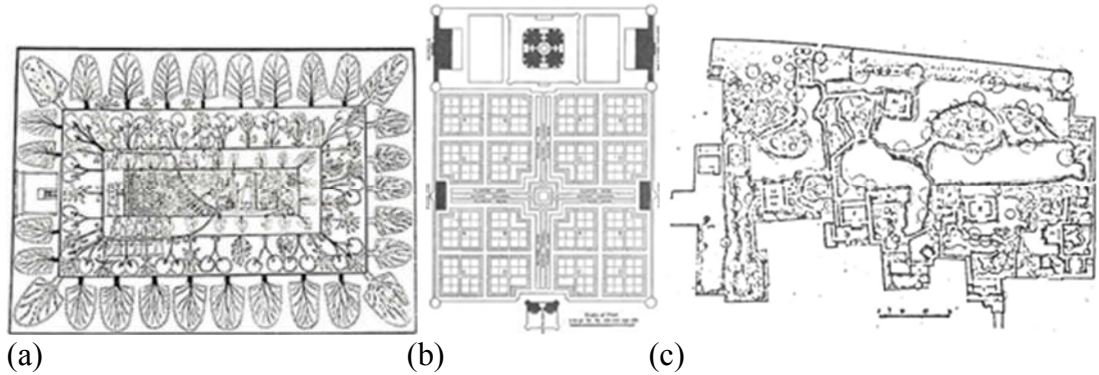
Xuất hiện và phát triển từ rất sớm trong nền văn minh nhân loại và chịu tác động theo những biến động thăng trầm của môi trường tự nhiên, cùng với tiến trình lịch sử phát triển của xã hội loài người, công viên đã và đang dần khẳng định vai trò của nó trong cấu trúc không gian đô thị. Theo định nghĩa, công viên chính là khoảng trống quan trọng dành cho các hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, là nơi lý tưởng để tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống, hiện đại mang tính cộng đồng và giao lưu quần chúng với quy mô lớn.

Để thấu tường quá trình hình thành phát triển công viên trên thế giới và tình hình khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên qua từng giai đoạn lịch sử, luận án thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.1. Tổng quan tình hình khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên trên thế giới

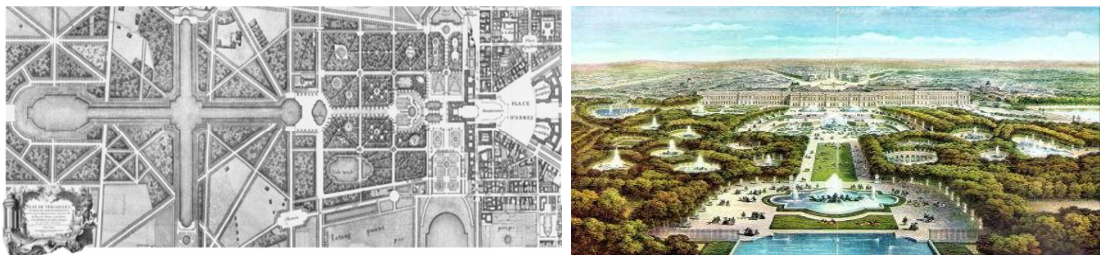
Thời gian	Cấu trúc chức năng	Hình thức bố cục	Yếu tố VHTT trong tổ chức K/g công viên	Ví dụ
THỜI KỲ CỔ ĐẠI	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc chức năng đơn giản. - Chức năng vui chơi giải trí phục vụ tầng lớp thống trị. - Bố trí trong các không gian tôn giáo tín ngưỡng, dinh thự. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình học đơn giản với các trục đối xứng, kết hợp cây xanh mặt nước. - Tận dụng điều kiện địa hình tự nhiên. 	<p>Sử dụng chi tiết kiến trúc, hoa văn, vật liệu xây dựng, phong cách thiết kế mang phong cách bản địa</p> <p>→ Vận dụng yếu tố VHTT chưa thực sự rõ nét.</p>	Vườn Ai Cập, vườn công viên Ấn độ, Vườn công viên Trung Quốc

TK PHỤC HƯNG	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng vui chơi giải trí phục vụ tầng lớp thống trị. 	<ul style="list-style-type: none"> -Bố cục hình học đều tạo thành từ các đường thẳng, đường tròn. -Sử dụng đối xứng đơn trục. -Tổng thể ổn định, tĩnh tại, mạch lạc 	<ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng các yếu tố tạo hình ảnh phong phú (tượng điêu khắc, đài phun nước, công vòm, các công trình kiến trúc nhỏ mang đậm phong cách kiến trúc Phục Hưng) 	Vườn công viên tại Ý, Pháp
THỜI KỲ BARROC	<ul style="list-style-type: none"> -Cấu trúc chức năng: nghỉ ngơi, thể thao, văn hóa -Chức năng vui chơi giải trí phục vụ tầng lớp thống trị. 	<ul style="list-style-type: none"> -Đối xứng đa trục, khai thác các đường cong và những biến thể một cách hài hòa -Tổng thể mang tính động, phức tạp. 	<ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng màu sắc và các chi tiết trang trí phức tạp. -Yếu tố văn hóa (thể hiện ở phong cách nghệ thuật tạo hình) được khai thác khá rõ nét trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. 	Công viên – dinh thự Vecxay- Pháp
THỜI KỲ CẬN ĐẠI	<ul style="list-style-type: none"> -Cấu trúc chức năng, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, văn hóa -Chức năng vui chơi giải trí phục vụ đông đảo quần chúng dân cư 	<ul style="list-style-type: none"> -Bố cục tự do, theo điều kiện tự nhiên. -Sử dụng mặt nước làm trung tâm gắn bó hài hòa với yếu tố công trình kiến trúc→bức tranh thiên nhiên có chủ đề tư tưởng 	<ul style="list-style-type: none"> -Khai thác phong cách kiến trúc truyền thống trong các khu chức năng. -Hình thức trang trí theo chủ đề khai thác từ văn hóa dân gian truyền thống. 	Công viên Di Hòa Viên–Trung Quốc
TK XIX-đầu TK XX	<ul style="list-style-type: none"> -Cấu trúc chức năng phức tạp hơn: nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, văn hóa giáo dục 	<ul style="list-style-type: none"> -Bố cục đơn giản, hữu dụng, với tiêu chí lấy con người là đối tượng và mục đích phục vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật tổ chức không gian đơn giản, hữu dụng trên cơ sở kinh tế, tiện nghi. 	<ul style="list-style-type: none"> -Công viên Amsterdam- -Hà lan
ĐẾN NAY	<ul style="list-style-type: none"> -Cấu trúc Đa chức năng (văn hóa, giáo dục, khoa học, thể thao, vui chơi giải trí...) 	<ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức không gian, phần lớn được nghiên cứu kỹ lưỡng từ tổng thể đến chi tiết tạo sự hài hòa với các yếu tố cảnh quan, cây xanh mặt nước. 	<ul style="list-style-type: none"> -Yếu tố VHTT là một trong những vấn đề được quan tâm khai thác 	Công viên nước Pháp thu nhỏ-France Miniature

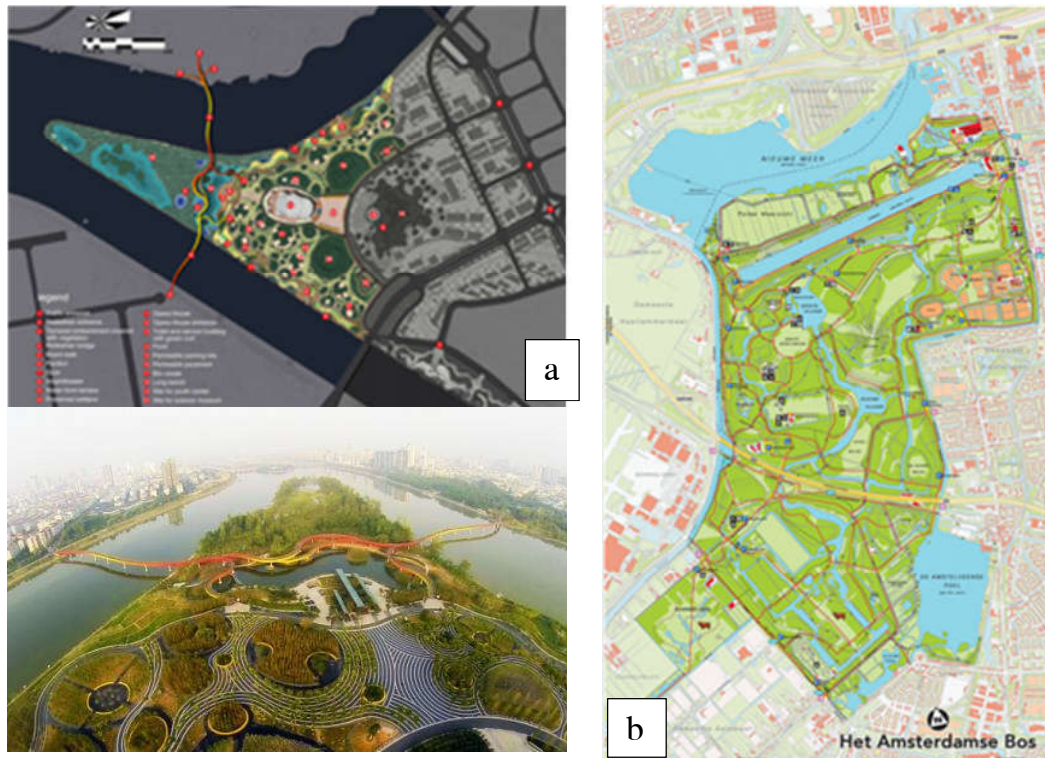


Hình 1.1. Vườn công viên thời kỳ Cổ đại

- (a) Vườn Ai Cập có bố cục hình học đơn giản, trục đối xứng, đơn giản, được kết hợp hài hòa với các yếu tố công trình đền thờ, dinh thự lâu đài trên trục chính, đường dạo, hồ nước trung tâm nhằm tạo cảm giác tôn nghiêm [30]
- (b) Quần thể lăng Tajmo Mahal- Ấn độ có chức năng nghỉ ngơi và phục vụ cho các hoạt động lễ hội, với bố cục đơn giản nhưng chặt chẽ theo dạng hình học có trục đối xứng cùng 2 yếu tố tạo cảnh quan là mặt nước và cây xanh đồng thời sử dụng thủ pháp tương phản trong vật liệu, màu sắc, hình khối để làm tăng giá trị thẩm mỹ cho tổng thể không gian [*nguồn Evolution of Persian Gardening Style The Paradise Gardens*]
- (c) Vườn Chuyết Chính Viên- Trung Quốc mô phỏng theo cảnh quan thiên nhiên một cách sáng tạo, với địa hình cảnh vật phong phú, trong đó nước là yếu tố chính không thể thiếu, đóng vai trò trung tâm trong bố cục vườn công viên [45]



Hình 1.2. Dinh thự Vecxay-Pháp điển hình với phong cách tạo hình thời kỳ Baroc- sử dụng đối xứng đa trục với các biến thể của đường cong khiến không gian cảnh quan vườn công viên trở nên sinh động và đặc sắc [*nguồn internet*]



Hình 1.3. (a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan công viên Yanweizhou-Trung Quốc với những hình ảnh mang đậm tính VHTT [nguồn KongJian Yu]
 (b) Mặt bằng công viên Amsterdam- Hà Lan- một trong những công viên hiện đại nhất của thế kỷ XIX với những manh nha xuất hiện các chức năng của một công viên vui chơi giải trí hiện đại [45]

Với vài nét khắc họa sơ lược tình hình phát triển công viên nói chung và CVĐCN nói riêng trên thế giới càng khẳng định vị thế của công viên trong cấu trúc đô thị cũng như trong đời sống xã hội. Sự biến đổi về hình thái không gian và chức năng trong công viên qua từng giai đoạn lịch sử cũng cho thấy được mối liên hệ cũng như sự tác động của những biến động thăng trầm của môi trường tự nhiên và của lịch sử phát triển của xã hội loài người. Hơn nữa cũng khẳng định rằng việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên đã được quan tâm, coi trọng và áp dụng ít nhiều trong suốt quá trình hình thành phát triển công viên trên thế giới.

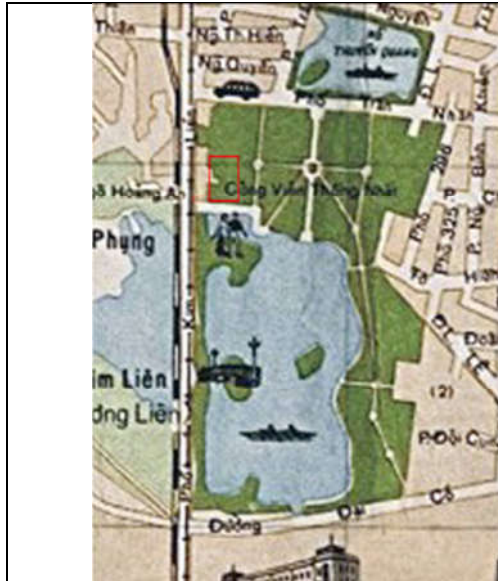
1.1.2. Việt Nam

Cũng giống như trên Thế giới, lịch sử hình thành và phát triển công viên ở Việt Nam cũng gắn liền với sự phát triển của các hình thái xã hội. Việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên cùng với đó cũng có nhiều sự thay đổi qua từng giai đoạn lịch sử.

Bảng 1.2. Tổng quan tình hình khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại Việt Nam

Thời gian	Cấu trúc chức năng	Hình thức bố cục	Yếu tố VHTT trong tổ chức K/g công viên	Ví dụ
THỜI KỲ PHONG KIẾN	- Chức năng vườn đơn giản. phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giải trí của tầng lớp thống trị.	- Bố cục đăng đối, gắn bó chặt chẽ, hài hòa tự nhiên. Nguyên tắc tiên-hậu, thượng-hạ, tả hữu cùng công trình bố trí đăng đối qua đường thần đạo, sử dụng mặt nước để phân khu chức năng	- Khai thác yếu tố VHTT thông qua việc vận dụng các nguyên tắc bố cục quy hoạch truyền thống	Vườn trong các Lăng tẩm, cung điện của vua chúa Phong kiến.
TK PHÁP THUỘC	- Công viên chức năng vui chơi giải trí, nghỉ ngơi thư giãn phục vụ chính quyền Thực dân	- Bố cục hài hòa với điều kiện tự nhiên	- Yếu tố VHTT chưa rõ nét (các công viên chủ yếu được xây dựng nhằm mục đích tạo lá phổi xanh và nghỉ ngơi thư giãn)	Công viên Tao đàn- TP Hồ Chí Minh
TK ĐẦU TRAI THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC	- Cấu trúc chức năng: nghỉ ngơi, thể dục thể thao, văn hóa, vui chơi giải trí	- Sử dụng nguyên tắc bố cục hình học kết hợp lợi dụng điều kiện địa hình tự nhiên	- Yếu tố VHTT có lưu tâm tuy nhiên vận dụng trong tổ chức không gian công viên vẫn còn manh mún, chưa có chiến lược hành động một cách rõ ràng và cụ thể	Công viên Thống nhất- Hà Nội (Hình 1.4)
TK SAU GIAI PHONG NĂM 1975	- Cấu trúc chức năng, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí - Phục vụ nhu cầu tối thiểu cho người dân	- Bố cục tổng thể hướng tâm, kiến trúc cảnh quan dựa trên điều kiện tự nhiên	- Yếu tố văn hóa đặc trưng trong tổ chức không gian công viên chưa tạo dấu ấn thật rõ nét	Công viên Tuổi trẻ- Hà nội; Công viên Lê Thị Riêng- TPHCM

SAU 1986-NAY	-Cấu trúc chức năng phong phú, đa dạng: nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, văn hóa giáo dục	-Bố cục đơn giản, hữu dụng, với tiêu chí lấy con người là đối tượng và mục đích phục vụ	- Yếu tố VHTT áp dụng trong tổ chức không gian công viên chưa có sự đồng đều, chưa có những giải pháp mang tính hệ thống.	Công viên giải trí và du lịch văn hóa Thiên đường Bảo Sơn, Công viên Đầm sen...
--------------	--	---	---	---



Hình 1.4. Mặt bằng công viên Thống Nhất- Hà Nội-1962-là loại hình CVĐCN với 3 chức năng: Nghỉ ngơi, thể dục thể thao, văn hóa [nguồn Asui.com]






Hình 1.5. Sơ đồ định hướng phát triển không gian làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam



Hình 1.6. Mặt bằng Công viên Tuổi trẻ [nguồn Viện kiến trúc quốc gia]



Hình 1.7. Công viên Lê Thị Riêng- TP Hồ Chí Minh với giải pháp quy hoạch tổng thể hướng tâm, kiến trúc cảnh quan dựa trên nguyên trạng thiên nhiên

	
<p>Hình 1.8. Công viên Hòa Bình là CVĐCN bao gồm chức năng vui chơi giải trí- thể dục thể thao- văn hóa [nguồn <i>dantri.com</i>]</p>	<p>Hình 1.9. Công viên văn hóa Đầm Sen- TP Hồ Chí Minh- gồm 3 chức năng chính: Nghi ngơi, văn hóa, vui chơi giải trí- với nhiều khu chức năng mang đậm nét VHTT</p>
	
<p>Hình 1.10. Mặt bằng quy hoạch dự án công viên Centre Park- TP Hồ Chí Minh [nguồn <i>Vinhome Tân Cảng</i>]</p>	

Những nét khắc họa về quá trình hình thành và phát triển CVĐCN tại Việt Nam cho thấy yếu tố VHTT cũng đã được coi trọng, quan tâm và khai thác, tuy nhiên hàm lượng chưa đồng đều, và chưa có những dấu ấn thực sự đặc sắc.

1.2. Thực trạng hệ thống công viên trong đô thị Bắc Ninh

1.2.1. Giới thiệu chung về đô thị Bắc Ninh

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, nằm trong Vùng Thủ đô Hà Nội và liền kề với Thủ đô. Tỉnh có địa giới hành chính tiếp giáp với các tỉnh: Bắc Giang ở phía Bắc, Hải Dương ở phía Đông và Đông Nam, Hưng Yên ở phía Nam và thủ đô Hà Nội ở phía Tây. Bắc Ninh cũng nằm trên hai hành lang kinh tế: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội -

Hải Phòng - Quảng Ninh và Quảng Đông - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Ở vị trí cách Hà Nội 30km, cách Hải Phòng khoảng 100km, Hạ Long khoảng 120km, cửa khẩu Lạng Sơn khoảng 135km, cửa khẩu Lào Cai khoảng 320km, Bắc Ninh có vị trí chiến lược kết nối nhiều đầu mối giao



Hình 1.11. Bản đồ tỉnh Bắc Ninh

[nguồn internet]

thông quan trọng của khu vực. Theo thống kê năm 2013, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 822,71 km² với tổng dân số 1.114.000 người, gồm 8 đơn vị hành chính: 1 TP (TP Bắc Ninh với 13 phường và 6 xã), 1 thị xã (thị xã Từ Sơn với 7 phường và 5 xã) và 6 huyện là huyện Gia Bình (với 1 thị trấn và 13 xã), huyện Lương Tài (với 1 thị trấn và 13 xã), huyện Quế Võ (với 1 thị trấn và 20 xã), huyện Thuận Thành (với 1 thị trấn và 17 xã), huyện Tiên Du (với 1 thị trấn và 13 xã), huyện Yên Phong (với 1 thị trấn và 13 xã), như vậy là Bắc Ninh có 126 xã, phường và thị trấn. Là khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng, hướng dốc chủ yếu từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Phần lớn diện tích là địa hình đồng bằng (chiếm khoảng 99,47% diện tích tự nhiên), địa hình núi sót chiếm tỷ lệ nhỏ (khoảng 0,53% diện tích tự nhiên) phân bố rải rác tại TP Bắc Ninh, huyện Tiên Du, huyện Gia Bình và huyện Quế Võ và một số vùng thấp trũng ven đê thuộc huyện Gia Bình, Lương Tài, Quế Võ.

Về đặc điểm địa chất, Bắc Ninh có đặc trưng cấu trúc địa chất thuộc vùng trũng sông Hồng, và vòng cung Đông Triều vùng Đông Bắc. Chất lượng nước ngầm tốt, mật độ sông ngòi khá cao, trung bình từ 1,0- 1,2 km/km² với 3 hệ thống sông lớn: Sông Đuống, Sông Cầu và sông Thái Bình và các hệ thống sông ngòi nội địa: sông Ngũ Huyện Khê, sông Dâu, sông Đông Côi, sông Bùi, sông Tào Khê, sông Đồng Khởi, sông Đại Quảng Bình. Về các nguồn tài nguyên, Bắc Ninh có ưu thế về tài nguyên đất, trong đó đất phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình chiếm diện tích chủ yếu (22.065.690 ha), các loại đất này rất tốt cho nhiều loại cây trồng.

Về đặc điểm văn hóa xã hội, Bắc Ninh là một trong những nơi hội tụ nhiều di tích lịch sử, văn hóa, là mảnh đất “địa linh nhân kiệt”. Tiêu biểu là chùa, đền, đình, miếu, các loại hình nghệ thuật dân gian gắn liền với các lễ hội, các làng nghề truyền thống: như lăng mộ Kinh Dương Vương, đền thờ Lạc Long Quân - Âu Cơ, đền thờ Phù Đổng Thiên Vương ở Thuận Thành, Từ Sơn, Tiên Du... Toàn tỉnh hiện có 1.259 điểm di tích, trong đó, có 475 điểm di tích lịch sử văn hoá đã được xếp hạng (gồm 194 di tích được công nhận là di tích cấp quốc gia và 301 di tích được công nhận di tích cấp địa phương). Được biết đến là một vùng quê của lễ hội, trong số hơn 547 lễ hội lớn nhỏ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thì có hơn 40 lễ hội quan trọng được duy trì tổ chức hàng năm như hội chùa Phật Tích, hội Lim, hội đền Bà Chúa Kho, hội Đền Đô, hội chùa Dâu... Đặc biệt phải kể đến là dân ca Quan họ Bắc Ninh- một trong những di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại với 49 làng quan họ. Bên cạnh đó, Bắc Ninh còn nổi tiếng là nơi có nhiều nghề thủ công với hơn 140 làng nghề khác nhau với những tên làng đã đi vào lịch sử, thi ca như: làng tranh dân gian Đông Hồ, gồm Phù Lãng, đúc đồng Đại Bái, làng rèn Đa Hội, chạm khắc Đồng Kỵ,... Bắc Ninh còn là vùng đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống học hành khoa bảng, luôn có nhiều người đỗ đạt cao và nơi phát tích của Vương triều Lý - Một triều đại khai mở nền văn minh Đại Việt, phát triển rực rỡ trên hai thế kỷ và vị vua sáng nghiệp Lý Thái Tổ chính là người có công khai sáng Kinh thành Thăng Long. Bắc Ninh còn có nhiều địa danh nổi tiếng gắn với lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong lịch sử như Chiến tuyến sông Như Nguyệt, bến Bình Than và Hội nghị Diên Hồng của thời nhà Trần... Thời hiện đại, Bắc Ninh là quê hương của nhiều nhà cách mạng tiền bối của Đảng như Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt...Nổi tiếng về truyền thống học hành, khoa cử nên công tác giáo dục rất được quan tâm ở tất cả các cấp học. Giáo dục dạy nghề, giáo dục đại học ngày càng phát triển, toàn tỉnh có 12 trường dạy nghề, 48 cơ sở dạy nghề, 9 trường đại học, cao đẳng, 8 trường trung học chuyên nghiệp. Ngoài ra hệ thống y tế, bưu chính viễn thông, công tác xóa đói giảm nghèo luôn được quan tâm, đầu tư tạo ra sự thuận tiện cho cuộc sống của người dân.

Tóm lại với những ưu thế về điều kiện tự nhiên xã hội cùng với nét đặc sắc của đa dạng các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể mà tỉnh Bắc Ninh đã thống kê thành 7 nét đặc trưng văn hóa tiêu biểu là: quê hương của dân ca Quan họ- Di sản văn hóa thế giới; văn hóa tâm linh; lịch sử văn hiến; lễ hội; khoa bảng; làng nghề và kiến trúc. Đây sẽ chính là những giá trị nền tảng, và là cơ sở vững chắc cho định hướng phát triển Bắc Ninh bền vững.

1.2.2. Hệ thống công viên trong đô thị Bắc Ninh

Hệ thống công viên cây xanh trên địa bàn toàn tỉnh chiếm diện tích khoảng 500ha (*nguồn Viện Quy hoạch Kiến trúc Bắc Ninh*), bố trí phân tán và đang thiếu sự đầu tư đồng bộ, trong đó diện tích cây xanh bình quân đầu người đạt khoảng 3,03m²/người [94] thấp hơn nhiều so với quy định, không đáp ứng được nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thành phố (xét riêng diện tích công viên, vườn hoa, đất cây xanh sử dụng công cộng).

Tại TP Bắc Ninh: có nhiều công viên lớn như: Công viên Nguyễn văn Cừ, Công viên hoàng Quốc Việt, Công viên Ngân hàng, Công viên hồ điều hòa Văn Miếu, Công viên Nguyên Phi ỷ Lan (*Bảng 1.3*). Ngoài ra còn khoảng 25 vườn hoa diện tích 300- 6.000 m²[93]. Hệ thống công viên cây xanh dọc các tuyến đường đang được đầu tư xây dựng cùng với việc chỉnh trang đô thị.

Tại thị xã Từ Sơn: có một số công viên, công viên hồ nước trung tâm (*Bảng 1.5*). Hiện nay thị xã đã xây dựng Công viên Lý Thái Tổ, khu lưu niệm đồng chí Nguyễn văn Cừ, Ngô Gia Tự và tiếp tục triển khai lập quy hoạch xây dựng khu Công viên văn hoá Đền Đàm với quy mô 40 ha.

Tại khu vực Thị trấn Lim: khu vực cây xanh lớn nhất chính là khuôn viên trước chùa Lim thường xuyên được dùng để tổ chức Hội Lim (*Bảng 1.6*). Bên cạnh đó còn các dải xanh dọc các sông như: Sông Đuống, sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê; các khu vực trồng cây lâm nghiệp trên: đồi Lim, núi Phật Tích, núi Nam Sơn...

Bảng 1.3. Hiện trạng công viên tại địa bàn thành phố Bắc Ninh [102]

STT	Công viên	Diện tích (m2)	Địa điểm
1	Công viên Nguyễn Văn Cừ	13,322.00	Phường Đại Phúc
2	Công viên Hoàng Quốc Việt	9,165.00	Phường Thị Cầu
3	Công viên Hồ điều hoà Văn Miếu (*)	97,650.00	P. Đ Phúc, P.V Cường
4	Công viên Văn Miếu (*)	42,509.00	Phường Đại Phúc
5	Công viên Nguyễn Phi Ý Lan	23,903.00	Phường Suối Hoa

(*) Công viên Hồ điều hoà Văn Miếu và công viên Văn Miếu hiện nằm trong dự án Quy hoạch phân khu khu công viên Văn Miếu

Bảng 1.4. Số lượng công viên trên địa bàn thành phố (Số liệu Công ty TNHH MTV Môi trường và CTĐT Bắc Ninh)

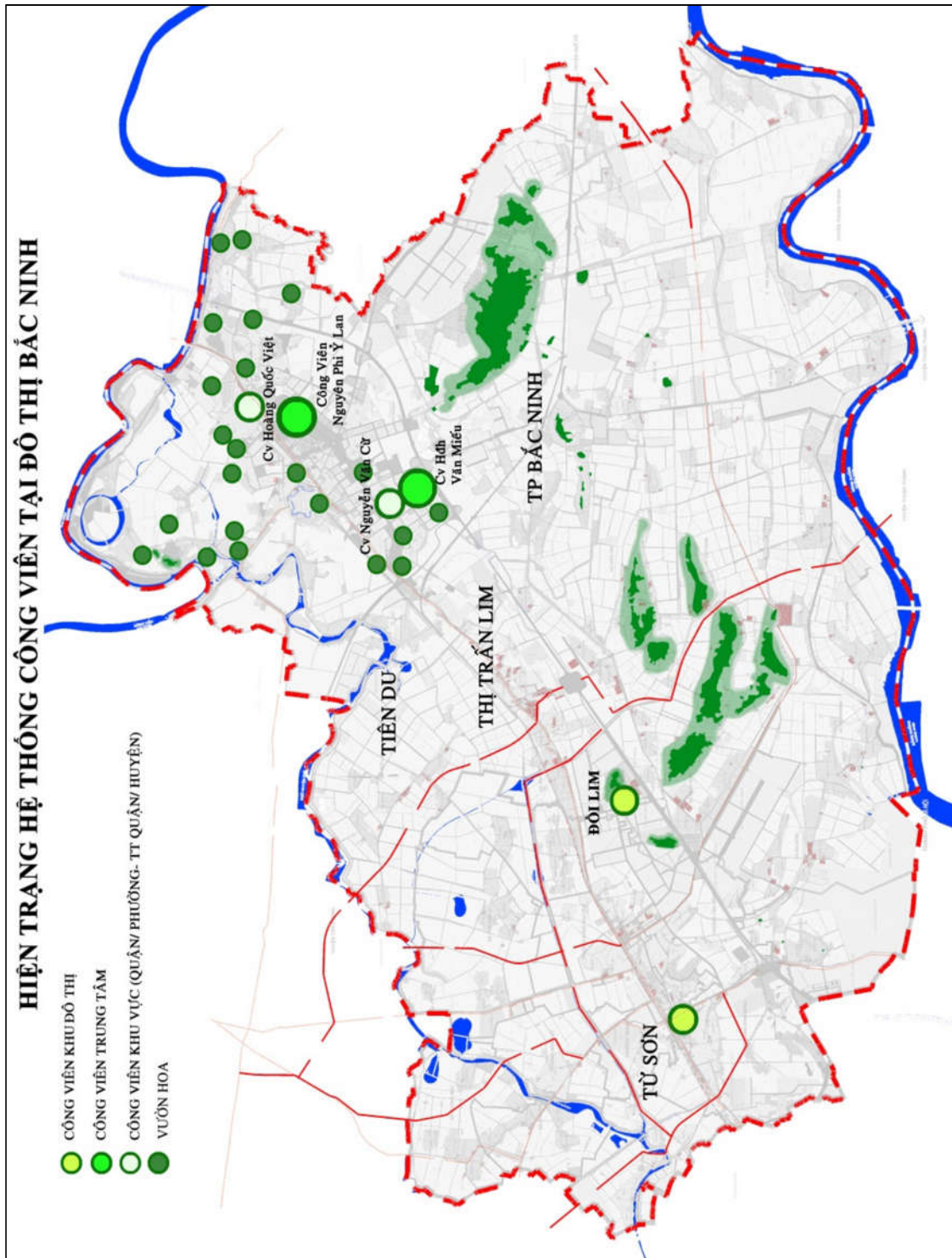
Địa điểm	Công viên, TTVH	Diện tích (m2)
1. Phường Suối Hoa	1	53.000
2. Phường Võ Cường	1	328.560
3. Phường Tiên An		8.000
4. Phường Ninh Xá		12.000
5. Phường Kinh Bắc		30.278
6. Phường Đại Phúc	1	56.300
7. Phường Vệ An		3.000
8. Phường Thị Cầu		
9. Phường Vũ Ninh	1	76.000
10. Phường Đáp Cầu		10.000
Tổng Cộng	4	577.138

Bảng 1.5. Hiện trạng công viên địa bàn thị xã Từ Sơn (Nguồn Viện Quy hoạch Kiến trúc Bắc Ninh)

TT	Công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Cơ quan quản lý
1	Công viên, hồ nước Trung tâm	3.6	Ph. Đình Bảng – TX. Từ Sơn	Thị xã Từ Sơn
	Tổng	3.6		

Bảng 1.6. Hiện trạng công viên địa bàn huyện Tiên Du và các xã Quế Võ

TT	Công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm	Cơ quan quản lý
1	Công viên, hồ nước TT	3.6	Đồi Lim, thị trấn Lim	UBND huyện
	Tổng	3.6		



Hình 1.12. Hiện trạng hệ thống công viên tại đô thị Bắc Ninh

Mặt hạn chế lớn nhất và cơ bản nhất trong công tác phát triển mảng xanh đối với một ĐTM như TP Bắc Ninh là diện tích công viên, vườn hoa công cộng để người dân đến vui chơi, sinh hoạt, luyện tập thể dục vẫn còn thiếu hụt nhiều so với quy định. Những công viên có quy mô lớn, ngoại trừ công viên Nguyên Phi Ỗ Lan, Công viên tượng đài Hoàng Quốc Việt, tượng đài Anh hùng liệt sĩ đang được khai thác khá hiệu quả..., còn lại trong những năm qua Thành phố vẫn chưa bổ sung được công viên có quy mô đảm bảo đáp ứng tốc độ tăng dân số cơ học cao hiện nay. Các quy hoạch công viên cây xanh có quy mô lớn hầu như đang hoặc chưa được triển khai do thiếu kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng (mới chỉ có công viên Hồ điều hòa Văn Miếu 32 ha và Nguyễn Văn Cừ 5 ha đang trong quá trình hoàn thiện đưa vào sử dụng năm 2016, Hồ sinh thái Thị Cầu 10ha mới đang ở giai đoạn xây dựng tường kè, đường dạo, còn các Công viên Văn Miếu 20 ha, Công viên hồ điều hòa Phúc Ninh 18,5 ha, Công viên hồ điều hòa Vạn An 18ha chưa triển khai, Khu đô thị Tây Bắc đang trong quá trình lập quy hoạch dự kiến khoảng 120ha đất công viên, mặt nước). Mặc dù trong những năm gần đây hệ thống công viên cây xanh tại đô thị Bắc Ninh đã nhận được sự quan tâm đầu tư (tổng kinh phí đầu tư cho xây dựng công viên, vườn hoa, cây xanh từ năm 2013- 2015, đạt 454,237 tỷ đồng) tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều bất cập trong quá trình duy trì phát triển và quản lý

1.3. Nhận diện các yếu tố VHTT đặc trưng tại Bắc Ninh

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, tỉnh Bắc Ninh đã hình thành, bồi đắp, tạo dựng nên một kho tàng Di sản Văn hóa đồ sộ cả vật thể và phi vật thể. Đó là hồn cốt, đặc trưng của Bắc Ninh- Kinh Bắc mà không phải địa phương nào cũng có được. Mặc dù tỉnh Bắc Ninh đã thống kê thành 7 nét đặc trưng văn hóa tiêu biểu là: quê hương của dân ca Quan họ - Di sản văn hóa thế giới; văn hóa tâm linh; lịch sử văn hiến; lễ hội; khoa bảng; làng nghề và kiến trúc. Tuy nhiên ở đây luận án chỉ đề cập trực tiếp đến những yếu tố VHTT đặc trưng có khả năng áp dụng trong tổ chức không gian công viên, cũng như để làm rõ hơn những đặc trưng văn hóa này, luận án tiếp thu và bổ sung thêm 2 giá trị văn hóa đặc trưng đó là Đặc điểm quần cư và

phân tách yếu tố kiến trúc thành 2 yếu tố công trình kiến trúc và di tích lịch sử.

Nhìn chung có thể tổng hợp thành 2 mảng giá trị văn hóa: Giá trị văn hóa vật thể và giá trị văn hóa phi vật thể. Đây là những giá trị nền tảng cơ bản cho vấn đề bảo tồn, phát huy cũng như định hướng phát triển tại Bắc Ninh.

Bảng 1.7. Những yếu tố Văn hóa truyền thống đặc trưng tại tỉnh Bắc Ninh

Yếu tố Văn hóa truyền thống	
Văn hóa vật thể	Văn hóa phi vật thể
<ul style="list-style-type: none"> • Làng nghề truyền thống • Đặc điểm quần cư • Công trình kiến trúc • Di tích lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> • Văn hóa Quan họ • Lễ hội truyền thống • Lịch sử văn hiến • Văn hóa tâm linh

1.3.1. Yếu tố văn hóa vật thể

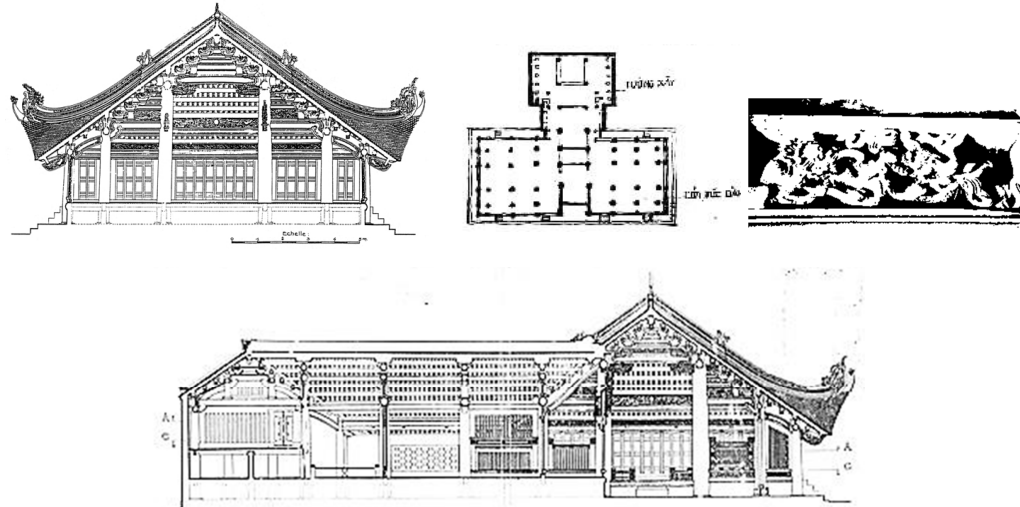
• **Làng nghề truyền thống:** Nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng, cảnh quan sinh thái phong phú, đất đai màu mỡ, giàu nguồn nước, lại thuận tiện giao lưu kinh tế-văn hóa. Bắc Ninh đã sớm trở thành vùng đất với các hoạt động kinh tế, văn hóa rất phong phú, quê hương của những con người vừa thạo nghề nông, tinh xảo trong nhiều nghề thủ công và giao thương buôn bán. Là vùng nổi tiếng với nhiều nghề thủ công, sản xuất nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các mặt hàng đó không chỉ phục vụ cho nhu cầu của nhân dân các làng xã trong vùng mà còn phục vụ cho nhân dân khắp mọi miền trong nước và xuất khẩu. Cùng với việc hình thành và phát triển các làng nghề, các làng buôn cũng xuất hiện và phát triển cùng mạng lưới chợ quê dày đặc khiến làng quê Bắc Ninh luôn sôi động, nhộn nhịp các hoạt động nông nghiệp, thủ công, giao thương buôn bán, giao lưu mở rộng với các vùng miền trong nước và nước ngoài. Việc phân bố các làng nghề tuy tự nhiên, nhưng lại rất khoa học và thường dựa trên yếu tố địa lý của mỗi vùng; *nghề gốm thì hình thành và phát triển ở những làng ven sông. Các roi đất sét dọc triền sông là nguồn nguyên liệu, cùng đó việc nhờ sông nước chuyên chở sản phẩm gốm đi các miền tiêu thụ cũng rất thuận tiện. Nghề rèn Đa Hội- với vị trí làng bám theo trục giao thông- cũng tiện việc chuyên chở sản phẩm bằng đường bộ, đường thủy. Nghề đục đá ở Bát Lự nằm ngay bên quả núi có rất nhiều đá để khai thác...*



Hình 1.13. Một số hình ảnh làng nghề ở Bắc Ninh [*nguồn làng nghề Việt Nam*]

• **Công trình kiến trúc:** Vùng đất Bắc Ninh nổi tiếng với các công trình kiến trúc và điêu khắc trải dài suốt mấy ngàn năm, mang ý nghĩa lịch sử, xã hội và nghệ thuật đặc sắc. Ngoài ra đây cũng là nơi còn lưu giữ được nhiều kiến trúc đình làng thuộc loại cổ nhất ở nước ta. Theo số liệu thống kê, Bắc Ninh có gần 250 ngôi đình đã được xếp hạng các cấp. Trong số đó các ngôi đình có niên đại thế kỷ XVII-XVIII như đình Đình Bảng, đình Diềm, đình Cổ Mễ, đình Quan Đình... còn giữ được nhiều nét kiến trúc độc đáo với các mảng trạm tinh xảo, cầu kỳ như bộ cửa võng của đình Diềm, các mảng trạm ở đình Hồi Quan. Đình Cổ Mễ (1681) không chỉ nổi tiếng bởi các giá trị kiến trúc, điêu khắc mà đình còn bảo lưu được nhiều tài liệu, hiện vật quý như bia đá, thần phả, sắc phong, đồ thờ tự, đình Diềm (1692) là công trình kiến trúc quy mô to và lớn vào bậc nhất vùng Kinh Bắc, đình Nội, đình Thắng (1684), đình Phù Lão (1694), đình Thổ Hà (1686), đình Hồi Quan (1714-1715), đình Đình Bảng (1736) là một ngôi đình cổ kính nổi tiếng nhất của đất Kinh Bắc, mang hình ảnh độc đáo của kiến trúc dân tộc, giữ được hình ảnh toàn vẹn kiểu thức nhà sàn dân tộc được áp dụng cho kiến trúc đình làng, đình Mai Phong (1763), đình Phù Lưu, đình Cao Thượng, đình Đồng Kỵ, đình Đông Hồ, đình Viêm Xá...[1] Đình là biểu hiện sinh hoạt của người Việt Nam, nơi “cân bằng” phép tắc của cuộc sống cộng đồng, nơi khai diễn những nét tài năng, tư duy của dân làng, nhất là về tín ngưỡng, nơi để thờ thần, được gọi là thành hoàng làng, người có công với dân, cứu nước, giữ nước hoặc giúp dân nghề nghiệp sinh sống [5]. Đình thường là một ngôi nhà to rộng được dựng bằng những cột lim tròn to thẳng tắp đặt trên những hòn đá tảng lớn. Vì kèo, xà ngang, xà dọc của đình cũng làm toàn bằng gỗ lim. Tường đình xây bằng gạch, Mái đình lợp ngói mũi hài, hai đầu hồi xây bít đốc hoặc làm bốn góc đầu đao cong. Trên nóc đình là hai con rồng châu mặt nguyệt, tục gọi

là “lưỡng long triều nguyệt” hay “lưỡng long tranh châu”. Sân đình được lát gạch, trước đình có hai cột trụ cao vút, trên đỉnh tạc hình con nghê. Trong đình gian giữa có ban thờ, thờ một vị thần của làng gọi là Thành hoàng. Bên cạnh kiến trúc đình làng, kiến trúc dân dụng tiêu biểu có nhà thờ dòng họ Nguyễn Thạc ở Đình Bảng, xây dựng cùng thời với đình Đình Bảng (TK XVIII).



Hình 1.14. Mặt bằng- mặt cắt-trạm khắc bên trong đình làng Đình Bảng- Bắc Ninh
[nguồn internet]

Kiến trúc còn lại là kiến trúc 7 gian, kiểu thức bình đầu, xây gạch, mái lợp ngói mũi hài. Khung nhà bằng gỗ lim cấu trúc kiểu lọng tàn, hệ thống cột gồm 8 cột hiên, 8 cột quân, 16 cột cái, 8 cột hậu. Phạm chạm khắc được tập trung ở các đầu bẩy, kê, con chông, ván nong với những đề tài hoa lá, vân mây cách điệu, hệ thống cửa bức bàn có kiểu dáng kích thước giống với kiểu cửa ở đình. [33]. Cùng với kiến trúc cổ, Bắc Ninh còn bảo lưu được nhiều tác phẩm điêu khắc truyền thống, trải qua nhiều triều đại, kể từ những trang trí trên trống đồng, đồ đồng, trên đá, gạch, đất nung, các tượng thờ được lưu giữ ở các di tích kiến trúc, các điêu khắc trang trí trong những ngôi mộ cổ, trên các chùa tháp, các điêu khắc đình làng.

- **Di tích lịch sử:** Bao gồm 1.558 di tích lịch sử văn hoá với mật độ phân bố các di tích chỉ đứng sau Thủ đô Hà Nội, trong đó có 566 di tích được nhà nước công nhận xếp hạng (192 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 370 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 4 di tích được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt bao gồm: Chùa Dâu và chùa Bút Tháp-

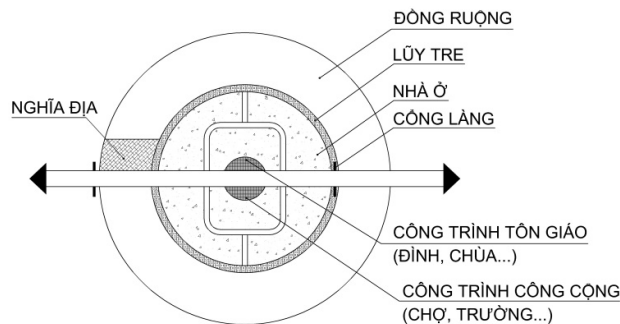
công nhận năm 2013, di tích chùa Phật Tích và khu lăng mộ và các đền thờ các vị vua triều Lý- công nhận năm 2014)[33]. Các di tích đã được xếp hạng trên địa bàn các huyện, thị xã, TP trong toàn tỉnh có mật độ trung bình khoảng 18 di tích/km², đây là mật độ tương đối lớn so với các địa phương khác trong cả nước. Tuy nhiên, các di tích phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các địa phương như Từ Sơn, Yên Phong, Thuận Thành và TP Bắc Ninh- đây là những địa bàn có cư dân Việt cư ngụ từ lâu đời như khu DT cổ Luy Lâu- Thuận Thành, những địa điểm gắn với sự kiện lịch sử thời Lý (Từ Sơn, Yên Phong), các di tích nằm ven sông Cầu, Ngũ Huyện Khê, Tiêu Tương...nơi tụ cư lâu đời của người Việt cổ và là những tuyến giao thông huyết mạch giao thương buôn bán. Bên cạnh các di tích lịch sử văn hóa, Bắc Ninh cũng nổi tiếng với các di tích Cách Mạng cùng những địa danh nổi tiếng gắn với lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm như chiến tuyến sông Như Nguyệt- một trận đánh lớn diễn ra ở một khúc sông Như Nguyệt (hay sông Cầu) vào năm 1077, là trận đánh có tính quyết định của cuộc Chiến tranh Tống- Việt, đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược, buộc nhà Tống phải thừa nhận Đại Việt là một quốc gia; bến Bình Than nơi diễn ra cuộc “hội họp vương hầu và trăm quan” bàn kế sách công thủ và chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu; Di tích Thành cổ Bắc Ninh là một vị trí quân sự đặc biệt quan trọng, nằm trong tuyến phòng thủ phía Bắc, bảo vệ Thủ đô, ngăn chặn các đạo quân xâm lược trước cửa ngõ Kinh thành Thăng Long. Đây cũng là một trung tâm chính trị, quân sự, là lý sở của trấn Kinh Bắc của tỉnh Bắc Ninh sau này, được xây dựng theo kiến trúc Vauban với 6 cạnh đều nhau, có hệ thống tường gạch cao, xung quanh có hào nước rộng, thành cổ Bắc Ninh hiện không còn giữ được nguyên trạng nhưng là di tích chứa đựng nhiều giá trị lịch sử văn hóa quan trọng. Ngoài ra Bắc Ninh cũng là quê hương của nhiều nhà Cách Mạng tiền bối như Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt; là địa bàn hoạt động bí mật của nhiều cán bộ Cách Mạng, nhiều địa điểm ghi dấu những sự kiện quan trọng gắn với lịch sử Cách mạng của đất nước; di tích lưu niệm ngôi nhà đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Xã Phù Khê- Từ Sơn), ngôi nhà đồng chí Ngô Gia Tự (xã Tam Sơn- Từ Sơn), di tích núi Lim- nơi Đảng Bộ Bắc Ninh- Bắc Giang thành lập vài

tháng 8/1929, chùa Đồng Hương (Hương Mạc- Từ Sơn) là địa điểm bí mật nuôi dưỡng nhiều đồng chí Cách mạng tiền bối từ những năm 1940-1945, nhà cụ Đám Thi, đình- chùa Đồng Kỵ là nơi ra đời bản chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta 3/1945” [33]



Hình 1.15. (a) Chùa Phật tích một trong những trung tâm Phật giáo sớm nhất của Việt Nam; (b) Đền Đô- nơi thờ các vị vua thời Lý đã được xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt; (c) Chùa Dâu mang đậm kiến trúc chùa tháp dân tộc [*nguồn internet*]

- **Đặc điểm quần cư:** Người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung, Bắc Ninh nói riêng với đặc điểm quần cư theo từng làng, vị trí của các làng thường là những khu đất cao, ven các con sông, thường có hình thái cấu trúc răng lược, có thể đường chính là giáp sông, cũng có thể các đường nhánh sát sông (khi gần với các bên nước). Qua các kết quả nghiên cứu khai quật khảo cổ học; cách đây khoảng 4000 năm về trước người Việt đã cư trú lập làng ven các con sông như sông Cầu, sông Đuống, sông Ngũ Huyện Khê. Trải qua thời gian, vùng đất này là nơi sinh sống đông đúc với các xóm làng trù phú, cho đến nay còn tồn tại nhiều làng cổ có tuổi đời hàng trăm năm như làng Vọng Nguyệt (Yên Phong), làng Phù Lưu, làng Đình Bảng (Từ Sơn), làng Viêm Xá, làng Phù Lãng, làng Kim Đôi (Quế Võ).



Hình 1.16. Cấu trúc chung làng truyền thống [*nguồn Nguyễn Khương*]

Về đặc điểm quần cư, làng xóm ở đây có dạng co cụm, có lũy tre bao bọc, có một số làng hiếm hoi không có hàng rào tre, được bao bọc bằng những tường đất cao (Yên Phụ- Phương La- huyện Yên Phong- Bắc Ninh), xung quanh là đồng ruộng, có cổng “Tam quan- ba cửa” đầu mỗi làng. Các thành phần chủ yếu của làng có Lũy tre, cổng- Nhà ở- Công trình công cộng (đình, diêm, quán, văn chỉ...)- Công trình tôn giáo (chùa, miếu, phủ...)-Giếng, Ao làng- Cây xanh trong làng- Đồng ruộng- Nghĩa địa. Hệ thống đường giao thông làng phân nhánh kiểu cành cây, trong làng, đường xóm ngõ nhỏ, nhà cửa san sát. Trong làng thường có trục đường chính (đường làng), dưới là các xóm ngõ. Hệ thống đường làng thường rộng 2,4-3,5m đường chính rộng khoảng 5m (phần đường lát 3-3,5m), đường lát gạch đỏ, gạch lát nghiêng, có thể vận chuyển lúa, nông sản. Giữa làng thường có “cây đa, giếng nước, đình làng”- một tổ hợp kiến trúc dân gian thể hiện chất văn hóa làng. Đình làng vừa là công trình công cộng (trụ sở hành chính, nơi họp hành của dân làng khi có việc chung...), vừa là công trình tín ngưỡng (nơi thờ thành hoàng làng- vị thần che chở cho dân trong làng- Thành hoàng có thể có tên tuổi cụ thể là các anh hùng hoặc là các vị thần thánh). Vị trí của đình thường đặt ở vị trí trung tâm của làng, cây đa với bóng râm là nơi nghỉ chân hóng mát của người dân, giếng nước to để phục vụ nước sinh hoạt cho cả làng. (*Phụ lục 3*)

1.3.2. Yếu tố văn hóa phi vật thể

- **Dân ca quan họ Bắc Ninh:** Được hình thành khá lâu đời, do cộng đồng người Việt ở 49 làng quan họ và một số làng lân cận thuộc hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang hiện nay của Việt Nam sáng tạo ra. Văn hóa Quan họ là sự tổng hòa của các tập tục mang tính thực hành và có sự bền vững. Nó đã trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử và đã có thời gian bị mai một, đứt đoạn, tuy nhiên người ta vẫn thấy trong nó sự cố kết và liên mạch được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác qua con đường truyền miệng[16]. Phương thức này là một yếu tố giúp cho Quan họ trở thành một loại hình dân ca có số lượng lớn bài hát với giai điệu khác nhau. Có thể nói Dân ca Quan họ đã đánh dấu những bước tiến quan trọng của dân ca Việt Nam về cả 3 mặt: hình thái sinh hoạt, nghệ nhân và cơ cấu nội dung nghệ thuật [7]. Đây là một loại

hình dân ca phong phú về giai điệu, là lời hát đối nam nữ. Những điệu hát Quan họ này có lời là thơ, ca dao với những từ ngữ trong sáng, mẫu mực thể hiện tình yêu lứa đôi. Mỗi một bài Quan họ đều có giai điệu riêng, cho đến nay đã có ít nhất 300 bài quan họ đã được ký âm. “Tính chất âm nhạc của dân ca Quan họ điêu luyện đến mức gần như hoàn chỉnh, so với yêu cầu của quy luật âm nhạc chuyên nghiệp”[7]. Nét nhạc và tiết tấu phong phú mà không xa hoa, nhẹ nhàng mà không đơn điệu, đầm thắm, thiết tha, da diết, sôi nổi. Âm nhạc chủ động hẳn đối với lời ca, nhạc điệu chi phối mạnh ngôn ngữ và các thể thơ. Tóm lại dân ca Quan họ được hình thành độc đáo với 5 đặc điểm chung: *Có âm điệu riêng biệt; Có bố cục chặt chẽ; Cân đối trong kết cấu âm nhạc; Đồng hóa nhiều loại ca hát khác; Yêu cầu đối mới không ngừng*. Chính bởi điều này dân ca Quan họ đã trở thành sinh hoạt ca nhạc thực thụ của quần chúng, không chỉ mang đặc trưng riêng của vùng quê Kinh Bắc mà còn mang đậm dấu ấn văn hóa của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trong đó giá trị truyền thống của văn hóa Quan họ chính là phương tiện phản ánh sâu sắc tư tưởng, tình cảm, thẩm mỹ, niềm khát khao vươn đến cái đẹp của con người nơi đây từ nhiều đời nay[57]. Năm 2009, Dân ca Quan họ được vinh danh là văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Hiện nay trong bối cảnh toàn cầu hóa, làn sóng văn hóa Phương Tây xâm nhập mạnh mẽ vào Việt Nam vấn đề bảo tồn Quan họ, phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc trong từng giai đoạn phát triển là vô cùng cần thiết.



Hình 1.17. Quan họ Bắc Ninh- di sản văn hóa phi vật thể được Unesco công nhận

- **Lễ hội truyền thống:** Lễ hội là một trong những hiện tượng sinh hoạt VH TT, xuất phát từ nhu cầu tín ngưỡng của con người. Không chỉ là tấm gương phản chiếu trung thực đời sống văn hóa của mỗi dân tộc, mà còn là môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy nền văn hóa dân tộc ấy. Bên cạnh đó, lễ hội còn có giá trị gắn kết

cộng đồng cũng như cân bằng đời sống tâm linh. Đặc biệt trong điều kiện xã hội hiện đại, con người ngày càng khẳng định “cá tính”, “cái tôi cá nhân” thì bảo tồn các lễ hội truyền thống có nghĩa thể hiện giá trị biểu tượng của sức mạnh cộng đồng và tạo nên sự kết nối cộng đồng ấy. Năm trong số khoảng 7000 lễ hội truyền thống ở nước ta, có thể nói Bắc Ninh là mảnh đất của lễ hội với số lượng khá lớn- 547 lễ hội truyền thống [102] Trong đó có những lễ hội có ý nghĩa đặc biệt và có tầm ảnh hưởng lớn như: Hội chùa Dâu, hội Lim, hội đền Đô, hội đền Bà Chúa Kho, đặc biệt lễ hội truyền thống Đờn ky, lễ hội làng Diềm, làng Đờn Ky và lễ hội kéo co thôn Hữu Chấp đã được chứng nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Tháng 12/2015 Nghi lễ trò chơi kéo co ở Việt Nam chính thức được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

(1) Lễ hội Lim: tại thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh, là một sinh hoạt văn hoá - nghệ thuật đặc sắc của nền văn hoá truyền thống lâu đời được diễn ra với những nghi thức trang nghiêm, nhằm bày tỏ tấm lòng thành kính với các bậc tổ tiên. Tại đây sẽ tổ chức hát các làn điệu dân ca quan họ truyền thống và tổ chức thi đấu cùng với những trò chơi dân gian mang đậm bản sắc như đánh đu, đấu vật, đấu cờ, đập niêu, nấu cơm... đây còn là dịp để các nam thanh nữ tú khắp nơi về trẩy hội và tìm bạn se duyên.

(2) Lễ hội đền Bà Chúa Kho: tại đền Bà Chúa Kho- Vũ Ninh- Bắc Ninh. Truyền thuyết lễ hội gắn với tích về Bà Chúa Kho là người trông coi, giữ gìn lương thực cho quân đội ta dưới thời vua Lý Thường Kiệt, công lao của bà rất to lớn trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm (chiêu dân lập ấp, khai khẩn ruộng hoang, tổ chức sản xuất ở 72 trang ấp). Bà còn trông nom kho lương thực, bảo quản tốt quân lương trong và sau chiến thắng quân Tống ở sông Như Nguyệt (sông Cầu) năm 1076.

(3) Lễ hội Đền Đô: xã Đình Bảng- Từ Sơn- Bắc Ninh, là lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, nhằm kỷ niệm ngày Thái tổ Lý Công Uẩn đăng quang, khai mở cho một vương triều hưng thịnh, tạo dựng, phát triển quốc gia và nền văn hoá Đại Việt rực rỡ. Vào ngày hội, hàng nghìn người tham gia rước kiệu để tưởng nhớ công ơn của các vị vua, thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn. Phần hội cũng có rất

nhều những hoạt động tham gia như đấu vật, cờ vua, cờ tướng, đập niêu...

(4) Lễ hội Chùa Dâu: xã Thanh Khương- Thuận Thành- Bắc Ninh. Lễ hội chùa Dâu được tổ chức hàng năm với mong muốn cho một mùa màng bội thu và may mắn. Tại đây thường diễn ra một số hoạt động văn hóa lễ hội đặc sắc cùng các trò chơi dân gian truyền thống như kéo co, cướp nước, múa lân...

(5) Lễ hội Đờng Kỵ: Phường Đờng Kỵ- Từ Sơn- Bắc Ninh, với hội rước pháo làng Đờng Kỵ, là nghi thức truyền thống được nhiều người dân mong đợi nhất trong suốt 3 ngày hội (mùng 4, 5, 6 tháng Giêng Âm lịch). Hội thi làm pháo và đốt pháo trước đây là tưởng nhớ, tái hiện lại âm vang ngày Thánh Thiên Cương - vị tướng sau này được dân tôn thờ làm thành hoàng làng ra lệnh xuất quân đánh giặc.

(6) Lễ hội Kéo co thôn Hữu Chấp là một trong những lễ hội truyền thống lâu đời nhất của vùng Kinh Bắc với hàng trăm năm tồn tại. Lễ hội được tổ chức vào ngày mùng 4 Tết thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên, cầu mong mưa thuận gió hòa, người dân có cuộc sống ấm no, hưng thịnh.



Hình 1.18. Một số hình ảnh lễ hội truyền thống ở Bắc Ninh [nguồn internet]

Phần lớn các lễ hội được tổ chức tại các đền, đình, chùa, nơi thờ các vị danh nhân có công với đất nước, với địa phương, các vị trạng nguyên khoa bảng đã làm rạng danh quê hương, đất nước, tạo dựng truyền thống học tập cho quê hương ngày nay. Các lễ hội tổ chức tại các đền, đình này hàng năm cũng là dịp để tưởng nhớ và tôn vinh các vị danh nhân này. Việc duy trì, củng cố, khôi phục những lễ hội trong những năm gần đây thể hiện dù có trải qua biết bao thăng trầm thì VH TT luôn là cốt lõi là cơ sở, nền tảng cho phát triển. Đặc biệt lễ hội truyền thống nếu biết khai thác tốt còn trở thành những sản phẩm du lịch giáo dục lịch sử và truyền thống hấp dẫn, có hiệu quả cao.

- **Lịch sử văn hiến:** Bắc Ninh là một vùng đất “địa linh sinh nhân kiệt”, một vùng đất có bề dày hàng ngàn năm lịch sử, văn hiến đã được hội tụ, tỏa sáng ở bản sắc

văn hóa. Đây là nơi có vị trí chiến lược quan trọng- được coi là “phiên dậu” của kinh thành Thăng Long- là nơi có tuyến đường huyết mạch nối liền Thăng Long với vùng đất phía Bắc. Chính vì thế trong nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Bắc Ninh là nơi ghi dấu nhiều chiến công oanh liệt của quân và dân ta. Với truyền thống yêu nước đánh giặc, thời nào Bắc Ninh cũng có các bậc anh hùng hào kiệt cùng nhân dân đánh giặc giữ nước, tiêu biểu như Thánh Gióng, các danh tướng họ Nghiêm, các Quận công họ Nguyễn Đức, các danh nhân văn võ toàn tài như Lê Văn Thịnh, Cao Bá Quát, Nguyễn Cao... Yêu nước và thượng võ, anh hùng và quả cảm trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm là truyền thống tiêu biểu nhất của con người Bắc Ninh- Kinh Bắc. Truyền thống này do lịch sử hun đúc nên, “Thói quen vũ dũng” chính là truyền thống thượng võ của con người Bắc Ninh. Là địa phương thứ 3 xây dựng Văn Miếu có tầm cỡ, quy mô, nơi có Luy Lâu cổ, nơi Sĩ Nhiếp lần đầu dạy người Việt học chữ.

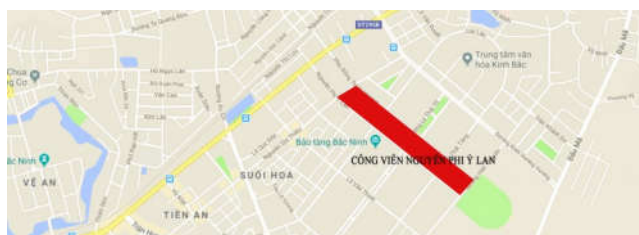
- **Văn hóa tâm linh:** Người Việt Nam có một đời sống tâm linh khá phong phú, sâu đậm. Văn hóa tín ngưỡng không chỉ làm nên những giá trị tinh thần, tình cảm, tâm thức và tâm linh của văn hóa mà còn góp phần tạo nên bản sắc và sức sống lâu bền của văn hóa dân tộc. Phong tục tập quán ở đây có nội dung phong phú, bao quát, liên quan đến bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện trong tập quán sinh hoạt kinh tế, sinh hoạt văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội. Trong hoạt động kinh tế, nét đặc trưng của văn hóa thể hiện ở tập quán liên quan đến trồng trọt chăn nuôi, trong việc sáng tạo ra các ngành nghề thủ công. Trong đời sống vật chất, nét đặc trưng của văn hóa dân tộc thể hiện ở tập quán chọn đất xây dựng làng, bố trí nhà ở trong mối quan hệ với các công trình văn hóa khác như: đình, chùa, miếu mạo... Trong sinh hoạt tinh thần, nét đặc trưng văn hóa thể hiện ở tập quán tổ chức các nghi lễ ngày lễ tết, ngày hội, những quan niệm về tín ngưỡng, thờ cúng tổ tiên, kho tàng văn học dân gian... Trong sinh hoạt xã hội, đặc trưng văn hóa được thể hiện ở tập quán tổ chức quản lý xã hội bằng các luật, tục, hương ước, lệ làng, quan hệ dòng họ, cách tổ chức gia đình, nếp sống. [28]

1.4. Thực trạng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh

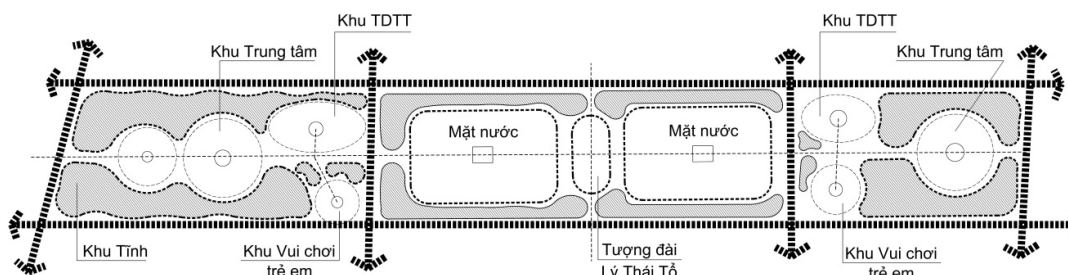
Trên thực tế tại Bắc Ninh, việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên chưa thực sự đem lại hiệu quả rõ rệt. Phần lớn các công viên còn mang nặng chức năng giải trí mà xem nhẹ các chức năng khác như nghỉ ngơi, văn hóa giáo dục. Các trò chơi trong công viên chủ yếu là các trò chơi mang tính hiện đại, hình thức công trình chưa được nghiên cứu kỹ không mang đậm dấu ấn văn hóa vùng miền dân tộc, hệ thống cây xanh đôi khi còn nghèo nàn không phản ánh được hết sự phong phú, đa dạng sinh thái tự nhiên Việt Nam. Thêm vào đó các công viên cũng chưa chú ý đến việc khai thác các trò chơi dân gian thường xuyên để qua đó phản ánh được lối sống, phong tục tập quán của người Việt. Trong quá trình nghiên cứu, theo hiện trạng thống kê phần lớn công viên tập chung nhiều tại thành phố Bắc Ninh, vì vậy luận án đã khảo sát thực trạng và phát phiếu điều tra tại một số công viên lớn tại đây. Cụ thể :

Công viên Nguyên Phi Ý Lan : Với diện tích 23.903.00m²[94] có vị trí nằm giữa hai trục đường chính của trung tâm thành phố. Công viên có cấu trúc hài hòa, chạy dài theo hình chữ Nhất, xung quanh bố trí cây bóng mát, thảm cỏ, bồn hoa. Trung tâm của công viên là tượng đài vua Lý Thái Tổ, hai bên tượng đài là hai hồ nước rộng. Có thể đây được coi là lá phổi lớn của TP Bắc Ninh, phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí và rèn luyện sức khỏe của của người dân. Tuy nhiên để nói đến vấn đề khai thác yếu tố VHTT trong không gian công viên dường như còn thiếu vắng. Về tổ chức hoạt động chỉ có 1 số ít các hoạt động như; biểu diễn hát Quan họ trên thuyền, các hoạt động thể thao, trò chơi dân gian chỉ diễn ra trong những ngày lễ trọng đại của đất nước, gần đây mới triển khai thực hiện hàng tháng (hát Quan họ tại Hồ đôi công viên).

Về mặt tổ chức không gian yếu tố văn hóa được khai thác trong công viên chưa rõ nét, các không gian chức năng trong công viên chưa có những giải pháp thiết kế quy hoạch đa dạng về hình thức, sinh động về ý đồ tổ chức công năng (theo điều tra khảo sát đa phần chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình).



Hình 1.19. Vị trí công viên Nguyễn Phi Ý Lan- thành phố Bắc Ninh



Hình 1.20. Sơ đồ mặt bằng công viên Nguyễn Phi Ý Lan- Thành phố Bắc Ninh



Hình 1.21. Một số hoạt động văn hóa dịp lễ hội tại công viên Nguyễn Phi Ý Lan



Hình 1.22. Một số trang thiết bị tập thể dục, trò chơi và chòi nghỉ xuống cấp, hình thức kiến trúc khô khan tại công viên Nguyễn Phi Ý Lan



Hình 1.23. (a) Nhà vệ sinh công cộng tại công viên; (b) Nơi tập kết rác; (c) Hệ thống đèn chiếu sáng trong công viên

Theo kết quả khảo sát hiện trạng, phỏng vấn điều tra dân cư tại Phường Suối Hoa về hiện trạng cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ và quản lý cũng như những đánh giá của người dân về các yếu tố VHTT trong công viên Nguyễn Phi Ý Lan có thể thấy:

- Hiện trạng cây xanh vườn hoa trong công viên Nguyễn Phi Ý Lan về số lượng, hình thức, cách bố trí chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình.

Bảng 1.8. Hiện trạng cây xanh trong công viên Nguyễn Phi Ý Lan

Số lượng (%)			Hình thức (%)			Cách bố trí (%)		
Ít	TB	Đủ	Chưa đẹp	TB	Đẹp	Chưa hợp lý	TB	Hợp lý
10	51	39	15	53	32	17	49	34

- Đánh giá các hoạt động vui chơi giải trí trong công viên

Bảng 1.9. Hiện trạng trò chơi trong công viên Nguyễn Phi Ý Lan

Số lượng (%)			Hình thức (%)			Chất lượng (%)		
Ít	TB	Đủ	Chưa đẹp	TB	Đẹp	Chưa tốt	TB	Tốt
58	32	10	27	53	20	27	54	19

- Đánh giá hiện tại công viên có tổ chức các hoạt động VHTT hay không? Tần suất như thế nào?

Bảng 1.10. Đánh giá hiện trạng hoạt động VHTT- công viên Nguyễn Phi Ý Lan

Công viên có các hoạt động VHTT không?						
Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	Hàng năm	Không tổ chức	Theo sự kiện của Tỉnh	Khác
9%	32.7%	20%	27%	7%	4%	0.3

- Trong công viên có bố trí các trò chơi truyền thống không?

Bảng 1.11. Hiện trạng các trò chơi truyền thống tại công viên

Hiện nay công viên có bố trí các trò chơi truyền thống không?	Có	Không	Không biết
	34%	60%	6%

Rõ ràng qua đánh giá hiện trạng thực tế, cũng như khảo sát điều tra xã hội học tại công viên Nguyễn phi Ý Lan có thể thấy, việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian vẫn còn rất mờ nhạt.

• **Công viên Nguyễn Văn Cừ:** Nằm ở phường Đại Phúc có diện tích khoảng 13ha, với vị trí sát cạnh công viên Hồ điều hòa Văn Miếu, đây là nơi đặt tượng đài cổ tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ. Công viên là nơi thu hút khá đông người đến tham gia hoạt động, do có tổ chức khu vui chơi miễn phí dành cho thiếu nhi với trang thiết bị đồng bộ, nhiều trò chơi hiện đại. Đây cũng là khu vui chơi miễn phí, quy mô lớn đầu tiên của TP Bắc Ninh, được xây dựng bằng nguồn vốn xã hội hóa của các nhà tài trợ. Nếu đánh giá trên phương diện mục đích sử dụng, công viên đã phần nào đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên nếu đánh giá trên phương diện khai thác các giá trị VHTT, rõ ràng việc lồng ghép những yếu tố này trong tổ chức không gian, vận hành, quản lý công viên gần như không có. Theo kết quả khảo sát hiện trạng, phỏng vấn điều tra dân cư tại Phường Đại Phúc về hiện trạng cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ và quản lý cũng như những đánh giá của người dân về các yếu tố VHTT trong công viên Nguyễn Văn Cừ có thể thấy:

Bảng 1.12. Hiện trạng cây xanh vườn hoa trong công viên Nguyễn Văn Cừ

Số lượng (%)			Hình thức (%)			Cách bố trí (%)		
Ít	TB	Đủ	Chưa đẹp	TB	Đẹp	Chưa hợp lý	TB	Hợp lý
23	36	41	5	50	45	8	30	62

- Đánh giá các hoạt động vui chơi giải trí trong công viên

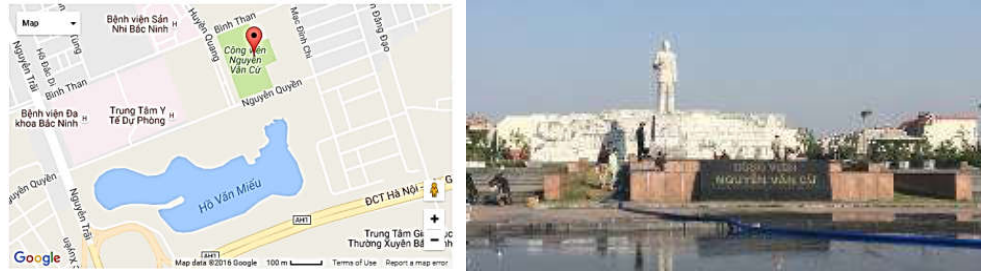
Bảng 1.13. Hiện trạng trò chơi trong công viên Nguyễn Văn Cừ

Số lượng (%)			Hình thức (%)			Chất lượng (%)		
Ít	TB	Đủ	Chưa đẹp	TB	Đẹp	Chưa tốt	TB	Tốt
26	35	39	2	45	53	2	52	46

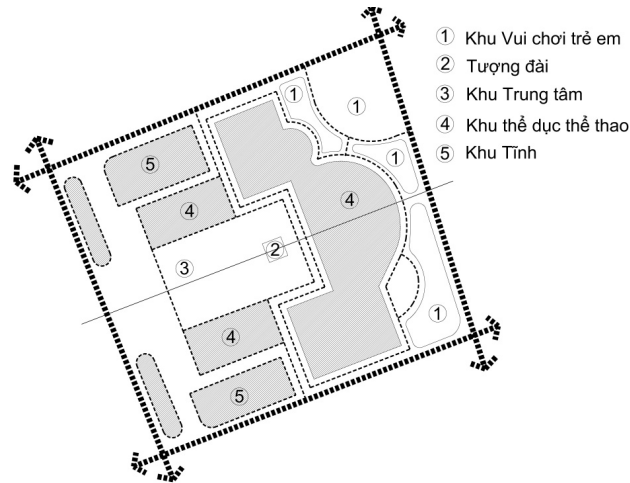
- Đánh giá hiện tại công viên có tổ chức các hoạt động VHTT hay không? Tần suất như thế nào?

Bảng 1.14. Hiện trạng các hoạt động VHTT trong công viên Nguyễn Văn Cừ

Công viên có các hoạt động VHTT không?						
Hàng tuần	Hàng tháng	Hàng quý	Hàng năm	Không tổ chức	Theo sự kiện của Tỉnh	Khác
3%	7.5%	16.4%	26.9%	19.4%	26,9%	0%



Hình 1.24. Vị trí công viên, Tượng đài tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ



Hình 1.25. Sơ đồ mặt bằng công viên Nguyễn Văn Cừ- TP Bắc Ninh



Hình 1.26. Các công trình phụ trợ (chờ nghỉ, nhà vệ sinh công cộng), hệ thống đường dạo và đèn chiếu sáng trong công viên



Hình 1.27. Các trò chơi trong công viên Nguyễn Văn Cừ- Bắc Ninh mang tính hiện đại

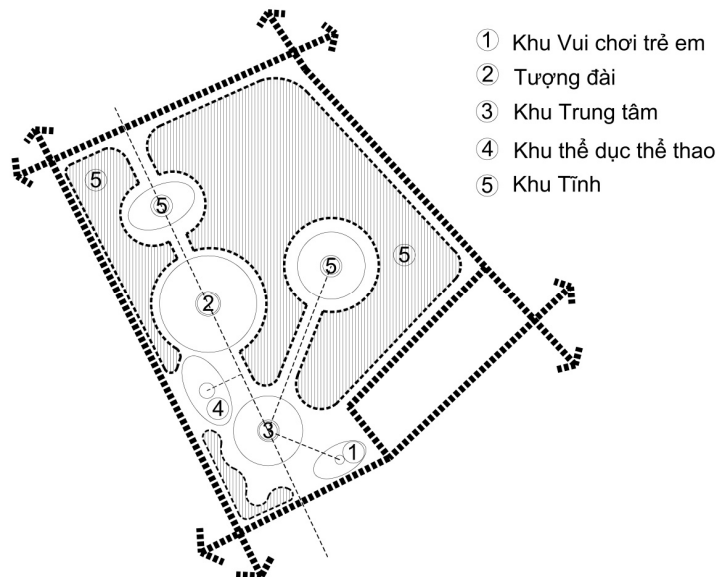
- Trong công viên có bố trí các trò chơi truyền thống không?

Bảng 1.15. Hiện trạng các trò chơi truyền thống tại công viên Nguyễn Văn Cừ

Hiện nay công viên có bố trí các trò chơi truyền thống không?	Có	Không	Không biết
	35%	50%	15%

Qua những khảo sát đánh giá thực trạng cho thấy công viên mới chỉ đáp ứng được nhu cầu đủ: nghĩa là nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi đơn thuần, nhưng để nâng tầm, cũng như tạo dấu ấn, điểm nhấn riêng cho khu vực thì cần có những nghiên cứu sâu hơn.

• **Công viên Hoàng Quốc Việt:** thuộc địa bàn phường Vũ Ninh- TP Bắc Ninh với diện tích 9,165.00m² [94] là công viên vui chơi giải trí trong đó có công trình nhà tưởng niệm và tượng đài đồng chí Hoàng Quốc Việt. Công viên khánh thành từ năm 2003, gần đây được cải tạo lại và bổ sung thêm các thiết bị và trò chơi hiện đại dành cho thiếu nhi. Hệ thống cây xanh vườn hoa, trang thiết bị chiếu sáng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đầy đủ.



Hình 1.28. Sơ đồ mặt bằng công viên Hoàng Quốc Việt- TP Bắc Ninh

Tuy nhiên để đánh giá thực trạng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên Hoàng Quốc Việt lại chưa rõ nét. Các trò chơi dành cho thiếu nhi đều là các trò chơi mang tính hiện đại, các trang thiết bị (đèn chiếu sáng, ghế ngồi, thùng rác...) chưa đầu tư nghiên cứu về hình thức, công trình nhà tưởng niệm, các

công trình phụ trợ khác cũng không được đầu tư nghiên cứu lồng ghép các yếu tố VHTT trong hình thức kiến trúc.



Hình 1.29. Tượng đài và nhà tưởng niệm trong công viên Hoàng Quốc Việt



Hình 1.30. Các trò chơi hiện đại dành cho thiếu nhi tại công viên Hoàng Quốc Việt

Tóm lại với thực trạng quy hoạch, quản lý như vậy cho thấy, vấn đề khai thác các yếu tố VHTT, lồng ghép vào tổ chức không gian cũng như các hoạt động của công viên tại Bắc Ninh gần như chưa được quan tâm. Mặc dù trên địa bàn đô thị Bắc Ninh, đã có những dự án quy hoạch công viên có quan tâm đến việc khai thác các yếu tố văn hóa, như công viên văn hóa Đền Đầm trong dự án quy hoạch chi tiết khu du lịch văn hóa Đền Đầm- thị xã Từ Sơn hay dự án quy hoạch phân khu công viên Văn Miếu. Tuy nhiên những dự án này vẫn đang trong quá trình thực hiện quy hoạch. Điều này thể hiện sự quan tâm và ý thức về vấn đề nâng cao giá trị văn hóa tinh thần cho người dân cũng như thực hiện đúng chính sách của nhà nước và của tỉnh Bắc Ninh. Do đó nghiên cứu khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian vui chơi giải trí công viên là yêu cầu cần thiết, không chỉ có ý nghĩa thực tiễn mà còn có ý nghĩa chuyên môn đặc biệt với lĩnh vực QH không gian.

1.5. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan

1.5.1. Các nghiên cứu trên thế giới

(1) Traditional, continuity and change in the Physical environment: The Arab-muslim city (*Tính truyền thống, tính liên tục và sự thay đổi trong môi trường vật*

thể: Thành phố Hồi giáo -A rập)- Saleh A. Al-Hathoul, 1981. Luận án tiến sĩ. Massachusetts Institute of Technology (MIT)

Nội dung luận án chủ yếu về những biến đổi vật thể đô thị trong mối tương quan về quan hệ giữa truyền thống và đương đại. Trong nghiên cứu, những khía cạnh của truyền thống được nhận định như là kết quả của một quá trình hình thành theo dòng lịch sử chứ không phải là một đối tượng không thay đổi. Luận án cho rằng, tính liên tục chính là vấn đề cần được quan tâm đề duy trì tính truyền thống. Đặc biệt luận án đã đánh giá và nhận xét thực trạng theo những quan điểm và kiểu mẫu truyền thống để so sánh sự thay đổi, và đánh giá sự phù hợp trong những phát triển tương lai. Mặc dù không trực tiếp đề cập tới những đối tượng tương đồng và trong một bối cảnh khu vực xác định, tuy nhiên, luận án mang lại những giá trị lý luận khi đề cập tới sự tiếp nối giữa truyền thống và hiện đại, sự liên tục trong phát triển và yếu tố văn hóa xã hội trong tổ chức không gian.

(2) Culture and Planning: How can Hong Kong's urban planning system facilitate comprehensive cultural development (*Văn hóa và quy hoạch: Làm thế nào để hệ thống quy hoạch Hong Kong tạo thuận lợi cho phát triển văn hóa toàn diện*)- Elizabeth LO, 2008. Luận án tiến sĩ. The University of Hong Kong.

Tác giả đề cập đến mối quan hệ giữa văn hóa và quy hoạch, đặc biệt lấy Hong Kong làm ví dụ nghiên cứu điển hình từ đó đề xuất các chiến lược phát triển văn hóa toàn diện. Mặc dù không áp dụng cụ thể các yếu tố VHTT vào tổ chức không gian. Tuy nhiên đây là một nghiên cứu mang tính vĩ mô, vì đã đưa ra những chính sách trong quá trình QHĐT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc giữ gìn, phát triển các giá trị văn hóa.

(3) Designing and Managing Urban Park to improve the quality of life in the Egyptian Cities (*Thiết kế và quản lý công viên TP nhằm nâng cao chất lượng sống trong các TP ở Ai Cập*)- Noha Ahmed Abd El Aziz, 2012. Luận án tiến sĩ. Faculty of Urban and Regional Planning- Cairo University.

Luận án nghiên cứu các tiêu chuẩn quản lý công viên nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, đưa ra giải pháp quy hoạch không gian mở, thiết kế và quản lý

công viên nhằm cải thiện chất lượng sống cho cư dân đô thị. Mặc dù luận án không đề cập đến khía cạnh VHTT trong tổ chức không gian công viên nhưng lại mang đến những lý luận có giá trị, gợi ý cho nghiên cứu về những tác động của quy hoạch và quản lý công viên đối với chất lượng sống của người dân trong đô thị, hay mối liên hệ giữa nhu cầu của cộng đồng đối với quy hoạch công viên.

(4) Rethinking planning for Urban Parks: Accessibility, Use and Behaviour (*Nhìn lại quy hoạch các công viên đô thị: tính tiếp cận, sử dụng và hành vi*)- Dong Wang, 2015. Luận án tiến sĩ. University of Queensland.

Luận án bàn luận về mối liên quan của các yếu tố cá nhân và xã hội để đánh giá một cách thực tế khả năng tiếp cận của các công viên công cộng trong đô thị. Ngoài ra tác giả cũng nghiên cứu về khả năng tiếp cận của công viên ảnh hưởng tới quá trình đưa ra quyết định dẫn đến hành vi sử dụng hay không sử dụng công viên của cư dân đô thị. Hai mô hình đề cập trong nghiên cứu được phát triển từ lý thuyết mô hình quy hoạch hành vi và mô hình tổng hợp về khả năng tiếp cận của công viên. Mục tiêu của mô hình nhằm nhận diện vai trò của khả năng tiếp cận công viên ảnh hưởng tới mục đích hành vi cá nhân đối với việc sử dụng và không sử dụng công viên. Đây là một trong những tài liệu có giá trị tham khảo đối với nghiên cứu sinh trong đánh giá nhu cầu sử dụng của công viên từ đó có những giải pháp cụ thể.

(5) The Role of Urban Parks in a Metropolitan City (*Vai trò của các công viên TP trong một đô thị lớn*)- Mohsen Faizi. Bài báo. 2006. Environmental Sciences 12:

Nội dung bài báo đề cập đến tầm quan trọng của công viên công cộng nhằm hướng tới một môi trường bền vững ở các thành phố lớn. Ở nghiên cứu điển hình TP Tehran, tác giả đưa ra những số liệu cụ thể (tỷ lệ không gian mở/ người, tỷ lệ phần trăm những lý do chính khiến người dân sử dụng không gian công viên) và các bảng điều tra xã hội học. Bài báo cho thấy phương thức cũng như cách tiếp cận vấn đề khá hay về vai trò, tầm quan trọng của công viên trong đô thị, đặc biệt là cách thức điều tra và đặt câu hỏi để tìm hiểu nhu cầu của cộng đồng, từ đó có những chiến lược cụ thể trong việc xây dựng và quản lý không gian công viên.

(6) A changing cultural landscape: Yanchep National Park, Western Australia

(Sự biến đổi cảnh quan văn hóa: Công viên quốc gia Yanchep, Tây Australia)- Darren Peter Venn, 2008. Luận văn thạc sĩ. Edith Cowan University.

Luận văn mô tả sự biến đổi cảnh quan công viên quốc gia Yanchep Tây Australia dưới sự tác động của tự nhiên và hoạt động của con người. Nghiên cứu cũng đưa ra những đánh giá mức độ tham gia của người dân địa phương trong việc quản lý di sản thiên nhiên và văn hóa Úc. Mục đích của nghiên cứu là phân loại mức độ phức tạp của các yếu tố môi trường tại công viên đồng thời mô tả cụ thể các hệ thống, mô hình và các quá trình bao gồm những hoạt động của con người ở công viên. Kết quả của nghiên cứu này được sử dụng để xác định các chiến lược quản lý cho công viên. Tuy không trực tiếp đề cập tới vấn đề luận án nghiên cứu là khai thác yếu tố văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên, nhưng tài liệu lại cung cấp 1 cách nhìn khác trong vấn đề tổ chức không gian cho các hoạt động trong công viên.

(7) Research on landscape design of urban park (*Nghiên cứu thiết kế cảnh quan công viên thành phố*)- Sirong Liu. Bài báo. 2012. ICCMS 2012.

Bài báo đề cập tới tính bản địa trong thiết kế cảnh quan công viên, khẳng định nó liên quan tới ý tưởng thiết kế, phân loại và đặc trưng của công viên, cũng như ảnh hưởng tới quá trình phát triển bền vững. Bài báo đưa ra các học thuyết, đề xuất các nguyên tắc thiết kế và chiến lược phát triển. Ngoài ra, theo tác giả để khai thác được đầy đủ yếu tố VHTT và đảm bảo các không gian công viên trong đô thị tồn tại lâu dài cần phải nghiên cứu các khía cạnh: lịch sử văn hóa, đặc điểm vùng miền. Đây chính là những gợi ý có giá trị cho những nghiên cứu về việc khai thác yếu tố VHTT tiếp theo của luận án.

1.5.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

(1) Bố cục phong cảnh vườn- công viên- Nguyễn Thị Thanh Thủy, 1985- Luận án phó tiến sĩ Kiến trúc:

Đề tài tổng kết, phân loại, nêu đặc trưng, hiệu quả kinh tế- xã hội- nghệ thuật của từng loại vườn trong bố cục các quần thể kiến trúc cổ và truyền thống Việt Nam. Đúc rút những kinh nghiệm trong và ngoài nước nhằm đề ra những nguyên

tác chủ yếu của bộ cục phong cảnh vườn- công viên Việt Nam hiện đại. Đề tài được thực hiện khá lâu từ năm 1985, tuy nhiên với luận án, đây cũng là một đề tài nghiên cứu về mảng công viên có giá trị để tham khảo đặc biệt trong việc tổ chức không gian công viên, cũng như việc nghiên cứu đặc tính, chủng loại cây khi bố trí trong công viên.

(2) Khai thác và tổ chức cảnh quan trong sự hình thành và phát triển đô thị Việt Nam- Hàn Tất Ngạn, 1992- Luận án phó tiến sĩ Kiến trúc.

Tác giả đã đề cập đến những vấn đề chung về kiến trúc cảnh quan, kinh nghiệm truyền thống trong tổ chức cảnh quan tại Việt Nam và trên thế giới. Nghiên cứu đúc rút những giá trị truyền thống về khai thác và tổ chức cảnh quan trong quy hoạch xây dựng đô thị. Xác định được những ảnh hưởng của cảnh quan tới thẩm mỹ và môi trường đô thị. Hoàn thiện phương pháp luận thiết kế quy hoạch đô thị theo quan điểm khai thác và tổ chức cảnh quan. Đây là một đề tài nghiên cứu có giá trị tham khảo trong việc tổ chức cảnh quan cây xanh mặt nước trong công viên.

(3) Kế thừa một số giá trị của cảnh quan đô thị truyền thống trong quy hoạch xây dựng đô thị Việt Nam- Doãn Quốc Khoa, 2004- Luận án tiến sĩ kiến trúc

Đề tài xác định và kế thừa một số giá trị cảnh quan đô thị truyền thống trong QHXD đô thị, nhằm góp phần xây dựng đô thị bền vững và có bản sắc. Tác giả đã xây dựng cơ sở lý thuyết, đề xuất các quan điểm, nguyên tắc, giải pháp tổ chức không gian, đồng thời các mô hình có thể vận dụng trong QH vùng, QH chi tiết và QH chuyên ngành. Đây cũng là một trong những tài liệu có giá trị tham khảo đối với luận án về vấn đề khai thác các giá trị truyền thống trong tổ chức không gian.

(4) Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong việc xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay- Võ Văn Thắng, 2005- Luận án tiến sĩ Triết học.

Đề tài đã làm rõ vai trò phân tích, đánh giá thực trạng của việc kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống ở nước ta. Đề xuất một số phương hướng và giải pháp kế thừa, phát huy tốt hơn các giá trị văn hóa truyền thống. Mặc dù là luận án tiến sĩ về triết học, nhưng đề tài lại có giá trị tham

khảo về việc nghiên cứu các yếu tố tâm lý của người sử dụng trong tổ chức không gian chức năng (không gian vui chơi giải trí) trong công viên. Đây sẽ là cơ sở giúp luận án đưa ra những giải pháp tham gia của cộng đồng trong việc vận hành và quản lý công viên.

(5) Quy hoạch, kiến trúc CVĐCN trong điều kiện Việt Nam- Hoàng Bích Lan, 2009-Luận án tiến sỹ Kiến trúc

Đề tài nghiên cứu quy hoạch mạng lưới, tổ chức không gian kiến trúc trong CVĐCN ở Việt Nam. Với các giải pháp về lựa chọn vị trí xây dựng, phân bố, diện tích, đề xuất cơ cấu không gian, phương án bố cục, tổ chức kiến trúc cảnh quan. Trong luận án này vấn đề văn hóa được đề cập chỉ là một khía cạnh nhỏ và nghiên cứu chung chung. Vì vậy đây sẽ là cơ sở cũng như tài liệu để luận án tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa nhất là khi lồng ghép yếu tố VHTT vào tổ chức không gian công viên.

(6) Khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước trong tổ chức không gian công cộng các khu ĐTM tại Hà Nội- Đỗ Trần Tín, 2012- Luận án tiến sỹ Quy hoạch

Đề tài nghiên cứu khai thác yếu tố cây xanh mặt nước trong tổ chức không gian công cộng nói chung và trong không gian công cộng tại các khu ĐTM nói riêng. Đề tài đã đưa yếu tố cộng đồng tham gia vào công tác quản lý, các nguyên tắc phối kết cây xanh mặt nước, bố cục không gian trong không gian công cộng. Đây là một nghiên cứu bổ ích và là cơ sở cho luận án nghiên cứu tiếp tục nhằm đưa ra các giải pháp tổ chức không gian, quản lý tổng thể cho các không gian công cộng đặc biệt là các không gian chức năng trong công viên.

(7) Một số yếu tố xã hội tác động đến việc bảo tồn các giá trị truyền thống của Quan họ Bắc Ninh, Chu Thị Huyền Yến, 2017- Luận án tiến sỹ Xã hội học.

Tác giả đã xây dựng cơ sở lý thuyết, xác định các yếu tố tác động đến việc bảo tồn giá trị truyền thống quan họ Bắc Ninh, từ đó đưa ra những giải pháp và kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn các giá trị truyền thống quan họ Bắc Ninh. Mặc dù là luận án chuyên ngành Xã hội học nhưng đây cũng là một trong những tài liệu tham khảo có giá trị đối với luận án về việc xác định các giá trị văn

hóa truyền thống đặc trưng tại Bắc Ninh.

1.6. Những tồn tại và hướng tập trung nghiên cứu của đề tài

1.6.1. Những tồn tại

(a) Những vấn đề tồn tại trong thực trạng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh:

Vấn đề bảo tồn phát huy các giá trị VHTT tại Bắc Ninh đang được Nhà nước và các cấp chính quyền cũng như người dân tại Bắc Ninh quan tâm. Thể hiện ở các chính sách phát triển về văn hóa, trong định hướng phát triển đô thị Bắc Ninh. Đặc biệt đã có những dự án quy hoạch công viên có quan tâm đến việc khai thác các yếu tố văn hóa, như dự án công viên văn hóa Đền Đầm hay dự án quy hoạch phân khu công viên Văn Miếu. Những dự án này hiện vẫn đang trong quá trình thực hiện quy hoạch. Tuy nhiên thực trạng tổ chức không gian công viên hiện có tại đô thị Bắc Ninh việc lồng ghép các yếu tố VHTT vẫn chưa thực sự hiệu quả. Các hoạt động văn hóa truyền thống diễn ra ở công viên chưa thường xuyên và không đồng đều ở các công viên trong địa bàn thành phố. Hình thức cũng như cách tổ chức không gian vẫn chưa thực sự được lưu tâm khai thác các yếu tố VHTT, nếu có thì vẫn còn khô khan và khiên cưỡng. Vì vậy để giải quyết vấn đề này, việc nghiên cứu khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên là yêu cầu cần thiết, không chỉ có ý nghĩa thực tiễn mà còn có ý nghĩa chuyên môn đặc biệt với lĩnh vực QH không gian.

(b) Những vấn đề tồn tại trong các nghiên cứu khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh:

Vấn đề khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên là một chủ đề lớn được quan tâm đánh giá ở nhiều góc độ khía cạnh khác nhau

- Về mảng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan các không gian công cộng trong đô thị, bao gồm các không gian vui chơi dành cho trẻ em, không gian công cộng trong khu ở, công viên đô thị. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các nguyên tắc bố trí các không gian chức năng, các cách phối kết, bố cục quy hoạch, kiến trúc. Nhằm là cơ sở cho việc xây dựng, phát triển, mở rộng thêm nhiều

không gian công cộng có chất lượng, phục vụ cho lợi ích của cộng đồng. Tuy nhiên trong những nghiên cứu này phần lớn chỉ đề cập cụ thể tới (phương thức quản lý quy hoạch, tổ chức không gian, phân bố chức năng hoạt động...) chưa được định hình rõ ở những cấp độ chi tiết hơn, đặc biệt là khi nó có sự xuất hiện của những đặc thù riêng như lồng ghép các yếu tố VHTT thì việc áp dụng các kết quả trên cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng hơn nữa. Do đó, các kết quả nghiên cứu này có giá trị lý luận và là cơ sở để luận án kế thừa trong những phát triển nghiên cứu sâu hơn.

- Về mảng VHTT phần nhiều đến từ các viện nghiên cứu về văn hóa, triết học, khoa học xã hội. Là vấn đề được quan tâm, từ những biến đổi về mặt văn hóa xã hội, sự biến thiên theo thời gian của VHTT đến hiện tại, sự cân bằng, hòa nhập, hay những tác nhân ảnh hưởng đến bản sắc VHTT của dân tộc. Các nghiên cứu này đều hướng tới mục tiêu gìn giữ, bảo tồn những sắc thái đặc trưng văn hóa Việt nói chung, Kinh Bắc hay Bắc Ninh nói riêng. Các nghiên cứu về VHTT, sinh hoạt văn hóa cộng đồng hầu như chưa đề cập trực tiếp vào những giới hạn không gian cụ thể, cũng như chưa có một nghiên cứu nào có tính tổng hợp chung, đặc biệt là những đặc trưng văn hóa tại Bắc Ninh- khu vực nghiên cứu của đề tài. Vì vậy nếu quy chiếu theo những nghiên cứu này, thì xuất hiện một khoảng trống đó là: Các yếu tố đặc trưng VHTT tại Bắc Ninh là gì? Trong tất cả những sắc thái, đặc trưng văn hóa đó những yếu tố văn hóa nào sẽ được khai thác đưa vào tổ chức không gian công viên? Các không gian chức năng sẽ được tổ chức như thế nào? Sự gắn kết giữa yếu tố văn hóa với không gian vật thể ra sao? Vấn đề định hướng tổ chức thực hiện, định hướng quản lý, khai thác công viên trong quá trình sử dụng như thế nào? Đây là một loạt câu hỏi mà luận án nhận thấy dường như còn có sự mơ hồ và không rõ ràng, nhất là khi lắp ghép các kết quả nghiên cứu lại trong một không gian xác định.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là sự kế thừa từ các nghiên cứu trước đó. Đồng thời, luận án sẽ đề xuất những luận điểm và giải pháp đóng vai trò khớp nối và gắn kết các kết quả từ các nghiên cứu này.

1.6.2. Hướng tập trung nghiên cứu của đề tài

Từ tồn tại của thực trạng khu vực nghiên cứu, cùng với kết quả của các nghiên cứu trước, luận án tập trung nghiên cứu giải quyết các vấn đề sau:

- Xác định, nhận diện, phân loại đối tượng nghiên cứu
 - Đánh giá thực trạng hệ thống công viên trong đô thị Bắc Ninh.
 - Đánh giá thực trạng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.
 - Xác định, hệ thống hóa các giá trị VHTT tại Bắc Ninh, bao gồm 2 nhóm yếu tố (văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể)
- Xây dựng cơ sở khoa học tiến hành đề xuất
- Đề xuất phương án, các giải pháp khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian chức năng công viên.
 - Mô hình cấu trúc không gian công viên
 - Phân khu chức năng
 - Tổ chức không gian
 - Hạ tầng kỹ thuật
 - Các giải pháp tổ chức thực hiện, định hướng quản lý, khai thác công viên trong quá trình sử dụng.
- Khả năng áp dụng và nhân rộng

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC KHAI THÁC YẾU TỐ VHTT TRONG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH

2.1. Cơ sở lý luận.

2.1.1. Cơ sở lý luận về tổ chức không gian công viên

2.1.1.1. Các loại hình công viên trong đô thị

Công viên là thành phần không thể thiếu trong cấu trúc không gian đô thị, là khoảng trống quan trọng dành cho các hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, là nơi lý tưởng tổ chức lễ hội truyền thống mang tính cộng đồng với quy mô lớn. Ngoài ra công viên còn góp phần trong việc hình thành, bảo vệ và cải thiện môi sinh. Mỗi một đô thị thường cần nhiều loại công viên khác nhau không chỉ phong phú về thể loại mà còn đa dạng về cấp độ, có thể tận dụng, khai thác tối đa nền tảng cảnh quan tự nhiên vốn có của đô thị đồng thời có thể đáp ứng nhu cầu xã hội, sức khỏe, kinh tế và môi trường của cộng đồng. Có thể liệt kê các loại hình công viên chủ yếu theo các đặc điểm nhận diện như sau:

Bảng 2.1. Các loại hình công viên

STT	Đặc điểm	Loại công viên
1	Chức năng	Công viên đơn năng (mang tính chuyên biệt): công viên thực vật, công viên động vật...
		Công viên đa năng: công viên văn hóa giải trí mang tính tổng hợp gồm nhiều chức năng hoạt động
2	Tính chất	Công viên chuyên đề động: Công viên vui chơi cảm giác mạnh, công viên nước, công viên thể thao, công viên viễn tưởng...
		Công viên chuyên đề tĩnh: Công viên lịch sử, công viên kiêm bảo tàng ngoài trời, công viên trung bày, công viên tưởng niệm, công viên rừng, công viên sinh thái nông nghiệp, công viên khoa học
3	Hình thái	Công viên có bố cục theo dạng mảng, dạng tuyến, dạng điểm, tùy vào vị trí và khung cảnh xung quanh.
4	Đối tượng sử dụng	Công viên cho thiếu nhi, công viên dành cho thanh niên...
5	Cấp quản lý	Công viên trung tâm cấp thành phố, công viên cấp quận, công viên cấp khu ở...

2.1.1.2. Hệ thống tầng bậc các công viên trong đô thị

Theo sổ tay hướng dẫn Thiết kế đô thị Urban Design Compendium, các thành phố nên có một hệ thống tầng bậc các công viên, được quy hoạch và phân bố hợp lý trên toàn bộ đô thị, sao cho đảm bảo khả năng tiếp cận tiện lợi, đồng thời tạo ra nhiều lựa chọn vui chơi, nghỉ ngơi phong phú cho người dân. Trong đó các công viên có sự khác nhau về quy mô diện tích, tính chất – chức năng, cũng như khoảng cách đi lại (tính từ trung tâm thành phố) sẽ được liệt kê theo các cấp như sau [103]

Bảng 2.2. Phân cấp công viên [103]

Loại / Chức năng	Diện tích	Bán kính phục vụ	Đặc điểm
Công viên và không gian mở cấp vùng			
Kết nối không gian mở cấp thành phố và các hành lang xanh hạn chế phát triển Phục vụ người dân đến chơi vào các ngày nghỉ	400ha	3,2- 8km	Là các không gian mở , thiên nhiên rộng lớn, rừng cây, đồng cỏ, kể cả những khu vực hoang sơ khó tiếp cận nhưng vẫn là một phần của môi trường tự nhiên. Những công viên lớn này phục vụ các hoạt động giải trí như picnic, dã ngoại, có mức khai thác sử dụng vừa phải. Cần có nơi đỗ xe, bãi để xe tại một số vị trí then chốt
Công viên thành phố			
Được sử dụng chủ yếu vào ngày nghỉ cuối tuần hoặc những dịp nhất định. Di chuyển bằng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện cá nhân.	60ha	3,2 km hoặc lớn hơn nếu công viên rộng hơn nhiều	Là các không gian thiên nhiên lớn, hoặc các công viên được thiết kế hoàn chỉnh, phục vụ cả các hoạt động thư giãn giải trí tự nhiên lẫn các hoạt động cộng đồng có tổ chức. Các công viên có thể tổ chức cả các sân bãi thể thao, nhưng ít nhất vẫn phải dành một diện tích 40ha cho các hoạt động chính của công viên.
Công viên cấp khu đô thị (cấp quận)			
Phục vụ hoạt động giải trí, thư giãn vào	20ha	1,2km	Là khu vực cảnh quan thiên nhiên với nhiều đặc điểm tự nhiên hấp dẫn,

cuối tuần hoặc các dịp khác. Di chuyển bằng phương tiện giao thông công cộng, phương tiện cá nhân hoặc đi bộ.			phục vụ các hoạt động đa dạng của cộng đồng như thể thao ngoài trời, sân chơi, bãi tập cho trẻ em và các hoạt động giải trí khác. Cần có chỗ để xe
Công viên khu vực (cấp phường)			
Có thể đến bằng cách đi bộ hoặc dạo chơi	2ha	0,4km	Phải có sân chơi, bãi chơi cho trẻ, nơi ngồi nghỉ ngoài trời, các cảnh quan tự nhiên được bảo tồn, các cảnh quan nhân tạo và cả những bãi tập lớn nếu diện tích cho phép
Các không gian mở hoặc công viên khu vực loại nhỏ (cấp đơn vị ở)			
Có thể đi bộ đến chơi đặc biệt là người già và trẻ nhỏ. Rất ý nghĩa đối với các khu dân cư đông đúc, mật độ cao	Dưới 2ha	Dưới 0,4km	Vườn hoa, nơi ngồi nghỉ, sân chơi cho trẻ, và các khu vực có các đặc điểm tự nhiên đặc biệt, kể cả những nơi được bảo tồn

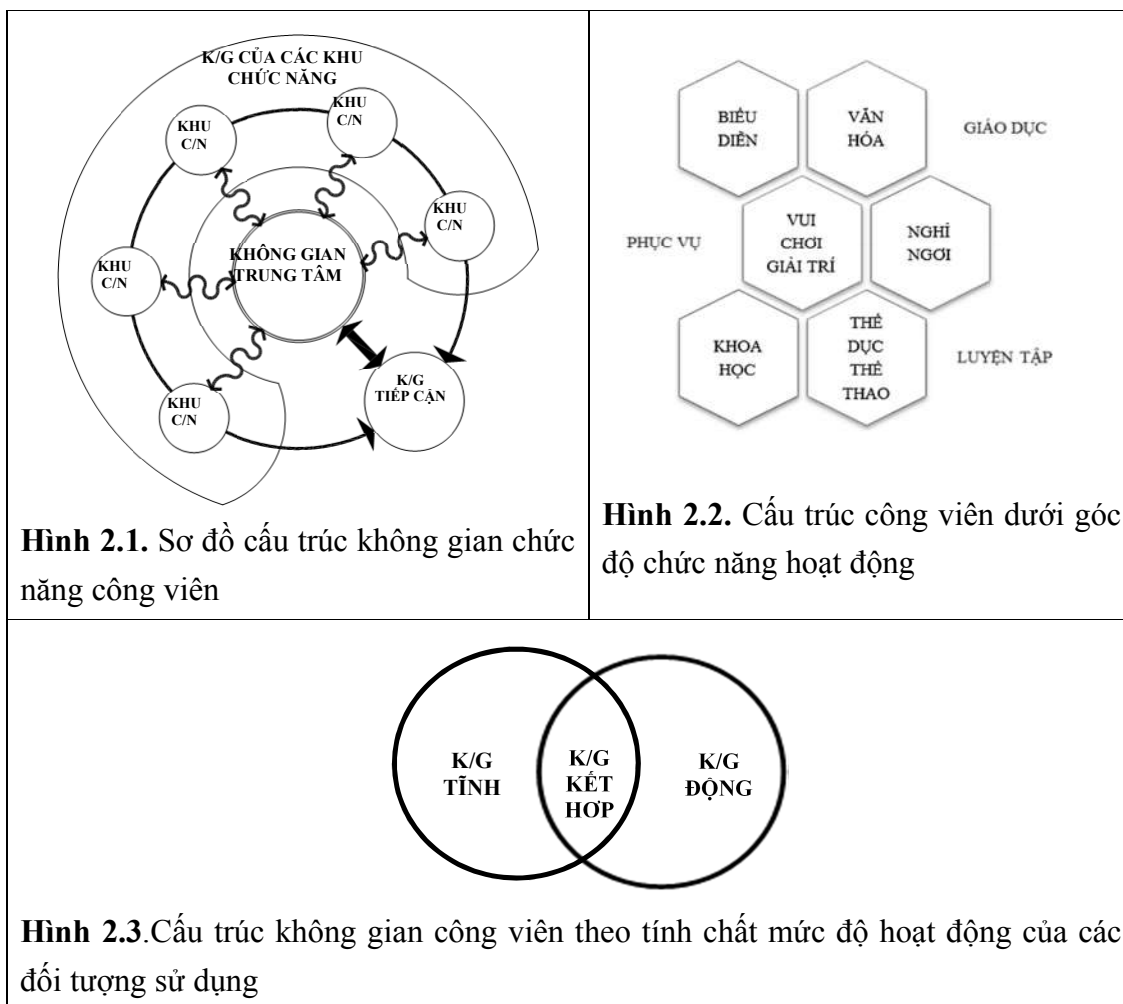
2.1.1.3. Cấu trúc không gian công viên

Có thể thấy dù tiến trình phát triển hay quan điểm có khác nhau thì cấu trúc không gian công viên vẫn bao gồm: *Không gian tiếp cận, không gian trung tâm, không gian các khu chức năng (hình 2.1)*

- **Không gian tiếp cận:** Cổng (Cổng chính, cổng phụ...) , hệ thống giao thông kết nối (đường chính, đường liên hệ giữa các khu chức năng, đường trong khu chức năng...)
- **Không gian Trung tâm:** bao gồm trung tâm chính và các trung tâm phụ. Trung tâm có vị trí gần cổng chính và được liên hệ thuận tiện với tất cả các khu vực khác trong công viên.
- **Không gian của các khu chức năng:** tùy thuộc vào tính chất, loại và quy mô công viên mà có số lượng và nội dung chức năng khác nhau. Với một CVĐCN có thể bao gồm các không gian chức năng cơ bản như: Nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, văn hóa, thể dục thể thao v..v..

Tuy nhiên nếu xét trên nhiều phương diện và tùy theo mục đích nghiên cứu cụ thể, cấu trúc công viên cũng có thể được phân tách theo nhiều cách khác nhau:

Nếu xét cấu trúc công viên dưới góc độ chức năng hoạt động, cũng có thể có cấu trúc công viên như (hình 2.2), tùy thuộc vào quy mô tính chất công viên mà có nhiều hay ít chức năng, công viên đơn năng có chức năng chuyên biệt (công viên thực vật, công viên khoa học...) công viên đa năng tổng hợp hợp nhiều chức năng (vui chơi giải trí, văn hóa giáo dục, thể dục thể thao, nghỉ ngơi...)



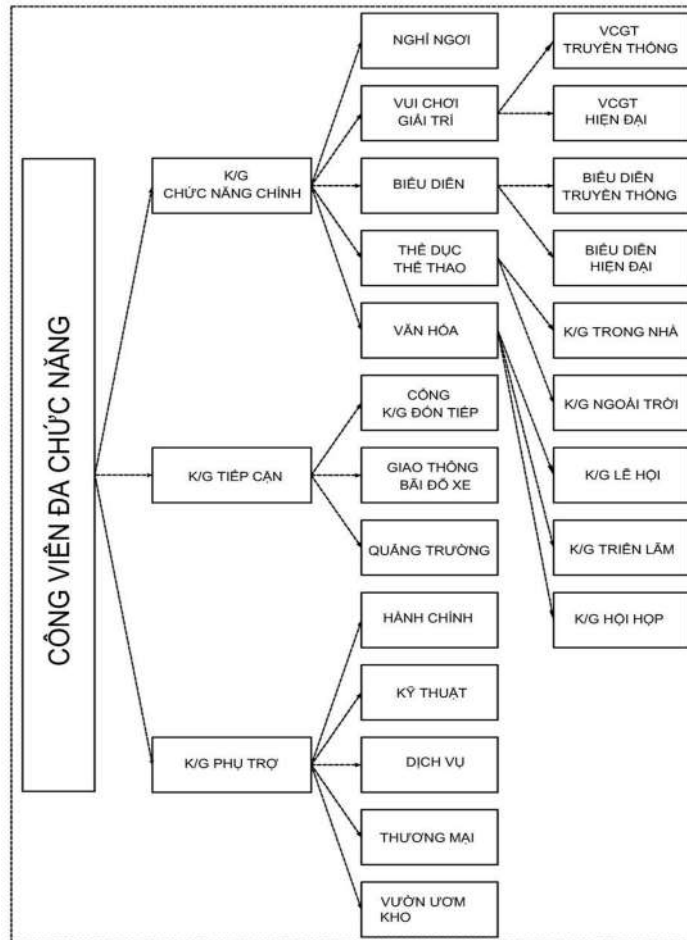
Nếu xét cấu trúc công viên theo trạng thái, tính chất mức độ hoạt động của các đối tượng sử dụng, cũng có thể phân tách cấu trúc công viên như: (hình 2.3)

- Không gian Tĩnh: không gian nghỉ ngơi, thư giãn yên tĩnh
- Không gian Động: không gian thể dục thể thao, vui chơi giải trí

- Không gian kết hợp: không gian văn hóa giáo dục

(Trạng thái tĩnh, động được phân biệt trên cơ sở mức độ gây ồn hay nhiệt năng sinh ra trong quá trình hoạt động chính bên trong khu chức năng đó)

Qua những phân tích chung, cấu trúc công viên có thể được tổng hợp như sau:



Hình 2.4. Sơ đồ cấu trúc công viên

- **Không gian chức năng chính:**

- ✓ Không gian văn hóa giáo dục (k/g lễ hội, k/g triển lãm, k/g hội họp...);
- ✓ Không gian vui chơi giải trí (vui chơi giải trí truyền thống, hiện đại);
- ✓ Không gian thể dục thể thao (không gian trong nhà, ngoài trời)
- ✓ Không gian nghỉ ngơi
- ✓ Không gian biểu diễn (không gian biểu diễn nghệ thuật truyền thống, hiện đại)

- **Không gian tiếp cận :**

- ✓ Không gian đón tiếp
- ✓ Không gian kết nối (quảng trường...)
- ✓ Giao thông/ bãi đỗ xe

- **Không gian phụ trợ**

- ✓ Hành chính
- ✓ Dịch vụ,
- ✓ Vườn ươm
- ✓ Kỹ thuật
- ✓ Thương mại
- ✓ Kho...

Theo tiêu chuẩn 9257: 2012- Bộ KH-CN các chức năng trong công viên văn hóa, vui chơi giải trí (đa chức năng) bao gồm: khu văn hóa giáo dục, khu biểu diễn, khu thể thao, khu thiếu nhi, khu yên tĩnh, khu phục vụ. Trong đó mỗi khu chức năng lại có những đặc tính và cách phân vùng khác nhau cho phù hợp với quy mô, đặc điểm địa hình và vị trí xây dựng công viên:

- Khu biểu diễn: chủ yếu tổ chức các không gian phục vụ biểu diễn, hoặc có các công trình biểu diễn (sân khấu ngoài trời, trong nhà...); với CVĐCN có khai thác các yếu tố VHTT, khu biểu diễn chính là nơi tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống bên cạnh các hoạt động biểu diễn hiện đại; trường hợp tại Bắc Ninh khu biểu diễn có thể là không gian hát Quan họ (một trong những giá trị văn hóa đặc trưng của vùng đất Kinh Bắc)
- Khu văn hóa giáo dục: là những không gian phục vụ cho nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận với lịch sử, văn hóa nghệ thuật truyền thống: như không gian triển lãm trưng bày nghệ thuật truyền thống, khu vực tổ chức lễ hội truyền thống, khu làng nghề truyền thống, khu vực tái hiện các sự kiện lịch sử...
- Khu thiếu nhi: chức năng chính vừa tổ chức vui chơi giải trí, hoạt động thể thao cho thiếu nhi vừa mang tính chất giáo dục, học tập nhằm nâng cao đức- trí- lực và trình độ thẩm mỹ. Nếu lồng ghép yếu tố VHTT, đây sẽ là không gian diễn ra các trò chơi truyền thống (kéo co, bịt mắt bắt dê...)
- Khu thể thao: nơi tổ chức các hoạt động thể thao trong nhà, ngoài trời trong đó có thể tận dụng những hình thức thể thao biểu diễn mang đặc tính dân gian như đấu vật, võ dân tộc...
- Khu nghỉ tĩnh: chủ yếu tạo môi trường thật sự yên tĩnh, có cảnh đẹp để ngắm nhìn, có những trò giải trí tĩnh (chơi cờ); có những sinh hoạt văn học nghệ thuật

như ngâm thơ, bình tranh đọc sách...

Có thể nói trong tổ chức không gian công viên, các khu chức năng này có thể được phân tán độc lập, hoặc được kết hợp thành từng nhóm theo chủ đề, ý tưởng thiết kế. Với trường hợp công viên đa chức năng có khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian thì những không gian mang đặc trưng VHTT trong các khu chức năng sẽ là những không gian trung tâm, mang tính chủ đạo.

2.1.1.4. Các đối tượng hoạt động trong các khu chức năng

Trong tổ chức không gian công viên, đặc điểm, tính chất của hoạt động diễn ra trong các khu chức năng đóng vai trò quan trọng và có tác động không nhỏ. Vì vậy trong cấu trúc chức năng công viên, việc xác định các hoạt động và đặc tính của nhóm hoạt động sẽ có cách bố trí, sắp xếp tổ chức không gian các khu chức năng sao cho phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Ngoài ra, đối tượng hoạt động, tần suất, thời gian hoạt động cũng là những tác động tới tổ chức không gian công viên. Cụ thể:

- Giới tính: Sự khác nhau về giới, đặc tính giới ảnh hưởng nhiều đến quyết định, cách lựa chọn, sử dụng các khu chức năng trong công viên, cũng như yêu cầu trong tổ chức không gian
- Độ tuổi: Đa phần công viên được phục vụ cho mọi lứa tuổi, tuy nhiên đối với từng khu chức năng, mỗi độ tuổi khác nhau lại có nhu cầu và yêu cầu về không gian chức năng khác nhau: đối với lứa tuổi thanh thiếu niên, lứa tuổi trẻ trung, nhiều nhiệt huyết, sẽ có nhu cầu tham gia vào các hoạt động sôi nổi, vui tươi mang tính chất động; lứa tuổi trung niên, lứa tuổi đang trong độ tuổi lao động, tâm lý hướng đến sự ổn định sẽ có nhu cầu tham gia vào các hoạt động trong những không gian chức năng tiện dụng mang lại hiệu quả cao; lứa tuổi cao niên (người đã về hưu >60 tuổi) với bề dày trải nghiệm cuộc sống, có xu hướng nghỉ ngơi, an nhàn sẽ mong muốn tham gia vào các hoạt động nhẹ nhàng. [24]
- Ngành nghề lao động: trong tổ chức không gian chức năng công viên, đa dạng ngành nghề lao động cũng dẫn đến những tác động khác nhau. Không chỉ đặc trưng nghề nghiệp mà sự khác nhau trong ngành nghề dẫn đến sự chênh lệch

tiềm lực kinh tế cũng là tác nhân không nhỏ ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng không gian

- Trình độ học vấn: Trình độ học vấn ảnh hưởng đến nhận thức đồng thời cũng dẫn đến sự thay đổi, chênh lệch trong nhu cầu, yêu cầu sử dụng không gian chức năng.
- Khoảng cách đến công viên: Ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng công viên.
- Thời gian hoạt động: thể hiện thói quen sử dụng các khu chức năng.
- Tần suất hoạt động (mức độ thường xuyên sử dụng không gian): thể hiện mức độ hoạt động, nhu cầu hoạt động trong các khu chức năng trong công viên, từ đó có những cách tổ chức không gian sao cho phù hợp



Hình 2.5. Sơ đồ các thành phần, đối tượng hoạt động ảnh hưởng đến không gian chức năng trong công viên

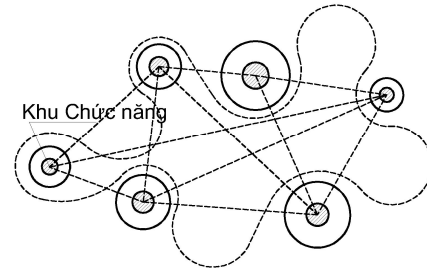
Trong quá trình nghiên cứu, việc đánh giá phân tích nhu cầu nguyện vọng của các đối tượng, các hoạt động chức năng này đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc đưa ra những đề xuất trong tổ chức không gian công viên

2.1.1.5. Các hình thức bố cục không gian công viên

a. Hình thức bố cục tự do

- **Tận dụng điều kiện tự nhiên:** Việc tận dụng điều kiện tự nhiên trong thiết kế không gian công viên là hình thức thường thấy, bởi nó tạo cảm giác hài hòa với

thiên nhiên. Ngoài ra hình thức này còn có nghĩa biến cảnh quan tự nhiên trở thành 1 trong những thành phần cốt lõi trong tổ chức không gian công viên. Hơn nữa ưu điểm của nó là giúp hạn chế có những hành động can thiệp thô bạo vào cảnh quan tự nhiên, từ đó góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn và giúp cân bằng hệ sinh thái. Ở khía cạnh khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên, việc tận dụng điều kiện tự nhiên còn có nghĩa khai thác các đặc điểm về địa hình cảnh quan, đặc trưng về khí hậu, về cây xanh mặt nước nhằm tạo nên nét đặc trưng riêng, gây ấn tượng cũng như sức hút mạnh mẽ cho người tham gia hoạt động.



Hình 2.6. Sơ đồ tận dụng điều kiện tự nhiên

- **Mô phỏng thiên nhiên:** Mô phỏng thiên nhiên cũng là cách thức thường gặp trong bố cục vườn công viên, hình thức này thường được thực hiện dựa trên ý tưởng, mong muốn của người thiết kế: Lấy thiên nhiên làm đề tài khơi nguồn sáng tạo. Hơn nữa cần hiểu mô phỏng thiên nhiên ở đây không phải là sao chép một cách ngẫu nhiên mà là tạo nên một thiên nhiên có phong cách. Trên thế giới hiện nay, cũng có khá nhiều công viên áp dụng cách thức này trong thiết kế và đem lại hiệu quả cao trong cảm thụ cũng như sử dụng không gian.

b. Bố cục theo dạng hình học

- **Bố cục theo mảng, tuyến, điểm:** Với dạng **Bố cục theo mảng:** các khu chức năng được bố trí tạo thành một mảng, một cụm (*thường áp dụng với các khu chức năng có tương đồng về tính chất ví dụ khu vực văn hóa giáo dục và làng nghề truyền thống*); **Bố cục theo tuyến** các khu chức năng được bố trí theo một tuyến tạo sự kết nối liên hoàn trong tổng thể công viên; **Bố cục theo điểm:** các khu chức năng được bố trí độc lập, thường áp dụng khu muốn nhấn mạnh hoặc làm nổi bật tính chất của khu chức năng (*ví dụ khu dân ca Quan họ*). (Hình 2.7)
- **Sử dụng các đường tia hội tụ, hướng tâm:** Cách bố cục này được sử dụng với các liên khu chức năng được bố trí trên những tuyến nhất định, có hướng đổ về

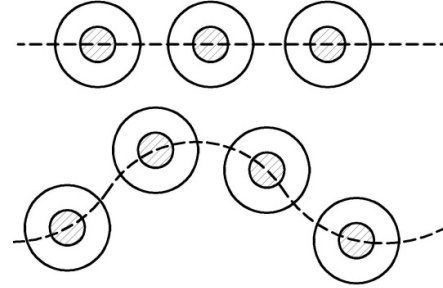
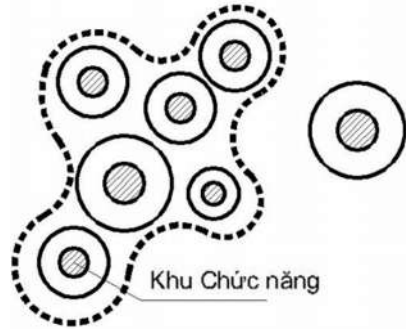
trung tâm và công chính, nguyên tắc thiết kế với các đường tia hội tụ thường tạo những không gian với những hình ảnh phối cảnh hoành tráng (*ví dụ không gian VHGD với không gian trung tâm là không gian biểu diễn VHTT*). Trong quá trình xây dựng và phát triển công viên trên thế giới và tại Việt Nam, hình thức bố cục sử dụng các đường tia hội tụ là 1 trong những hình thức ưa thích sử dụng. (Hình 2.8)

- **Tạo các trục đối xứng :** Bố cục hình học với các trục đối xứng đều đặn hay sử dụng các dạng đối xứng đa trục với những biến thể của đường thẳng đường tròn để tạo nên những không gian vô cùng phong phú đã được áp dụng khá nhiều ở các công viên trên thế giới. Tại Việt Nam, hình thức này cũng được sử dụng phổ biến trong bố cục vườn công viên truyền thống, với các không gian chức năng được bố trí đối xứng qua trục trung tâm. Ngay cả trong các không gian chức năng riêng biệt, thủ pháp này cũng được sử dụng, đặc biệt trục đối xứng hay được sử dụng nhiều trong không gian trung tâm nhằm tạo cảm giác trang nghiêm, với những tư tưởng chủ đề rõ rệt. (Hình 2.9)

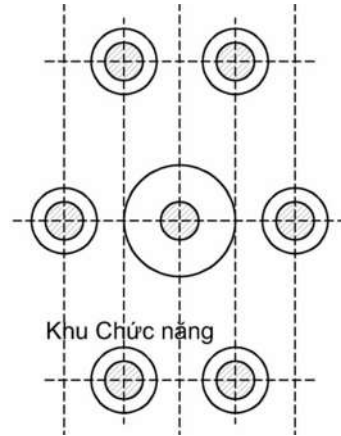
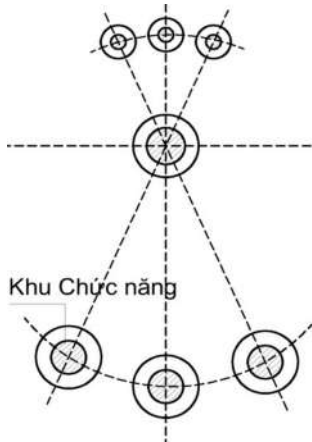
- **Sử dụng các dạng hình học đều đặn** (Hình 2.10): Những dạng hình học được sử dụng trong thiết kế không gian chủ yếu là hình đều đặn như vuông, tròn, bát giác, lục lăng, nếu sử dụng hình chữ nhật thì thường là nửa của một hình vuông, hình bán nguyệt cũng là nửa của hình tròn. Trong thiết kế truyền thống, hình vuông và hình tròn là 2 dạng hình học được ưa chuộng, xuất phát từ đạo lý vẹn toàn trong mọi mối quan hệ xã hội, trung hiếu với đất nước, tình nghĩa với gia đình, thể hiện quan điểm triết lý nhân sinh quan của người dân Việt Nam. Vì vậy sử dụng các dạng hình học đều đặn không chỉ là 1 trong những nguyên tắc hay được sử dụng trong thiết kế vườn, không gian công viên truyền thống mà còn là những nguyên tắc thiết kế đến nay vẫn được sử dụng phổ biến.

c. Bố cục kết hợp: Trong quá trình thiết kế và xây dựng công viên, việc kết hợp các hình thức bố cục không gian vừa tôn trọng địa hình tự nhiên vừa sử dụng các thủ pháp hình học đôi khi lại đem lại những hiệu quả cao. Như kết hợp hệ thống đường trục và công trình bố trí đối xứng, cây xanh, mặt nước được bố trí tự do theo điều kiện địa hình tự nhiên (Hình 2.11)

Các hình thức bố cục không gian công viên

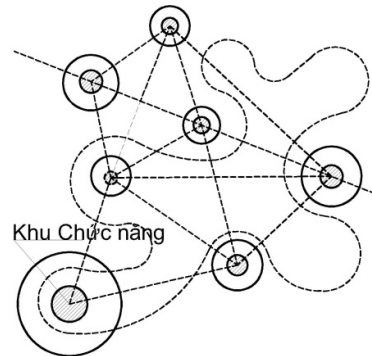
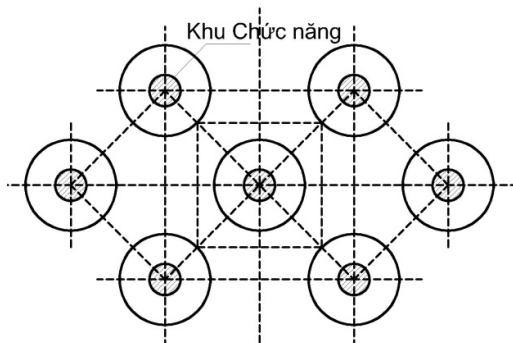


Hình 2.7. Sơ đồ bố cục theo mảng, tuyến, điểm



Hình 2.8. Sơ đồ sử dụng các đường tia hội tụ, hướng tâm

Hình 2.9. Sơ đồ sử dụng các dạng hình học với các trục đối xứng



Hình 2.10. Sơ đồ sử dụng các dạng hình học đều đặn

Hình 2.11. Sơ đồ bố cục kết hợp

2.1.1.6. Không gian văn hóa truyền thống

Trong lịch sử xã hội loài người, điều có ý nghĩa nhất và cũng trở thành vấn đề đáng quan tâm chính là nền văn hóa mà con người đã sáng tạo ra trải rộng dài theo không gian và thời gian. Có thể nói văn hóa bao trùm lên mọi mặt, mọi khía cạnh của đời sống con người, là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần và vật chất, trí tuệ và cảm xúc, đồng thời văn hóa cũng gắn liền với sự vận động của thực tiễn xã hội. Mỗi một dân tộc trải qua quá trình hình thành và phát triển, sáng tạo ra nền văn hóa của chính mình, trong đó có chứa đựng các giá trị văn hóa. Các giá trị văn hóa này được lưu truyền trong xã hội qua các thời kỳ lịch sử và trở thành các giá trị văn hóa truyền thống. Văn hóa truyền thống thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau: vật chất và tinh thần, vật thể và phi vật thể, cả trong cơ sở hạ tầng lẫn kiến trúc thượng tầng của xã hội. VHTT mang tính phổ biến, ổn định, tiêu biểu cho dân tộc và tạo nên bản sắc cho dân tộc đó. Chính vì thế VHTT phải là cơ sở để tạo nên sức mạnh liên kết xã hội, là điểm tựa vững chắc cho một dân tộc trong quá trình vận động lịch sử ở hiện tại cũng như tương lai.

Để đạt được mục tiêu này, ở khía cạnh quy hoạch, một trong những cách thức bảo tồn phát huy các giá trị VHTT chính là hình thành các không gian VHTT. Đây phải là những không gian có thể truyền tải được những nội dung, tư tưởng, lối sống, phong tục tập quán của cộng đồng. Là không gian chứa đựng các hoạt động VHTT có giá trị như các hoạt động lễ hội truyền thống, biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống (biểu diễn Quan Họ, hát chèo, múa rối nước...), các hoạt động sản xuất truyền thống (làng nghề truyền thống)... Hay cụ thể hơn các giá trị văn hóa truyền thống (vật thể và phi vật thể) sẽ được áp dụng trong không gian một cách rõ ràng; các giá trị văn hóa phi vật thể sẽ được thể hiện trong không gian công năng (các khu chức năng trong không gian), các giá trị văn hóa vật thể sẽ thuộc về không gian môi trường và không gian thẩm mỹ (tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan). Rõ ràng việc phân chia như vậy sẽ tạo sự nhất quán trong quá trình nghiên cứu và thiết kế quy hoạch. Vì vậy trong cấu trúc công viên có khai thác các giá trị VHTT, không gian VHTT sẽ là một trong những thành phần không gian đặc biệt không thể thiếu.

Đây chính là hạt nhân quan trọng trong mô hình cấu trúc không gian công viên.

2.1.2. Cơ sở lý luận về Văn hóa truyền thống

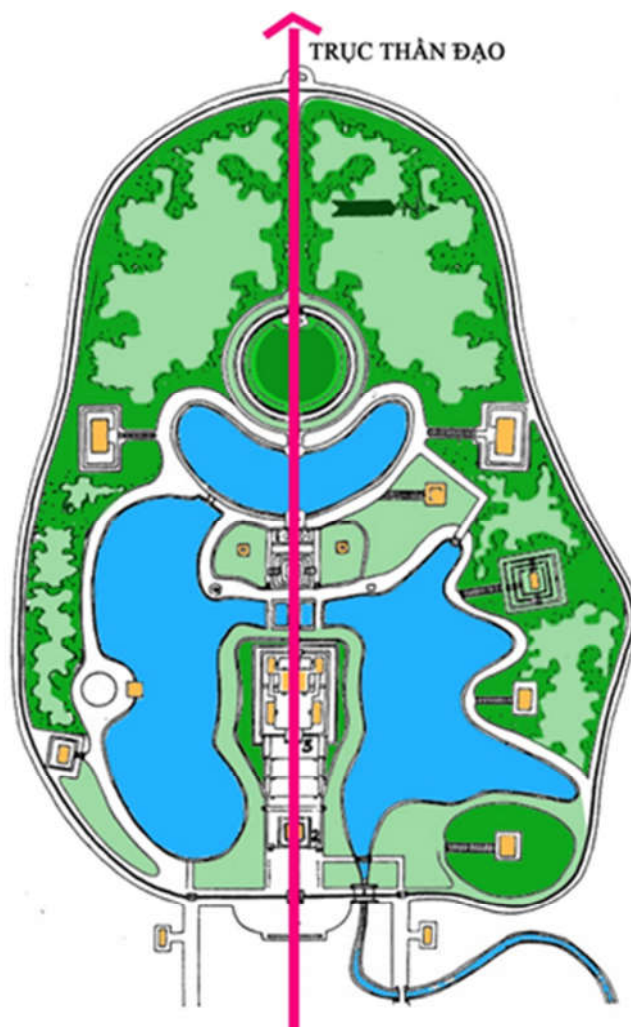
2.1.2.1. Triết học Phương Đông trong tổ chức không gian công viên

Trong quá trình hình thành và phát triển, hình thái tổ chức không gian công viên trên thế giới đặc biệt ở các nước Phương Đông và ở Việt Nam, luôn chịu chi phối và ảnh hưởng bởi các tư tưởng, quan điểm, triết học phương Đông. Đó là những triết lý sâu sắc về nhân sinh quan, về tôn giáo và tín ngưỡng, được thể hiện rất rõ trong bố cục, trong tổ chức không gian công viên, khiến cho những không gian này trở nên khúc triết và giàu tính hình tượng, đồng thời các chủ đề biểu đạt trong không gian cũng trở nên rõ ràng, cô đọng và giàu cảm xúc.

Dưới góc nhìn của triết học Phương Đông, tổ chức không gian có xu hướng coi *Con người- Thiên nhiên- Kiến trúc* là một thể thống nhất theo thuyết *Tam Tài: Thiên- Địa- Nhân*. Có nghĩa “Người với trời đất là cùng một thể thống nhất”, Người với Trời tương đồng từng điểm, cho nên vũ trụ mà không có người thì vũ trụ không còn toàn vẹn, không thành được vũ trụ nữa. Nói cách khác vũ trụ là một đại hòa điệu, nếu mất một yếu tố thì hòa điệu cũng không còn. Đặc biệt trong tổ chức không gian công viên của các nước phương Đông bố cục cảnh quan theo thuyết phong thủy, thiết kế không gian theo bố cục cảnh quan liên hoàn có nhiều ngụ ý, tứ thơ, mang tính biểu tượng là một trong những xu hướng. Cơ sở tư duy của phong thủy là sự vận dụng triết lý cổ truyền của phương Đông trong việc thiết kế, tổ chức xây dựng môi trường sống nhân tạo vừa thích hợp với các yêu cầu phát triển của con người, vừa phù hợp với các quy luật tồn tại, vận động của tự nhiên. Triết lý về âm-dương, ngũ hành chính là phép tư duy biện chứng của các triết gia cổ phương Đông khi nhận thức thế giới. Thuyết âm dương ngũ hành hay thủ pháp tạo tính lưỡng nguyên có nghĩa là trong cái nhỏ ẩn tàng cái lớn, trong cái hư có cái thực hoặc thủ pháp tạo sự ẩn hiện trong không gian cũng là thủ pháp hay được sử dụng. Tổ chức cây xanh mặt nước trong không gian kiến trúc cảnh quan công viên cũng ảnh hưởng xu hướng này, đó là phải đáp ứng được ý đồ, bố cục, tạo ảo giác về phối cảnh và hài hòa về tỷ lệ với không gian.

Bảng 2.3. Triết học phương Đông trong tổ chức không gian vườn- công viên Việt Nam

<p>Quan điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cõi <i>Con người- Thiên nhiên- Kiến trúc</i> là một thể thống nhất theo thuyết <i>Tam Tài: Thiên- Địa- Nhân</i>. - Vườn- công viên được xem “là một không gian kiến trúc dựa vào hình thể thiên nhiên để tạo nên không gian trữ tình có sự kết hợp giữa các yếu tố tự nhiên và kiến trúc, đặc biệt khai thác triệt để các yếu tố sông hồ, núi đồi, cây xanh và hoa trái, khai thác triệt để các yếu tố về đá, nước và cây...”.[18]
<p>Nguyên tắc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng thuyết phong thủy mang tính biểu tượng trong bố cục cảnh quan - Chọn hướng bố cục theo trục “Thần đạo” Bắc Nam (<i>theo quan niệm của nhận thức truyền thống hướng này sẽ đạt được sự hài hòa âm dương</i>) - Tạo tính lưỡng nguyên (<i>Thuyết âm dương ngũ hành</i>) nghĩa là trong cái nhỏ ẩn tàng cái lớn, trong cái hư có cái thực.
<p>Hình thức thể hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục tự do (tận dụng thiên nhiên, mô phỏng tự nhiên) - Bố cục hình học (trục đối xứng) - Tạo sự ẩn hiện trong không gian
<p>Các thành phần trong không gian KTCQ</p>	<p>Mỗi một bộ phận kiến trúc cảnh quan (<i>đường xá, núi, hồ, cỏ cây...</i>) đều gắn với một chức năng tinh thần, đều chứa đựng tính luân lý hoặc triết học nhất định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố mặt nước: được sử dụng làm nền hoặc phối cảnh cho các công trình kiến trúc, tạo nên vẻ mềm mại, thơ mộng đặc biệt của cảnh quan. Kết hợp sơn- thủy thông qua sự phối trí giữa dòng nước với các non bộ, giả sơn - Yếu tố cây xanh: là một bộ phận của thiên nhiên trong thuyết "Tam tài", cây trồng phải đáp ứng ý đồ, bố cục, tạo ảo giác về phối cảnh và hài hòa với tỷ lệ công trình - Công trình kiến trúc: sử dụng thủ pháp “Thần tiên tam đảo” (<i>kết hợp giữa kiến trúc với yếu tố mặt nước</i>)- “Thần tiên tam đảo” là thủ pháp đắp 3 hòn đảo giữa mặt nước tượng trưng cho 3 hòn đảo Bồng lai, Phương Trượng và Doanh Châu, theo truyền thuyết là nơi dành cho tiên giới



Hình 2.12. Minh họa triết học Phương Đông trong tổ chức không gian vườn lăng Minh Mạng. Bố cục vườn lăng Minh Mạng thể hiện rất rõ quan điểm triết học phương Đông đó là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố tự nhiên và kiến trúc, đặc biệt khai thác triệt để các yếu tố mặt nước và cây xanh. Các công trình kiến trúc ở đây đều đối xứng qua một trục là đường “Thần đạo”. Cắt dọc theo đường thần đạo, các công trình được bố trí cao thấp theo một nhịp điệu vắn luật nhất quán, âm dương xem kẽ. Đặc biệt mỗi một công trình đều mang những ý nghĩa tượng trưng. Ngoài ra, yếu tố mặt nước trong bố cục vườn lăng cũng thể hiện rất rõ ảnh hưởng của triết học phương Đông- hồ Tân Nguyệt hình trăng non tượng trưng yếu tố “Âm” bao bọc, che chở cho yếu tố “Dương”-Bửu Thành- biểu tượng mặt trời, cách bố trí này thể hiện quan niệm về sự biến hóa ra muôn vật.

Có thể thấy những đặc trưng triết học đã là một đặc thù, một nét đẹp riêng của nền văn hóa Phương Đông, của văn hóa Việt Nam. Việc vận dụng triết lý cổ truyền của Phương Đông trong thiết kế, tổ chức xây dựng môi trường sống nhân tạo, vừa thích hợp với các yêu cầu phát triển của con người vừa phù hợp với các quy luật tồn tại, vận động của tự nhiên. Do đó những tư duy triết học- nét đặc thù của nền văn hóa phương Đông- cần được quan tâm, khai thác và giữ gìn, đặc biệt trong việc tổ chức không gian công cộng nói chung và không gian công viên nói riêng.

2.1.2.2. Vai trò của VHTT trong xu thế toàn cầu hóa

Toàn cầu hoá là một xu thế khách quan, đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt trong đời sống xã hội của các quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hoá không chỉ mang lại thời cơ lớn, mà còn tạo ra những thách thức không nhỏ đặc biệt là với các nước đang phát triển trong trào lưu hội nhập quốc tế. Nó đòi hỏi cần phải mở cửa giao lưu, đón nhận và tiếp thu những giá trị mới, tiên bộ của nhân loại. Từ đó thúc đẩy và hình thành nền kinh tế tri thức, góp phần hình thành lối sống văn minh hiện đại.

Vì thế để phát huy những mặt tích cực này, vai trò của văn hóa hết sức quan trọng. Bởi lẽ VHTT không chỉ là nền tảng tinh thần mà còn là hệ thống các thang bậc giá trị của toàn xã hội, toàn dân tộc. Đặc biệt trong quá trình toàn cầu hóa vấn đề kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa được đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết. Văn hóa nói đến ở đây có thể hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các lĩnh vực: đạo đức, phong tục tập quán, giáo dục, văn học nghệ thuật, thông tin đại chúng. Rõ ràng chỉ theo nghĩa rộng, văn hóa hóa mới được coi là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực là cơ sở cho quá trình phát triển kinh tế- xã hội. Nếu không dựa trên nền tảng của giá trị VHTT thì không thể tiếp thu có hiệu quả những thành tựu hiện đại và càng không thể có sự phát triển lâu bền. Ngoài ra cũng cần phải nhận thức giá trị VHTT là những giá trị thuộc về tư tưởng, lối sống, chuẩn mực đạo đức được cộng đồng thừa nhận và bảo tồn, gìn giữ từ đời này sang đời khác... Chính những giá trị văn hóa này sẽ là cơ sở thúc đẩy quá trình phát triển. Một đất nước, một dân tộc sẽ không còn là chính mình nếu đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Theo đó hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là những nhu cầu tất yếu, khách quan để

một dân tộc có thể tồn tại và phát triển trong xu thế toàn cầu hoá, việc nhận thức rõ vấn đề này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống dân tộc nói riêng và phát triển đất nước nói chung. Bởi “văn hóa chính là linh hồn cho một đô thị phát triển bền vững”. Hay nói cách khác cần phải tạo được sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển. Vì vậy việc kết hợp hài hòa yếu tố VHTT trong quy hoạch phát triển không gian còn là một vấn đề hết sức cần thiết trong quá trình phát triển đô thị bền vững. Hơn nữa trong quá trình phát triển dựa trên nền tảng cơ sở VHTT có thể xây dựng những đô thị có bản sắc riêng, đặc trưng riêng không thể trộn lẫn. Hay nói cách khác bên cạnh việc thúc đẩy quá trình phát triển, VHTT còn có vai trò định hướng phát triển. Ngoài ra vai trò của văn hóa trong xu thế toàn cầu hóa còn thể hiện trong đời sống xã hội, như phát huy sức mạnh VHTT, góp phần giữ gìn bản sắc, lối sống, phong tục tập quán, tín ngưỡng nhằm mục đích kết nối, giao lưu quốc tế. Từ đó khẳng định vị thế của đất nước trên bản đồ thế giới.

Với những giá trị to lớn và tầm quan trọng của vai trò văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa, việc vận dụng những yếu tố VHTT đặc trưng trong tổ chức không gian CVĐCN là một trong những yêu cầu không nằm ngoài xu thế. Do đó nếu biết khai thác hiệu quả giá trị VHTT sẽ đem lại những tác động tích cực trong việc làm tăng sức hút cho các CVĐCN, cũng như đem lại hiệu quả văn hóa, kinh tế một cách bền vững.

2.1.2.3. Xu hướng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển công viên, yếu tố VHTT luôn là yếu tố được quan tâm, coi trọng. Bởi lẽ VHTT luôn là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt trong tổ chức không gian công viên, yếu tố văn hóa luôn luôn hiện hữu. Chính vì vậy, khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên đã trở thành xu hướng; không chỉ trong quy hoạch tổng thể công viên mà cả trong phân khu chức năng.

- Xu hướng khai thác yếu tố VHTT trong phân khu chức năng công viên:

Theo quan điểm này công viên bao gồm nhiều vùng chức năng được phân chia một

cách rõ ràng, trong đó các yếu tố văn hóa được lồng ghép trong các khu chức năng hoặc trong các hoạt động tổ chức của công viên. Ví dụ các khu chức năng là những không gian trưng bày những di tích lịch sử văn hóa, các công trình kiến trúc đặc trưng của vùng miền theo tỷ lệ thu nhỏ, hoặc những không gian tái hiện những hoạt động lễ hội, cuộc sống sinh hoạt, sản xuất...Hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam xu hướng này cũng rất phổ biến (công viên Edo Wonderland- Nhật Bản, Trung Hoa Cẩm Tú- Trung Quốc, công viên Nước Pháp thu nhỏ, công viên Văn hóa Suối Tiên- TP Hồ Chí Minh...)(*phân tích ví dụ tại mục 2.4*)

- **Xu hướng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:** Theo quan điểm này yếu tố VHTT được lồng ghép thông qua học tập bố cục vườn công viên truyền thống với những chủ đề tư tưởng rõ rệt; bố cục theo dạng hội tụ hướng tâm, bố cục đối xứng, bố cục theo dạng hình học đều đặn hay bố cục tự do phân tán theo địa hình tự do. Ví dụ công viên Tiergarten một trong những công viên trong TP nổi tiếng nhất ở Berlin- Đức, công viên trung tâm văn hóa nghỉ dưỡng Gorky- Matxcova- Nga, công viên vườn Versailles- Pháp là một ví dụ điển hình trong việc lồng ghép phong cách bố cục vườn kiểu Pháp. (*Phụ lục 4.1*)

- **Xu hướng khai thác yếu tố VHTT trong xây dựng công viên:** Theo quan điểm này xu hướng áp dụng các giải pháp kết cấu, công nghệ xây dựng, khuyến khích sử dụng các vật liệu địa phương sẵn có bên cạnh các vật liệu xây dựng hiện đại trong quá trình thi công. Ngoài ra sử dụng các công nghệ hiện đại trong tổ chức không gian như tạo những hiệu ứng về âm thanh, ánh sáng và màu sắc, công nghệ 4D,5D nhằm hỗ trợ tái tạo các không gian văn hóa lịch sử, khiến không gian công viên thêm phần sống động, hấp dẫn. Ví dụ Công viên Văn hóa thổ dân Tjapukai- Australia (phân tích mục 2.4), công viên Guell- Barcelona ...(*Phụ lục 4.2*)

Có thể thấy rằng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên đã trở thành một trong những xu hướng, không chỉ tạo nên những không gian công viên sinh động mang đặc trưng, sức hút riêng mà còn góp phần giữ gìn, bảo tồn những sắc thái VHTT của dân tộc.

2.2. Cơ sở pháp lý

2.2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật

- Luật Quy hoạch đô thị Nước CHXHCNVN số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009: Quy định về hoạt động QHĐT gồm lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện QHĐT và quản lý phát triển đô thị theo QHĐT đã được phê duyệt. Trong đó giải thích từ ngữ; đô thị, cảnh quan đô thị và đề cập đến vấn đề Quản lý cây xanh, công viên, cảnh quan tự nhiên và mặt nước
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị: Đây là Nghị định của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị, trong đó ở Chương 2/ điều 10 có nhắc đến Quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên- vườn hoa đô thị: nội dung nhiệm vụ và nội dung đồ án quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên- vườn hoa
- TCVN 9257: 2012 Tiêu chuẩn quốc gia “Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế”: Quy định các chỉ tiêu diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng áp dụng ở cấp toàn đô thị. Trong đó giải thích thuật ngữ: cây xanh công viên, cây xanh vườn hoa, đất cây xanh sử dụng công cộng, các quy định, tiêu chuẩn đất cây xanh công viên theo từng loại đô thị, các yêu cầu thiết kế quy hoạch xây xanh, các chủng loại cây, giải pháp bố trí, thủ pháp bố cục cây xanh.

Các văn bản pháp quy

- Quyết định số 151/201/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 V/việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030: Đề ra mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch văn hóa lớn của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và của cả nước nhằm tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đưa ra các định hướng phát triển: Khu du lịch Miền Quan họ xã Hòa Long- trải nghiệm khám phá các giá trị văn hóa làng quê vùng Kinh Bắc, đặc biệt Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Khu du lịch Văn hóa- vui chơi giải trí tổng hợp Đền Đầm (Từ Sơn); Khu du lịch sinh thái tâm linh Phật Tích (Tiên Du); Khu du lịch văn hóa- lễ hội đền Bà Chúa Kho (TP Bắc Ninh); Không gian lễ hội Lim (Tiên Du)- tìm hiểu những giá trị văn hóa phong phú của di sản Dân ca Quan họ Bắc Ninh

- Quyết định số 108/2012/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 V/việc phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: Đề ra mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế xã hội của tỉnh. Bảo tồn kế thừa và phát huy giá trị truyền thống văn hóa, các di sản văn hóa của tỉnh Bắc Ninh, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của xã hội đương đại. Đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Tăng cường xã hội quá vốn đầu tư cho sự nghiệp văn hóa. Huy động các nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các công trình văn hóa và tổ chức các sự kiện văn hóa
- Quyết định số 60/2013/QĐ- UBND ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đề ra mục tiêu xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành vùng đô thị lớn trong đó đô thị lõi Bắc Ninh chủ yếu hình thành trên cơ sở TP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du với vai trò là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử, từng bước xây dựng nền kiến trúc Bắc Ninh hiện đại có bảo tồn và phát huy kiến trúc truyền thống mang đặc trưng văn hóa Kinh Bắc. Định hướng phát triển vành đai xanh “du lịch văn hóa và sinh thái” sông Đuống, vùng bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử, làng cổ, làng nghề truyền thống, vùng du lịch văn hóa sinh thái nghỉ dưỡng.
- Quyết định số 1560/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn 2050: Đề ra định hướng phát triển không gian đô thị bao gồm bảo tồn các di sản lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể; bảo tồn các không gian làng truyền thống và bộ khung thiên nhiên các triền sông, bảo tồn tự nhiên và di sản quanh khu vực Phật tích; khu vực núi Dạm, bảo tồn tự nhiên khu vực Phú Lâm, bảo tồn tự nhiên di sản sông Đuống, quan họ sông Cầu, bảo tồn tự nhiên và làng nghề, làng Quan họ sông Ngũ Huyện Khê. Đặc biệt trong định hướng phát triển hệ thống công viên cây xanh, công trình thể dục thể thao, bố trí các công viên cấp đô thị tại các phân khu đô thị Bắc Ninh, Tiên Du, Từ Sơn,

Nam Sơn. Xây dựng khu ĐTM Tây Bắc TP Bắc Ninh có các công viên quy mô lớn kết nối với nhau bằng hệ thống cây xanh và mặt nước.

- Quyết định số 198/2017/QĐ-UBND ngày 04/05/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh V/v Phê duyệt đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030”: Đề ra mục tiêu Quy hoạch cụ thể giai đoạn 2017-2025; cấp tỉnh: Hoàn thành xây dựng: Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Trung tâm Bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ; Khu đền thờ Lý Thường Kiệt; các Nhà chứa Quan họ theo Quyết định đã được phê duyệt; 100% đơn vị cấp huyện có quy hoạch quỹ đất xây dựng quảng trường, tượng đài, công viên cây xanh. Định hướng đến năm 2030, 100% đơn vị cấp huyện có quảng trường, tượng đài, công viên. Xác định quy mô sử dụng đất cho các không gian văn hóa thể thao cấp huyện, cấp tỉnh.

2.2.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn

Cây xanh sử dụng công cộng (CXCC) trong các đô thị được thiết kế quy hoạch bao gồm: cây xanh công viên, cây xanh vườn hoa, cây xanh đường phố [107] TCXDVN về CXCC được thể hiện dưới bảng

Bảng 2.4. Tổng hợp tiêu chuẩn diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng

Loại đô thị	Quy mô dân số (người)	TCCX sử dụng công cộng	TCCX công viên	TCCX vườn hoa	TCCX đường phố
ĐT đặc biệt	≥1.500.000	12-15	7- 9	3- 3.6	1.7- 2.0
ĐT loại I&II	250.000- 500.000	10-12	6- 7.5	2.5-2.8	1.9- 2.2
ĐT loại III& IV	50.000- 250.000	9-11	5- 7	2- 2.2	2.0- 2.3
ĐT loại V	4.000- 50.000	8-10	4- 6	1.6- 1.8	2.0-2.5

Trong các đô thị lớn, các công viên chính là các khu chức năng công cộng đô thị. Diện tích các công viên, vườn hoa, vườn dạo được quy định:

Bảng 2.5. Diện tích đất tối thiểu của các loại công viên [103]

TT	Hình thức công viên	Tiêu chí lựa chọn vị trí	Quy mô (ha)
1	Công viên trung tâm đô thị	Gắn với quảng trường trung tâm và các hoạt động giao lưu cộng đồng	15
2	Công viên văn hoá nghỉ ngơi	Gắn với mặt nước	11 - 14

3	Công viên khu vực	Trung tâm Quận, huyện.	10
4	Công viên khu nhà ở	Trung tâm khu nhà ở	3
5	Công viên sinh thái, nghỉ dưỡng, dã ngoại	Gắn với khu vực có cảnh quan thiên nhiên, tiềm năng du lịch, thuận lợi giao thông	>50
6	Công viên chuyên đề (vui chơi giải trí, nghiên cứu khoa học, bách thảo, vườn thú...)	Các khu vực có quỹ đất lớn	>50

Theo TCVN 9257: 2012 các thành phần sử dụng đất và tỷ lệ các loại đất trong công viên văn hóa nghỉ ngơi được xác định như sau:

Bảng 2.6. Thành phần sử dụng đất trong công viên văn hóa nghỉ ngơi

TT	Các khu chức năng	Tỷ lệ (%)
1	Khu văn hóa giáo dục	10- 12
2	Khu biểu diễn	8- 10
3	Khu thể thao	8- 10
4	Khu thiếu nhi	10- 12
5	Khu yên tĩnh	40- 60
6	Khu phục vụ	2- 5

Bảng 2.7. Tỷ lệ các loại đất trong công viên văn hóa nghỉ ngơi

TT	Loại đất	Tỷ lệ đất cây xanh công viên (%)	
		50ng/ha<MĐSD<100ng/ha	MĐSD< 50ng/ha
1	Cây xanh mặt nước	65- 75	75- 85
2	Đường	10- 15	8- 12
3	Sân bãi	8- 12	4- 8
4	Công trình	5- 7	2- 4

Bảng 2.8. Chỉ tiêu diện tích cây xanh công cộng ở đô thị Việt Nam [100]

TT	Đô thị	Chỉ tiêu cây xanh (m ² /người)	
		Thực tế	QCXDVN 01:2008
1	TP Hà Nội	2	≥ 7
2	TP Hồ Chí Minh	3,3	≥ 7
3	Tp Huế	3,5	≥ 6
4	Tp Đà Nẵng	0,9	≥ 6
5	Tp Hải Phòng	2,0	≥ 6
6	Tp Nam Định	1,5	≥ 6
7	Tp Hạ Long	3,1	≥ 6
8	Tp Vinh Yên	3,2	≥ 5
9	Tp Hải Dương	3,7	≥ 5
10	Tp Bắc Ninh	2,7	≥ 5
11	Tp Hưng Yên	3,2	≥ 5

Bảng 2.9. Chỉ tiêu diện tích cây xanh công cộng trên thế giới [100]

TT	Đô thị	Chỉ tiêu cây xanh (m ² /người)
1	Paris (Pháp)	10
2	Moskva (Nga)	26
3	Washington (Mỹ)	40
4	Nam Ninh (Trung Quốc)	22
5	Quế Lâm (Trung Quốc)	11
6	Hàng Châu (Trung Quốc)	7,3
7	London (Anh)	26,9
8	Berlin (Đức)	27,4

Có thể thấy so với chỉ tiêu cây xanh, công viên các nước trên thế giới, tỷ lệ cây xanh công viên ở Việt Nam nói chung, tại Bắc Ninh nói riêng khá thấp.

2.2.3. Định hướng mạng lưới công viên trong Quy hoạch chung ĐT Bắc Ninh

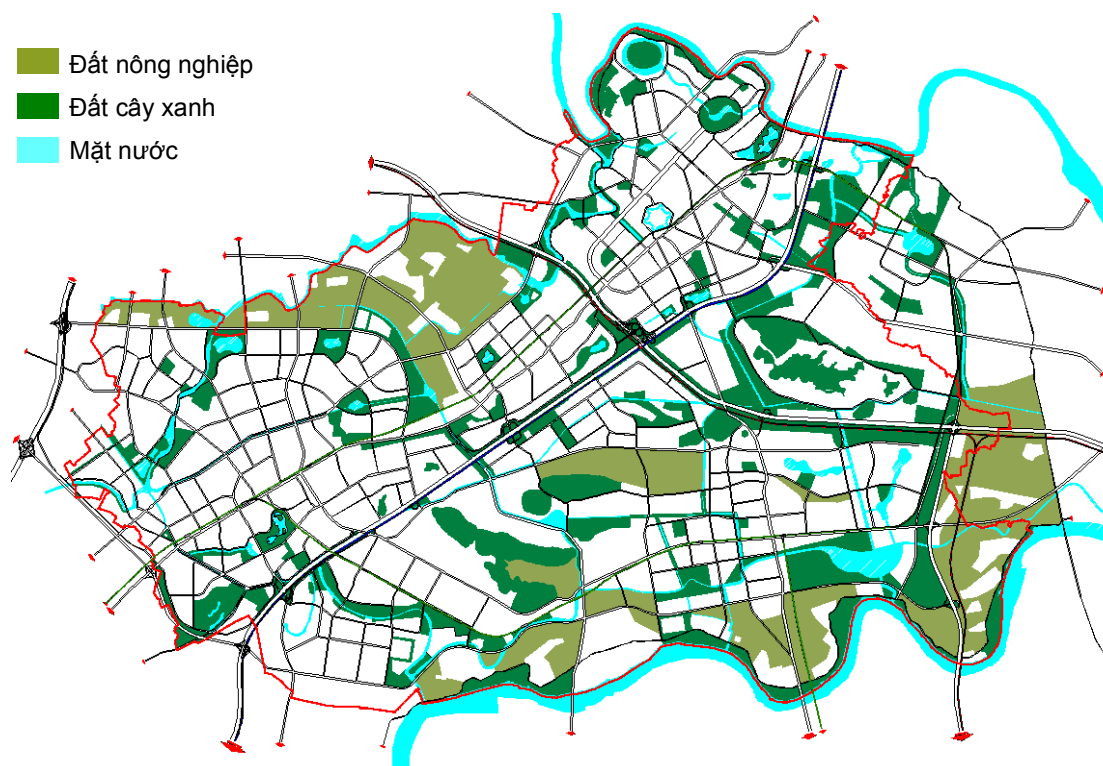
Đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đã xác định mục tiêu xây dựng đô thị Bắc Ninh “Văn hóa- Sinh thái- Tri thức” đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đó là phát triển đô thị có bản sắc riêng, phát huy được các di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên của Bắc Ninh. Phải là một đô thị có môi trường sống tốt, hấp dẫn, đáp ứng các nhu cầu đa dạng về vật chất và tinh thần của cư dân, thu hút cư dân, khách du lịch, nhà đầu tư, các trường đại học, viện nghiên cứu... Hình thành nên đô thị sinh thái với nhiều không gian cây xanh, mặt nước, bảo tồn cảnh quan tự nhiên; Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống cấp, tổn thất hoặc bị huỷ hoại. Để thực hiện được những mục tiêu nêu trên, Bắc Ninh đã đề ra 5 nguyên tắc: (1) Hình thành cảnh quan đô thị phát huy giá trị lịch sử văn hóa, truyền thống của Tỉnh Bắc Ninh; (2) Bảo tồn lịch sử văn hóa, các di tích cấp quốc gia đặc biệt (3) Phát triển cảnh quan đô thị hài hòa với thiên nhiên; (4) Bảo tồn cảnh quan tự nhiên và hình thành mạng lưới nước và cây xanh thống nhất trên toàn đô thị; (5) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan các khu vực trọng điểm có nét riêng, phát huy được phong thổ, văn hóa của mỗi khu vực. (Xem phụ lục 5) Ngoài ra trong định hướng quy hoạch đô thị Bắc Ninh còn đề xuất

- Bố trí các công viên cấp đô thị tại các phân khu đô thị Bắc Ninh, Tiên Du, Từ Sơn, Nam Sơn.
- Bảo tồn cây xanh ven sông Đuống, sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, các kênh

dẫn nước nông nghiệp. Bảo tồn cây xanh các núi khu vực Phật Tích, núi Dạm, phát huy vào dịch vụ du lịch.

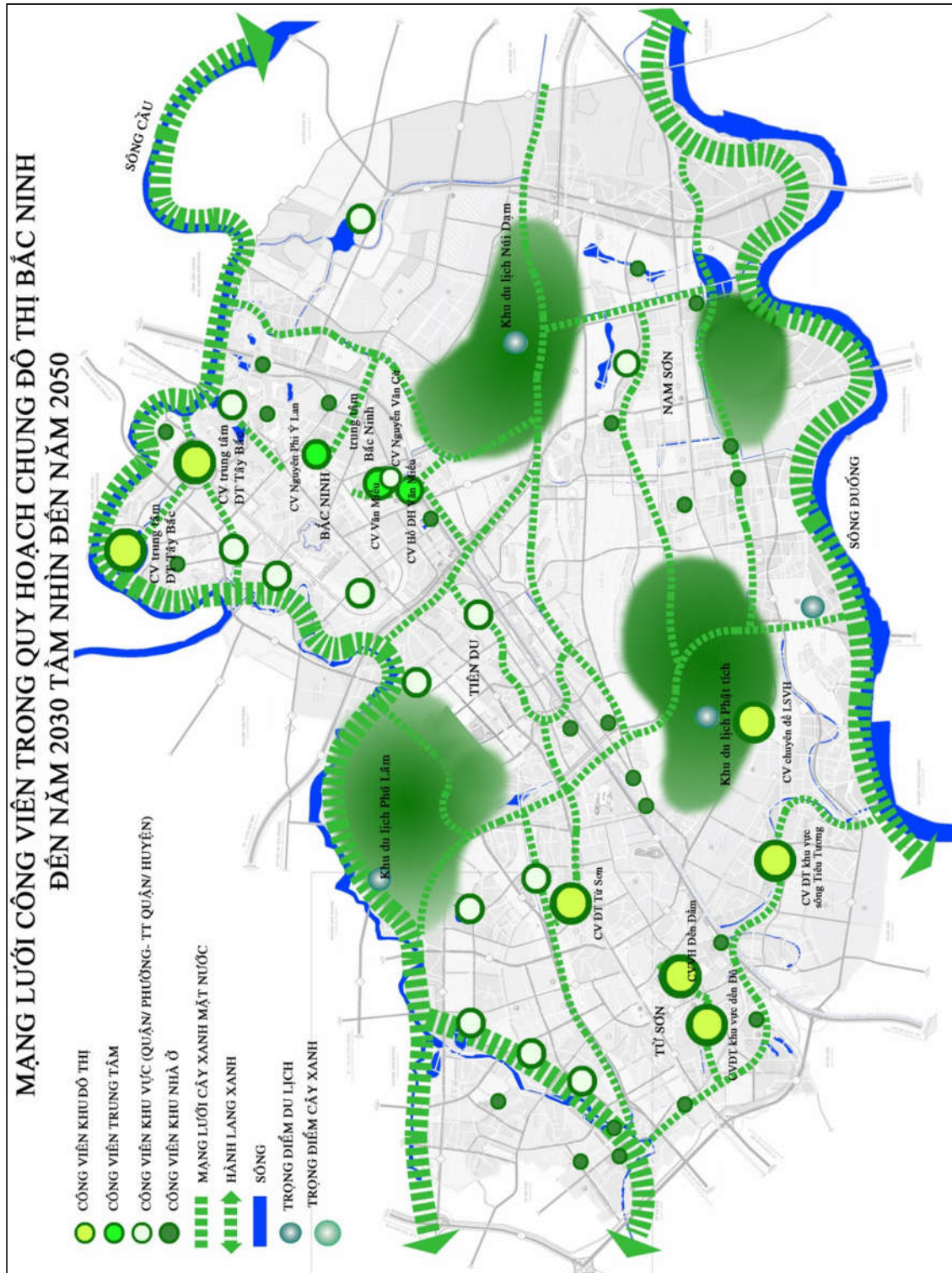
- Bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử trong khu quy hoạch tạo thành các trọng điểm du lịch, như: Phật Tích, Thủy tổ Quan họ, Văn miếu Bắc Ninh, núi Dạm, hội Lim, khu Lăng nhà Lý, Đền Đô, Đình Bảng... Định hướng phát triển đô thị giữ gìn được bản sắc các làng trong khu quy hoạch, đặc biệt là các làng quan họ.

- Đối với dự án phát triển ĐTM có công trình di tích trong khu vực dự án, cần bố trí đất cây xanh cách ly công trình di tích với khu vực phát triển mới đồng thời đảm bảo đường giao thông tiếp cận vào di tích. Khuyến khích quy hoạch bố trí công viên kết hợp với di tích để bảo tồn không gian di tích đồng thời phát huy di tích và hoạt động du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ ngơi của cư dân.



Hình 2.13. Mạng lưới cây xanh trong Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh năm 2030 tầm nhìn 2050 [102]

Trong Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, mạng lưới cây xanh công viên tại các phân khu đô thị Bắc Ninh và hệ thống công viên tại đô thị Bắc Ninh được phân cấp như sau:



Hình 2.14. Mạng lưới công viên trong quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050

Bảng 2.10. Quy hoạch sử dụng đất công viên, cây xanh, TDTT tại các phân khu đô thị- đô thị Bắc Ninh [102]

TT	Phân khu đô thị	Đất công viên, cây xanh, TDTT	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Phân khu TP Bắc Ninh	494	13,1
2	Phân khu đô thị Tiên Du	242	10,1
3	Phân khu Thị xã Từ Sơn	621	9,1
4	Phân khu đô thị Nam Sơn	299	9,5

Bảng 2.11. Hệ thống công viên tại thành phố Bắc Ninh theo QH chung

TT	Tên công viên	Diện tích (ha)	Loại công viên
Thành phố Bắc Ninh			
1	Công viên Nguyễn Văn Cừ	4,89	Công viên khu vực
2	Công viên Hoàng Quốc Việt	0,9	Công viên khu vực
3	Công viên Hồ điều hoà Văn Miếu	31,55	Công viên trung tâm
4	Công viên Văn Miếu	20	Công viên trung tâm
5	Công viên Nguyễn Phi Ý Lan	2,3	Công viên trung tâm
6	Công viên Hồ điều hoà Phúc Ninh	18,5	Công viên khu vực
7	Công viên Hồ điều hoà Vạn An	18	Công viên khu vực
8	Công viên phân khu đô thị Tây Bắc (tổng diện tích)	120	Công viên khu đô thị (CVĐCN)
9	Lâm viên Thiềm Sơn	4,98	Công viên khu nhà ở
10	Lâm Viên Điều Sơn	5,25	Công viên khu nhà ở
11	Khu đô thị Nam Võ Cường	6,03	Công viên khu nhà ở
12	Khu DCDV Bồ Sơn 1,2,3	2,96	Công viên khu nhà ở
13	Các khu DCDV phường Thị Cầu	2,3	Công viên khu nhà ở
14	Các khu DCDV phường Vân Dương	2,18	Công viên khu nhà ở
Đô thị Tiên Du			
15	Công viên chuyên đề lịch sử VH-TT- khu Phật Tích ven sông Đuống	90	Công viên khu đô thị
16	Công viên trong đô thị Đại học	22,3	Công viên khu đô thị
Thị xã Từ Sơn			
17	Công viên văn hóa đền Đầm	50	Công viên khu đô thị
18	Công viên đô thị khu vực sông Tiêu Tương	29,7	Công viên khu đô thị
19	Công viên đô thị Từ Sơn	30	Công viên khu đô thị
20	Công viên đô thị khu vực đền đô Đình Bảng- Từ Sơn	19	Công viên khu đô thị
Đô thị Nam Sơn			
21	Công viên trong khu nghiên cứu	13	Công viên khu vực

2.2.4. Các định hướng phát triển

Định hướng phát triển văn hóa

- Bảo tồn, phát huy VH TT, văn hóa Kinh Bắc, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể cùng với môi trường văn hóa độc đáo.
- Những công trình văn hóa lớn tiêu biểu của tỉnh Bắc Ninh được kiến tạo và xây dựng đẹp, hiện đại và bản sắc.

Định hướng phát triển về môi trường

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.
- Bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên (trước hết là quỹ đất, tài nguyên nước mặt và nước ngầm), cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị, văn hoá, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững.

Định hướng phát triển cây xanh công viên

- Bố trí các công viên cấp đô thị tại các phân khu đô thị Bắc Ninh.
- Bố trí sân thể thao cơ bản và công viên khu vực cho từng khu ở, góp phần nâng cao sức khỏe cư dân thông qua các hoạt động thể dục, thể thao hàng ngày.
- Bảo tồn và phát triển bộ khung thiên nhiên trên cơ sở gắn kết các núi sót, hệ thống sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, làm sạch môi trường sông Ngũ Huyện Khê.
- Tiếp tục đầu tư các công viên, vườn hoa đã có quy hoạch.
- Tận dụng tối đa diện tích đất công cộng còn bỏ trống và tại các khu vực các công trình giao thông để phát triển mảng xanh.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các công viên có quy mô lớn như Công viên Văn Miếu, Công viên hồ điều hòa Vạn An, các vườn hoa trong các khu dân cư, lâm viên... Khi các công trình này đưa vào sử dụng sẽ đạt tiêu chuẩn 7,4 m²/người (tổng diện tích công viên, vườn hoa cây xanh, lâm viên đạt 148 ha)

2.3. Cơ sở thực tiễn

2.3.1. Kết quả điều tra xã hội học về việc khai thác VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh

Mục đích điều tra

- Thu thập những ý kiến của người dân đang sống tại các phường tập trung nhiều công viên, bao gồm cả những công viên cũ và mới xây dựng và mới cải tạo tại đô thị Bắc Ninh để đánh giá về thực trạng tổ chức không gian công viên và thực trạng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên.
- Nắm bắt nhu cầu và nguyện vọng của người dân trong việc tổ chức không gian công viên cũng như việc lồng ghép yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.
- Từ những thông tin khảo sát thực tế sẽ giúp luận án có cách nhìn toàn diện, đầy đủ hơn về công viên tại đô thị Bắc Ninh cũng như nhận biết được mức độ phù hợp hài hòa hay bất cập trong việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đây để đưa ra những đề xuất cụ thể.

Phương pháp, chọn mẫu, quy mô và khu vực điều tra

Phương pháp: Sử dụng phương pháp bảng câu hỏi.

Chọn mẫu điều tra: Tiến hành thu thập thông tin một bộ phận dân cư sống tại TP Bắc Ninh (mẫu được chọn ngẫu nhiên) trong đó bao gồm giới tính, nghề nghiệp, tuổi tác, thành phần khác nhau.

Quy mô điều tra: Số lượng mẫu được chọn để điều tra là 200 phiếu chia làm 6 khu phố của 2 phường.

Khu vực điều tra:

- Tại địa bàn 2 phường: Suối Hoa và Đại Phúc- TP Bắc Ninh- nơi tập trung số lượng công viên vườn hoa lớn, bao gồm những công viên trung tâm đã xây dựng lâu mới được cải tạo và những công viên xây dựng mới hiện đại, có những công viên đã có tổ chức những hoạt động VHTT, có những công viên chỉ đơn thuần phục vụ cho nhu cầu thể dục thể thao, nghỉ ngơi thư giãn chưa quan tâm đến việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên.

- Khảo sát trực tiếp người dân đang tham gia hoạt động tại các công viên trên địa bàn thành phố Bắc Ninh

Kết quả điều tra (Trên cơ sở xử lý các thông tin trong các phiếu khảo sát thu thập)

- Mục đích đến công viên (có thể 1 hoặc nhiều nhu cầu)

Bảng 2.12. Mục đích đến công viên

TT	Mục đích đến công viên	Phường Suối Hoa (% người trả lời có)	Phường Đại Phúc (% người trả lời có)
1	Thể dục, thể thao	74	67,7
2	Chơi các trò chơi	4	12,3
3	Nghỉ ngơi thư giãn/ngắm cảnh đi dạo/gặp gỡ /trò chuyện	55,3	26,2
4	Mục đích khác	2	12,3

- Lý do đến công viên (có thể 1 hoặc nhiều lý do)

Bảng 2.13. Lý do người dân đến công viên

TT	Lý do đến công viên	Phường Suối Hoa (% người trả lời có)	Phường Đại Phúc (% người trả lời có)
1	Diện tích rộng	53,3	69,7
2	Có cây xanh/ cảnh quan đẹp	92	92,4
3	Có trò chơi/ hoạt động hấp dẫn	18	68,2
4	Dịch vụ tốt	12	19,7
5	An toàn/ an ninh	32,7	65,2
6	Vệ sinh môi trường tốt	51,3	71,2
7	Lý do khác	2,7	0

- Khoảng cách từ nhà đến công viên

Bảng 2.14. Khoảng cách từ nhà ở tới công viên

STT	Địa bàn	Dưới 1km (%)	Từ 1-3km(%)	Trên 3km(%)
1	Phường Suối Hoa	65,3	34	0,7
2	Phường Đại Phúc	14,7	80,9	4,4

- Tần suất sử dụng công viên

Bảng 2.15. Tần suất sử dụng công viên

TT	Mức độ thường xuyên	Phường Suối Hoa(%)	Phường Đại Phúc(%)
1	Hàng ngày	54	41,2
2	2 lần/ tuần	14	13,2
3	1 lần/ tuần	14,7	8,8
4	1 lần/ tháng	10,7	14,7
5	Vài tháng 1 lần	6,7	19,1
6	Không bao giờ	0	2,9

- Nhu cầu xây dựng công viên mang nét đặc trưng VHTT

Bảng 2.16. Nhu cầu xây dựng công viên mang nét đặc trưng VHTT tại Bắc Ninh

TT	Ý kiến đánh giá	Phường Suối Hoa(%)	Phường Đại Phúc(%)
1	Có	97,3	100
2	Không	2	0
3	Ý kiến khác	0,7	0

- Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng

Bảng 2.17. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng, theo độ tuổi

TT	Các khu chức năng	< 35 tuổi		Từ 36- 60 tuổi		> 60	
		Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên	Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên	Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên
1	Khu văn hóa giáo dục	16,5%	3	16,3%	4	13,5%	4
2	Khu biểu diễn VHNT	22,9%	1	21,8%	1	23,2%	1
3	Khu thể dục thể thao	22%	2	21,8%	1	22,5%	2
4	Khu thiếu nhi	22%	2	19,3%	3	18,4%	3
5	Khu tĩnh	16,5%	3	20,9%	2	22,5%	2

Bảng 2.18. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng, theo giới tính

TT	Các khu chức năng	Nam		Nữ	
		Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên	Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên
1	Khu văn hóa giáo dục	14,9	5	15,4	5
2	Khu biểu diễn VHNT	21,5	2	23,2	1
3	Khu thể dục thể thao	22,6	1	21,7	2
4	Khu thiếu nhi	19,8	4	18,9	4
5	Khu tĩnh	21,2	3	20,9	3

Bảng 2.19. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng theo nghề nghiệp

TT	Các khu chức năng	Nhóm nghề nghiệp			
		Cán bộ/ Viên chức nhà nước/ Liên doanh	Buôn bán/ dịch vụ	Cán bộ/ Viên chức về hưu/ già không việc làm	Nhóm khác (Lao động tự do, HS,SV, Công nhân, Bộ đội, Công an, không nghề, làm ruộng)

		Tỷ lệ	Ưu tiên	Tỷ lệ	Ưu tiên	Tỷ lệ	Ưu tiên	Tỷ lệ	Ưu tiên
1	Khu văn hóa giáo dục	15,9	5	17,2	5	14,6	5	14,2	5
2	Khu biểu diễn VHNT	20,5	2	23,3	1	21,7	3	24,2	1
3	Khu thể dục thể thao	25	1	22,4	2	23	1	18,2	4
4	Khu thiếu nhi	19,7	3	18,1	4	18,6	4	21	3
5	Khu tỉnh	18,9	4	19	3	22	2	22,2	2

Bảng 2.20. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng theo trình độ học vấn

TT	Các khu chức năng	Trình độ học vấn					
		Phổ thông		Cao đẳng/ Đại học/ trên Đại học		Chưa bao giờ đi học	
		Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên	Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên	Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên
1	Khu văn hóa giáo dục	15,3	5	15	5	0	0
2	Khu biểu diễn VHNT	24,2	1	20,9	2	0	0
3	Khu thể dục thể thao	19,8	3	24,1	1	0	0
4	Khu thiếu nhi	19,2	4	19,4	4	0	0
5	Khu tỉnh	21,5	2	20,6	3	0	0

Bảng 2.21. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của các nhóm đối tượng có chênh lệch khoảng cách từ nhà tới công viên

TT	Các khu chức năng	Khoảng cách từ nhà tới công viên			
		< 1km		>1km	
		Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên	Tỷ lệ %	Trọng số ưu tiên
1	Khu văn hóa giáo dục	14,9	5	15,4	5
2	Khu biểu diễn VHGD	21,6	2	23,1	1
3	Khu thể dục thể thao	22,8	1	21,5	2
4	Khu thiếu nhi	19,4	4	19,2	4
5	Khu tỉnh	21,3	3	20,8	3

Bảng 2.22. Nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên theo tần suất sử dụng (TL: tỷ lệ %; UT: trọng số ưu tiên)

T	Khu chức năng	Tần suất sử dụng công viên											
		Hàng ngày		2 lần/tuần		1 lần/tuần		1 lần/tháng		Vài tháng/lần		Không bao giờ	
		TL	UT	TL	UT	TL	UT	TL	UT	TL	UT	TL	UT
1	VHGD	15,2	5	16,5	4	14,6	3	14,1	5	15,6	4	0	3

2	Biểu diễn	22	2	22,3	2	20,8	2	23,5	2	24,7	1	25	2
3	TĐTT	22,8	1	16,5	4	21,9	1	24,7	1	23,4	2	25	2
4	Thiếu nhi	18,9	4	20,4	3	20,8	2	22,4	3	15,6	4	0	3
5	Khu tĩnh	21	3	24,3	1	21,9	1	15,3	4	20,8	3	50	1

2.3.2. Các yếu tố tác động đến việc khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên.

2.3.2.1. Điều kiện tự nhiên

Khi nói tới các yếu tố tác động đến việc khai thác VH TT trong tổ chức không gian công viên, không thể không nhắc tới yếu tố tự nhiên và các điều kiện môi trường. Điều kiện tự nhiên ở đây được hiểu là các điều kiện về địa hình, khí hậu và các nguồn động thực vật sẵn có, trong đó địa hình được xem là một trong những nhân tố quyết định đến tổ chức không gian công viên. Yếu tố địa hình không những quyết định việc lựa chọn sử dụng các hình thức kiến trúc dân gian truyền thống, khai thác các đặc điểm quần cư trong tổ chức không gian công viên, các khu chức năng, các công trình phụ trợ mà còn quyết định hình thức biểu đạt các loại hình trò chơi dân gian của mỗi không gian chức năng. Hơn nữa nếu biết lợi dụng các đặc điểm hình thái địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình còn giúp dễ dàng trong việc biểu đạt chủ đề tư tưởng hay một bố cục nào đó. Có rất nhiều công viên trên thế giới cũng như tại Việt Nam đã khá thành công trong việc tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên nhằm khai thác các đặc trưng văn hóa bản địa (như đặc điểm kiến trúc cảnh quan, cây xanh mặt nước, đặc điểm quần cư, quy hoạch kiến trúc truyền thống)- ví dụ Công viên Di hòa Viên- Trung Quốc, Công viên văn hóa Thổ dân Tjapukai- Australia xây dựng trong khung cảnh rừng nhiệt đới, nơi những người thổ dân Úc sinh sống với nhiều nét văn hóa bản địa đặc sắc. Bên cạnh điều kiện địa hình, đặc điểm động thực vật tại khu vực nghiên cứu quy hoạch không gian công viên cũng là yếu tố quan trọng không kém. Đó là nguồn tài nguyên vô tận và vô cùng phong phú, bản thân nó cũng thể hiện những đặc sắc của mỗi vùng miền. Ngoài ra nó còn có ảnh hưởng không nhỏ đến yếu tố cảnh quan, cây xanh mặt nước của không gian công viên, cải thiện vi khí khí hậu, điều hòa độ ẩm không khí... Vì vậy nếu biết khai thác yếu tố này sẽ khiến không gian công viên thêm phong phú

đặc sắc và có những đặc trưng riêng, đồng thời còn có ý nghĩa giáo dục to lớn trong việc giới thiệu nguồn tài nguyên của các vùng miền khác nhau trên đất nước.

Một yếu tố nữa cũng góp phần tác động tới việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên đó là yếu tố khí hậu. Khí hậu là hướng nắng, hướng gió, nhiệt độ, độ ẩm...những yếu tố này có quyết định tới bố cục quy hoạch (tổ chức không gian chức năng)(ví dụ bố trí các khu chức năng ở những nơi thông thoáng, gió mát phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương). Thêm nữa yếu tố khí hậu cũng quyết định vật liệu sử dụng trong quy hoạch xây dựng các khu chức năng trong công viên (khu vực có độ ẩm cao, miền biển, miền núi, đồng bằng sử dụng vật liệu nào?) nhằm đảm bảo mức độ kinh tế (sử dụng vật liệu địa phương sẵn có) vừa thể hiện những nét đặc trưng văn hóa vùng miền. Tóm lại, đặc điểm tự nhiên, môi trường đóng vai trò và có những tác động không nhỏ trong việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên.

2.3.2.2. Yếu tố kinh tế

Là một trong những yếu tố không thể thiếu khi luận bàn về sự ảnh hưởng tới khả năng khai thác các đặc trưng VHTT trong tổ chức không gian công viên. Ở đây điều kiện Kinh tế xã hội đó chính là tiềm năng kinh tế, mức thu nhập, điều kiện sinh sống của người dân, đó còn là điều kiện cần, là cơ sở, tiền đề phát triển, phát huy các giá trị VHTT. Bởi lẽ “Có thực mới vực được đạo”, xã hội muốn phồn vinh, muốn phát triển phải dựa trên một nền kinh tế vững vàng, một thể chế chính trị ổn định, từ đó con người mới có đủ điều kiện để sáng tạo và thực hiện những mơ ước của chính mình. Cụ thể trong tổ chức không gian công viên, tiềm lực kinh tế ở đây có thể hiểu là điều kiện tài chính có thể đầu tư, lồng ghép khía cạnh VHTT trong các không gian chức năng; từ hình thức, quy mô và nội dung các hoạt động của công viên...Điều này hoàn toàn đúng, bởi nếu không có điều kiện kinh tế, hay kinh tế hạn hẹp rõ ràng sẽ có những chính sách ưu tiên khác để đảm bảo cho nhu cầu cuộc sống và mức độ đầu tư cho vấn đề này cũng sẽ bị hạn chế. Ngoài ra điều kiện kinh tế khác nhau cũng sẽ dẫn đến sự khác nhau trong nhu cầu nghỉ ngơi vui chơi giải trí, thưởng thức nghệ thuật, cũng như ảnh hưởng tới tỷ lệ người đến tham gia

hoạt động tại công viên. Rõ ràng đây chính là những nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên.

Tuy nhiên không phải không có những giải pháp, chiến lược cụ thể nếu như có sự tác động của các yếu tố khác như yếu tố chính trị, điều kiện tự nhiên môi trường, khoa học kỹ thuật và sự tham gia của cộng đồng. Ví dụ như chủ trương kêu gọi hợp tác đầu tư từ nước ngoài hay khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân tham gia đầu tư. Một mặt vừa giảm bớt gánh nặng nguồn vốn ngân sách của nhà nước, mặt khác tạo điều kiện đôi bên cùng có lợi mà vẫn đề cao mục đích chính phục vụ cho lợi ích của cộng đồng và duy trì phát huy các giá trị VHTT để khai thác trong tổ chức không gian công viên.

2.3.2.3. Yếu tố văn hóa xã hội

Yếu tố văn hóa xã hội là một trong những yếu tố giữ vai trò chủ đạo và có tác động không nhỏ đến việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên. Văn hóa xã hội không chỉ phản ánh một cách đầy đủ về trình độ, về văn hóa, về mọi mặt hoạt động của con người mà còn phản ánh tình hình phát triển của đất nước. Với điều kiện địa lý và lịch sử nước ta là nơi quần tụ của 54 dân tộc sinh sống từ miền núi đến đồng bằng, từ trung du đến vùng ven biển, chính vì vậy đã khiến cho nền văn hóa ở nước ta vô cùng phong phú và ảnh hưởng sâu sắc đến nền tảng xã hội. Một trong những nền văn hóa đặc sắc phải kể đến Văn hóa Kinh Bắc- cội nguồn của văn hóa- văn minh Đại Việt- một nền văn hóa với nhiều nét đặc trưng thể hiện qua những công trình kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, phong tục tập quán, các sinh hoạt văn hóa dân gian ... Bên cạnh đó nền văn hóa bản địa cụ thể là văn hóa Bắc ninh được thể hiện dưới một số phương diện văn hóa vật thể và phi vật thể riêng biệt như: văn hóa phi vật thể (các lễ hội truyền thống, tri thức dân gian, tín ngưỡng thờ tự, Quan họ Bắc Ninh, nghệ thuật dân gian truyền thống...), văn hóa vật thể (làng nghề, kiến trúc...). Chính nhờ nền tảng văn hóa lâu đời được giữ gìn, bảo tồn và phát triển, đây sẽ là một trong những cơ sở thuận lợi để khai thác những đặc trưng VHTT trong tổ chức không gian công viên. Ngoài ra khi nhắc đến văn hóa xã hội, phong tục tập quán cũng chính là những nét

rất cơ bản của đời sống xã hội, việc giữ gìn phong tục tập quán chính là đã giữ gìn được bản sắc, giữ gìn được chính mình và giữ gìn được tính độc đáo của dân tộc. Muốn vậy nó phải được nuôi dưỡng trong một môi trường văn hóa bền vững, trình độ dân trí cao cụ thể thể hiện trong giao tiếp ứng xử, trong trình độ nhận thức. Bản thân người dân phải ý thức được tầm quan trọng và giá trị của VH TT của dân tộc từ đó có thái độ cũng như hành động trong việc bảo tồn và phát triển. Điều này rõ ràng ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình khai thác các yếu tố VH TT nói chung và trong tổ chức không gian công viên nói riêng. Bởi lẽ để xây dựng được một công viên có chất lượng tốt, có khả năng phục vụ cho đông đảo nhu cầu sử dụng của người dân đô thị, đồng thời có những đặc trưng văn hóa cùng những dấu ấn riêng biệt, chắc chắn công viên đó phải được đầu tư xây dựng, quản lý tốt với những chính sách xã hội phù hợp (không phân biệt đối tượng sử dụng, giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn hay khoảng cách giàu nghèo...), chiến lược cụ thể trong việc khai thác lựa chọn, lồng ghép các yếu tố VH TT trong tổ chức không gian chức năng. Kèm theo đó phải có sự đồng thuận ủng hộ từ cộng đồng (sự đồng thuận này phải xuất phát từ sự thấu hiểu và nhận thức) cũng như nhau cầu tham gia hoạt động vui chơi giải trí nghỉ ngơi trong một môi trường đậm chất văn hóa. Vì vậy để khai thác một cách hiệu quả các đặc trưng VH TT trong tổ chức không gian công viên cần nhận thức rõ giá trị cũng như tầm ảnh hưởng của văn hóa xã hội trong quá trình đầu tư, xây dựng, vận hành và quản lý.

2.3.2.4. Yếu tố chính trị

Thế chế chính trị quyết định khá lớn tới mức độ, phạm vi khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên. Với mỗi một quốc gia, một dân tộc lại có những quan điểm, đường lối, chính sách khác nhau trong việc khai thác, phát triển bản sắc văn hóa. Tuy nhiên tựu chung lại đó là làm thế nào để tạo được sự cân bằng hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, văn hóa chính là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh hun đúc nên phẩm chất, cốt cách con người Việt Nam. Nền tảng đó đã giúp cho nhân dân ta vượt qua bao khó khăn, thử thách, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, giữ vững bản

sắc văn hóa dân tộc và nền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của văn hóa, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã đề ra đường lối, chủ trương, chính sách về văn hóa, được thể hiện thông qua các chỉ thị, nghị quyết, nhất là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Kế thừa và vận dụng những quan điểm chỉ đạo, văn kiện Đại hội XII của Đảng đã khẳng định “Phát triển con người và văn hóa Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt, xem văn hóa thực sự là nền tảng vững chắc của xã hội, là sức mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước và xã hội chủ nghĩa”. Rõ ràng trong thời gian qua, văn hóa đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đúng mức trong các chính sách kinh tế- xã hội. Nhiều giá trị VHHTT của dân tộc, từng vùng, miền được kế thừa và có bước khởi sắc, nhất là trong điều kiện hội nhập, giao lưu văn hóa với thế giới. Nhiều di sản văn hóa được bảo tồn, tôn tạo; xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng mở rộng.

Tại Bắc Ninh các cấp lãnh đạo cũng rất quan tâm tới vấn đề khai thác yếu tố VHHTT, điển hình trong mục tiêu quy hoạch xây dựng TP Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đó là phát triển đô thị có bản sắc riêng phát huy được các di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Đặc biệt trong định hướng quy hoạch công viên tại đô thị Bắc Ninh, và đề án “Phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn TP Bắc Ninh giai đoạn 2016-2020” do UBND TP Bắc Ninh lập đã đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp cũng như dự án xây dựng các công viên văn hóa: Công viên chuyên đề văn hóa lịch sử trong khu du lịch Phật tích, công viên văn hóa tại khu vực ĐTM Tây Bắc nhằm phát huy, bảo tồn giá trị văn hóa Quan họ đặc sắc tại Bắc Ninh. Ngoài ra còn có những quyết định như; Quyết định số 108/2012/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 V/v phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 151/201/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 V/v phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 198/2017/QĐ-UBND

ngày 04/05/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh V/v Phê duyệt đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030”. Những quyết định này được đề ra với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân và góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế xã hội của tỉnh trên cơ sở Bảo tồn kế thừa và phát huy giá trị truyền thống văn hóa, các di sản văn hóa của tỉnh Bắc Ninh, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của xã hội đương đại.

Tóm lại có một chế độ chính trị ổn định, với những đường lối chính sách đúng đắn chắc chắn sẽ là cơ sở vững chắc cho nền kinh tế phát triển cũng như tạo điều kiện cho việc giữ gìn bản sắc dân tộc, hơn nữa chính trị cũng là một trong những yếu tố tác động không nhỏ tới việc khai thác yếu tố VHTT.

2.3.2.5. Yếu tố quy hoạch

Sẽ thật là thiếu sót nếu không nhắc tới yếu tố quy hoạch trong số những yếu tố tác động đến việc khai thác VHTT trong tổ chức không gian công viên. Bởi lẽ quy hoạch chính là xương sống, là tiền đề cho quá trình phát triển, là hoạt động kiểm soát, tổ chức môi trường sống đô thị. Các hoạt động này có thể bao gồm, ban hành các quy định kiểm soát phát triển, xây dựng và vận hành các bộ máy quản lý đô thị, đề ra các tiêu chí, lập và phê duyệt quy hoạch, thực hiện các chương trình đầu tư phát triển đô thị, nghiên cứu đô thị, đào tạo bộ máy nhân lực, trao đổi tranh luận về các vấn đề đô thị... Ngoài ra có thể hiểu, quy hoạch đô thị là nghệ thuật tổ chức không gian sống cho các đô thị và các khu vực đô thị, nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Ở đây quy hoạch đô thị không chỉ quan tâm đến phát triển không gian đô thị, hạ tầng đô thị mà còn đảm bảo phát triển tổng thể kinh tế- xã hội- môi trường, văn hóa lối sống cộng đồng. Vì vậy tổ chức không gian công viên phải dựa trên cơ sở quy hoạch các cấp, từ quy hoạch vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đến quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị. Đồng thời việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian cũng chắc chắn phải tuân thủ theo định hướng quy hoạch, cũng như điều này phải được xác định rõ ràng ngay trong mục tiêu quy hoạch, trong chủ trương đầu tư quy hoạch đã được phê duyệt cũng như hoạch định bởi các bộ ngành,

chính quyền, cơ quan nhà nước.

Tại Bắc Ninh, trong định hướng quy hoạch vùng tỉnh và quy hoạch chung đô thị đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, cũng đã có mục tiêu cụ thể về định hướng phát triển văn hóa đó là bảo tồn, phát huy các giá trị VH TT trong đó có văn hóa Kinh Bắc, cùng các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Rõ ràng muốn lồng ghép các yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh, chắc chắn phải dựa trên nền tảng cơ sở là các định hướng cụ thể trong quy hoạch của Bắc Ninh. Hay cụ thể hơn, yếu tố quy hoạch có tác động không nhỏ và liên quan mật thiết đến việc khai thác các yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên.

2.3.2.6. Yếu tố khoa học công nghệ

Không thể phủ nhận rằng, khoa học kỹ thuật đã từng bước làm thay đổi bộ mặt xã hội và dần trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta. Ở khía cạnh khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên, khoa học kỹ thuật cũng đóng vai trò không nhỏ. Nó chính là công cụ để tái hiện các nét VH TT, là phương tiện phản ánh đầy đủ và rõ nét lối sống phong tục tập quán và sự tiến bộ phát triển không ngừng của từng vùng miền thông qua việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong xây dựng các không gian chức năng, các công trình phụ trợ trong công viên. Hơn nữa các thành tựu của khoa học kỹ thuật còn hỗ trợ đắc lực trong việc xây dựng các công viên có quy mô lớn, phong phú, đa dạng về hình thức, thể loại, giúp dễ dàng biểu đạt các ý tưởng, khai thác các chủ đề văn hóa; như công viên “nước Pháp thu nhỏ” tại Yvelines, công viên “Thụy Sĩ thu nhỏ” ở Meslides gần Lugano- Thụy Sĩ hay Madurodam- Hà Lan; những mô hình dựng theo kích thước thật cũng rất đa dạng, từ cung điện LaHaye đến các khu phố cổ Amsterdam- Hà Lan trên vịnh Omura Nhật Bản... Cũng có thể chủ đề của các công viên lớn ở Mỹ, Châu Âu (Disneyland) lại đến từ những nhân vật trong phim hoạt hình và truyện tranh; Vì vậy nếu không có sự hỗ trợ của khoa học kỹ thuật thì việc xây dựng và thể hiện những ý tưởng này sẽ gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra việc áp dụng các công nghệ thông tin như một phương tiện trong việc tuyên truyền quảng bá, khai thác, tái hiện,

lồng ghép các nét văn hóa (ví dụ thông qua các đoạn clip tái hiện quá khứ, biểu đạt các yếu tố VH TT bằng ánh sáng, hình ảnh, âm thanh...), nhằm đưa hình ảnh công viên đến gần hơn với người dân. Bên cạnh đó tiến bộ khoa học còn giúp lai ghép, cấy nuôi, nhân giống...các loại động thực vật theo ý muốn từ số lượng đến hình thức...điều này khiến các công viên có hệ sinh thái đa dạng và phong phú hơn, mang đặc trưng văn hóa của từng vùng miền.

Vì vậy có thể nói tổ chức không gian chức năng trong công viên là sử dụng những thành tựu tiên tiến của khoa học kỹ thuật trên cơ sở khai thác những đặc trưng về tự nhiên văn hóa của từng địa phương, từng dân tộc. Công viên phải là hình ảnh thu nhỏ của lịch sử, của những nét VH TT, phong tục tập quán, là biểu tượng của thời đại, là sự kết hợp hài hòa giữa khoa học và những cách tân về văn hóa.

2.3.2.7. Sự tham gia của cộng đồng

Phải nói rằng cộng đồng là một nhân tố không thể thiếu, đặc biệt vai trò và sự tham gia của cộng đồng có ý nghĩa không nhỏ trong việc tham gia khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên.

Thứ nhất là vấn đề nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của VH TT, cộng đồng phải hiểu rằng VH TT là cội nguồn, gốc rễ của một dân tộc, là những trải nghiệm được ông cha đúc kết qua biết bao thăng trầm lịch sử và một đất nước muốn phát triển một cách bền vững chắc chắn đó là điều không thể lãng quên. Nhận thức được tầm quan trọng của VH TT cộng đồng sẽ có những động thái giữ gìn, phát huy những giá trị cốt lõi của văn hóa.

Thứ hai là sự đóng góp của cộng đồng; có nghĩa cộng đồng sẽ là nhân tố đóng vai trò trong việc tạo dựng các không gian VH TT sống động thông qua việc duy trì các hoạt động lễ hội truyền thống, các trò chơi dân gian, gìn giữ phong tục tập quán, lối sống, lịch sử văn hiến, đời sống văn hóa tâm linh, tín ngưỡng. Bằng cách này đây sẽ là cơ sở để khai thác các yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên, đặc biệt là những không gian vui chơi giải trí.

Thứ ba đó là nhu cầu của cộng đồng tham gia vào các hoạt động vui chơi giải

trí mang sắc thái VH TT. Nhu cầu này bắt nguồn từ quá trình phát triển của Xã hội, Xã hội ngày càng hiện đại, xu hướng con người tìm về với nguồn cội, xu hướng tìm hiểu về VH TT ngày càng tăng. Đây cũng chính là tất yếu của quá trình phát triển.

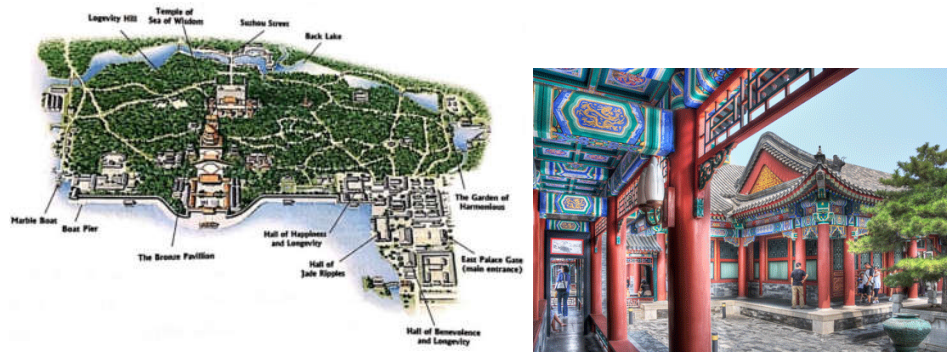
Tóm lại dựa trên các cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, các bài học thực tiễn, cùng việc nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến việc khai thác các đặc trưng VH TT trong tổ chức không gian công viên sẽ là nền tảng đề luận án lựa chọn khả năng áp dụng yếu tố VH TT trong quy hoạch công viên tại Bắc Ninh bao gồm phân khu chức năng và tổ chức không gian.

2.4. Các bài học thực tiễn về khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên

2.4.1. Trên thế giới

- **Công viên Di Hòa Viên- Trung Quốc:** là một cung điện được xây dựng từ thời nhà Thanh, nằm cách Bắc Kinh 15 km về hướng Tây bắc, rộng 293ha với diện tích mặt nước chiếm $\frac{1}{4}$, được cấu thành từ hai khối núi Vạn Thị và Hồ Côn Minh. Tổng số kiến trúc các loại trong khu vực này bao gồm hơn 3000 gian, phân thành ba khu chức năng chính: khu hành chính, khu cư trú - sinh hoạt và khu thưởng ngoạn. Có thể nói đây là một kiến trúc vườn với những nét nghệ thuật vô cùng độc đáo, chiếm vị trí đặc biệt trong lịch sử kiến trúc vườn ở Trung Quốc cũng như trên thế giới, đồng thời cũng là điển hình của việc khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian. Hình thức kiến trúc các công trình chính trong công viên đều sử dụng lối kiến trúc truyền thống Trung Hoa và lối kiến trúc cung đình điển hình; Gác Phật Hương có kiến trúc hình bát giác, kết cấu kiến trúc phức tạp; khu Hậu Sơn, Hậu Hồ là khu vực vận dụng các hình thức kiến trúc theo phong cách Tây Tạng và phố/đường thủy Tô Châu (nét văn hóa đặc trưng của quê hương sông nước Giang Nam), với bố cục chặt chẽ và tinh tế. Bên cạnh đó việc lồng ghép các yếu tố dân gian cũng được quan tâm trong trang trí thiết kế; ví dụ Trường Lang- hành lang du ngoạn dài nhất trong kiến trúc vườn Trung Quốc đều được sơn, vẽ nhiều chủ đề, như “phong cảnh núi, sông”, “hoa, điều, ngư, trùng”, “điển cố về nhân vật”- là những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử cổ đại của Trung Quốc; hay Cầu 17 vòm

cuốn trên hồ Côn Minh với lan can được trang trí bằng các tác phẩm điêu khắc, với nhiều đề tài phong phú. Rõ ràng việc vận dụng các yếu tố VH TT trong kiến trúc, cũng như tổ chức không gian dựa trên sự khai thác nguyên trạng thiên nhiên, đã tạo nên một Di Hòa Viên vô cùng đặc sắc. Đây chính là minh chứng xác đáng rằng, vận dụng yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên đã được quan tâm khai thác từ nhiều thời đại trước.



Hình 2.15. Di Hòa Viên- một trong những công viên mang đậm nét văn hóa Trung Hoa với các công trình mang phong cách kiến trúc truyền thống [internet]

- **Công viên Trung hoa Cẩm Tú- Thâm Quyển- Trung Quốc:** là Công viên mang chủ đề văn hóa đầu tiên của Trung Quốc có diện tích khoảng 30 ha, với mục đích thể hiện những nét đặc trưng văn hóa thông qua việc xây dựng 120 mô hình có tỷ lệ thu nhỏ các công trình văn hóa đặc sắc của đất nước Trung Hoa. Về mặt tổ chức không gian mặt bằng tổng thể của công viên được quy hoạch dựa trên cơ sở mô phỏng bản đồ đất nước Trung Quốc, với 82 quần thể kiến trúc, danh thắng là mô hình thu nhỏ tiêu biểu như: Tử Cẩm Thành, lăng mộ Tần Thủy Hoàng, cảnh đẹp Tô Châu, Hàng Châu, Vạn Lý Trường Thành, Cố Cung... Bên cạnh đó còn có khu du lịch triển lãm “Làng văn hóa phong tục dân tộc Trung Quốc” có diện tích hơn 200.000m², được xây dựng mô phỏng theo tỷ lệ 1/1, 24 thôn trại của 21 dân tộc, từ cách tổ chức quần cư, phong cách kiến trúc đến các phong tục tập quán của các dân tộc như Tạng, Mông, Tày, Dao, Choang... Rõ ràng cách vận dụng các yếu tố đặc trưng văn hóa thông qua việc xây dựng các mô hình thu nhỏ cũng là một trong những cách không chỉ công viên Trung Hoa Cẩm Tú mà nhiều công viên khác trên

thế giới đã thực hiện đem lại những hiệu quả rõ rệt. Ngoài ra trong công viên việc tạo ra các hoạt động vui chơi giải trí, lễ hội đa dạng mang đậm sắc màu văn hóa, các không gian ẩm thực mang phong vị dân tộc... cũng là cách vận dụng thông minh các nét đặc trưng văn hóa. Có thể nói cách khai thác các yếu tố VHTT khéo léo trong tổ chức không gian công viên Trung Hoa Cẩm Tú, đã khiến đây trở thành một trong những điểm du lịch hấp dẫn. Hơn thế nữa đây cũng là một phương thức hữu ích trong việc giáo dục, gìn giữ, phát huy các giá trị VHTT trong bối cảnh xã hội phát triển với sự xâm lấn của khoa học công nghệ mà bản sắc truyền thống đang ngày càng mai một.



Hình 2.16. Mô hình thu nhỏ các công trình văn hóa lịch sử nổi tiếng của Trung Quốc trong công viên Trung Hoa Cẩm Tú [nguồn internet]

- **Công viên văn hóa Edo Wonderland- Nhật Bản:** Với mục đích khi xây dựng nhằm tái tạo văn hóa, lịch sử con người Nhật Bản, công viên không chỉ là nơi vui chơi giải trí, thư giãn, mà còn như một bảo tàng sống, nơi tái hiện toàn bộ quá trình lịch sử thời kỳ Edo- Nhật Bản thế kỷ 17-18. Về mặt phân khu chức năng, công viên được phân chia thành nhiều khu chức năng, với mỗi khu chức năng đều mang đậm nét văn hóa thời kỳ Edo: Khu vực trải nghiệm (nơi trải nghiệm làm việc như thời kỳ Edo, trải nghiệm làm Nija, Kiếm sĩ, trải nghiệm mặc trang phục Henshin thời kỳ Edo...), khu vực triển lãm (các đồ tạo tác có từ thời Edo), bảo tàng truyền thống văn hóa cuộc sống thời Edo, khu vực biểu diễn với các nhà hát trong nhà Nyan-mage, nhà hát ngoài trời Hinomi, khu vực ẩm thực nơi thưởng thức các món ăn mang đậm nét truyền thống thời kỳ Edo tại Nhật Bản, khu vực vui chơi giải trí với rất nhiều trò chơi truyền thống như trường bắn cung Yaba, ném phi tiêu Kazaguruma, võ đường Shuriken... Ngoài ra công viên Edo Wonderland còn tạo sức hút bằng cách tổ chức

rất nhiều sự kiện văn hóa, quanh năm luôn có các lễ hội và các chương trình vui chơi giải trí. Về mặt tổ chức không gian công viên được bố cục giống một ngôi làng thời kỳ Edo, với các công trình kiến trúc mang đậm nét kiến trúc truyền thống độc đáo của Nhật bản thời kỳ Edo. Có thể nói đây là một ví dụ thực tiễn khá thành công trong việc lồng ghép các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên, không chỉ giữ gìn phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc mà còn là bài học giáo dục về lịch sử văn hóa cho thế hệ trẻ, hơn nữa còn là nơi quảng bá giới thiệu văn hóa, thu hút khách du lịch vô cùng hấp dẫn và đem lại hiệu quả kinh tế cho địa phương.



Hình 2.17. Các công trình kiến trúc trong công viên được xây dựng mang đậm nét kiến trúc truyền thống của Nhật Bản [nguồn Edo Wonderland.net]

- **Công viên văn hóa thổ dân Tjapukai- Australia:** Được thành lập cách đây 20 năm, Tjapukai là công viên văn hóa bản địa lớn nhất của Úc được xây dựng trên đất mảnh đất Tjapukai truyền thống trong khung cảnh rừng nhiệt đới tuyệt vời. Công viên được xây dựng với mục đích là nơi trải nghiệm những nền văn hóa phong phú và cổ xưa độc đáo của người thổ dân Úc và người dân đảo Torres Strait. Việc vận dụng các yếu tố VHTT được thể hiện rất rõ trong phân khu chức năng công viên ví dụ: trung tâm văn hóa với các khu trưng bày các vật dụng truyền thống được người thổ dân ở Bắc Queensland sử dụng, khu vực biểu diễn với không gian được phân chia theo tiến trình lịch sử từ buổi đầu sơ khai, hiện tại và tương lai của bộ lạc Thổ dân, làng thổ dân, nơi tìm hiểu về phong tục tập quán, lịch sử, văn hóa của những người dân đầu tiên sống trên vùng đất này, được thưởng thức ẩm thực truyền thống, tham gia các hoạt động tương tác như chơi didgeridoo, vẽ mặt và ném boomerang... Hơn nữa trong tổ chức không gian công viên, việc lợi dụng địa hình cảnh quan, rừng nhiệt đới- một trong những đặc trưng trong tổ chức không gian quần cư của

những bộ tộc thổ dân cũng là cách áp dụng yếu tố VHTT không chỉ đem đến một cái nhìn toàn diện về đời sống của người dân bản địa mà còn giúp giữ gìn bảo tồn bản sắc VHTT của những bộ tộc thổ dân đang dần bị mai một.



Hình 2.18. Công viên Tjapukai- Australia nơi những nét VHTT trở thành đặc trưng riêng tạo sức hút đặc biệt

- **Công viên nước Pháp thu nhỏ - France Miniature:** Gần giống với mô hình công viên văn hóa Trung hoa Cẩm Tú tại Trung Quốc, công viên nước Pháp thu nhỏ- France Miniature là một công viên giải trí ngoài trời hoạt động từ năm 1991, có diện tích khoảng 5ha với bố cục quy hoạch công viên mô phỏng lại bản đồ nước Pháp. Tại đây trưng bày khoảng 160 mô hình các công trình văn hóa đặc trưng nhất của Pháp với tỉ lệ 1/30 tỷ lệ công trình thật. Các di tích này trong công viên được sắp xếp vị trí tương quan với vị trí thực ở Pháp.



Hình 2.19. Bản đồ công viên France Minianuter mô phỏng lại bản đồ nước Pháp và mô hình thu nhỏ các di tích văn hóa nổi tiếng của Pháp [nguồn internet]

Về vấn đề khai thác các yếu tố VHTT, được thể hiện rất rõ trong phân khu chức năng của công viên với 6 phân khu, trong đó mỗi phân khu tượng trưng cho một vùng miền của nước Pháp với những nét đặc trưng rất riêng mang đậm phong cách

kiến trúc truyền thống, kèm theo đó là các công trình các di tích nổi tiếng. Ngoài ra việc tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí còn giúp du khách có cơ hội trải nghiệm và hiểu rõ hơn về nền văn hóa đặc sắc của nước Pháp. Rõ ràng đây là một trong những bài học kinh nghiệm thực tiễn đem lại hiệu quả cao.

Những bài học kinh nghiệm về việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên trên thế giới có thể chưa đầy đủ, tuy nhiên luận án chỉ đưa ra một số ví dụ điển hình nhằm đúc rút một số kinh nghiệm trong quá trình đề xuất các giải pháp, lựa chọn các yếu tố văn hóa đặc trưng cũng như những khả năng áp dụng trong tổ chức không gian, phân khu chức năng công viên tại Bắc Ninh.

2.4.2. Tại Việt Nam

- **Công viên văn hóa Suối Tiên:** Là khu liên hợp vui chơi giải trí tại TP Hồ Chí Minh xây dựng năm 1992 nhằm phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của người dân TP. Diện tích 55ha gồm 150 công trình, mô hình vui chơi giải trí, đa dạng phong phú, kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên và nhân tạo, kiến trúc truyền thống và hiện đại để tạo nên một quần thể hấp dẫn, hiện đại nhưng vẫn mang đậm bản sắc truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc Việt. Đây là một trong những ví dụ khá thành công trong lồng ghép các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại Việt Nam. Từ việc vận dụng các hình thức kiến trúc mang đậm phong cách kiến trúc truyền thống đến khai thác yếu tố văn hóa trong các hoạt động vui chơi giải trí. Ví dụ: lồng ghép các hình ảnh lịch sử và truyền thuyết Việt Nam: Lạc Long Quân - Âu Cơ, Vua Hùng, sự tích trăm trứng, Sơn Tinh Thủy Tinh, sự tích bánh chưng bánh dày, tứ linh Long - Lân - Quy - Phụng, cách thức này khiến các không gian chức năng trở nên gần gũi, quen thuộc với người dân. Kèm theo đó là rất nhiều các hoạt động lễ hội văn hóa đặc trưng của vùng Nam Bộ; như Lễ hội trái cây Nam Bộ, Lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương, lễ hội Vu Lan mùa hiếu hạnh... thu hút được rất đông người dân đến tham dự. Đây là một trong những ví dụ điển hình về việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức công viên đem lại hiệu quả cao trong quá trình vận hành, sử dụng. Một sự đầu tư thông minh không chỉ đem lại cho cộng đồng một không gian văn hóa, nghỉ ngơi giải trí hấp dẫn mà còn đem lại hiệu quả kinh tế cho TP.



Hình 2.20. Công viên Văn hóa Suối Tiên- TP Hồ Chí Minh [nguồn Internet]

- Công viên Hòa Bình- TP Hà nội:** Với mục tiêu xây dựng một khu công viên văn hóa, tượng đài hoàn chỉnh, đồng bộ về cảnh quan môi trường và hạ tầng, đáp ứng các nhu cầu phát triển đô thị, nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, tạo một điểm vui chơi giải trí và tham quan lành mạnh, thu hút khách quốc tế và nhân dân cả nước đến với Thủ đô Hà Nội. Công viên Hòa Bình được xây dựng trên diện tích ~20ha có tổng mức đầu tư 282 tỷ đồng. Trong công viên, tượng đài Hòa Bình là hạt nhân chính được đúc bằng đồng tái hiện lại cảnh người mẹ bế con với những cánh chim bồ câu biểu tượng của hòa bình. Các khu vui chơi giải trí kết hợp với các công trình phụ trợ, dịch vụ, lưu niệm, chòi nghỉ, bãi đỗ xe hài hòa thống nhất trong cảnh quan cây xanh, hồ nước, tạo sự gần gũi với thiên nhiên. Mặc dù được đầu tư xây dựng khá tốn kém nhưng khi đưa vào sử dụng công viên luôn trong tình trạng vắng người sử dụng, thậm trí đang dần xuống cấp. Lý giải cho điều này chính là: Công viên Hòa Bình ra đời, một phần lớn vì lý do lễ hội Thăng Long 1000 năm và cố gắng biến công viên thành như sân lễ hội. Tuy nhiên sau lễ kỷ niệm đó cần duy trì những hoạt động văn hóa để tạo sức hút cho công viên thì gần như không có. Bên cạnh đó công viên xa nơi tập trung dân cư, không gần luồng người đi bộ và nơi tập trung người là một rào cản lớn; vé gửi xe đắt (và vé vào cửa?) là rào cản về tài chính; sự chưa quen thuộc với công viên là rào cản về tâm lý; sự thiếu vắng các hoạt động hàng ngày hấp dẫn, gây sự chú ý trong công viên, thiếu vắng cây cối lớn: chưa tạo nên các lý do hấp dẫn để lôi kéo người sử dụng. Ý tưởng và mọi nỗ lực xây dựng phát triển công viên Hòa Bình là đáng trân trọng, tuy nhiên điều này chưa đủ để duy trì cũng như phát huy giá trị của công viên. Vì thế đây chính là một trong những bài học kinh nghiệm sâu sắc về việc khai thác văn hóa

trong công viên nhưng chưa thực sự đem lại hiệu quả do quá trình quản lý và vận hành sử dụng sau thiết kế và xây dựng.



Hình 2.21. Tượng điêu khắc và Cánh chim Lạc khổng lồ được thiết kế theo phong cách Á Đông truyền thống tạo nên sự độc đáo cho công viên kết hợp hồ điều hòa được bố trí đan xen tạo nên một cảnh quan, mềm mại, hấp dẫn [nguồn internet]

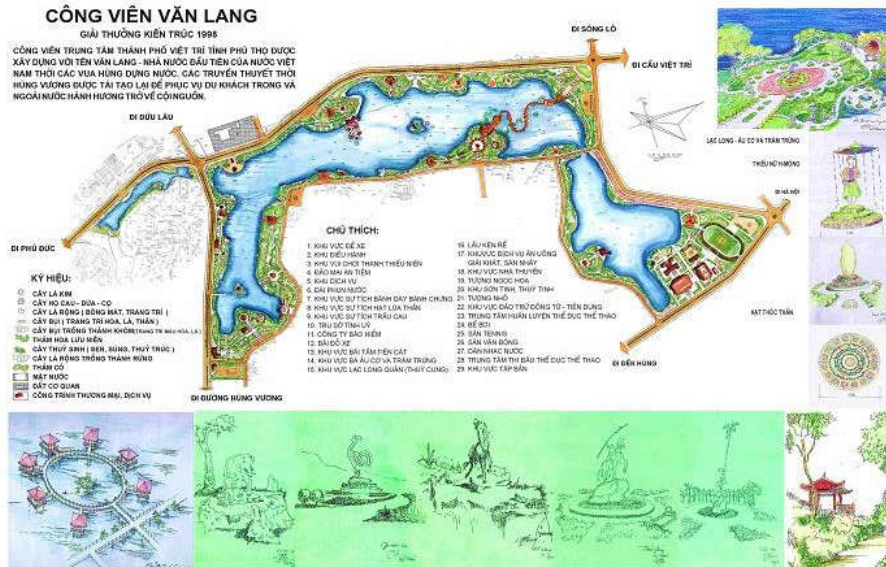
- **Công viên Yên Sở- TP Hà Nội :** Nằm tại cửa ngõ phía Nam Thủ đô, có tổng diện tích 323ha được ví như lá phổi xanh của Hà Nội. Đây là công viên đô thị lớn nhất Việt Nam và là công viên xanh lớn nhất Hà Nội với 280ha là hồ nước và cây xanh. Được thiết kế, xây dựng nhằm mang đến một trải nghiệm mới với những giá trị truyền thống kết hợp với đương đại, ví dụ như công trình như nhà triển lãm nghệ thuật, nhà thuyền, rạp hát ngoài trời, vườn mê cung, làng văn hóa và rất nhiều cảnh quan khác. Công Viên Yên Sở đã giành được giải thưởng về Thiết kế Kiến trúc cảnh quan năm 2011 do Viện Kiến trúc Cảnh quan Malaysia (ILAM) trao tặng.



Hình 2.22. Công viên Yên Sở- quận Hoàng Mai- TP Hà Nội [nguồn internet]

- **Công viên Văn Lang- TP Việt Trì- Phú Thọ:** quy mô 113ha, với 58,77 ha mặt nước, được xây dựng trên ý tưởng tái hiện các truyền thuyết độc đáo thời kỳ Hùng Vương, trong đó các phân khu chức năng đều được gắn với các câu chuyện lịch sử, các công trình kiến trúc, các trang thiết bị phụ trợ trong công viên đều được quan tâm, quy hoạch, thiết kế gắn với các yếu tố VHTT. Cụ thể từ cách phân chia

các khu chức năng, mỗi khu chức năng đều gắn liền với các truyền thuyết, sự tích dân gian vô cùng phong phú đặc sắc; ví dụ như khu văn hóa lịch sử, nơi tái hiện toàn bộ truyền thuyết thời kỳ Hùng Vương: Khu Lạc Long Quân- Âu Cơ, trưng bày các tượng nhỏ tượng trưng cho 54 dân tộc Việt bằng gốm màu đứng trên các thảm hoa văn mô phỏng hoa văn của từng dân tộc; Khu truyền thuyết; Khu Thanh thiếu niên và tượng đài Thánh Gióng là nơi tổ chức lễ hội và vui chơi giải trí cho thanh thiếu niên; Khu vực ẩm thực giới thiệu các món ăn truyền thống của các dân tộc với các công trình được xây dựng theo phong cách kiến trúc truyền thống. Ngoài ra, yếu tố VHTT cũng được quan tâm bằng việc xây dựng các hạng mục công trình, các trang thiết bị trong công viên đều mang đậm phong cách kiến trúc truyền thống.



Hình 2.23. Bản đồ Quy hoạch tổng thể dự án công viên Văn Lang [nguồn internet]
Rõ ràng việc vận dụng các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đã đem lại những hiệu quả không chỉ thể hiện những nét độc đáo của VHTT vùng đất Tổ, mà còn là bài học thực tiễn trong giáo dục tình yêu quê hương đất nước cũng như văn hóa dân tộc. Hơn nữa còn giúp nâng tầm vị thế của TP Việt Trì xứng với danh xưng TP Lễ hội- cội nguồn văn hóa dân tộc Việt Nam.

Ngoài các bài học thực tiễn về khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại Việt Nam đã trình bày còn rất nhiều ví dụ thực tế khác, đã, đang xây dựng hay còn đang là các dự án. Mặc dù lồng ghép yếu tố VHTT vào tổ chức

không gian công viên đang dần trở thành xu hướng, tuy nhiên còn nhiều công viên vẫn chưa tạo được sức hút. Thứ nhất là việc nhận diện các yếu tố đặc trưng để khai thác trong tổ chức không gian; thứ hai đến từ vấn đề quản lý, đầu tư và nhiều vấn đề khác quan khác... Tuy nhiên nếu có chính sách hỗ trợ về vốn, đất đai, có chiến lược định hướng cụ thể rõ ràng chắc chắn sẽ đem lại kết quả.

2.4.3. Những bài học đúc rút từ kinh nghiệm thế giới và Việt Nam

Việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên đã được áp dụng ở nhiều công viên trên thế giới cũng như một số công viên tại Việt Nam từ những bài học thực tiễn đã được trình bày có thể thấy:

- Công viên không chỉ đơn thuần phục vụ cho mục đích vui chơi giải trí của cộng đồng, cũng như không chỉ dừng ở việc mô phỏng thế giới tự nhiên, cải thiện vi khí hậu, mà còn đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử, VHTT.
- Vận dụng các yếu tố VHTT trong phân khu chức năng, tổ chức không gian trong công viên đã dần trở thành xu hướng phổ biến.
- Trong phân khu chức năng khai thác yếu tố VHTT bằng cách hình thành các khu chức năng trải nghiệm, tái hiện các di sản văn hóa nghệ thuật, các thời kỳ lịch sử nhằm đem đến một cái nhìn toàn diện về đời sống văn hóa dân tộc.
- Trong tổ chức không gian, yếu tố VHTT được thể hiện thông qua cách tổ chức không gian cây xanh mặt nước (áp dụng bố cục quy hoạch truyền thống, hoặc vận dụng điều kiện tự nhiên), vận dụng các hình thức kiến trúc dân gian truyền thống trong các công trình kiến trúc có quy mô lớn và các công trình kiến trúc nhỏ trong công viên; sử dụng màu sắc hài hòa; khuyến khích sử dụng các vật liệu địa phương trong thiết kế kiến trúc công trình cũng như tổ chức không gian.
- Tổ chức các sự kiện văn hóa, các lễ hội, các chương trình văn hóa trong công viên cũng là một trong những cách khai thác yếu tố VHTT hiệu quả

Tóm lại lồng ghép yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên không chỉ giúp giữ gìn phát huy bản sắc dân tộc, đem đến những trải nghiệm văn hóa thú vị, mà còn giúp quảng bá giới thiệu văn hóa, thu hút khách du lịch, nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cho địa phương.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP KHAI THÁC YẾU TỐ VH TT TRONG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH.

3.1. Quan điểm, mục tiêu

3.1.1. Quan điểm

- **Tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh cần coi trọng việc khai thác các giá trị văn hóa lịch sử đặc trưng**

Bắc Ninh là một vùng đất giàu nét VH TT, là cái nôi của nhiều loại hình nghệ thuật, là nơi sản sinh ra làn điệu dân ca Quan họ đặc sắc, là nơi đến nay còn lưu giữ rất nhiều di tích lịch sử có giá trị. Do đó trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh rất cần coi trọng việc khai thác các giá trị văn hóa lịch sử. Để thực hiện được điều này, trước hết phải quán triệt quan điểm, nhận diện, lựa chọn các yếu tố văn hóa để có thể lồng ghép trong phân khu chức năng cũng như tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong công viên. Từ đó xây dựng được một hệ thống công viên mang những đặc trưng riêng, hơn nữa thông qua đó cũng góp phần phát huy, giữ gìn, bảo tồn các sắc thái văn hóa vùng Kinh Bắc nói chung và Bắc Ninh nói riêng.

- **Tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh cần đảm bảo tuân thủ theo định hướng phát triển hệ thống không gian xanh tại Bắc Ninh**

Trong quy hoạch phát triển đô thị Bắc Ninh đã được phê duyệt, các công viên đã được xác định trong hệ thống không gian xanh và sẽ được thiết kế, đầu tư, xây dựng. Vì thế việc tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh cần đảm bảo tuân thủ theo định hướng phát triển hệ thống không gian xanh tại Bắc Ninh.

- **Tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh phải dựa trên quan điểm phục vụ nhu cầu, lợi ích của cộng đồng**

Quan điểm phục vụ nhu cầu lợi ích của cộng đồng trong công tác xây dựng phát triển hệ thống công viên cây xanh trong đô thị chính là đảm bảo nhu cầu vui chơi giải trí, nghỉ ngơi thư giãn của người dân. Tuy nhiên ở khía cạnh khai thác các yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên, quan điểm này lại là phục vụ cho nhu cầu tìm hiểu cội nguồn lịch sử, nhu cầu tham gia, trải nghiệm các hoạt động

VHTT, các lễ hội, các trò chơi dân gian của cộng đồng. Đặc biệt trong quy hoạch công viên tại đô thị Bắc Ninh quan điểm này lại càng rõ nét.

- **Tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh phải đảm bảo cải thiện môi trường sống**

Xây dựng công viên nói chung hay công viên mang những nét đặc trưng VHTT nói riêng, đều phải dựa trên quan điểm đây là một không gian xanh công cộng phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng, nhằm cải thiện môi trường sống, hạn chế đến mức tối đa những tác hại do biến đổi khí hậu và quá trình đô thị hóa gây ra nhằm hướng tới một môi trường sinh thái bền vững.

- **Tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh cần dựa trên quan điểm hợp lý trong đầu tư, quản lý và vận hành sử dụng**

Vấn đề đầu tư, quản lý, vận hành sử dụng cũng là một trong những vấn đề quan trọng cần quan tâm, đây là một trong những yếu tố tạo nên thành công của một dự án. Việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên cũng không nằm ngoài quy luật đó. Bởi nếu không dựa trên quan điểm hợp lý trong đầu tư, cách thức quản lý cũng như vận hành sử dụng thì việc xây dựng những công viên đó sẽ khó đạt được những hiệu quả như mong muốn.

- **Quá trình tổ chức không gian công viên phải coi trọng chủ trương xã hội hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội**

Công viên là không gian công cộng mang ý nghĩa phúc lợi xã hội, vì vậy việc đầu tư xây dựng công viên chủ yếu là từ ngân sách của nhà nước. Tuy nhiên, để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách và phát huy được sức mạnh của cộng đồng, việc quan tâm, khuyến khích xã hội hóa cũng như huy động các nguồn lực xã hội là hết sức cần thiết. Do đó trong quá trình tổ chức không gian công viên cần phải dựa trên quan điểm coi trọng chủ trương xã hội hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.

3.1.2. Mục tiêu

- **Mục tiêu bảo tồn và phát huy các giá trị VHTT:** Việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh không chỉ nhằm mục

đích kiến tạo những công viên mang những nét đặc trưng, sắc thái riêng mà qua đó còn nhằm mục đích giữ gìn, phát huy các giá trị VHTT vốn có của địa phương, của vùng miền.

- **Mục tiêu bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái:** Bên cạnh việc tạo ra những công viên mang những sắc thái văn hóa đặc trưng, một trong những mục tiêu quan trọng cần hướng tới đó là tạo lập sự cân bằng sinh thái, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, góp phần tạo nên những không gian nghỉ ngơi, vui chơi giải trí lành mạnh cho người dân đô thị.

- **Mục tiêu phát triển kinh tế:** Việc khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh sẽ tạo nên những công viên mang những nét đặc trưng riêng, là điểm nhấn trong không gian đô thị, là một trong chuỗi điểm du lịch thu hút khách tham quan du lịch. Điều này sẽ góp phần đem lại những lợi ích kinh tế, cũng như sẽ thu hút các nhà đầu tư xây dựng đem lại những hiệu ứng có lợi về kinh tế.

- **Mục tiêu xã hội:** Khai thác các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên nhằm cải thiện môi trường sống, đời sống vật chất tinh thần, đáp ứng nhu cầu vui chơi, nghỉ ngơi giải trí của người dân và du khách.

- **Mục tiêu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế:** Thực chất mục tiêu phát triển bền vững luôn là mục tiêu được đặt ra và khao khát hướng tới trong quá trình quy hoạch xây dựng. Phát triển bền vững không chỉ đảm bảo phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng văn minh, môi trường được bảo vệ, gìn giữ mà phát triển bền vững ở đây cần đề cập đến là bền vững về văn hóa, truyền thống. Việc khai thác, lựa chọn yếu tố văn hóa đặc trưng trong quy hoạch công viên cũng chính là nhằm đáp ứng mục tiêu này. Hơn nữa trong xu thế toàn cầu hóa, phát huy giữ gìn bản sắc VHTT, chính là nền tảng cơ sở thuận lợi trong quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế.

3.2. Các nguyên tắc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh

- **Phù hợp với định hướng quy hoạch và chiến lược phát triển đô thị tại Bắc Ninh:** Nguyên tắc này có nghĩa việc khai thác yếu tố VHTT, lựa chọn những

giá trị đặc trưng nhất lồng ghép trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh phải nằm trong chiến lược, định hướng quy hoạch của tỉnh Bắc Ninh nói chung và đô thị Bắc Ninh nói riêng.

- **Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định pháp luật của Nhà nước:** Đây là nguyên tắc đương nhiên phải thực hiện bởi dù có hay không lồng ghép yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên thì trong quy hoạch các khu chức năng hay tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan vẫn phải đảm bảo thiết kế đúng theo tiêu chuẩn, quy định nhằm đem lại một không gian phù hợp, an toàn cho người sử dụng. Với mỗi địa phương có thể có thêm những quy định, chính sách riêng, cụ thể tạo thành một khung thiết kế giúp thuận lợi trong quá trình thiết kế xây dựng và quản lý vận hành công viên.

- **Đảm bảo thống nhất, hài hòa, tôn trọng và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, văn hóa bản địa:** Nguyên tắc này nhằm tạo lập không gian mang những nét đặc trưng riêng cho từng địa phương.

- **Đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân trong đô thị:** Tổ chức không gian công viên nói chung luôn phải dựa trên nguyên tắc đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của cộng đồng. Về phương diện khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên, nguyên tắc này chính là đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu, tham gia trải nghiệm các hoạt động VHTT đặc sắc của địa phương.

- **Nhận được sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng trong quá trình đầu tư, xây dựng, vận hành hoạt động và quản lý:** Cộng đồng chính là đối tượng phục vụ, là đối tượng sử dụng chính, đồng thời cũng là đối tượng tạo nên sự thành công của công viên. Việc nhận được sự ủng hộ của người dân trong quá trình thiết kế, đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý đóng vai trò vô cùng quan trọng. Đây chính là nguyên tắc cơ bản cần phải được lưu tâm.

- **Xác định khai thác các yếu tố văn hóa phi vật thể truyền thống chỉ có trong không gian công năng, văn hóa vật thể truyền thống thuộc về không gian thẩm mỹ và không gian môi trường:** Nguyên tắc này xác định rõ ràng khả năng áp dụng của các yếu tố VHTT trong từng không gian cụ thể của công viên.

3.3. Đề xuất khả năng áp dụng các yếu tố VHTT trong các công viên đô thị Bắc Ninh

Để khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên, tác giả đề xuất một hệ thống các công viên, xác định rõ về thể loại, tính chất, cấp độ phạm vi phục vụ vừa đa dạng, tận dụng tối đa quỹ công viên cây xanh hiện hữu và nền tảng cảnh quan tự nhiên vốn có của đô thị Bắc Ninh đồng thời phải phù hợp với đồ án QHC đô thị Bắc Ninh đã được phê duyệt và các đồ án QH phân khu đô thị đã và đang thực hiện. Từ đó xác định khả năng áp dụng các yếu tố VHTT đặc trưng của Bắc Ninh vào từng loại công viên.

Trong bảng 3.1, tác giả lựa chọn những yếu tố VHTT đặc trưng nhất có khả năng lồng ghép trong phân khu chức năng và tổ chức không gian các công viên tại đô thị Bắc Ninh.

Bảng 3.1. Khả năng áp dụng yếu tố VHTT trong các công viên tại đô thị Bắc Ninh

Loại công viên		Áp dụng cụ thể	Văn hóa vật thể				VH phi vật thể	
			Làng nghề truyền thống	Công trình Kiến trúc	Di tích lịch sử	Đặc điểm quần cư	Văn hóa Quan họ	Lễ hội truyền thống
Cấp loại	Tính chất							
Công viên trung tâm	CV văn hóa nghỉ ngơi	CV Nguyên Phi Ý Lan		X		X	X	X
	CV đa chức năng	Khu công viên Văn Miếu		X	X	X		
Công viên khu đô thị	CV đa chức năng	CV khu ĐTM Tây Bắc	X	X	X	X	X	X
	CV chuyên đề lịch sử văn hóa	CV chuyên đề lịch sử VHTT-khu Phật Tích ven sông Đuống		X	X	X		X
	CV vui chơi giải trí	CV trong đô thị Đại học (phân khu ĐT Tiên Du)		X		X		
	CV văn hóa nghỉ ngơi	CV văn hóa đèn Đầm	X	X	X	X		
	CV đa chức năng	CV đô thị khu vực sông Tiêu Tương		X		X		

	CV vui chơi giải trí	Công viên đô thị Từ Sơn		X		X		
	CV đa chức năng	CV- Đình Bảng- Từ Sơn		X		X		X
Công viên khu vực	CV văn hóa giải trí	Công viên Nguyễn Văn Cừ		X		X		X
	CV văn hóa nghỉ ngơi	Công viên Hoàng Quốc Việt		X		X		
	CV đa chức năng	CV Hồ điều hòa Phúc Ninh		X		X		
	CV đa chức năng	CV Hồ điều hòa Vạn An		X		X		
	CV khoa học	CV trong khu nghiên cứu- khu ĐT Nam Sơn		X		X		
Công viên khu nhà ở	CV vui chơi giải trí	Lâm viên Thiềm Sơn		X		X		
	CV vui chơi giải trí	Lâm Viên Điều Sơn		X		X		
	CV vui chơi giải trí	Khu đô thị Nam Võ Cường		X		X		
	CV vui chơi giải trí	Khu dân cư Bồ Sơn 1,2,3		X		X		
	CV vui chơi giải trí	Khu DCDV phường Thị Cầu		X		X		
	CV vui chơi giải trí	Khu DCDV phường Vân Dương		X		X		

• **Đối với những công viên hiện hữu trong Đô thị:** Phân cấp và có giải pháp cải tạo chỉnh trang, củng cố vị thế cho các công viên hiện hữu, lồng ghép yếu tố VHTT đặc trưng. Cụ thể:

- ✓ **Công viên trung tâm Thành phố:** lồng ghép yếu tố VHTT đặc trưng thông qua các hoạt động VHTT (yếu tố VH phi vật thể). Đặc biệt là các hoạt động lễ hội, biểu diễn Quan họ, các trò chơi dân gian, tái hiện hoạt động làng nghề truyền thống, yếu tố vật thể sử dụng là các yếu tố kiến trúc, đặc điểm quần cư áp dụng trong tổ chức cảnh quan, hình thức các công trình kiến trúc, các công trình phụ trợ và các tiện ích trong công viên. Các hoạt động VHTT có thể tổ chức luân phiên theo chu kỳ). Ví dụ: công viên Nguyên Phi Ý Lan, công viên Văn Miếu,
- ✓ **Công viên khu đô thị:** là khu vực có cảnh quan thiên nhiên với nhiều đặc điểm tự nhiên hấp dẫn, phục vụ đa dạng các hoạt động của cộng đồng. Việc lồng ghép các yếu tố VHTT đặc trưng thông qua khai thác đặc trưng địa hình cảnh quan- đặc điểm quần cư- cách bố trí hệ thống giao thông; sử dụng hình thức, chi tiết kiến trúc cho các công trình bao gồm cả các tiện ích trong công viên. Ngoài ra với một số công viên trong khu vực tập trung nhiều di tích lịch sử, hoặc trong khu vực có lễ hội truyền thống, khai thác các yếu tố này trong tổ chức hoạt

động của công viên. Ví dụ: Công viên văn hóa đền Đầm, công viên chuyên đề lịch sử VH TT- khu Phật Tích ven sông Đuống

- ✓ **Công viên khu vực:** vị trí là trung tâm Phường, có phạm vi phục vụ cho 1 bộ phận dân cư thuộc Phường đó với mục đích chính đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, sinh hoạt cộng đồng, TDTT. Việc khai thác yếu tố VH TT tại các công viên này thông qua các hoạt động VH TT như trò chơi dân gian (VH phi vật thể) và yếu tố vật thể thông qua khai thác các yếu tố kiến trúc, đặc điểm quần cư trong tổ chức cảnh quan, hình thức các công trình kiến trúc, các công trình phụ trợ và các tiện ích trong công viên. Ví dụ: công viên Nguyễn Văn Cừ, công viên Hoàng Quốc Việt.
- ✓ **Công viên khu nhà ở:** vị trí trung tâm khu nhà ở với quy mô diện tích và bán kính phục vụ nhỏ hơn công viên khu vực. Mục đích chính là nơi nghỉ ngơi thư giãn, TDTT cho dân cư trong khu nhà ở. Vì vậy yếu tố VH TT đặc trưng khai thác tại đây đơn thuần là vận dụng hình thức bố cục cảnh quan truyền thống trong tổ chức không gian. Ví dụ: Công viên trong các khu dân cư dịch vụ phường Vũ Ninh, phường Thị Cầu...
- **Đối với các công viên xây mới theo Quy hoạch:** Xây mới các công viên theo tầng bậc ở những khu ĐTM theo QHC đô thị Bắc Ninh đảm bảo chỉ tiêu diện tích theo tiêu chuẩn, quy chuẩn. Bổ sung thêm các loại hình công viên chuyên đề vào cấu trúc không gian QHC đô thị Bắc Ninh đã được phê duyệt. Với những công viên này ngoài việc khai thác yếu tố vật thể (kiến trúc, đặc điểm quần cư) trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và hình thức các công trình kiến trúc, công trình phụ trợ và các tiện ích trong công viên, có thể khai thác yếu tố VH TT theo các hướng như sau:
 - ✓ **Khai thác yếu tố VH TT (phi vật thể) theo chủ đề lịch sử văn hiến, văn hóa tâm linh:** với hướng khai thác này sẽ áp dụng cho những công viên nằm trong khu vực tập trung nhiều di tích lịch sử, kiến trúc. Ví dụ: áp dụng công viên chuyên đề lịch sử Phật giáo, VH TT Bắc Ninh tại khu vực Phật Tích ven sông Đuống, khu vực đô thị Từ Sơn (công viên văn hóa đền Đầm), công viên đô thị

tại khu vực sông Tiêu Tương (theo định hướng QHC phát huy tối đa mặt nước mang giá trị VH lịch sử của sông Tiêu Tương)

- ✓ ***Khai thác yếu tố VHTT (phi vật thể) theo chủ đề văn hóa Quan họ, lễ hội truyền thống:*** áp dụng cho những công viên nằm trong khu vực tập trung nhiều làng Quan họ cổ. Ví dụ: công viên khu vực vùng ven sông Ngũ Huyện Khê và sông Cầu, công viên khu ĐTM Tây Bắc.
- ✓ ***Khai thác yếu tố VHTT (phi vật thể) theo chủ đề tái hiện không gian làng nghề truyền thống:*** áp dụng cho những công viên trong khu vực tập trung nhiều làng nghề truyền thống. Ví dụ: công viên khu vực vùng ven sông Ngũ Huyện Khê và sông Cầu

Tóm lại tùy vào từng loại công viên, cấp độ, yêu cầu, phạm vi phục vụ, vị trí xây dựng mà vận dụng các yếu tố VHTT đặc trưng cho phù hợp và linh hoạt.

3.4. Xác định quy mô, mức độ ưu tiên các khu chức năng trong công viên

3.4.1. Xác định quy mô các khu chức năng trong công viên

Đối với các công viên, tùy theo tính chất và nhu cầu sử dụng của từng loại công viên cũng như tùy theo định hướng quy hoạch phát triển mà có quy mô diện tích khác nhau. Vì thế với những công viên có khai thác các yếu tố VHTT cần phải xác định những chỉ tiêu này sao cho hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của người sử dụng, cũng như đem lại hiệu quả trong quá trình khai thác hoạt động.

Để xác định dự báo quy mô các khu chức năng trong công viên, trước tiên phải xác định sức chứa của công viên thông qua việc xác định nhu cầu của người sử dụng, tần suất sử dụng công viên.

Cụ thể như sau (*Chú thích xem Phụ lục 6*)

→ Số lượng người đến công viên hàng ngày = (Tỷ lệ % người thường xuyên đến công viên) x (Dân số khu vực)

$$\rightarrow A = a\% \times P$$

→ Diện tích công viên tối thiểu = (số lượng người đến công viên hàng ngày) x (tiêu chuẩn cây xanh công viên/ người)

$$\rightarrow St = A \times n$$

→ Tỷ lệ người đến công viên = 100%- tỷ lệ người không bao giờ đến công viên

$$\rightarrow b\% = 100\% - c\%$$

→ Số lượng người đến công viên = (Tỷ lệ người đến công viên) x (Dân số khu vực)

$$\rightarrow B = b\% \times P$$

→ Diện tích công viên tối đa = (số lượng người đến công viên) x (tiêu chuẩn cây xanh công viên/ người)

$$\rightarrow S_d = B \times n$$

Diện tích công viên tối thiểu < **Diện tích công viên** < Diện tích công viên tối đa

$$\rightarrow S_t < S_{cv} < S_d$$

Diện tích các khu chức năng trong công viên = (tỷ lệ % người muốn tham gia hoạt động trong các khu chức năng đó) x (số lượng người đến công viên) x (tiêu chuẩn đất cây xanh công viên/ người)

$$\rightarrow S_{cn} = (d\% \times B) \times n$$

Tỷ lệ % khu chức năng trong công viên = (Diện tích khu chức năng trong công viên/ Diện tích công viên)x100%

$$\text{Tỷ lệ \% khu chức năng trong công viên} = \frac{S_{cn}}{S_{cv}} = \frac{(d\% \times B) \times n}{S_{cv}} \sim m \rightarrow d\% \sim m$$

Vì vậy tỷ lệ các khu chức năng trong công viên (m) sẽ tỷ lệ thuận với nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của người dân. Theo kết quả thống kê, khảo sát điều tra, luận án đã thực hiện có bảng tương quan tỷ lệ dưới đây:

Bảng 3.2. Bảng đề xuất tỷ lệ các khu chức năng trong công viên có khai thác các yếu tố VHTT

STT	Các khu chức năng	Tỷ lệ %
1	Khu biểu diễn	25~28
2	Khu văn hóa giáo dục	12~14
3	Khu thiếu nhi	12~14
4	Khu TDTT	15~17
5	Khu tĩnh	25~30
6	Khu hành chính, quản lý	2,0

Bảng 3.3. Bảng đề xuất tỷ lệ từng thành phần trong các khu chức năng công viên có khai thác các yếu tố VHTT

STT	Khu chức năng	Các thành phần trong khu chức năng	Tỷ lệ %
1	Khu biểu diễn	Khu biểu diễn Quan họ	16
		Khu tổ chức lễ hội truyền thống	8,0
		Khu biểu diễn nghệ thuật hiện đại	4,0
2	Khu văn hóa giáo dục	Khu trải nghiệm, trưng bày, tìm hiểu các nghề truyền thống	8,0
		Khu triển lãm, trưng bày mô hình thu nhỏ các di tích lịch sử văn hóa, công trình kiến trúc đặc trưng của Bắc Ninh	3,0
		Khu vực tái hiện trường thi, khóa thi, các hoạt động văn hóa (ngày hội đọc sách, hội thi thơ, hội thi viết chữ...)	2,0
		Khu vực tái hiện những trận đánh giặc ngoại xâm (phòng chiến tuyến sông Như Nguyệt, hội nghị Diên Hồng...)	1,0
3	Khu thiếu nhi	Khu vực tổ chức các trò chơi truyền thống (kéo co, đánh đu, đập niêu, bịt mắt bắt dê, cờ người...)	10
		Khu trò chơi hiện đại	4,0
4	Khu TDTT	Khu thể thao trong nhà	4,0
		Khu thể thao ngoài trời	13
5	Khu Tĩnh	Vườn dạo...	25
6	Khu HC, quản lý	Khu quản lý, hành chính tổng hợp...	2,0

Ở đây số liệu của bảng đề xuất không phải là chỉ số áp dụng cho tất cả các công viên khai thác yếu tố VHTT, mà chỉ là một ví dụ cho cách thức triển khai. Trước khi có những bước tính toán phải tiến hành khảo sát thống kê nhu cầu nguyện vọng sử dụng của người dân để từ đó xác định quy mô của các khu chức năng sao cho phù hợp. Hơn nữa việc xác định dự báo quy mô các khu chức năng trong công viên còn là cơ sở vững chắc cho quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan công viên.

3.4.2. Xác định mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng trong công viên

Xác định mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng trong công viên là một trong những cơ sở quan trọng trong tổ chức không gian công viên. Bởi lẽ điều này giúp

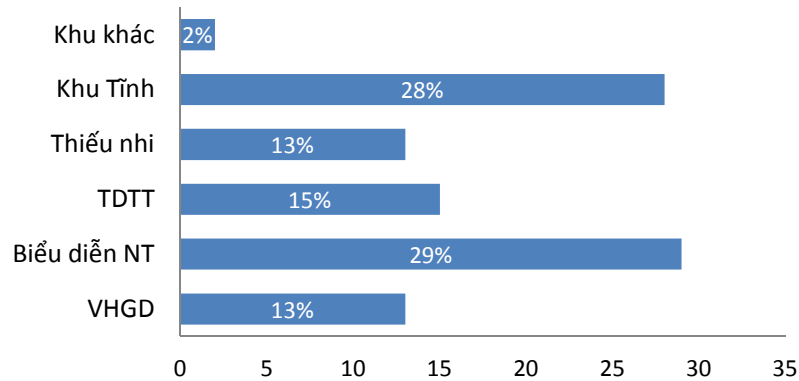
định hướng phát triển công viên, quy hoạch và quản lý công viên một cách hợp lý. Theo như phân tích, các khu chức năng trong công viên tỷ lệ thuận với nhu cầu sử dụng của cộng đồng. Nhu cầu sử dụng, mong muốn của người dân càng cao đồng nghĩa quy mô, diện tích và khả năng đầu tư vào các khu chức năng đó càng lớn, hay nói một cách khác là mức độ ưu tiên càng cao. Để xác định mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng trong công viên, luận án đã thực hiện một cuộc khảo sát điều tra nhu cầu tham gia các hoạt động trong công viên của nhân dân tại 2 phường Suối Hoa và Đại Phúc- TP Bắc Ninh- đây là 2 phường tập trung nhiều công viên vườn hoa của TP Bắc Ninh, và trực tiếp khảo sát người dân đang tham gia hoạt động tại các công viên tại TP Bắc Ninh. Việc đánh giá mức độ ưu tiên các khu chức năng trong công viên, luận án đánh giá dựa trên nhu cầu của các nhóm đối tượng như: *lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, trình độ học vấn, khoảng cách tiếp cận từ nhà đến công viên hay theo tần suất sử dụng công viên*. Đối với từng đối tượng tham gia sẽ có các thứ tự sắp xếp các khu chức năng trong công viên như sau:

- Nhu cầu sử dụng các khu chức năng theo lứa tuổi có sự thay đổi về mức độ ưu tiên. Rõ ràng với lứa tuổi thanh thiếu niên nhu cầu tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, biểu diễn là ưu tiên số 1, với lứa tuổi đang trong độ tuổi lao động bên cạnh vui chơi giải trí, khu thể dục thể thao là khu chức năng được ưu tiên, bởi với lứa tuổi này đa phần đã ổn định công việc, cuộc sống nên việc quan tâm rèn luyện sức khỏe là điều dễ hiểu để đảm bảo sức khỏe phục vụ cho công việc. Còn với độ tuổi hưu(> 60 tuổi) ngoài nhu cầu cao nhất được thưởng thức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống, nhu cầu đứng thứ 2 đó là được sử dụng các không gian nghỉ ngơi yên tĩnh. (*Theo kết quả khảo sát Bảng 2.15*)
- Với đặc điểm về giới, mức độ ưu tiên trong các khu chức năng cũng có những điểm khác biệt. Với phái nam khi được hỏi 73,8% trả lời thích tham gia các hoạt động thể dục thể thao, là trọng số ưu tiên lớn nhất, trong khi đó với phái nữ, khu chức năng này chỉ đứng vị trí thứ 2 trong mức độ ưu tiên (77,5% so với vị trí ưu tiên số 1 là khu chức năng biểu diễn thưởng thức nghệ thuật chiếm tỷ lệ trả lời mong muốn 82,9%), còn lại các khu văn hóa giáo dục, khu thiếu nhi và

khu yên tĩnh đều có tỷ lệ mong muốn tương ứng với mức độ ưu tiên như nhau.

- Nhóm Cán bộ/ Viên chức về hưu, già không việc làm là nhóm có nhu cầu sử dụng các khu chức năng nhiều nhất, đây là nhóm đối tượng có tính chất nghề nghiệp có nhiều thời gian rảnh. Ngược lại 2 nhóm có nhu cầu sử dụng ít tương đương là nhóm Cán bộ/ Viên chức/ làm doanh nghiệp và nhóm Buôn bán/ dịch vụ- đây là nhóm có tính chất nghề nghiệp bị lệ thuộc, chi phối thời gian. Tuy nhiên theo bảng 2.17, mức độ ưu tiên đối với khu chức năng biểu diễn hay nhu cầu thưởng thức các hoạt động văn hóa, tham gia vào các không gian trình diễn nghệ thuật tại công viên luôn là ưu tiên hàng đầu. Duy chỉ có nhóm đối tượng về hưu (thường là nhóm lớn tuổi) ưu tiên số 1 của họ lại là thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe và những khu chức năng yên tĩnh, điều này hoàn toàn phù hợp với tâm sinh lý của con người.
- Với 2 nhóm trình độ học vấn phổ thông và cao đẳng, đại học, trên đại học khu chức năng biểu diễn văn hóa nghệ thuật là khu chức năng được quan tâm nhiều thứ 1,2 đối (86,3% người được hỏi trong nhóm trình độ phổ thông trả lời có, 69,1% câu trả lời tương tự với nhóm cao đẳng, đại học và trên đại học)
- Nhóm đối tượng có khoảng cách từ nhà tới công viên >1km nhu cầu tham gia các hoạt động trong khu chức năng biểu diễn văn hóa nghệ thuật là cao nhất (23,1%) tương ứng với mức độ ưu tiên hàng đầu dành cho khu chức năng này. Khác với nhóm sống gần công viên (khoảng cách từ nhà tới công viên <1km), nhu cầu này chỉ xếp thứ 2 sau nhu cầu thể dục thể thao (điều này có thể giải thích do khoảng tiếp cận công viên dễ dàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thể chất, nâng cao sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống) Cũng giống các nhóm đối tượng khác, mức độ ưu tiên dành cho khu chức năng biểu diễn văn hóa nghệ thuật- nơi diễn ra các hoạt động văn hóa kết nối cộng đồng, luôn là khu chức năng được ưu tiên hàng đầu.

Tổng hợp mức độ ưu tiên các khu chức năng theo các tiêu chí đã đề xuất ở trên, luận án đưa ra đề xuất chung về mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng trong công viên tại đô thị Bắc Ninh như sau:



Hình 3.1. Biểu so sánh mức độ ưu tiên của các khu chức năng theo nhu cầu sử dụng

Bảng 3.4. Đề xuất mức độ ưu tiên dựa trên nhu cầu sử dụng giữa các khu chức năng trong công viên

TT	Các khu chức năng		Tỷ lệ %		Trọng số ưu tiên
1	Khu văn hóa giáo dục	Khu trải nghiệm, trưng bày, tìm hiểu các nghề truyền thống	7,0	13	4
		Khu triển lãm, trưng bày mô hình thu nhỏ các di tích lịch sử văn hóa, công trình kiến trúc đặc trưng của Bắc Ninh	4,0		
		Khu vực tái hiện trường thi, khóa thi, các hoạt động văn hóa (ngày hội đọc sách, hội thi thơ, hội thi viết chữ...)	1,0		
		Khu vực tái hiện những trận đánh giặc ngoại xâm (phòng chiến tuyến sông Như Nguyệt, hội nghị Diên Hồng...)	1,0		
2	Khu biểu diễn VHNT	Khu biểu diễn nghệ thuật truyền thống (hát Quan họ...)	20	29	1
		Khu biểu diễn nghệ thuật hiện đại	9,0		
3	Khu TDTT	Khu thể thao trong nhà	6,0	15	3
		Khu thể thao ngoài trời	9,0		
4	Khu thiếu nhi	Khu vực tổ chức các trò chơi truyền thống (kéo co, đánh đu, đập niêu, bịt mắt bắt dê, cờ người...)	8,0	13	4
		Trò chơi giải trí hiện đại	5,0		
5	Khu tĩnh	Nghỉ ngơi (trò chuyện/thư giãn/đi dạo/đọc sách)	28	28	2
6	Khu hành chính, quản lý	Khu quản lý, hành chính tổng hợp...	2,0	2	5

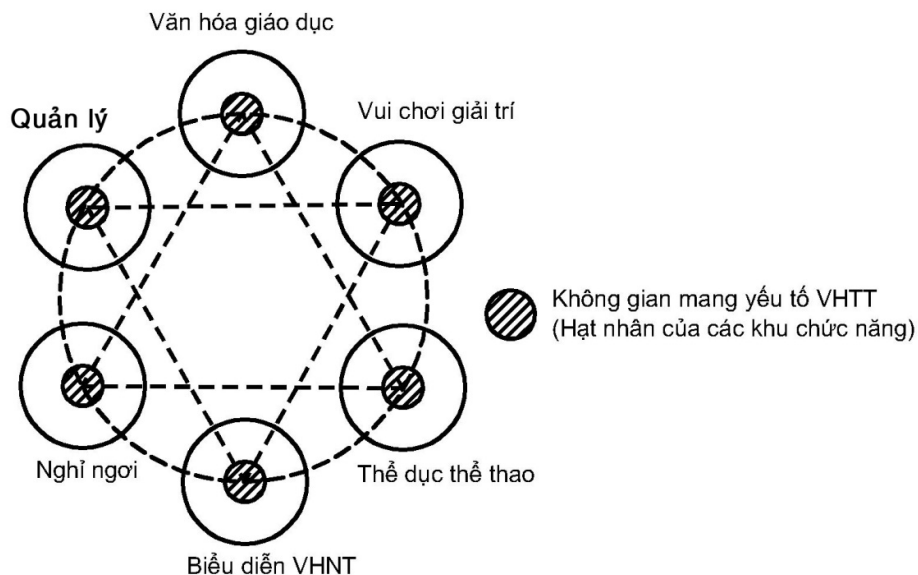
Có thể thấy khu vực biểu diễn, đặc biệt là khu biểu diễn nghệ thuật truyền thống (hát Quan họ) có tỷ lệ nhu cầu cao nhất, đây sẽ là khu có trọng số ưu tiên 1. Dễ thấy nhu cầu tìm hiểu, thưởng thức các hoạt động văn hóa, đặc biệt thưởng thức các làn điệu Quan Họ (di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc của Bắc Ninh) là rất lớn, đồng nghĩa với đó, mức độ ưu tiên của khu chức năng phục vụ cho nhu cầu hoạt động này luôn được đặt lên hàng đầu. Cũng như một lần nữa khẳng định rằng, việc khai thác yếu tố VHTT trong phân khu chức năng và tổ chức không gian trong công viên tại đô thị Bắc Ninh là hoàn toàn có cơ sở.

Tóm lại, những khu chức năng trong công viên có mang yếu tố VHTT luôn thu hút được sự quan tâm của cộng đồng hay nói cách khác các khu chức năng này chính là hạt nhân quan trọng và là khu vực được ưu tiên trong bố cục chức năng công viên.

3.5. Mô hình cấu trúc không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh

3.5.1. Mô hình tổng quát cấu trúc không gian công viên

Dựa trên những nghiên cứu phân tích, luận án đề xuất Mô hình cấu trúc không gian tổng thể của công viên tại đô thị Bắc Ninh bao gồm 6 khu chức năng đó là: Văn hóa giáo dục, Vui chơi giải trí, Thể dục thể thao, nghỉ tĩnh, Biểu diễn văn hóa nghệ thuật, Quản lý-hành chính



Hình 3.2. Mô hình tổng quát cấu trúc không gian công viên

Tuy nhiên khác với những công viên vui chơi giải trí, đa chức năng thông thường, yếu tố VHTT trong công viên sẽ là yếu tố trọng tâm, là hạt nhân chủ chốt trong các khu chức năng của công viên. Không gian mang yếu tố VHTT sẽ bao gồm 2 yếu tố vật thể và phi vật thể; có thể hiểu yếu tố vật thể sẽ được khai thác trong hình thức tổ chức không gian (không gian môi trường và không gian thẩm mỹ), yếu tố phi vật thể sẽ được khai thác trong các không gian chức năng của công viên.

Để làm rõ hơn, luận án đề xuất 3 mô hình cấu trúc không gian cho công viên có khai thác các yếu tố VHTT đặc trưng:

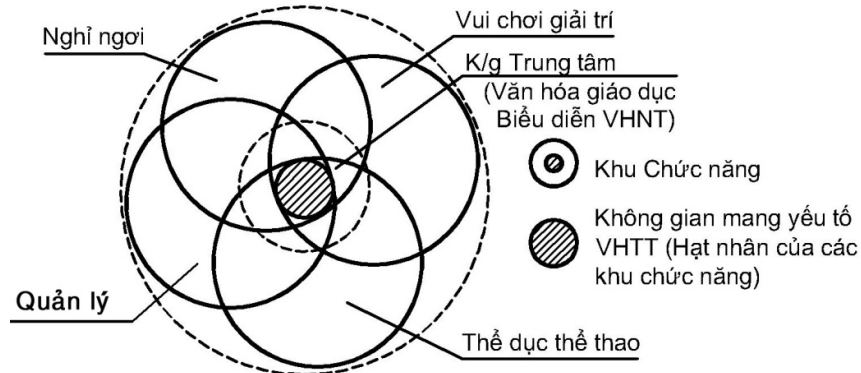
- Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung,
- Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập,
- Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp.

Bảng 3.5. Đề xuất các dạng mô hình cấu trúc k/g công viên tại đô thị Bắc Ninh

TT	Dạng mô hình	Đặc điểm	Hình thái không gian	Phạm vi áp dụng	Cấp loại công viên
1	Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung	Hạt nhân trung tâm có nhiệm vụ gắn kết các không gian chức năng trong công viên	Tập trung	Công viên có quy mô trung bình, nhỏ	Công viên khu vực
2	Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập	Hạt nhân của các khu chức năng bố trí riêng biệt, có xu hướng kết nối thành mạng lưới xuyên suốt	Phân tán	Công viên có quy mô lớn	Công viên trung tâm
3	Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp	Liên kết hạt nhân của các khu chức năng độc lập với hạt nhân trung tâm của nhóm các khu chức năng tương đồng về tính chất	Kết hợp	Công viên có quy mô trung bình, lớn	Công viên khu đô thị Công viên trung tâm

3.5.2. Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung

Là mô hình cấu trúc có hạt nhân trung tâm (không gian mang yếu tố VHTT) làm nhiệm vụ gắn kết các không gian chức năng trong công viên. Mô hình có hình thức bố cục tập trung với yêu cầu diện tích chiếm đất không cao, do vậy có thể dễ dàng áp dụng cho những công viên có quy mô trung bình, nhỏ tương đương với các công viên cấp khu vực (trung tâm phường), công viên khu nhà ở (trung tâm khu nhà ở) tại đô thị Bắc Ninh. Ngoài ra vì phạm vi áp dụng cho các công viên có quy mô nhỏ trung bình tương ứng với phạm vi phục vụ là cộng đồng dân cư trong các khu nhà ở, hoặc 1 phường, yếu tố VHTT được lựa chọn khai thác sẽ không bao gồm tất cả các yếu tố VHTT đặc trưng của Bắc Ninh, mà chỉ khai thác một số các yếu tố như yếu tố vật thể (hình thức kiến trúc, đặc điểm quần cư), yếu tố phi vật thể (được lồng ghép thông qua các hoạt động VHTT như trò chơi dân gian...)

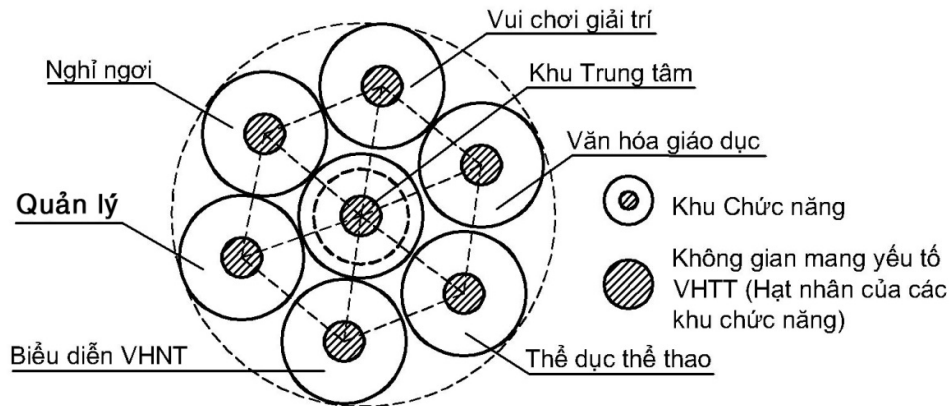


Hình 3.3. Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung

3.5.3. Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập

Là mô hình cấu trúc bao gồm nhiều khu chức năng phân tán độc lập, trong đó hạt nhân của các khu chức năng (k/g mang yếu tố VHTT) cũng được bố trí riêng biệt, nhưng lại có xu hướng kết nối thành mạng lưới xuyên suốt. Mô hình có hình thức bố cục phân tán yêu cầu diện tích sử dụng lớn, do vậy sẽ được áp dụng cho những công viên có quy mô lớn, tương đương với công viên trung tâm thành phố tại đô thị Bắc Ninh. Việc lựa chọn các yếu tố VHTT khai thác trong tổ chức không gian có thể bao gồm tất cả các yếu tố VHTT đặc trưng của Bắc Ninh: yếu tố phi vật thể (văn hóa Quan họ, lễ hội truyền thống, lịch sử văn hiến...) lồng ghép trong các

không gian chức năng, yếu tố vật thể (công trình kiến trúc, làng nghề truyền thống, đặc điểm quần cư) trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (mang yếu tố môi trường vật thể và yếu tố thẩm mỹ). Mô hình này phù hợp cho việc mở rộng phát triển công viên, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một cao của xã hội, cũng như với mô hình này dễ dàng tạo lập các không gian chuyên đề, mang những sắc thái riêng cho từng khu chức năng.



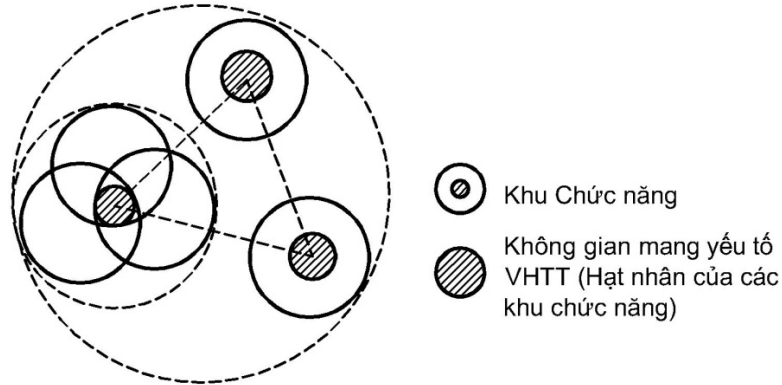
Hình 3.4. Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập

3.5.4. Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp

Là mô hình kết hợp của 2 loại mô hình cấu trúc hạt nhân và cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập. Với mô hình này, các nhóm không gian chức năng trong công viên có cùng tính chất (tĩnh, động hay hỗn hợp) (ví dụ như hạt nhân của khu chức năng văn hóa giáo dục kết hợp với hạt nhân của khu biểu diễn hay hạt nhân của khu thể dục thể thao kết hợp với hạt nhân của khu vui chơi giải trí...) sẽ kết hợp, liên kết với nhau bằng hạt nhân trung tâm của nhóm (có cùng chung không gian mang yếu tố VHNT). Đồng thời cũng liên kết với hạt nhân trung tâm của các không gian chức năng độc lập khác.

Mô hình này có thể áp dụng cho những công viên có quy mô trung bình, lớn tương đương với công viên khu đô thị hoặc công viên trung tâm tại đô thị Bắc Ninh. Việc khai thác yếu tố VHNT trong tổ chức không gian công viên có thể khai thác dựa theo các hướng Khai thác yếu tố VHNT (phi vật thể) theo chủ đề lịch sử văn hiến, văn hóa tâm linh; Khai thác yếu tố VHNT (phi vật thể) theo chủ đề văn hóa

Quan họ, lễ hội truyền thống; Khai thác yếu tố VH TT (phi vật thể) theo chủ đề tái hiện không gian làng nghề truyền thống.



Hình 3.5. Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen hỗn hợp

Tóm lại với 3 dạng mô hình luận án đề xuất cho công viên tại đô thị Bắc Ninh có khai thác yếu tố VH TT, tùy quy mô của từng công viên cũng như ý đồ thiết kế mà có thể áp dụng từng loại mô hình cấu trúc này.

3.6. Các giải pháp khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.

3.6.1. Giải pháp phân khu chức năng trong công viên

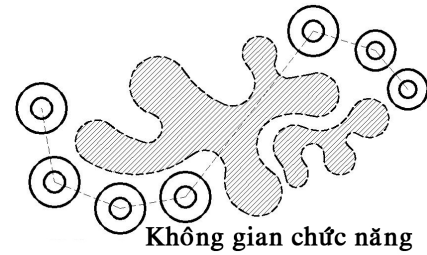
Trong giải pháp phân khu chức năng trong công viên, để lồng ghép những yếu tố văn hóa đặc trưng tại Bắc Ninh luận án thể hiện cụ thể dưới bảng sau:

Bảng 3.6. Vận dụng các yếu tố VH TT trong các khu chức năng CVĐCN

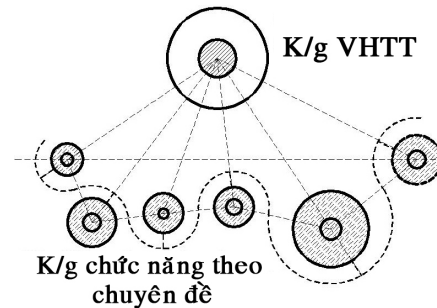
Yếu tố VH TT		Phân khu CN chính		Nghỉ tĩnh	Vui chơi giải trí	Văn hóa Giáo dục	Thể dục thể thao	Biểu diễn	Quản lý, DV tổng hợp
VH vật thể	Làng nghề TT					x			
	Công trình kiến trúc	x		x		x	x	x	x
	Di tích lịch sử					x			
	Đặc điểm quần cư	x		x		x	x	x	x
VH phi vật thể	Văn hóa Quan họ				x	x		x	
	Lễ hội truyền thống				x	x	x	x	

- **Khu nghỉ tĩnh:** Là nơi phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi thư giãn, giao lưu trò chuyện và những hoạt động không mang tính động. Đây là khu chức năng dễ dàng khai thác nghệ thuật trang trí vườn truyền thống tạo nên những không gian thư giãn mang đậm bản sắc văn hóa dân gian địa phương không thể trộn lẫn; hoặc sử dụng các loại cây trồng mang tính đặc trưng để tạo thành những không gian mang sắc thái vùng miền rõ rệt. Đồng thời việc vận dụng yếu tố VH vật thể hình thức kiến trúc truyền thống trong các công trình kiến trúc nhỏ (chòi nghỉ, các câu lạc bộ cờ, ngâm thơ...), tiểu cảnh cũng đem lại những không gian sinh động hấp dẫn mang đặc trưng văn hóa.

- **Khu văn hóa giáo dục:** Là khu vực tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, hội họp, trưng bày, triển lãm v.v.. Với khu chức năng này khả năng vận dụng các yếu tố VHHT là khá thuận lợi. Ví dụ như tổ chức các khu chức năng truyền thống theo chủ đề cảnh quan các vùng miền văn hóa, loại hình VHHT (nơi có thể diễn ra các hoạt động biểu diễn nghệ thuật như hát Quan họ, nơi diễn ra các hoạt động lễ hội truyền thống, nơi giới thiệu nét văn hóa ẩm thực...), tổ chức các khu chức năng theo chuyên đề khai thác các đặc trưng của làng nghề truyền thống tại Bắc Ninh, kết hợp lồng ghép các yếu tố phong tục tập quán nhằm tái hiện nếp sống, nếp sinh hoạt, buôn bán, lao động của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung và Bắc Ninh nói riêng. Hoặc có thể có những khu chức năng mô



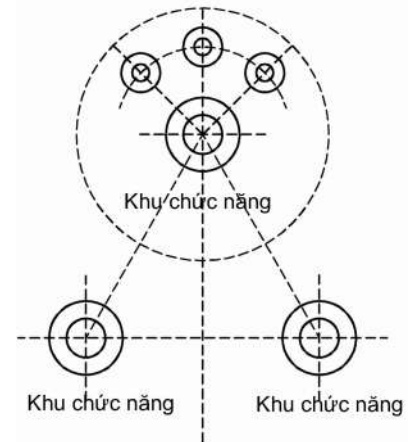
Hình 3.6. Sơ đồ hóa khu nghỉ tĩnh vận dụng nguyên tắc tận dụng điều kiện tự nhiên



Hình 3.7. Sơ đồ hóa khu VHGD với nguyên tắc bố cục theo tuyến (các không gian chức năng theo chuyên đề), kết hợp với nguyên tắc các đường tia hội tụ, tạo điểm nhấn là không gian VHHT

tả cuộc sống của người dân Bắc Ninh xưa thông qua việc nghiên cứu các đặc điểm quần cư, các không gian quy hoạch truyền thống đan xen với việc mô phỏng các công trình kiến trúc, hoặc các di tích lịch sử (tái hiện nguyên gốc theo tỷ lệ tùy thuộc ý tưởng tổ chức không gian cũng như quy mô của khu chức năng). Từ đó tạo điều kiện cho người tham gia hoạt động hiểu rõ và trân quý hơn những giá trị VHTT cũng như hiểu hơn về lịch sử văn hiến của Bắc Ninh, đồng thời làm tăng khả năng quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa của dân tộc. Ngoài ra lồng ghép các yếu tố văn hóa phi vật thể trong khu chức năng văn hóa còn có thể bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa (ví dụ các hoạt động lễ hội- trong đó diễn ra các hoạt động mang tính chất tôn giáo tín ngưỡng, lễ rước thần linh, lễ rước Pháo- hội Đông Ky.vv..)

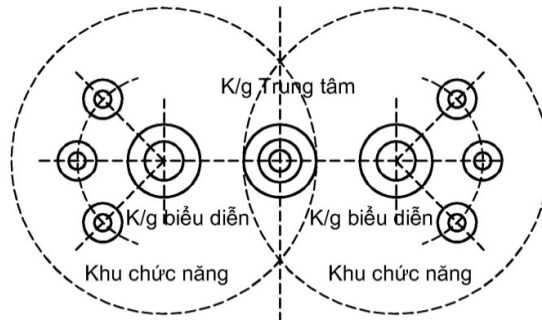
- **Khu vui chơi giải trí:** Là khu chức năng tổ hợp nhiều không gian vui chơi giải trí với các loại hình khác nhau phục vụ nhu cầu cho mọi đối tượng, mọi lứa tuổi. Khu vui chơi giải trí có thể là tổ hợp vui chơi giải trí ngoài trời hoặc trong nhà. Việc đề xuất lồng ghép yếu tố VH phi vật thể như Văn hóa Quan họ, Lễ hội truyền thống (trò chơi dân gian) trong khu chức năng này là hoàn toàn có cơ sở. Bởi lẽ với thực trạng tổ chức không gian công viên như hiện nay, phần lớn các trò chơi đều mang tính hiện đại, điều này khiến cho người tham gia hoạt động mất đi cơ hội tiếp cận với những giá trị VHTT, nguy cơ xóa nhòa bản sắc văn hóa dân tộc. Do đó tổ chức xen kẽ các hoạt động văn hóa cộng đồng, vui chơi truyền thống giàu tính nhân văn như các trò chơi dân gian: chọi gà, thả chim, đấu vật, kéo co... biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống như chèo, tuồng, múa rối nước, hát giao duyên, hát dân ca, hát Quan họ... sẽ khiến không gian chức năng này thêm phần hấp



Hình 3.8. Sơ đồ hóa khu VCGT với nguyên tắc đường tia hội tụ (với các khu trò chơi truyền thống) kết hợp với nguyên tắc bố cục đối xứng

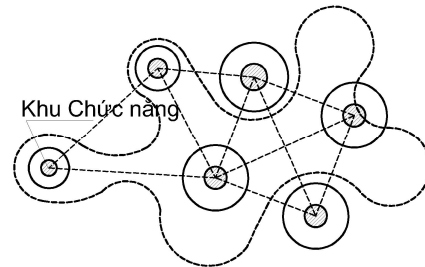
dẫn, thu hút.

- **Khu biểu diễn:** chủ yếu tổ chức các không gian phục vụ biểu diễn, hoặc có các công trình biểu diễn (sân khấu ngoài trời, trong nhà...); ở đây 2 yếu tố văn hóa Quan họ và lễ hội truyền thống là 2 yếu tố chính được đề xuất lồng ghép trong khu chức năng dưới dạng tổ chức hoạt động (các hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống, hát quan Họ, hát đối, hát giao duyên, hát trên bến dưới thuyền, biểu diễn sân khấu về đề tài VH TT...)



Hình 3.9. Sơ đồ hóa khu chức năng biểu diễn với nguyên tắc bố cục theo trục tuyến kết hợp với nguyên tắc đường tia hội tụ tạo điểm nhấn là các không gian biểu diễn

- **Khu thể dục thể thao:** Bao gồm các không gian phục vụ cho mục đích luyện tập, thi đấu thể dục thể thao, rèn luyện thể chất của cộng đồng, có thể là những không gian trong nhà hoặc ngoài trời. Vì thế yếu tố văn hóa đặc trưng lựa chọn để áp dụng đó là công trình kiến trúc (yếu tố vật thể) và yếu tố lễ hội truyền thống (yếu tố phi vật thể). Yếu tố công trình kiến trúc ở đây nếu được vận dụng sẽ là các hình thức kiến trúc truyền thống, các vật liệu dân gian địa phương, nó sẽ là cơ sở cho việc thiết kế các công trình thể thao trong nhà. Yếu tố lễ hội truyền thống ở đây thực ra là các hoạt động VH TT mang tính cạnh tranh, thi đấu được tổ chức trong không gian thể dục thể thao (ví dụ đấu vật, kéo co, võ dân tộc...)



Hình 3.10. Sơ đồ hóa khu chức năng thể dục thể thao, sử dụng nguyên tắc bố cục dạng hình học kết hợp với điều kiện tự nhiên

• **Khu Quản lý- Dịch vụ tổng hợp:** Đây là khu vực tập hợp các công trình dịch vụ, các công trình phụ trợ phục vụ cho nhu cầu sử dụng của người dân khi tham gia hoạt động tại công viên và phục vụ cho mục đích quản lý công viên. Yếu tố VHTT lồng ghép trong khu chức năng này là khai thác yếu tố kiến trúc truyền thống (chi tiết, phong cách kiến trúc...) trong thiết kế các công trình.

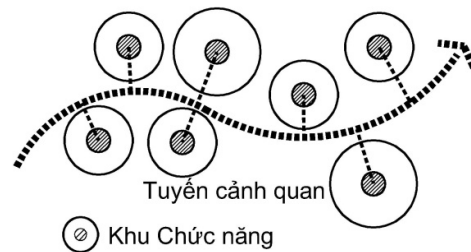
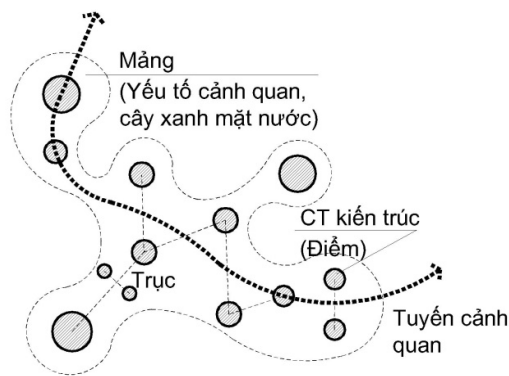
Ngoài cách thức lựa chọn các yếu tố văn hóa đặc trưng lồng ghép trong các khu chức năng thông thường của công viên mà luận án đã đề cập ở Bảng 3.6. Để làm rõ hơn việc vận dụng những yếu tố VHTT đặc trưng trong tổ chức không gian chức năng, luận án đề xuất thêm một số phân khu chức năng chuyên biệt (Bảng 3.7). Việc lựa chọn 1, một vài hoặc đầy đủ các khu chức năng chuyên biệt này bên cạnh các khu chức năng thông thường trong công viên còn tùy thuộc vào cấp loại, yêu cầu, phạm vi phục vụ, đặc điểm vị trí xây dựng công viên

Bảng 3.7. Các khu chức năng chuyên biệt trong công viên vận dụng yếu tố VHTT đặc trưng của Bắc Ninh

STT	Khu chức năng chuyên biệt
1	Khu Bắc Ninh thu nhỏ
2	Bắc Ninh truyền thuyết, huyền thoại và lịch sử
3	Khu làng nghề truyền thống
4	Khu dân ca Quan họ
5	Khu trò chơi truyền thống

• **Khu Bắc Ninh thu nhỏ :** Đây sẽ là nơi giới thiệu tổng quan về VHTT đặc trưng tại Bắc Ninh, là nơi trưng bày các di tích lịch sử văn hóa, các công trình kiến trúc đặc trưng (yếu tố vật thể) của Bắc Ninh theo dạng mô hình có tương quan tỷ lệ với các công trình thực tế. Khu chức năng này có thể có những không gian trong nhà và không gian ngoài trời, bố cục, quy hoạch theo ý tưởng; ví dụ: tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Bắc Ninh hoặc quy hoạch theo từng chủ đề, từng tính chất chức năng của công trình. Việc tổ chức các khu chức năng đặc biệt như vậy không chỉ thể hiện rõ khả năng lồng ghép, vận dụng các yếu tố VHTT đặc trưng

tại Bắc Ninh mà còn thông qua đó là bài học lịch sử trực quan vô cùng sinh động giúp giáo dục, khơi gợi tình yêu quê hương đất nước của người dân cũng như là cách quảng bá hình ảnh của địa phương với đông đảo người dân trong nước và bạn bè quốc tế. Với khu chức năng này, có thể vận dụng bố cục hỗn hợp bao gồm cách phối kết giữa điều kiện tự nhiên với cách bố cục theo dạng tuyến, điểm. Trong đó vận dụng các yếu tố đặc trưng cây xanh mặt nước, tạo các trục tuyến liên kết các công trình di tích lịch sử văn hóa đặc sắc của Bắc Ninh (theo dạng mô hình thu nhỏ có tương quan tỷ lệ với các công trình thực tế) (Hình 3.9)



Hình 3.11. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian khu Bắc Ninh thu nhỏ với bố cục hỗn hợp, phối kết giữa cách bố cục tự nhiên và các yếu tố mảng, trục, tuyến điểm

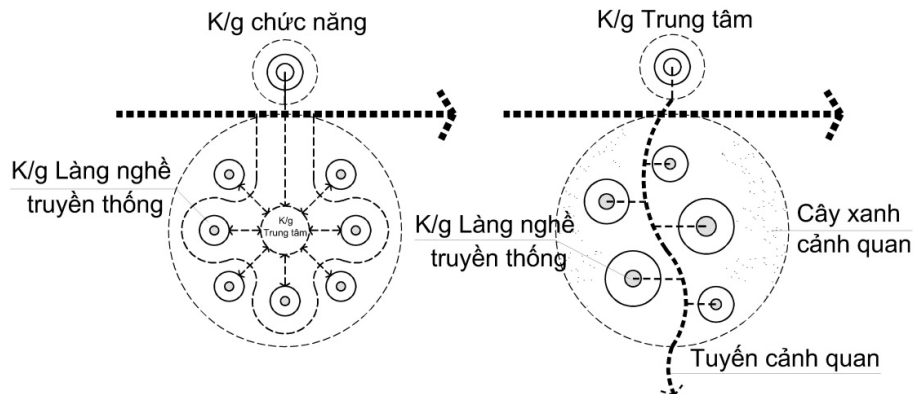
Hình 3.12. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian Khu Bắc Ninh truyền thuyết, huyền thoại và lịch sử với bố cục theo tuyến

- **Khu Bắc Ninh truyền thuyết huyền thoại và lịch sử**

Khu vực này có thể chia làm nhiều khu chức năng với mỗi khu chức năng là một chủ đề trên cơ sở khai thác các di tích, các câu truyện truyền thuyết, liên quan tới lịch sử văn hiến của Bắc Ninh, từ chủ đề như “truyền thống khoa bảng”- phát huy truyền thống hiếu học của quê hương Bắc Ninh- trong không gian này có thể có những không gian tái hiện những trường thi, khóa thi, tổ chức các hoạt động thi trạng nguyên nhí, các hoạt động văn hóa, như ngày hội đọc sách, hội thi thơ, hội thi viết chữ..., hoặc khai thác từ chủ đề “truyền thống nghĩa dũng, yêu nước chống giặc ngoại xâm của người dân Bắc Ninh” nơi tái hiện lại những trận đánh ngoại giặc ngoại xâm, phòng chiến tuyến sông Như Nguyệt, hội nghị Diên Hồng, bến Bình

Than... Với khu chức năng này có thể bố cục theo tuyến(chủ đề tuyến thống yêu nước đánh giặc ngoại xâm tạo các không gian chức năng theo tiến trình các sự kiện lịch sử...) (Hình 3.10)

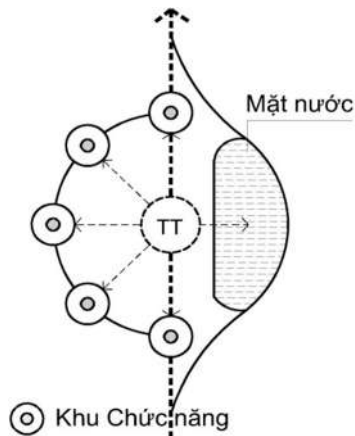
- **Khu làng nghề truyền thống:** Đối với các CVĐCN tại Bắc Ninh đây là một trong những khu chức năng có tính chuyên biệt, bởi lẽ tại đây sẽ tái hiện lại những cụm làng nghề truyền thống tại Bắc Ninh- nơi du khách có thể tìm hiểu cũng như tham gia trải nghiệm các nghề thủ công truyền thống vô cùng đặc sắc của Bắc Ninh. Với cách thức tổ chức không gian dựa trên nền tảng cấu trúc không gian của một làng thủ công truyền thống ở Bắc Ninh. Khu làng nghề truyền thống chắc chắn sẽ đem lại cho du khách cái nhìn tổng thể về quá trình hình thành và phát triển làng nghề, hiểu về nếp sống, hoạt động buôn bán, lao động của người dân Bắc Ninh, cũng như thông qua đó giúp bảo tồn phát huy những giá trị đặc sắc của những nghề thủ công truyền thống. Nhằm thể hiện rõ hơn ý đồ nghiên cứu, bố cục khu chức năng này có thể vận dụng cấu trúc làng truyền thống trong tổ chức không gian kết hợp với các yếu tố trục tuyến, hướng tâm.



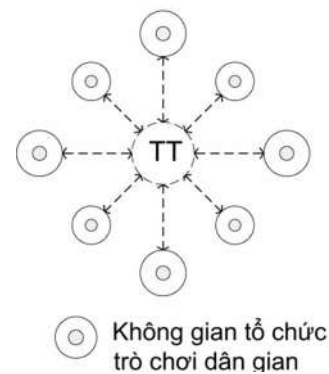
Hình 3.13. Sơ đồ cách tổ chức không gian Khu làng nghề truyền thống vận dụng cấu trúc làng truyền thống trong tổ chức không gian kết hợp trục tuyến, hướng tâm

- **Khu dân ca Quan họ:** Sở dĩ luận án muốn tách riêng Dân ca Quan họ làm một khu chức năng riêng biệt không xen kẽ vào các khu chức năng khác không chỉ đây là yếu tố văn hóa phi vật thể đặc sắc nhất tại Bắc Ninh, mà chính việc phân tách như vậy sẽ làm nổi bật ý đồ trong việc vận dụng các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên, đặc biệt là trong các công viên tại Bắc Ninh. Khu chức năng này sẽ

là khu tổng hợp nhiều không gian; từ không gian biểu diễn dân ca quan họ, không gian triển lãm trưng bày về Dân ca quan họ, không gian trải nghiệm học hát Quan họ...nhằm tạo ra một không gian mang đậm chất Quan họ truyền thống. Với đặc điểm của các không gian biểu diễn Quan họ; hát trên đồi, ven sông, trên thuyền trên sông hay trong lễ hội ngoài làng, ở chùa...[38] Kết hợp với những nghiên cứu đã trình bày ở trên và đặc điểm truyền thống trong các không gian biểu diễn Quan họ, chuyên đề đề xuất sơ đồ cấu trúc không gian khu làng Quan họ bao gồm những không gian biểu diễn trong nhà ngoài trời, đặc biệt không thể thiếu không gian biểu diễn “trên bến dưới thuyền” đặc trưng, kèm theo các chức năng khác được bố trí hướng tâm (Hình 3.12)



Hình 3.14. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian khu làng Quan họ Bắc Ninh

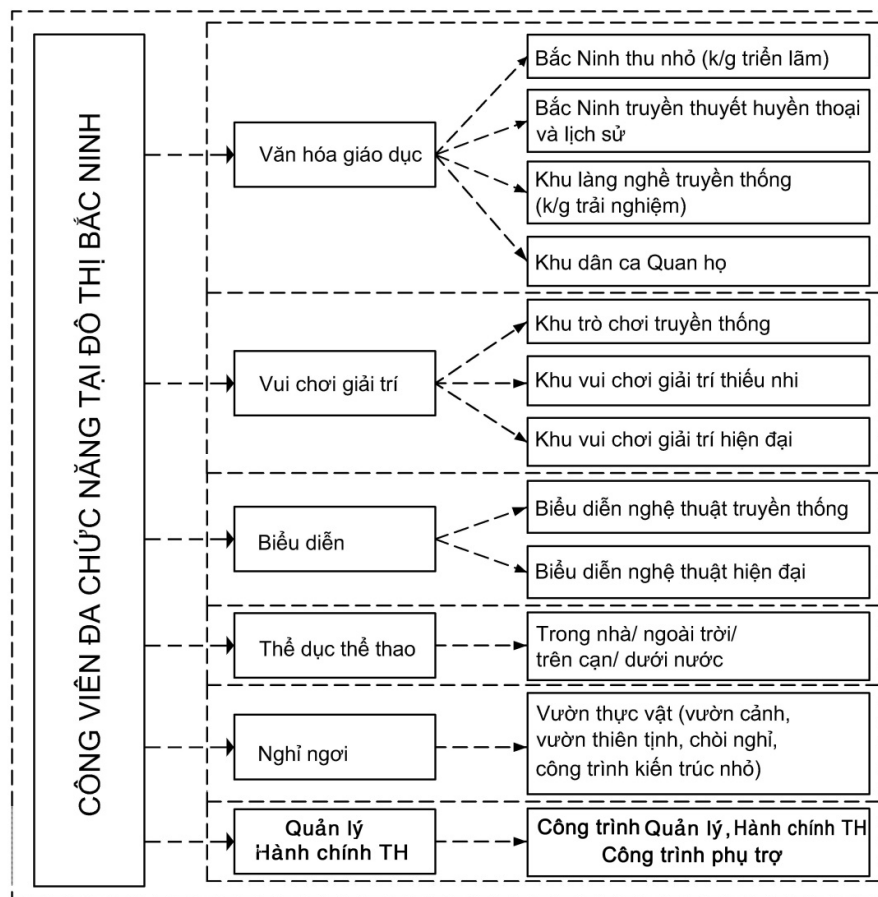


Hình 3.15. Sơ đồ hóa cách tổ chức không gian khu trò chơi truyền thống

• **Khu trò chơi truyền thống:** Bên cạnh khu vui chơi giải trí trong các CVĐCN thông thường với các trò chơi mang tính hiện đại, việc tạo ra một khu chức năng riêng nơi tập hợp các trò chơi truyền thống cũng là một trong những điểm khác biệt khi vận dụng các yếu tố VHHT trong tổ chức không gian chức năng công viên. Đặc biệt với Bắc Ninh quê hương của lễ hội, bên cạnh những phần nghi lễ truyền thống, là mảng trò chơi dân gian vô cùng phong phú và đặc sắc. Trong đó có những trò chơi đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể như trò kéo co, ngoài ra còn rất nhiều trò chơi dân gian khác như đấu vật, cờ người, đánh quay, đập niêu, bịt mắt bắt dê... Với khu chức năng này cách tổ chức không gian theo dạng

hướng tâm với hạt nhân là không gian trung tâm biểu diễn là một trong những cách bố cục đem lại hiệu quả cao, không chỉ tạo ra những không gian riêng dành cho các hình thức hoạt động vui chơi giải trí dân gian đặc thù mà còn tạo một không gian chung với ý tưởng kết nối nơi diễn ra các hoạt động văn hóa trong các dịp lễ hội truyền thống. (Hình 3.13)

Trên cơ sở nghiên cứu nhận diện phân loại các yếu tố VH TT đặc trưng tại Bắc Ninh với 2 nhóm văn hóa vật thể và phi vật thể, cùng những đề xuất mới về khai thác yếu tố VH TT trong phân khu chức năng công viên, luận án đề xuất sơ đồ tổng hợp các khu chức năng đầy đủ của một CVĐCN ở Bắc Ninh được vận dụng yếu tố VH TT dưới dạng sơ đồ (Hình 3.16). Tùy thuộc vào cấp loại, yêu cầu, phạm vi phục vụ, đặc điểm vị trí xây dựng công viên, các thành phần trong khu chức năng có thể lược bớt. Đề xuất cụ thể (Bảng 3.8)



Hình 3.16. Sơ đồ phân khu chức năng trong CVĐCN tại Bắc Ninh

Bảng 3.8. Đề xuất khai thác yếu tố VHTT trong phân khu chức năng các công viên tại đô thị Bắc Ninh

Loại công viên	Phân khu chức năng Đề xuất Áp dụng cụ thể	Văn hóa giáo dục				Vui chơi giải trí			Biểu diễn		TDTT		Nghĩ tĩnh	Quản lý- HC-TH
		Bắc Ninh thu nhỏ	Bắc Ninh truyền thuyết huyện thoại lịch sử	Khu làng nghề truyền thống	Khu dân ca Quan họ	Khu trò chơi truyền thống	VCGT thiếu nhi	VCGT hiện đại	Nghệ thuật truyền thống	NT hiện đại	Trong nhà	Ngoài trời	Vườn thực vật (chòi nghỉ, vườn cảnh)	CT dịch vụ, Quản lý, CT phụ trợ
Công viên trung tâm	Công viên Nguyên Phi Ý Lan				X	X	X		X	X		X	X	X
	Khu công viên Văn Miếu		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
Công viên khu đô thị	Công viên khu ĐTM Tây Bắc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Công viên khu Phật Tích ven sông Đuống		X	X							X	X	X	X
	Công viên trong đô thị Đại học (phân khu ĐT Tiên Du)							X			X	X	X	X
	Công viên văn hóa đèn Đám			X		X	X				X	X	X	X
	Công viên ĐT khu vực sông Tiêu Tương		X				X	X			X	X	X	X
	Công viên đô thị Từ Sơn			X				X			X	X	X	X
	Công viên đô thị khu vực đèn Đô- Đình Bảng- Từ Sơn		X					X	X		X	X	X	X
Công viên khu vực	Công viên Nguyễn Văn Cừ						X		X			X	X	X
	Công viên Hoàng Quốc Việt						X					X	X	X
	Công viên Hồ điều hòa Phúc Ninh						X					X	X	X
	Công viên Hồ điều hòa Vạn An						X					X	X	X
	Công viên trong khu nghiên cứu- phân khu đô thị Nam Sơn										X	X	X	X

*Khu Bắc Ninh truyền thuyết huyện thoại và lịch sử(tùy từng khu vực nơi đặt vị trí công viên)chủ đề khai thác lịch sử sẽ khác nhau, khu làng nghề truyền thống, cũng tùy từng khu vực có thể giới thiệu đầy đủ các làng nghề thủ công truyền thống tại Bắc Ninh hoặc chỉ giới thiệu trung bày, trải nghiệm 1 làng nghề truyền thống nổi trội của khu vực

3.6.2. Giải pháp tổ chức không gian công viên

Văn hóa truyền thống là một phạm trù sâu rộng, phức tạp và dường như không có giới hạn, với nhiều nhân tố cấu thành như: Lối sống, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, các hoạt động sản xuất, sinh hoạt tinh thần (vui chơi, lễ hội...), nghệ thuật tạo hình, trình diễn, biểu hiện...[98] Vì thế lồng ghép các yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên chính là tạo ra những không gian tiện ích phục vụ các hoạt động văn hóa, hoạt động xã hội của con người. Hay nói cách khác các không gian chức năng trong công viên và các yếu tố VHTT phải gắn bó hữu cơ với nhau để tạo ra các sản phẩm vật chất hữu dụng và thẩm mỹ trong thế giới tự nhiên.

Trong tổ chức không gian công viên, các yếu tố VHTT được thể hiện thông qua việc áp dụng những kinh nghiệm, lối sống, phong tục tập quán đã được ông cha đúc kết qua bao đời nay: như kinh nghiệm bố cục, khai thác điều kiện địa hình theo từng vùng miền địa lý, khí hậu; kinh nghiệm lựa chọn; sắp xếp các chủng loại cây khác nhau trong không gian để làm nổi bật giá trị tư tưởng; kinh nghiệm dân gian truyền thống trong xây dựng công trình (quy cách chọn vị trí, tương quan tỷ lệ theo quan niệm tâm linh, cách sử dụng vật liệu có nguồn gốc tự nhiên...) Đây chính là cách tiếp cận, khai thác các yếu tố VHTT theo hướng chất lọc tinh hoa, phát huy những tinh túy của bản sắc văn hóa đã hình thành và tồn tại bao đời nay trong tổ chức không gian công viên

a. Giải pháp tổng thể: Khai thác các yếu tố văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên, được thể hiện ở 2 khía cạnh: vận dụng VHTT trong không gian tổng thể và trong các thành phần tạo không gian (yếu tố địa hình, mặt nước, cây xanh, các công trình kiến trúc, các yếu tố hạ tầng kỹ thuật).

- **Vận dụng VHTT trong không gian tổng thể:** Từ ngàn đời nay, cuộc sống của con người Việt Nam luôn gắn bó với thiên nhiên, tư tưởng hòa đồng với thiên nhiên đất trời đã ảnh hưởng trực tiếp tới quan điểm tổ chức không gian truyền thống. Những không gian dù đơn lẻ hay một quần thể đều luôn gắn bó và ăn nhập một cách hữu cơ với khung cảnh thiên nhiên và môi trường xung quanh, không tạo ra sự thách thức hay lấn át môi trường tự nhiên vốn có. Vì thế, vận dụng yếu tố VHTT

này trong không gian tổng thể (không gian mang tính chủ đạo), luận án đề xuất tạo nhiều không gian mở, hài hòa với thiên nhiên, áp dụng phong cách thiết kế vườn công viên truyền thống: lợi dụng điều kiện tự nhiên- địa hình- mô phỏng thiên nhiên, tận dụng những đặc trưng của thiên nhiên: cây xanh mặt nước- nhằm phục vụ nhu cầu thẩm mỹ của người tham gia hoạt động trong công viên. Với không gian chức năng, có quy mô nhỏ có thể tạo những không gian đóng hoặc nửa đóng nửa mở tùy theo đặc điểm riêng của từng khu chức năng.

• **Vận dụng VHHT trong các thành phần tạo không gian:** Ở đây, các yếu tố tự nhiên của cảnh quan công viên vừa là cơ sở, vừa là thành phần tạo nên hình thức và chất lượng thẩm mỹ của không gian công viên. Các yếu tố tự nhiên bao gồm:

- **Yếu tố địa hình:** là nhân tố cơ bản tạo lập hình thái không gian công viên, các địa hình cao tạo thành các mốc hình ảnh công viên.
- **Yếu tố mặt nước:** tạo hình thái không gian công viên như: cảnh quan ven sông, ngã 3 sông, ven hồ. Đồng thời yếu tố mặt nước còn là các trọng tâm bố cục không gian theo trục tuyến (sông, muong) hoặc mảng (hồ, đầm).
- **Yếu tố thực vật** là thành phần chính trong các không gian trồng công viên (khu cây xanh, khu canh tác hoa màu, thảm cỏ...) yếu tố thực vật gắn liền với kiến trúc là không gian đệm và phương tiện để liên hệ và phân tách các không gian.

Ngoài những yếu tố tự nhiên **Công trình kiến trúc, kiến trúc nhỏ, đường giao thông** cũng là các yếu tố quan trọng trong tổ chức không gian công viên (Các công trình kiến trúc lớn- tạo hình trong các không gian trồng; các công trình kiến trúc nhỏ tạo cảnh trang trí trong lòng các không gian trồng)

Các yếu tố tự nhiên được sử dụng như những thành phần bố cục chủ đạo của không gian công viên, là yếu tố cơ bản tạo nên bản sắc của hình thái không gian công viên, đảm bảo mối quan hệ hài hòa về không gian giữa các thành phần tự nhiên với thành phần nhân tạo: tỷ lệ- quy mô... Để hình thành các đặc điểm riêng cho từng không gian các khu chức năng, NCS đề xuất sử dụng các đặc trưng của điều kiện tự nhiên làm cơ sở cho ý tưởng bố cục không gian, trong đó lựa chọn một số thành phần tự nhiên có giá trị cả về vật chất và văn hóa tinh thần làm yếu tố

không gian chủ đạo (cột mốc, điểm nhấn). Hoặc sử dụng các thành phần không gian tạo ra 2 loại có tính tương phản (thuyết Âm- dương) để phối kết trong bố cục không gian nhằm đạt được sự hài hòa hay tương phản, chủ yếu hay thứ yếu. Các cặp tương phản Âm- dương có thể là: đất- đá; nước- đất; nền đất trồng cỏ tự nhiên- phần lát; không gian ngoài nhà- phần xây dựng... Vận dụng yếu tố VHHT trong các thành phần tạo không gian cũng được đề xuất dựa trên quan điểm, kinh nghiệm truyền thống, nền tảng triết lý Phương Đông (thuyết Tam tài, Âm dương ngũ hành..) cụ thể:

- **Yếu tố địa hình:** khai thác sự thay đổi cốt cao độ, đường nét cao thấp trong địa hình tự nhiên, tận dụng những đặc trưng địa hình tự nhiên kết hợp với những cảnh quan nhân tạo nhằm tạo cảm giác phóng khoáng, như con người được sống trong lòng thiên nhiên bao la.

- **Yếu tố mặt nước:** sử dụng hài hòa giữa mặt nước thiên nhiên và mặt nước nhân tạo, mặt nước nhân tạo theo dạng hình học (vuông, tròn, nửa vuông, nửa tròn, theo quan điểm truyền thống vuông tròn có nghĩa là đầy đặn “mẹ tròn con vuông”) hoặc tạo mặt nước nhân tạo mô phỏng hình thái tự nhiên. Sử dụng tổ hợp sơn-thủy (đá-nước) một trong những cách thức thường thấy trong bố cục không gian mặt nước truyền thống vào tổ chức không gian.

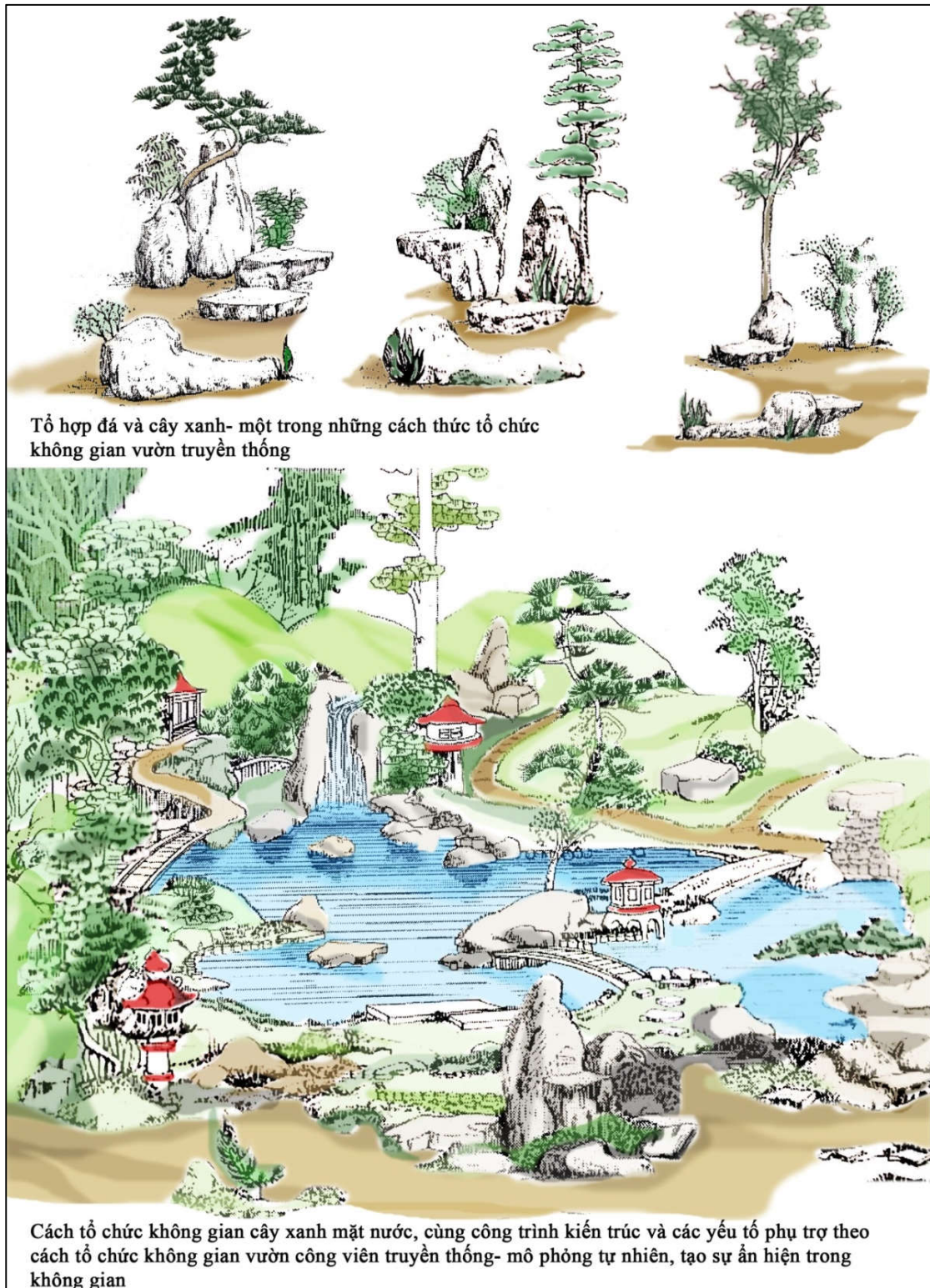
- **Yếu tố cây xanh:** sử dụng các loại cây ở dạng tự nhiên để biểu hiện cái đẹp của thiên nhiên và thể hiện chủ đề tư tưởng, ngoài ra lựa chọn chủng loại cũng như vị trí xếp đặt phải có ý nghĩa tượng trưng, gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa tinh thần của người Việt.

- **Yếu tố công trình:** thể hiện trong xếp đặt vị trí, công trình kiến trúc dù là đơn lẻ hay một quần thể đề luôn phải gắn bó hài hòa với khung cảnh thiên nhiên và môi trường xung quanh, không lấn át môi trường tự nhiên vốn có. Hình thức kiến trúc, chi tiết của công trình phải được biểu hiện rõ đặc trưng kiến trúc truyền thống, hoặc cách điệu các chi tiết làm nổi bật vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước.

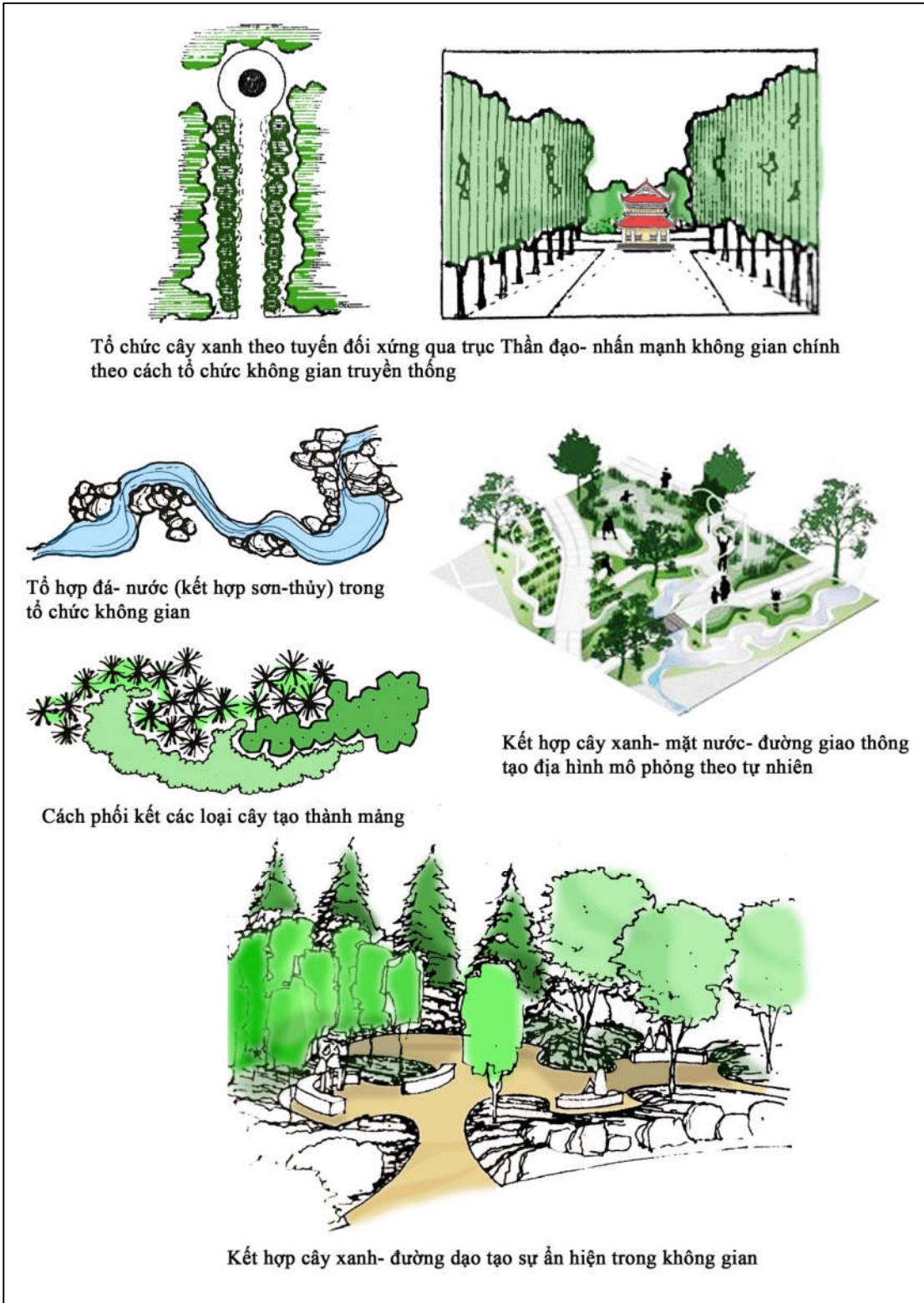
- **Yếu tố giao thông:** vận dụng thủ pháp mạng lưới đường tự nhiên theo địa hình, hoặc để nhấn mạnh một tổ hợp không gian cũng có thể sử dụng những hệ thống đường theo dạng hình học với trục đường chính- trục Thần đạo.

Bảng 3.9. Khai thác yếu tố văn hóa truyền thống trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh

Các thành phần trong không gian KTCQ	Vận dụng các yếu tố VH TT	Hình thức thể hiện
Yếu tố địa hình	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đường nét cao thấp trong địa hình tự nhiên. - Tận dụng đặc trưng địa hình tự nhiên kết hợp hài hòa với cảnh quan nhân tạo nhằm tạo những không gian sống động 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp cảnh quan nhân tạo và cảnh quan thiên nhiên
Yếu tố cây xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng triết học Phương đông trong cách phối kết: vận dụng thiên nhiên, mô phỏng tự nhiên, tạo sự ẩn hiện trong không gian, ảo giác về phối cảnh, hài hòa với tỷ lệ công trình. - Cây trồng trong không gian chức năng phải là những loại cây quen thuộc với đời sống văn hóa tín ngưỡng, loại cây đặc trưng mang ý nghĩa văn hóa lịch sử của Bắc Ninh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục tự do - Bố cục theo dạng mảng, tuyến, điểm, cắt xen tạo hình trang trí
Yếu tố mặt nước	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng làm nền cho các công trình kiến trúc, tạo hiệu ứng đặc biệt cho cảnh quan. Kết hợp sơn- thủy (đá-nước), non bộ trong bố cục không gian mặt nước (cách tổ chức không gian truyền thống) thể hiện chủ đề tư tưởng, văn hóa lịch sử. - Sử dụng mặt nước làm sân khấu biểu diễn nghệ thuật truyền thống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nước lớn, mặt nước nhỏ, bề trang trí theo dạng hình thái tự do theo điều kiện tự nhiên sẵn có, nhân tạo phỏng tự nhiên, hoặc theo dạng hình học.
Công trình kiến trúc	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức kiến trúc dân gian truyền thống (hình thức mái, bố cục), sử dụng chi tiết trang trí truyền thống. - Vật liệu truyền thống (gỗ, tre nứa, gạch, đất nung...) - Các tiện ích trong công viên thống nhất về hình thức, bố cục quy hoạch → tinh thần văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục không gian công trình theo trục Thần đạo - Bố cục theo chủ đề tư tưởng
Yếu tố hạ tầng kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống giao thông: mạng lưới đường theo điều kiện tự nhiên (hay sử dụng trong nghệ thuật vườn truyền thống). Mạng lưới đường theo dạng hình học, trục đường chính- trục Thần đạo - Hệ thống chiếu sáng tạo cảm xúc thẩm mỹ, nổi bật chủ đề tư tưởng văn hóa truyền thống muôn truyền đạt. Hình thức trang thiết bị chiếu sáng, cách điệu kiến trúc truyền thống, vật liệu truyền thống 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng tự nhiên, dạng hình học (hình tia, xen kẽ răng lược, đường xoắn ốc, đường vòng kín), dạng kết hợp. - Chiếu sáng không gian tiếp cận, không gian chức năng, chiếu sáng các điểm nhấn trong không gian.



Hình 3.17. Minh họa tổ chức không gian kết hợp các yếu tố cây xanh, mặt nước, công trình kiến trúc và các yếu tố phụ trợ theo phong cách truyền thống



Hình 3.18. Minh họa tổ chức không gian vận dụng cách tổ chức không gian truyền thống

b. Tổ chức không gian cây xanh:

Với những công viên có khai thác các yếu tố VHTT, tổ chức không gian cây xanh mặt nước được thể hiện bằng các thủ pháp nghệ thuật trang trí vườn truyền thống; hoặc sử dụng các loại cây trồng mang tính đặc trưng sắc thái vùng miền nhằm tạo nên những không gian thư giãn mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Dựa trên cơ sở triết học Phương Đông, cách phối kết cây xanh theo bố cục tự do (tận dụng thiên nhiên, mô phỏng tự nhiên), tạo sự ẩn hiện trong không gian, tạo ảo giác về phối cảnh, hài hòa với tỷ lệ công trình. Ví dụ: *Cây ven hồ là cây có dáng mảnh mai như liễu, trúc đào, tường vi... Cây tạo phong là loại có lá nhỏ li ti để tạo phối cảnh như me, muồng, phượng... Cây cận cảnh chọn cây có hoa đẹp như mẫu đơn, đỗ quyên, trà...* Đồng thời lựa chọn các chủng loại cây trồng trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh bên cạnh những tiêu chí thông thường:

- Cây phải có hình dáng đẹp, tán cân đối, rộng để che bóng mát
- Không gây ô nhiễm do hoa, quả có mùi hôi thối, mù độc
- Đảm bảo an toàn với người sử dụng công viên: cành nhánh không giòn, dễ gãy, thân không có gai nhọn
- Cây thường xanh hoặc rụng lá từng phần
- Cây ít sâu bệnh hại, không là ký chủ trung gian cho các loại bệnh hại người, chịu cắt tỉa.
- Cây dẻo dai, ít bị đổ gãy do gió bão
- Lá không quá nhỏ gây khó khăn cho việc làm vệ sinh
- Cây dễ thích nghi với thổ nhưỡng, khí hậu tại địa phương.

Cần lựa chọn những loài cây quen thuộc trong đời sống sinh hoạt, văn hóa tín ngưỡng của người dân Việt Nam (tiêu chí này được cộng điểm đối với những loại cây được trồng trong các không gian mang yếu tố VHTT), một số loại cây đặc trưng, mang ý nghĩa về văn hóa lịch sử của vùng đất Bắc Ninh... ví dụ cây Báng- một loại cây đặc trưng ở Đình Bảng- Bắc Ninh... Ngoài ra các chủng loại cây được đánh giá mức độ phù hợp được trồng tại Bắc Ninh (Phụ lục 7) Trong đó một số cây được lựa chọn trồng trong công viên như: Long Nảo, Bằng lăng, Phượng, Ban, Đa,

Ngọc Lan, Cau, Đại, Bụt mọc, Cọ, Liễu, Tre Ngâu...

Ngoài ra các giải pháp bố cục cây xanh như: tổ chức theo dạng mảng, tuyến, điểm cũng đem lại những hiệu quả cao trong tổ chức không gian công viên:

Tổ chức cây xanh theo mảng

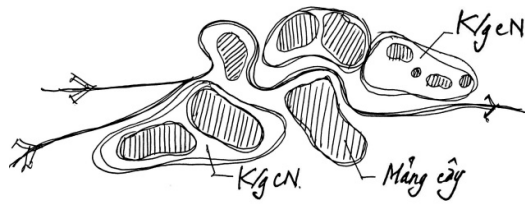
- Tạo thành một quần thể cây xanh nhằm tận dụng bóng mát lớn rộng cho các không gian nghỉ ngơi, văn hóa.
- Tạo mảng cây xanh để dễ dàng phối kết cây theo chủ đề.
- Sử dụng các loại cây trồng mang tính đặc trưng riêng cho từng khu vực nhằm tạo thành những không gian mang những sắc thái đặc trưng riêng biệt.

Tổ chức cây xanh theo tuyến

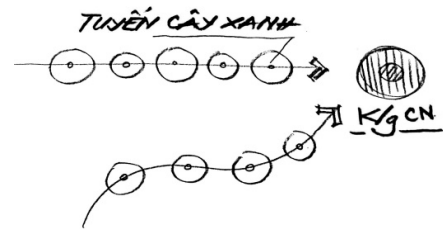
- Tổ chức cây xanh theo tuyến, cách nhau một khoảng nhất định, có thể trồng theo đường thẳng, đường cong hoặc tự do (Hình 3.16)
- Tổ chức cây xanh theo tuyến, đối xứng qua 1 trục (trục thân đạo- theo cách tổ chức không gian truyền thống)
- Tổ chức hàng cây theo tuyến có tác dụng nhấn mạnh tổ hợp chính, điều chỉnh hướng thụ cảm thị giác của người quan sát, tạo nhịp điệu.
- Với những không gian mang yếu tố VHTT (hạt nhân của các khu chức năng), việc tổ chức cây xanh theo tuyến còn nhằm mục đích dẫn hướng và làm nổi bật không gian.

Tổ chức cây xanh theo điểm

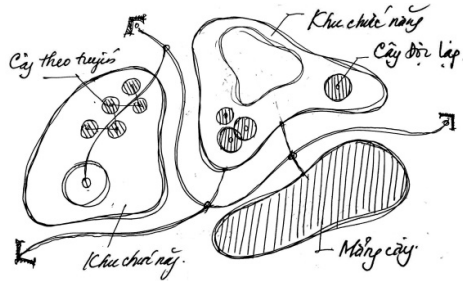
- Cây xanh được bố trí độc lập trong không gian, thường là loại cây có hình thức độc đáo, có khả năng thu hút sự cảm nhận thị giác (ví dụ cây được cắt xén theo hình khối, các linh vật gắn liền với đời sống tín ngưỡng của người Việt...)
- Cây độc lập thường được bố trí làm trung tâm và kết nối hài hòa với công trình tạo một không gian có chủ ý. Theo văn hóa của người Việt cây Đa thường được coi là nơi ngự của các vị thần linh “cây thị có ma, cây đa có thần” hay là nơi nương tựa của các linh hồn bơ vơ; Cây Đề tượng trưng cho Tri, Trí, Đạo, Giác, cây Đề trong đạo Phật còn được gọi là giác thụ, đại thụ, hiện thân của sự giác ngộ, sáng suốt, minh triết [30] Vì vậy có thể bố trí cây độc lập trong không gian



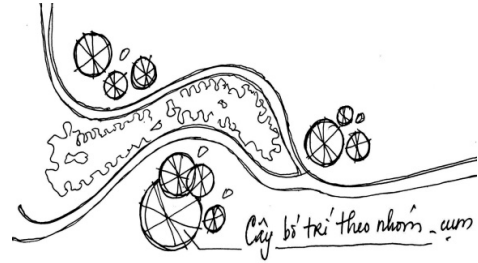
Tổ chức cây xanh theo màng



Tổ chức cây xanh theo tuyến



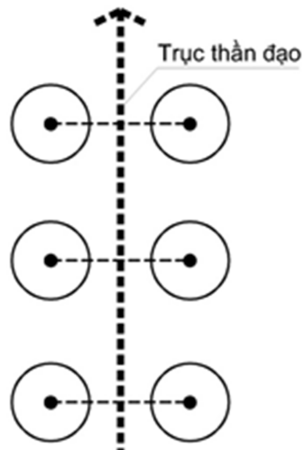
Tổ chức cây theo điểm



Tổ chức cây theo nhóm cụm



Tổ chức cây xanh theo nhóm, cụm, độc lập- được cắt tía theo hình các linh vật, các công trình kiến trúc truyền thống, tạo thành điểm nhấn cho không gian



Tổ chức cây xanh theo tuyến, đối xứng qua trục Thân đạo

Minh họa tổ chức cây xanh, vườn hoa tạo hình trang trí hoa văn truyền thống

Hình 3.19. Minh họa tổ chức không gian cây xanh

làng nghề truyền thống, không gian văn hóa để làm nổi bật hình thái không gian, cũng như để thấy phong tục tập quán, thói quen, lối sống sinh hoạt, văn hóa tâm linh của người dân

Thủ pháp bố trí cây theo nhóm, cụm:

- Tổ chức trồng từ 3-10 cây tập trung thành một khối, hài hòa về màu sắc, hình dáng, cùng cây bóng mát hoặc cây bóng mát với cây bụi thấp quanh gốc. Theo Văn hóa của người Việt, sự đồng đúc quần tụ của khóm tre, trúc biểu thị cho sự gắn bó của con người, tình làng nghĩa xóm; việc tổ chức những loại cây này trong không gian văn hóa, đặc biệt những khu vực triển lãm càng làm cho không gian thêm phần phong phú, sinh động...) (hình 3.19)

Tổ chức cây xanh, vườn hoa được cắt xén tạo hình trang trí

- Dùng các loại cây bụi thấp, được cắt xén tạo hình linh vật gần gũi với văn hóa tâm linh người Việt, hoặc theo các hình hoa văn trang trí truyền thống tổ chức trong các khu chức năng tạo những không gian văn hóa
- Bố trí cây cảnh được uốn theo hình dáng những thể cây cổ truyền như: Thế trực, thế hoành, thế song thụ, thế giao long, thế phượng vũ, thế phụ tử, huynh đệ đồng khoa...[30] (Thế giao long: thân cây uốn khúc như thân rồng rắn, thế phượng vũ: cây có dáng như hình phượng múa, thế phụ tử, huynh đệ đồng khoa đều là một thân cây bé cạnh một thân cây lớn hơn, đường nét 2 cây phải nhịp nhàng...)

Bảng 3.10. Khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian cây xanh trong CVĐCN tại Bắc Ninh

TT	Hình thức phối kết	Vận dụng thủ pháp nghệ thuật trang trí vườn truyền thống	Áp dụng	Loại cây
1	Mảng	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo mảng phối kết theo chủ đề - Hình thức bố cục tự do tận dụng thiên nhiên, mô phỏng tự nhiên theo thủ pháp nghệ thuật truyền thống 	K/g VHGD, Nghi tĩnh	Băng lăng, phượng, cây Báng (cây đặc trưng tại Bắc Ninh)...
2	Tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức theo tuyến, đối xứng 	K/g trung tâm,	Cau vua,

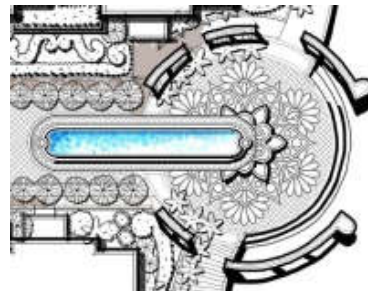
			qua trục Thần đạo - Tổ chức theo nhịp điệu→ điều chỉnh thụ cảm thị giác, dẫn hướng, nhấn mạnh tổ hợp chính, tạo ảo giác về phối cảnh	k/g VCGT	ngọc lan...
3	Điểm	Độc lập	- Cây có hình thức độc đáo theo thể cây cổ truyền (thể trực, thể hoành, thể song thụ, thể giao long, thể phượng vũ, thể phụ tử, huỳnh đệ đồng khoa)→ thu hút sự cảm nhận thị giác. - Bố trí làm trung tâm, kết nối hài hòa với công trình tạo một không gian có chủ ý	K/g làng nghề truyền thống K/g trung tâm	Cây Đa, Bồ đề, Lộc vùng...
		Nhóm cụm	- Tổ chức tập trung thành một khối, hài hòa về màu sắc, hình dáng	K/g VH TT, K/g triển lãm	Tre, trúc...
4	Cắt xén tạo hình trang trí		- Cắt xén tạo hình linh vật gần gũi với văn hóa tâm linh người Việt, các hình hoa văn trang trí truyền thống	K/g nghi tĩnh, K/g trung tâm, K/g VHGD	Ngũ sắc, ngẫu, mẫu đơn...

c. Tổ chức không gian mặt nước:

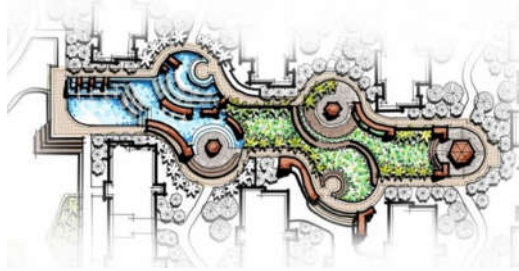
Mặt nước là yếu tố không thể thiếu trong tổ chức không gian công viên. Khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian mặt nước sẽ góp phần tạo những sắc thái riêng biệt. Không gian mặt nước có 3 loại: **mặt nước lớn, mặt nước nhỏ, bể cảnh trang trí** (đài phun nước, bể non bộ...) với các dạng hình thái tự do (theo điều kiện tự nhiên sẵn có, nhân tạo phỏng tự nhiên), dạng hình học.



Hình 3.20. Minh họa không gian mặt nước lớn trong công viên- bố cục theo dạng tự nhiên



Hình 3.21. Minh họa không gian mặt nước nhỏ trong công viên- bể trang trí có dạng hình học



Hình 3.22. Minh họa không gian mặt nước nhỏ trong công viên

- **Mặt nước lớn** (hồ có thể là hồ tự nhiên, hồ đào theo dạng tự nhiên hoặc có bố cục hình học) với diện tích mặt nước lớn, có thể kết hợp thêm những đảo nhân tạo, cầu, chòi câu cá, chòi nghỉ hóng mát tạo sự phong phú cho không gian- đây chính là một trong những cách tổ chức không gian mặt nước trong bố cục vườn công viên truyền thống. Ngoài ra sử dụng mặt nước lớn làm sân khấu biểu diễn nghệ thuật truyền thống như Hát quan họ, múa rối nước... hoặc tổ chức các hoạt động thể thao truyền thống như đua thuyền vào những ngày lễ hội... cũng là 1 trong những cách khai thác yếu tố VHTT thông qua cách tạo các không gian phục vụ cho các hoạt động VHTT.
- **Mặt nước nhỏ:** đôi khi đóng vai trò trung tâm bố cục các khu chức năng trong công viên, có thể có dạng tự do hoặc hình học. Mặt nước dạng hình học thường được bố cục cân xứng, có thể đặt phía trước công trình kiến trúc hay trong không gian cần nhấn mạnh. Mặt nước dạng tự do có thể mô phỏng theo dạng suối, kết hợp với cây xanh nhằm tạo không gian phong phú sinh động.
- **Bể nước trang trí:** có 2 loại, bể nước động (có vòi phun nước), bể nước tĩnh (bể có các hình khối trang trí trong bể, bể thuần túy). Ở đây việc vận dụng yếu tố VHTT trong tổ chức không gian thể hiện ở chỗ: Bể nước trang trí như một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh, biểu hiện chủ đề tư tưởng (bể có kết hợp với các hình khối khác nhau, như các công trình di tích lịch sử thu nhỏ, hay đơn giản là non bộ với ngôi nhà, cây cổ thụ thu nhỏ, trong bể thả sen, súng... hoặc bể nước động với vòi phun nước là các tác phẩm điêu khắc nghệ thuật dân gian, mô hình kiến trúc truyền thống ...). Vị trí của bể thường đặt tại trung tâm quảng trường hay các không gian chức năng.

d. Công trình kiến trúc:

Việc vận dụng yếu tố VHHT trong tổ chức không gian các công trình kiến trúc có thể được vận dụng: hình thức kiến trúc, bố cục quy hoạch, vật liệu sử dụng, màu sắc công trình.

Hình thức kiến trúc: bao gồm ngôn ngữ hình khối, đường nét kiến trúc.

- Sử dụng các hình thức kiến trúc dân gian truyền thống (hình thức mái), hay bố cục theo hình thức nhà truyền thống (3 gian 2 chái của đồng bằng Bắc Bộ...),
- Sử dụng các chi tiết trang trí truyền thống, những chi tiết mô phỏng cách điệu (hoa lá, vân mây, rồng đồng...) hay có những chi tiết minh họa những điển tích, văn hóa dân gian trên mặt đứng hay nội thất công trình.



Hình 3.23. Minh họa hình thức kiến trúc công trình với vật liệu sử dụng truyền thống tre, gỗ

Vật liệu sử dụng: Khuyến khích sử dụng vật liệu địa phương, vật liệu truyền thống từ thiên nhiên nhằm tạo sự gần gũi cho người sử dụng (gỗ, tre nứa, lá, ngói, gạch đất nung, đá...). Tuy nhiên khi đưa vào sử dụng phải đảm bảo không phá vỡ cảnh quan, làm tổn hại đến môi trường, cũng như phải có biện pháp xử lý để đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật, an toàn.

Màu sắc công trình: Sử dụng các loại màu sắc gần gũi với thiên nhiên. Tuy nhiên tùy theo từng loại công trình trong từng khu chức năng khác nhau có thể sử dụng màu sắc sao cho phù hợp.

Tiện ích trong công viên: Bao gồm các bộ phận phục vụ cho nhu cầu sử dụng của con người: ghế ngồi, dàn hoa che mát, cầu, tượng, điêu khắc, các tác phẩm nghệ thuật trang trí, biển thông báo, thùng rác... Hình thức của các tiện ích này phải có sự thống nhất xuyên suốt trong quá trình thiết kế, quy hoạch công viên nhằm góp phần tạo nên một môi trường mang tinh thần văn hóa. Tranh tượng, các tác phẩm nghệ

thuật, trang trí trong công viên có thể miêu tả cuộc sống sinh hoạt, đời sống văn hóa của người Việt, được bố trí độc lập hoặc thành một quần thể sắp xếp có chủ ý nhằm thể hiện rõ nét thêm chủ đề tư tưởng. Các tượng đài phải được bố cục trong không gian có liên quan đến nhân vật hay sự kiện đó.



Hình 3.24. Minh họa tiện ích trong công viên

3.6.3. Giải pháp hạ tầng kỹ thuật

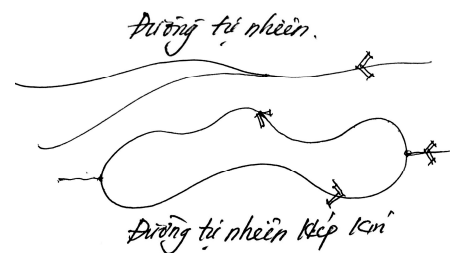
a. Hệ thống giao thông:

Để vận dụng các thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên, việc lựa chọn hình thức mạng lưới đường trong các khu chức năng nói riêng và tổng thể quy hoạch công viên nói chung luận án đề xuất các dạng hình thái đường như sau:

- Mạng lưới đường theo điều kiện tự nhiên
 - Mạng lưới đường theo dạng hình học
- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ✓ Đường hình tia ✓ Đường nhánh, xen kẽ, theo hình cài răng lược | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Đường xoắn ốc ✓ Đường vòng kín |
|--|---|
- Mạng lưới đường kết hợp

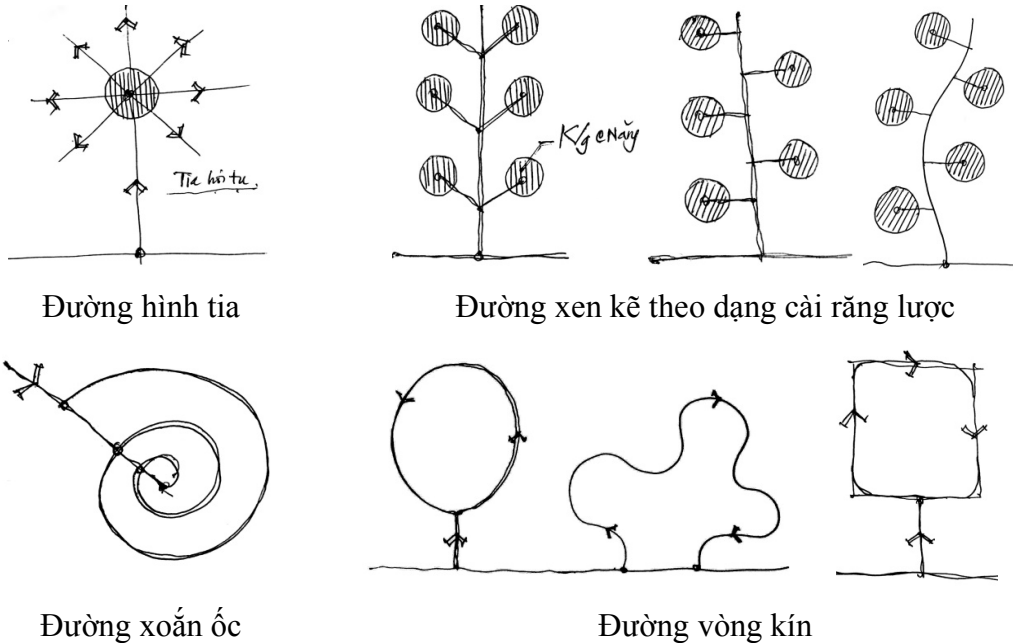
Mạng lưới đường theo điều kiện tự nhiên:

Dạng đường này sử dụng tùy theo điều kiện địa hình (có thể là dạng vòng khép kín, xung quanh công viên, đường vòng bên trong các khu chức năng, hoặc đường dạo tự nhiên...) Loại đường này khi sử dụng trong bố cục quy hoạch sẽ tạo cảm giác mềm mại, khiến không gian thêm phần sinh động, phong phú, không bị đơn điệu nhàm chán. Đây là loại đường hay được sử dụng trong bố cục không gian vườn truyền thống.



Hình 3.25. Sơ đồ mạng lưới đường theo điều kiện tự nhiên

Mạng lưới đường theo dạng hình học: Trong bố cục không gian vườn truyền thống, dạng đường theo dạng hình học hay sử dụng là các trục đường chính, dẫn hướng vào các không gian chức năng quan trọng (trục đường Thần đạo). Ngoài ra còn có các dạng hình thái đường sau:



Đường hình tia

Đường xen kẽ theo dạng cài răng lược

Đường xoắn ốc

Đường vòng kín

Hình 3.26. Sơ đồ mạng lưới đường theo dạng hình học

- **Đường hình tia:** Dạng đường này có dạng hội tụ vào tâm, dễ dàng tạo những điểm nhấn trong không gian. Phù hợp tổ chức trong các khu chức năng văn hóa (những không gian biểu diễn cần tạo sự thu hút), không gian trung tâm của các khu chức năng (không gian quảng trường)
- **Đường xen kẽ, theo hình cài răng lược:** Dạng đường tách nhánh thành các đường trục phụ, đan xen theo dạng cài răng lược, dễ tạo những không gian đóng mở linh hoạt...) Phù hợp tổ chức trong các khu chức năng văn hóa giáo dục (không gian làng nghề truyền thống, không gian trưng bày triển lãm văn hóa lịch sử theo dòng sự kiện, tiến trình phát triển).
- **Đường xoắn ốc:** Dạng đường tạo thành những vòng xoắn ốc. Dạng thức này có thể sử dụng trong bố cục vườn, những không gian nghỉ ngơi, tĩnh, cần nhiều sự riêng tư, hoặc trong những không gian cần có sự khám phá

- **Đường vòng kín:** Dạng đường tạo thành những vòng khép kín, có thể có dạng hình học, hoặc tự do theo điều kiện tự nhiên. Dạng đường này dễ dàng tạo sự kết nối liên hoàn trong từng khu chức năng cũng như giữa các khu chức năng với nhau. Dạng đường này có thể áp dụng được ở tất cả các khu chức năng trong công viên.

Mạng lưới đường kết hợp: là sự kết hợp của nhiều dạng thức đường trong bố cục, nhằm tạo nên một không gian linh hoạt, có sự phối kết nhịp nhàng, hấp dẫn trong cảnh quan và hợp lý trong sự dụng.

b. Hệ thống chiếu sáng: Để đạt được hiệu quả trong việc tổ chức hệ thống chiếu sáng trong công viên, cần đảm bảo những nguyên tắc như sau:

- Nghiên cứu tính chất của từng khu chức năng cụ thể trong công viên để đưa ra những giải pháp chiếu sáng cho từng vùng, từng khu chức năng, từng đối tượng chiếu sáng cụ thể để đảm bảo hiệu quả chiếu sáng và tiết kiệm chi phí lắp đặt.
- Khai thác yếu tố tự nhiên trong tổ chức chiếu sáng không gian một cách hợp lý nhằm nâng cao giá trị thẩm mỹ
- Áp dụng công nghệ hiện đại trong tổ chức chiếu sáng không chỉ giúp dễ dàng biểu đạt được chủ đề tư tưởng muốn truyền tải trong không gian mà còn giúp tiết kiệm hơn trong công tác lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng.
- Tạo sự hài hòa trong tổ chức chiếu sáng ban đêm và tính thẩm mỹ của không gian ban ngày.
- Tổ chức hệ thống chiếu sáng phải đảm bảo tạo cảm xúc thẩm mỹ
- Tránh tạo những nguồn sáng gây nhiễu, gây khó chịu hoặc phân tán sự tập trung cần thiết vào đối tượng cần quan sát.

Hệ thống chiếu sáng trong tổ chức không gian công viên có thể phân chia như sau:

Chiếu sáng không gian tiếp cận (công, hệ thống đường): Với không gian tiếp cận, hệ thống đường giao thông (trục chính, trục phụ, đường nhánh, đường dạo...) phải đảm bảo chiếu sáng theo quy định (khiến người tham gia hoạt động trong công viên có cảm nhận rõ ràng về hình dạng và định hướng không gian). Ngoài ra bố trí hệ thống chiếu sáng còn cần đảm bảo tính dẫn hướng có chủ đích,

tạo sự thu hút đến những khu chức năng quan trọng cần làm điểm nhấn trong không gian.



Hình 3.27. Minh họa chiếu sáng mang tính dẫn hướng

Chiếu sáng các không gian chức năng

- **Không gian tĩnh** (không gian nghỉ ngơi, thư giãn): Với không gian này, cường độ chiếu sáng nên đảm bảo vừa đủ, không nên tạo cảm giác chói gắt, màu sắc ánh sáng nên chọn màu sắc dịu nhẹ, hài hòa tạo cảm giác thư giãn. Sử dụng các loại đèn trang trí tạo sự gần gũi thân thiện, tránh dùng các loại đèn nhấp nháy biến đổi với tần suất lớn gây kích thích hệ thần kinh, gây mỏi mệt cho người tham gia hoạt động trong không gian.

- **Không gian động** (không gian vui chơi giải trí, biểu diễn, thể dục thể thao): Khuyến khích sử dụng thủ pháp chiếu sáng ấn tượng nhằm tạo sự hút hút cũng như những nét đặc trưng. Đồng thời có thể kết hợp đa dạng cách bố trí hệ thống chiếu sáng (từ trên cao xuống, từ dưới lên, chiếu hắt, chiếu ẩn, chiếu rọi tập trung), đa dạng cường độ sáng (độ rọi mạnh tập trung ở những không gian chính hoặc thay đổi cường độ theo nhịp điệu, theo các dạng hoạt động biểu diễn...), đa dạng trong màu sắc chiếu sáng (màu sắc rực rỡ, tươi sáng tạo hiệu ứng kích thích thị giác...)



Hình 3.28. Minh họa chiếu sáng không gian động



Hình 3.29. Minh họa chiếu sáng không gian tĩnh

Chiếu sáng các điểm nhấn trong không gian: Với các điểm nhấn trong không gian (công trình kiến trúc, các cụm tiểu cảnh, đài phun nước, bồn hoa, các tác phẩm

nghệ thuật trang trí- tượng đài, tác phẩm điêu khắc, trang trí nghệ thuật) Thủ pháp chiếu sáng phải đảm bảo đem lại hiệu quả thụ cảm thị giác, thông qua tác động của ánh sáng người sử dụng không gian có thể cảm nhận được hình dáng, kích thước, vật liệu, màu sắc của công trình. Có thể sử dụng đèn chiếu hắt, đèn rọi, cường độ rọi tùy theo ý đồ của người thiết kế.



Hình 3.30. Minh họa tạo điểm nhấn trong không gian

Chiếu sáng cảnh quan (thảm cỏ, mặt nước, mảng cây xanh...): Có thể sử dụng thủ pháp chiếu sáng nghệ thuật để tạo nên sự duyên dáng các bình diện, làm thay đổi hay đồng nhất hóa không gian, phát hiện hoặc nổi bật bề mặt cảnh quan, hay giúp kiểm soát hoặc che dấu bề mặt không gian theo ý đồ thiết kế.

Hình thức các loại hình trang thiết bị chiếu sáng : Bao gồm (hình dáng, kiểu cách, màu sắc, vật liệu), đối với công viên khai thác yếu tố VH TT, có thể sử dụng các loại đèn chiếu sáng là những hình ảnh cách điệu kiến trúc truyền thống, vật liệu sử dụng bằng đất nung, gốm, đá, gỗ, tre nứa, màu sắc tự nhiên nhằm đem lại cảm giác gần gũi đối với người sử dụng. Ngoài ra cũng tùy tính chất của các khu chức năng mà sử dụng các loại hình trang thiết bị chiếu sáng cho phù hợp



Hình 3.31. Minh họa hình thức, vật liệu các loại hình trang thiết bị chiếu sáng trong công viên

Tóm lại tổ chức hệ thống chiếu sáng trong công viên phải lưu ý đến những đặc điểm riêng biệt của không gian, mục đích làm nổi bật được chủ đề tư tưởng, nhằm tạo ra những không gian văn hóa sống động, hấp dẫn và có ý nghĩa, góp phần thu

hút khách du lịch, hỗ trợ cho các hoạt động dịch vụ và thương mại.

3.6.4. Giải pháp đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý công viên trong quá trình sử dụng.

- **Giải pháp đầu tư xây dựng**

- Công viên cần được thiết kế nhằm đảm bảo cân bằng chi phí vốn đầu tư xây dựng với chi phí vận hành và bảo trì.
- Xây dựng các chính sách nhằm huy động kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau: nguồn kinh phí từ ngân sách, kinh phí từ các thỏa thuận quy hoạch và phát triển, kinh phí từ các nguồn lực xã hội khác.
- Kinh phí đầu tư xây dựng công viên đến từ các thỏa thuận quy hoạch và phát triển: Có nghĩa Chính quyền địa phương sẽ yêu cầu các nhà đầu tư cung cấp tài chính cho công viên hoặc xây dựng công viên như một điều kiện để chấp thuận các đề xuất phát triển của họ. Các thỏa thuận về quy hoạch và phát triển có thể là một lựa chọn có hiệu quả nếu khu vực công thiếu kinh phí.
- Xây dựng quan hệ đối tác cũng là một trong những cách mà chính quyền địa phương có thể huy động nguồn lực để xây dựng và duy trì công viên. Quan hệ đối tác có thể bao gồm chính quyền địa phương, người dân địa phương và các tổ chức trong nước và quốc tế cùng hợp tác để phát triển và duy trì công viên. Sự hợp tác như vậy có thể mang lại một nguồn lực tuyệt vời bằng cách cung cấp các tình nguyện viên, các chuyên gia có chuyên môn và tài liệu. Mặc dù các tình nguyện viên và các tổ chức phi lợi nhuận không tài trợ kinh phí nhưng có thể giúp tổ chức các sự kiện để tạo các nguồn gây quỹ.
- Cần khuyến khích, tạo điều kiện cho các nguồn lực xã hội: Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng công viên sẽ có những cơ chế hỗ trợ như: nguồn vốn vay với lãi suất thấp từ quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ đầu tư phát triển, có chính sách ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp khi đầu tư ở nơi khác, những địa điểm khác trong TP, miễn giảm đóng góp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giảm thuế thu nhập cho doanh nghiệp, miễn tiền sử dụng đất đối với những diện tích đất xây dựng không nhằm mục đích kinh doanh.

• **Giải pháp khai thác:** Trong quá trình vận hành cần đảm bảo phục vụ cho mọi đối tượng sử dụng, đặc biệt quan tâm đến nhóm đối tượng yếu thế (trẻ em, người già và người tàn tật). Đây là nhóm đối tượng nhạy cảm, cần được quan tâm phục vụ và đảm bảo quyền lợi đặc biệt trong chính sách thiết kế công viên. Muốn vậy cần có những giải pháp sau:

- Tạo không gian an toàn với khả năng tiếp cận dễ dàng đối với các nhóm đối tượng sử dụng.
- Tạo không gian chức năng đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý phù hợp với các đối tượng sử dụng.
- Thiết lập một số chính sách ưu tiên dành cho nhóm đối tượng này trong quá trình sử dụng các tiện ích, các khu chức năng nói riêng và công viên nói chung.

Đưa ra những giải pháp khai thác hiệu quả các không gian: để thực hiện được điều này trong quá trình thiết kế cần đảm bảo

- Khả năng tiếp cận, kết nối không gian: liên quan tới khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng cũng như khai thác của công viên. Điều này thể hiện ở khía cạnh: khả năng đi bộ (bán kính phục vụ của công viên), khả năng tiếp cận dễ dàng đối với người khuyết tật, khả năng dễ dàng tham gia vào các hoạt động của công viên. Nghiên cứu cho thấy khoảng cách gần đến công viên ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng công viên và đến việc quyết định có nên đến công viên hay không?[61] Công viên ở càng xa và không thể tiếp cận được thì mọi người càng ít có khả năng đến sử dụng công viên đó. Do vậy:
 - ✓ Công viên phải ở vị trí có thể tiếp cận được, sử dụng được và có chức năng phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng.
 - ✓ Công viên có thể được bố trí cùng hoặc gần với các mục đích sử dụng quan trọng khác của cộng đồng như trường học, thư viện, trung tâm cộng đồng.
 - ✓ Cần tăng sự liên kết giữa các công viên, giữa công viên và các khu dân cư bằng các giải pháp tổ chức hệ thống giao thông thông minh.
 - ✓ Công viên cần được xây dựng bên các tuyến đường giao thông công cộng

lớn để tăng khả năng tiếp cận, thuận tiện cho việc sử dụng các phương tiện công cộng, thuận tiện với người đi bộ và đi xe đạp.

- ✓ Nên xây dựng công viên ở những khu đất bằng phẳng thuận tiện, nếu có địa hình và độ dốc khác cần thiết kể phù hợp với các tiện ích được đề xuất trong công viên.
 - ✓ Vị trí lựa chọn xây dựng công viên phải có khả năng nhìn thấy được (khả năng có thể nhìn thấy từ các tuyến đường chính), việc nhìn thấy từ đường phố sẽ tạo sự hấp dẫn, khuyến khích sử dụng.
- Khả năng thích nghi (khả năng đáp ứng với những thay đổi có nghĩa việc thay đổi về văn hóa, thói quen giải trí, lối sống có thể ảnh hưởng đến cách thức sử dụng công viên và cách phát triển). Vì vậy để nâng cao giá trị khai thác công viên trong quá trình sử dụng cần đảm bảo:
- ✓ Thích nghi với việc sử dụng quanh năm: phải đảm bảo các khu chức năng có khả năng sử dụng được quanh năm, với các không gian phù hợp với mọi thay đổi về môi trường, thời gian sử dụng.
 - ✓ Thích nghi với sự thay đổi về mật độ sử dụng: thiết kế công viên đáp ứng với sự thay đổi về mật độ sử dụng (ngày thường, cuối tuần, ngày lễ hội, hoặc theo các khoảng thời gian trong ngày)
 - ✓ Các phương án phát triển công viên hiện có có thể đáp ứng các thay đổi mới: các chính sách thiết kế phải đảm bảo có tính dự báo nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển, nhu cầu sử dụng trong tương lai.
- Đảm bảo tính đa dạng của công viên : Đảm bảo đáp ứng đa dạng nhu cầu và khả năng của người sử dụng (đặc biệt là các nhóm dân tộc thiểu số, người tàn tật, cũng như các nhóm lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp khác nhau). Sự đa dạng này thể hiện ở vị trí xây dựng công viên (CVĐCN có thể được xây dựng trên nhiều địa hình khác nhau tạo nên sự phong phú, đặc trưng riêng biệt của từng vùng miền, khu vực); Ở cấu trúc chức năng (nhiều không gian chức năng phục vụ khác nhau) đa dạng ở các loại hình vui chơi giải trí; trong nhà, hay ngoài trời, các trò chơi mang tính hiện đại hay mang đậm chất dân gian v.v... Đa dạng

trong các hoạt động nghỉ ngơi, hay các hoạt động về văn hóa, giáo dục, khoa học... Đa dạng phong phú trong hình thức thiết kế, sử dụng linh hoạt các phong cách, linh hoạt trong cách sử dụng vật liệu...

- Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm khai thác công viên một cách hiệu quả.
- **Giải pháp quản lý:** Một trong những giải pháp nhằm đem lại những hiệu quả trong quản lý công viên đó là cần quan tâm tới vấn đề an toàn, an ninh. Vì vậy:
 - Trong tổ chức không gian cần có những tính toán hợp lý: như khu vui chơi dành cho trẻ em cần được tổ chức đảm bảo khả năng được quan sát dễ dàng từ người lớn, các vật liệu sử dụng hay các trò chơi phải đảm bảo không dễ dàng gây những sát thương, bề mặt sân chơi không được quá gồ ghề hay trơn nhẵn...
 - Thiết kế công viên kết hợp các nguyên tắc phòng chống tội phạm thông qua thiết kế môi trường. Cụ thể: công viên nên có tầm nhìn rõ ràng từ các tòa nhà và đường giao thông lân cận, nên tổ chức các khu chức năng thu hút nhiều người dùng để đảm bảo mức độ hoạt động cao, thời gian kéo dài.
 - Thiết kế công viên không có những góc tối, góc khuất, góc chết (khuất tầm nhìn). Bởi bên cạnh hệ thống camera quan sát, việc thiết kế những không gian chức năng dễ dàng được quan sát bởi mọi người cũng là một trong những cách đảm bảo mức độ an toàn, an ninh cho công viên.
 - An toàn an ninh còn thể hiện ở sự cân bằng giữa không gian sử dụng tự do và không gian có kiểm soát.

3.6.5. Giải pháp vai trò của cộng đồng trong xây dựng và quản lý công viên

Cộng đồng là một trong những nhân tố quan trọng trong quản lý, duy trì và phát triển công viên. Rõ ràng một công viên thiết kế tốt, quản lý tốt với sự tham gia của cộng đồng tốt sẽ mang lại hiệu quả rõ rệt; giảm hiện tượng phá hoại, giảm nguy cơ tội phạm, bạo lực. Bởi đó là không gian dễ dàng được quan sát bởi mọi người, hơn nữa nếu trong thiết kế quy hoạch các không gian chức năng trong công viên tạo được cảm giác gắn bó gần gũi với người sử dụng sẽ khiến họ tự nguyện có trách nhiệm với những không gian đó. Hay nói cách khác đó chính là sự bảo vệ tương hỗ. Để phát huy tốt sự tham gia của cộng đồng trong quá trình quản lý cần có những

chính sách như sau:

- ✓ Tuyên truyền, vận động, phổ biến, đào tạo nâng cao năng lực và khả năng nhận thức của người dân về vai trò, tầm quan trọng của công viên đối với đời sống, cũng như những quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với công viên.
- ✓ Gắn trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng trong công tác quản lý quy hoạch bằng các hình thức huy động cộng đồng góp vốn xây dựng, các hình thức tự quản, các đoàn thể tham gia quản lý...
- ✓ Thiết lập ban đại diện cộng đồng (đại diện cho cộng đồng trong các hoạt động quy hoạch xây dựng có liên quan tới quyền lợi của cộng đồng) thanh tra giám sát xây dựng theo quy hoạch (giúp phát hiện những việc làm sai trái, xâm hại đến lợi ích cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, vận hành dự án...theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án)
- ✓ Thực hiện điều tra xã hội học nhằm khuyến khích cộng đồng tham gia đóng góp ý kiến cho công tác xây dựng, quản lý (ý kiến đánh giá về thực trạng, chất lượng môi trường sống, hoạt động giao tiếp, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, hoạt động thể dục thể thao; nhu cầu nguyện vọng về các hoạt động trong công viên)

3.7. Áp dụng mô hình và giải pháp khai thác yếu tố văn hóa truyền thống trong tổ chức công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh

3.7.1. Vị trí và đặc điểm hiện trạng

- **Lý do lựa chọn áp dụng các đề xuất tại công viên khu vực ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh**

- Theo định hướng Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, ĐTM Tây Bắc sẽ được xây dựng như một công viên lớn đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, kết nối cộng đồng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, di tích.
- Khu vực này gắn liền với khu Thủy tổ Quan họ- nơi tồn tại nhiều làng Quan họ

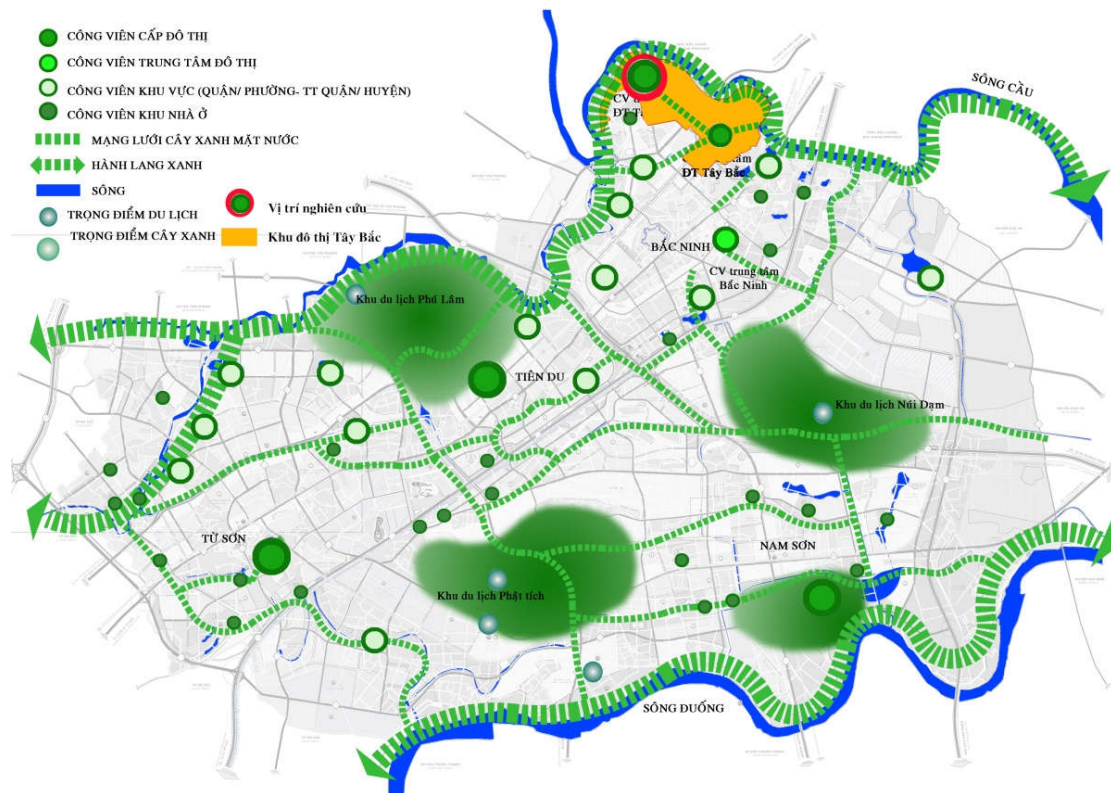
cổ, gần khu du lịch Văn hóa Đồng Trầm- Cổ mẽ, thôn Hữu Chấp với trò chơi kéo co được Unesco công nhận là di sản văn hóa phi vật thể.

- Trong định hướng quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan, công viên đã được xác định trong hệ thống công viên và mạng lưới cây xanh đô thị Bắc Ninh nhằm tạo lập một không gian vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, giao lưu, kế thừa VHHT.

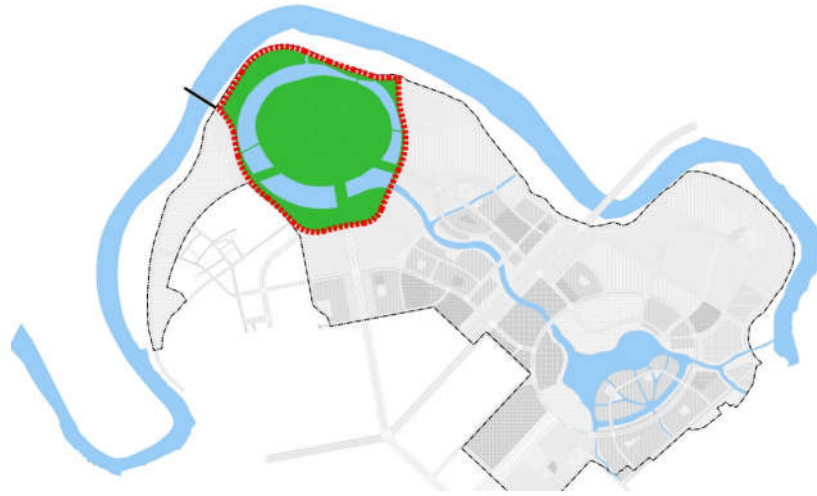
• Vị trí và giới hạn khu đất

Công viên nằm trong khu ĐTM Tây Bắc- thuộc xã Hòa Long và phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, được giới hạn như sau: Phía Bắc giáp sông Cầu; Phía Nam giáp xã Hòa Long; Phía Đông giáp thôn Hữu Chấp; Phía Tây giáp thôn Viêm Xá.

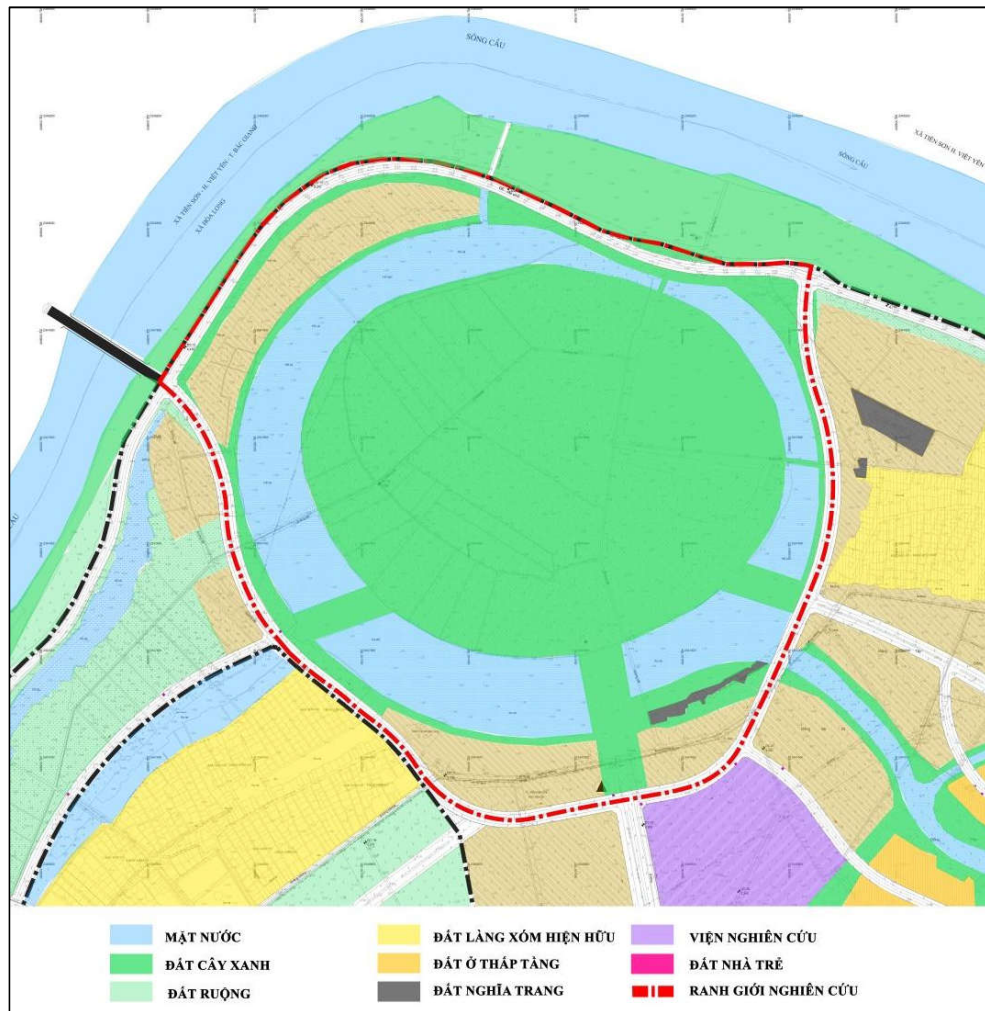
Có quy mô diện tích khoảng 77ha. Khu vực nghiên cứu là vùng địa hình thấp có hệ thống kênh nông nghiệp. Với mục đích lựa chọn khu vực nghiên cứu nhằm tận dụng địa hình tự nhiên (kết nối với không gian sông Cầu tạo cảnh quan cây xanh mặt nước sinh thái)



Hình 3.32. Vị trí công viên và khu ĐTM Tây Bắc trong mạng lưới cây xanh mặt nước trong quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh



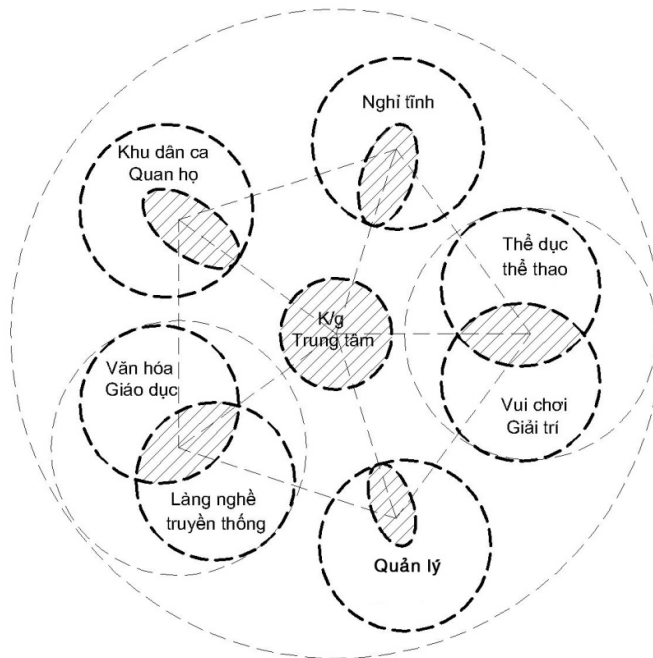
Hình 3.33. Vị trí công viên nghiên cứu trong khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh



Hình 3.34. Mặt bằng hiện trạng công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh

3.7.2. Mô hình cấu trúc áp dụng cho công viên khu ĐTM Tây Bắc- thành phố Bắc Ninh

Trường hợp công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh- diện tích ~77ha, luận án đề xuất áp dụng mô hình thứ 3- cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp, với mô hình này hạt nhân (không gian mang yếu tố VHTT) của khu văn hóa giáo dục sẽ được kết hợp với khu làng nghề truyền thống, hạt nhân của khu thể dục thể thao kết hợp với khu vui chơi giải trí. Đây là 2 nhóm chức năng có cùng tính chất hoạt động (1 nhóm mang tính động, 1 nhóm hoạt động tĩnh). Không gian hạt nhân kết hợp của nhóm Văn hóa giáo dục và Làng nghề truyền thống có thể là không gian trung bày, triển lãm. Không gian hạt nhân kết hợp của khu thể dục thể thao và vui chơi giải trí là khu vực tổ chức các trò chơi dân gian, các hoạt động mang tính thể thao truyền thống. Hạt nhân trung tâm của 2 nhóm chức năng này sẽ được kết nối với hạt nhân của các khu chức năng độc lập như Khu dân ca Quan họ, khu vực nghỉ tĩnh, khu dịch vụ. Tất cả các khu chức năng trong công viên sẽ được kết nối tập trung với không gian trung tâm, đây sẽ là không gian quảng trường nơi diễn ra các hoạt động lễ hội truyền thống.



Hình 3.35. Mô hình cấu trúc công viên khu ĐTM Tây Bắc – TP Bắc Ninh.

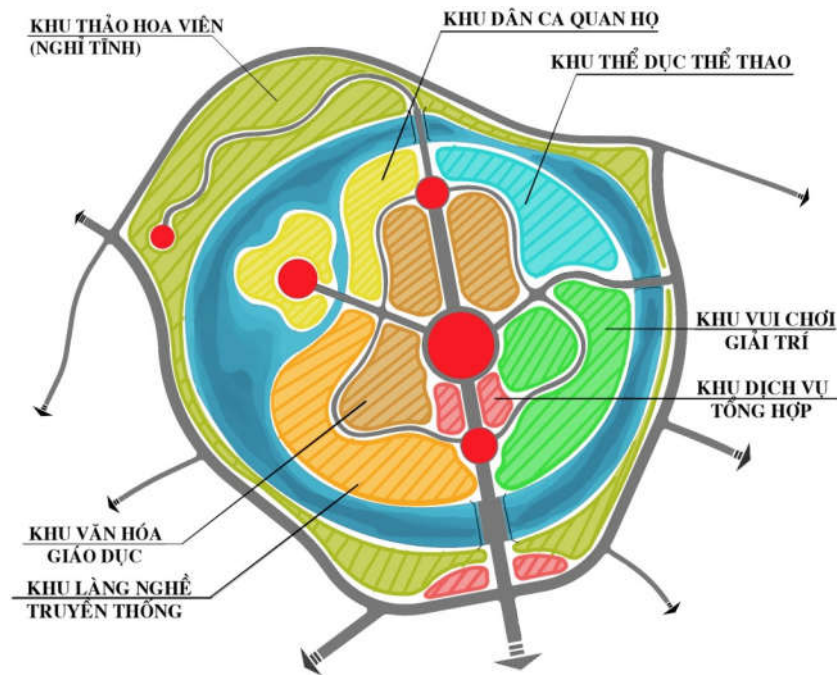
3.7.3. Các giải pháp áp dụng tại công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh

3.7.3.1. Phân khu chức năng trong công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh

Theo đề xuất, công viên tại ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh được chia làm 7 khu chức năng chính: Khu vui chơi giải trí; Khu văn hóa giáo dục; Khu dân ca Quan họ; Khu làng nghề truyền thống; Khu thể dục thể thao; Khu nghỉ tĩnh; Khu dịch vụ tổng hợp.

Bảng 3.11. Đề xuất khu chức năng công viên tại khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh

TT	Các khu chức năng	Không gian	Tỷ lệ %	
1	Khu vui chơi giải trí	Vui chơi giải trí dành cho thiếu nhi	5,0	14
		Vui chơi giải trí hiện đại	2,0	
		Trò chơi dân gian	7,0	
2	Khu Văn hóa giáo dục	Bắc Ninh thu nhỏ	6,5	13
		Bắc Ninh truyền thuyết, huyền thoại và lịch sử	6,5	
3	Khu dân ca Quan họ và lễ hội truyền thống	Biểu diễn nghệ thuật- tổ chức lễ hội truyền thống	9,0	15
		Trải nghiệm học hát- biểu diễn Quan họ	4,0	
		Triển lãm	2,0	
4	Khu làng nghề truyền thống	Tái hiện làng nghề truyền thống	6,5	14
		Trung bày triển lãm	3,0	
		Trải nghiệm làm đồ thủ công truyền thống	3,0	
		Khu vực ẩm thực	1,5	
5	Khu thể dục thể thao	Khu thể dục thể thao trong nhà	3,0	12
		Khu thể dục thể thao ngoài trời	9,0	
6	Khu tĩnh (Thảo hoa viên)	Vườn thực vật	19	30
		Vườn thiền tịnh	3,0	
		Vườn tượng	3,0	
		Vườn lịch sử	5,0	
7	Khu quản lý	Khu quản lý	0,5	2
		Khu hành chính tổng hợp	0,5	
		Khu phục vụ	1,0	



Hình 3.36. Cơ cấu chức năng công viên tại khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh.

Khu vui chơi giải trí: được chia làm 3 phân khu chức năng đó là:

- Khu vui chơi giải trí dành riêng cho thiếu nhi;
- Khu vui chơi giải trí hiện đại với nhiều loại hình vui chơi giải trí hiện đại phục vụ nhu cầu cho mọi đối tượng;
- Khu vực các trò chơi dân gian: đây sẽ là khu chức năng đặc thù với những không gian dành riêng cho các hình thức hoạt động vui chơi giải trí truyền thống (kéo co, đấu vật, cờ người, bịt mắt bắt dê, trọi gà...)

Khu văn hóa giáo dục: Với 3 khu chức năng chính là:

- Bắc Ninh thu nhỏ: bao gồm các không gian giới thiệu tổng quan về VH TT đặc trưng tại Bắc Ninh; khu trưng bày triển lãm ngoài trời mô hình thu nhỏ các di tích lịch sử, các công trình kiến trúc nổi tiếng tại Bắc Ninh (các mô hình này được sắp xếp theo đúng vị trí xây dựng trên thực tế, tuy nhiên dưới dạng tỷ lệ thu nhỏ tương ứng với tỷ lệ thực), khu trưng bày triển lãm trong nhà
- Bắc Ninh truyền thuyết, huyền thoại và lịch sử: gồm các không gian tái hiện các sự kiện lịch sử gắn liền với địa danh Bắc Ninh (trận đánh giặc ngoại xâm, phòng chiến tuyến sông Như Nguyệt, Bến Bình than, hội nghị Diên Hồng...);

không gian tái hiện các trường thi, khoa thi (thể hiện truyền thống khoa bảng, hiếu học của người dân Bắc Ninh), nơi đây có thể diễn ra các hoạt động thi thơ, bình thơ, kể chuyện, đóng kịch, thi trạng nguyên nhí, ngày hội đọc sách, hội thi viết chữ...

- Khu tổ chức các lễ hội: không gian tổ chức các lễ hội truyền thống; không gian biểu diễn nghệ thuật hiện đại

Khu dân ca Quan họ: Là một trong những khu chức năng chính, bao gồm 3 khu chức năng:

- Khu biểu diễn nghệ thuật: Không gian biểu diễn Quan họ chia làm nhiều dạng không gian (theo quy mô (nhóm nhỏ; trung bình; lớn); theo loại hình (trên bến, dưới thuyền))
- Khu trải nghiệm: gồm không gian trải nghiệm học hát dân ca Quan họ, học biểu diễn, trải nghiệm mặc trang phục truyền thống hát Quan họ...
- Khu triển lãm trưng bày lịch sử hình thành và phát triển Quan họ Bắc Ninh

Khu làng nghề truyền thống: là một trong những khu chức năng chuyên biệt mang tính đặc thù, bao gồm 4 phân khu chức năng

- Khu vực tái hiện các làng nghề truyền thống: là không gian tái hiện những cụm làng nghề truyền thống nổi tiếng tại Bắc Ninh theo dạng mô phỏng cấu trúc làng truyền thống
- Khu vực trưng bày triển lãm: không gian trưng bày quá trình hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống, đời sống, sinh hoạt của người dân Bắc Ninh xưa và nay
- Khu vực trải nghiệm: không gian thực hành các nghề thủ công truyền thống, không gian trải nghiệm lối sống, sinh hoạt trong một làng nghề, trải nghiệm trang phục...
- Khu vực ẩm thực, phố chợ: không gian giới thiệu, bán sản phẩm, thưởng thức các món ăn truyền thống của Bắc Ninh.

Khu thể dục thể thao: bao gồm các không gian thể dục thể thao trong nhà ngoài trời, kết hợp với hệ thống cây xanh mặt nước trong công viên

Khu thảo hoa viên: Không gian nghỉ tĩnh bao gồm nhiều không gian vườn hoa cây xanh phục vụ nhu cầu dạo chơi, nghỉ ngơi tĩnh

Khu quản lý: Bố trí các công trình phục vụ cho mục đích hành chính, điều hành và quản lý công viên

3.7.3.2. Giải pháp tổ chức không gian các khu chức năng trong công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh

a. Khu thể dục thể thao và vui chơi giải trí

Là không gian phục vụ cho nhu cầu vui chơi giải trí thể dục thể thao cho người dân được phân chia thành nhiều khu chức năng dành cho các loại đối tượng và các loại hình vui chơi giải trí. Đặc biệt trong đó khu vực các trò chơi dân gian được bố trí là không gian hạt nhân kết nối giữa 2 khu chức năng vui chơi giải trí và thể dục thể thao. Tại đây bố trí các sân chơi tập thể nơi diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí truyền thống (đánh đu, bịt mắt bắt dê, đẩy gậy, đập niêu...) hoặc các hoạt động thể thao dân gian như kéo co, đấu vật... Vận dụng yếu tố VHTT trong khu chức năng này, NCS đã đề xuất tạo nhiều không gian mở hài hòa với thiên nhiên (áp dụng phong cách thiết kế vườn, công viên truyền thống) nhằm thuận lợi cho việc tập trung cũng như tạo những hướng nhìn tốt. Với các thành phần tạo không gian (địa hình, cây xanh, mặt nước, công trình kiến trúc, hệ thống giao thông) lồng ghép yếu tố VHTT được thể hiện cụ thể:

- Toàn bộ khu vực được bố trí giao thông kết nối trực tiếp với trục trung tâm của công viên, áp dụng nguyên tắc hệ giao thông đường vòng kín theo điều kiện tự nhiên (áp dụng thủ pháp vườn công viên truyền thống) kết hợp với dạng đường tia hội tụ, với mục đích tạo không gian sinh động, hấp dẫn, thu hút. Ngoài ra áp dụng tương phản trong sử dụng các vật liệu (nền cỏ tự nhiên- phần lát gạch thấm nước thoát nước mặt tốt..)(vận dụng thuyết Âm- dương)
- Hình thức các công trình dịch vụ, chòi nghỉ, các trang thiết bị tiện ích (ghế nghỉ, thùng rác, đèn chiếu sáng) mang đậm phong cách dân gian truyền thống
- Hệ thống cây xanh bố trí theo dạng tuyến nhằm mục đích dẫn hướng, theo cụm, mảng tạo không gian hấp dẫn phù hợp với chức năng vui chơi giải trí và TĐTT.



Hình 3.37. Tổ chức không gian khu thể dục thể thao và vui chơi giải trí tại công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh



Hình 3.38. Minh họa khu vui chơi giải trí- công viên ĐTM Tây Bắc-TP Bắc Ninh

KÍ HIỆU	TÊN CÂY	ĐƯỜNG KÍNH	CHIỀU CAO	SỐ LƯỢNG
	CÂY THÔNG	1-2M	2-3M	300
	TƯỜNG VÌ	3-5M	2-4M	50
	CÂY MUÔNG	3-4M	3-5M	50
	PHƯỢNG VÍ	12-15M	2-3M	65
	BĂNG LĂNG	12-15M	10-15M	40
	HOA NHÀI	3-4M	3-4M	30
	HOA SỮA	7-8M	8-10M	10
	CỤM HOA	1-6M	-	-
	ME NGÚ	12-15M	10-15M	15
	CÂY BĂNG	1-2M	8-10M	25
	ĐIẾP VÀNG	8-10M	10-12M	8
	MUÔNG ĐÀO	8-10M	10-12M	15
	VÀNG ANH	10-12M	8-10M	20
	THÔNG LA HÁN	10-12M	12-15M	200
	LỘC VỪNG	12-15M	10-15M	8
	HOA GẠO	12-14M	10-12M	10
	KHÓM TRE	12-15M	10-15M	8
	ĐÀ	25-30M	20M	5
	CAU VUA	12-15M	2-3M	8
	CÂY THÉ CÁT TĨA			

CÁC LOẠI GẠCH LÁT TRONG CÁC KHU CHỨC NĂNG CÔNG VIÊN KHU ĐTM TÂY BẮC



ĐÈN TRANG TRÍ TRONG CÁC KHU CHỨC NĂNG CÔNG VIÊN KHU ĐTM TÂY BẮC



MINH HỌA CHIẾU SÁNG CÁC KHU CHỨC NĂNG CÔNG VIÊN KHU ĐTM TÂY BẮC



Hình 3.39. Thông kê chủng loại cây xanh trong các khu chức năng trong công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh

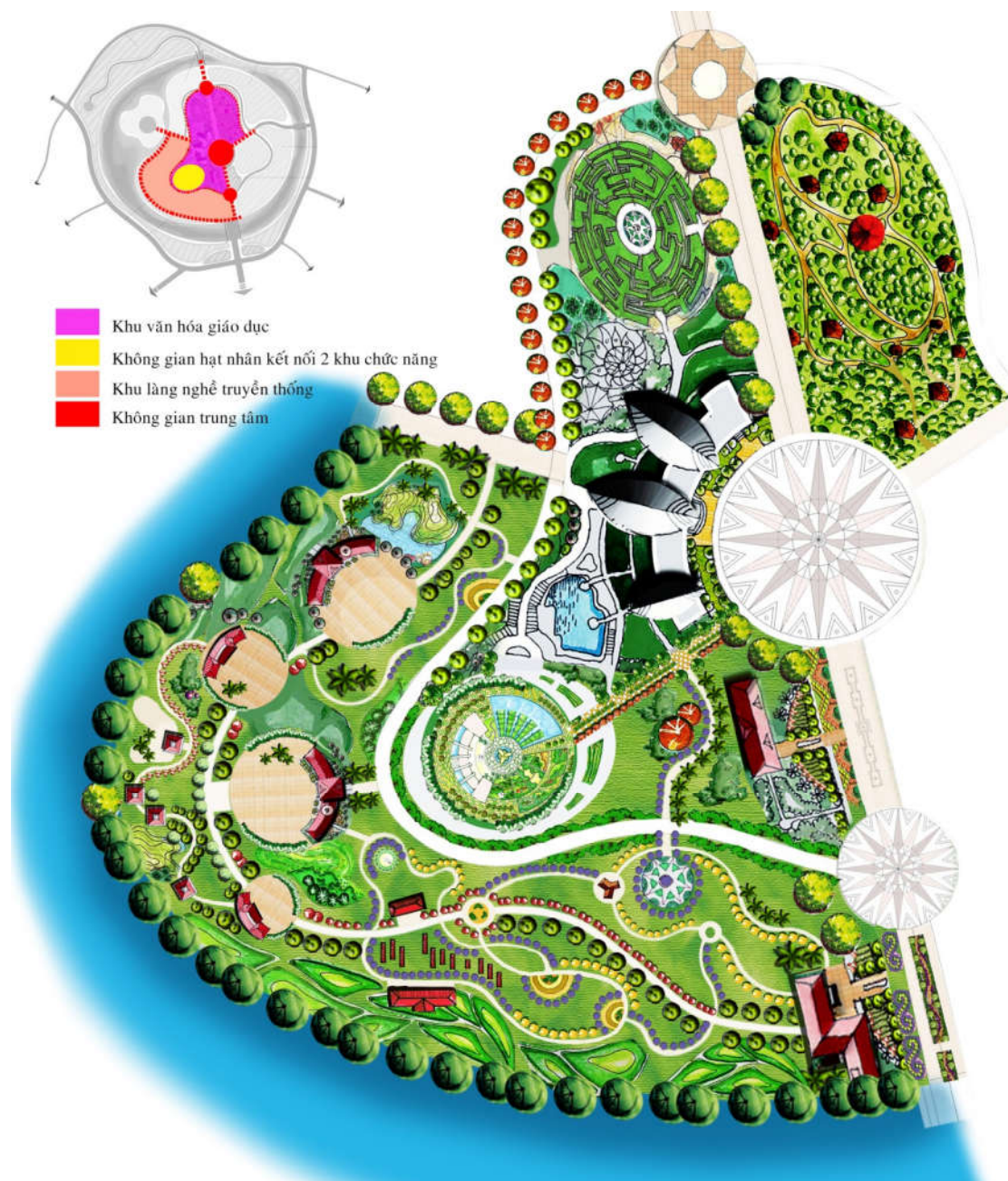
b. Khu văn hóa giáo dục và Khu làng nghề truyền thống

Đây là 1 trong những khu chức năng quan trọng và mang tính đặc thù, bao gồm nhiều không gian trung bày, triển lãm, giới thiệu về VHTT đặc trưng của Bắc Ninh cũng như các không gian trải nghiệm phục vụ cho nhu cầu tìm hiểu về văn hóa. Vận dụng yếu tố VHTT trong khu chức năng này, NCS đề xuất tạo không gian mở hài hòa với thiên nhiên, áp dụng nguyên tắc bố cục tự nhiên theo địa hình (vận dụng phong cách thiết kế vườn, công viên truyền thống) cụ thể như khu Bắc Ninh thu nhỏ, khu trung bày triển lãm- Khu văn hóa giáo dục, đồng thời áp dụng giải pháp kết hợp bố cục tuyến và cấu trúc làng truyền thống với khu Làng nghề truyền thống. Ngoài ra lồng ghép yếu tố VHTT trong các thành phần tạo không gian (địa hình, cây xanh, mặt nước, công trình kiến trúc, giao thông) được thể hiện cụ thể:

- Tổ chức cây xanh mặt nước vận dụng theo dạng trục, tuyến nhằm mục đích dẫn hướng đến những không gian chính cần gây ấn tượng, bố cục theo dạng mảng (áp dụng cho các không gian triển lãm ngoài trời- không gian triển lãm mô hình thu nhỏ các di tích lịch sử, các công trình kiến trúc nổi tiếng tại Bắc Ninh), bố cục theo dạng cụm, nhóm (khóm tre xanh trong không gian làng truyền thống...) sử dụng các loại cây gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa tinh thần của người Việt (tre, cau...)
- Công trình kiến trúc: sử dụng hình thức kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ, nhằm mục đích khơi gợi hình ảnh làng quê Việt Nam nói chung và vùng quê Kinh Bắc nói riêng.
- Hệ thống đường giao thông vận dụng thủ pháp đường tự nhiên theo địa hình. Các phương tiện sử dụng trong khu vực chủ yếu xe đạp, xe điện. Bố trí đường dạo xe đạp kết nối liên hoàn với không gian trải nghiệm và khu trung bày.

c. Khu dân ca Quan họ

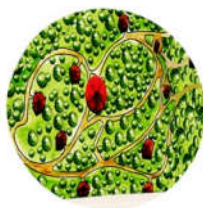
Là một trong những điểm nhấn chính của công viên, trong đó không gian biểu diễn Quan họ là không gian chính, quan trọng nhất, được bố trí với nhiều không gian đa dạng (công trình biểu diễn trong nhà kết hợp với sân hội; lấy công trình kiến trúc làm trung tâm trong không gian biểu diễn, hoặc chia thành nhiều không gian



Hình 3.40. Minh họa tổ chức không gian khu văn hóa giáo dục và làng nghề TT



BỐ TRÍ CÂY THEO MÃNG



BỐ TRÍ CÂY THEO TUYẾN



BỐ TRÍ CÂY THEO NHÓM- CỤM- ĐIỂM





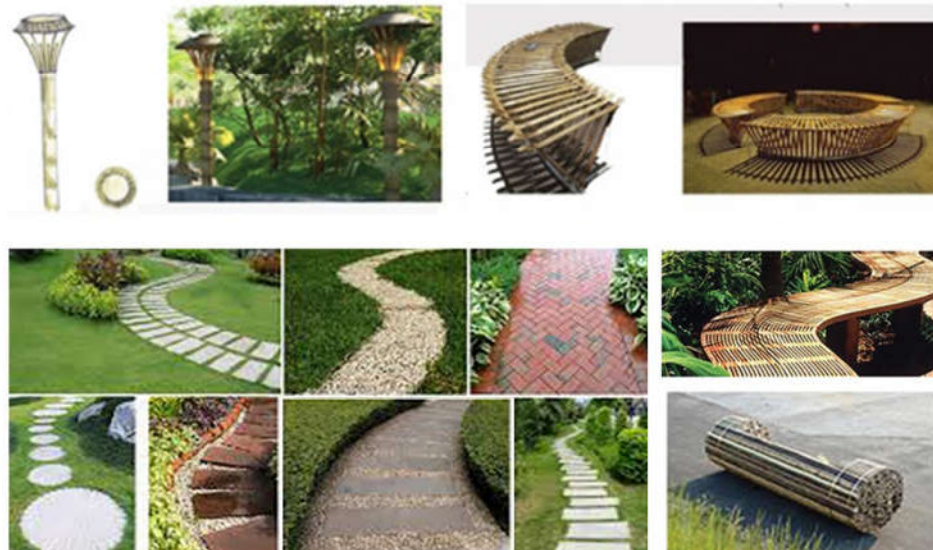
Hình 3.41. Minh họa công trình kiến trúc trong khu văn hóa giáo dục và làng nghề



Hình 3. 42. Minh họa đường dạo trong khu làng nghề truyền thống



Hình 3. 43. Minh họa mê cung cây- đường dạo trong khu văn hóa giáo dục



nhỏ vừa kết hợp biểu diễn vừa phục vụ cho mục đích trải nghiệm- học hát, biểu diễn Quan họ). Những không gian này được quy hoạch theo bố cục hội tụ, hướng về trung tâm là sân lễ hội. Vận dụng yếu tố VHTT trong các thành phần tạo không gian được NCS lựa chọn, đề xuất trên quan điểm, kinh nghiệm truyền thống, cụ thể:

- Công trình kiến trúc (đình hát quan họ) được bố trí hài hòa với khung cảnh thiên nhiên, không lấn át môi trường tự nhiên vốn có, với thiết kế mái ngói, cột gỗ mang đậm sắc thái dân gian, cùng hệ thống cửa bức bàn để mùa đông khép lại tạo không gian ấm cúng, mùa hè có thể mở thoáng hoàn toàn.
- Tổ chức không gian cây xanh sử dụng nguyên tắc bố cục theo dạng mảng, tuyến, điểm (bố cục theo mảng cây xanh áp dụng cho khu triển lãm trưng bày lịch sử hình thành và phát triển Quan họ Bắc Ninh, dạng cây xanh theo tuyến áp dụng cho các không gian trải nghiệm).
- Không gian mặt nước: lợi dụng mặt nước tự nhiên (thủ pháp vườn công viên truyền thống) vừa mang tính tạo cảnh vừa đóng vai trò là sân khấu biểu diễn Quan họ.
- Hệ thống giao thông, đường dạo áp dụng các dạng đường hình học, các trục đối xứng, kết hợp với hệ đường vòng kín, đường xoắn ốc và các dạng đường theo điều kiện tự nhiên nhằm mục đích tạo không gian hấp dẫn.

d. Khu thảo hoa viên (Khu nghỉ tĩnh)

Là không gian phục vụ cho nhu cầu dạo chơi nghỉ ngơi tĩnh, thảo hoa viên bao gồm nhiều khu vườn với nhiều chủ đề khác nhau như vườn tượng, vườn lịch sử, vườn thiền tịnh, vườn thực vật. Vận dụng yếu tố VHTT trong không gian tổng thể Khu thảo hoa viên, luận án đề xuất tạo không gian mở hài hòa với thiên nhiên, áp dụng phong cách thiết kế vườn truyền thống: lợi dụng điều kiện tự nhiên- địa hình- mô phỏng thiên nhiên- tận dụng những đặc trưng thiên nhiên nhằm tạo không gian cảnh quan sinh động, hấp dẫn mang đặc trưng văn hóa. Với các thành phần tạo không gian gian, vận dụng yếu tố VHTT cụ thể:

- Tổ chức cây xanh được vận dụng các thủ pháp phối kết theo tuyến, theo mảng, cụm và độc lập. Hình thức phối kết cây theo tuyến dẫn hướng có tác dụng nhấn



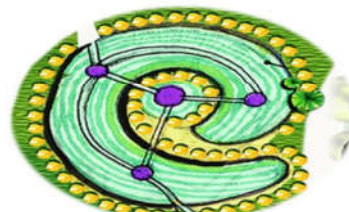
Hình 3.44. Tổ chức không gian khu dân ca Quan họ trong công viên ĐTM Tây Bắc



TỔ CHỨC CÁC KHÔNG GIAN BIỂU DIỄN QUAN HỌ



TỔ CHỨC CÁC KHÔNG GIAN TRẢI NGHIỆM QUAN HỌ



TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÂY XANH THEO MẢNG, TUYẾN



MINH HỌA KHÔNG GIAN BIỂU DIỄN QUAN HỌ

Hình 3.45. Minh họa tổ chức không gian khu dân ca Quan họ trong công viên ĐTM Tây Bắc



Hình 3.46. Tổ chức không gian khu thảo hoa viên (khu nghỉ tĩnh) tại công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh



CÁC CÁCH PHỐI KẾT CÂY XANH

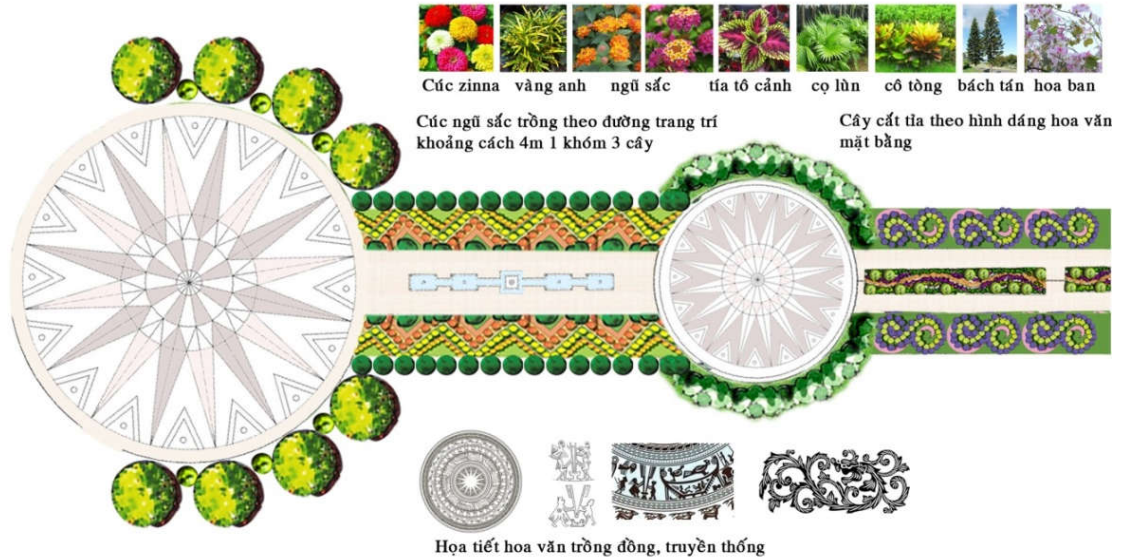


manh trực tổ hợp không gian chính, tạo nhịp điệu tạo hiệu quả về mặt thụ cảm thị giác. Hình thức phối kết theo mảng (mảng cây xanh, thảm cỏ, thảm hoa...) được sử dụng trong những không gian nghỉ ngơi thư giãn. Thêm vào đó là những dàn cây leo tổ chức xen kẽ vừa có tác dụng che nắng, tạo nét mềm mại cho không gian. Các loại cây được sử dụng trong khu chức năng đa dạng phong phú, phù hợp với địa hình, khí hậu, sinh thái của khu vực. Trong đó lựa chọn một số loài cây mang đậm nét văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ (Đa, Bồ Đề- bố trí dạng cây trồng độc lập; Cau cảnh vàng, cau lùn trồng theo dạng tuyến, dẫn hướng; Tre, trúc trồng theo khóm bụi, tạo không gian gần gũi với làng quê truyền thống). Một số loại cây có màu hoa đẹp tạo cảnh quan hấp dẫn, sinh động (hoa móng bò tím; muông hoàng yến, bằng lăng), những loại cây cho hương thơm nhằm kích thích giác quan của người sử dụng (ngọc lan, hoa sữa...). Bên cạnh đó bố trí những loại hoa, lá có màu sắc đẹp có thể cắt tỉa tạo dáng linh vật, hoặc các công trình kiến trúc, di tích lịch sử (ngâu, mẫu đơn, dâm bụt, ngũ sắc...), các loại cây tạo đường viền (cây cô tông, tía tô cảnh, chuỗi ngọc...)

- Các công trình kiến trúc nhỏ (chòi nghỉ, chỗ chơi cờ, ngâm thơ, đọc sách) sử dụng các hình thức kiến trúc truyền thống, mang đậm bản sắc dân tộc. Các tiểu cảnh (tượng điêu khắc, non bộ...) mang chủ đề dân gian, mang ý nghĩa lịch sử...
- Hệ thống giao thông trong khu nghỉ tĩnh theo dạng địa hình tự nhiên, kết hợp dạng hình tia và đường vòng khép kín nhằm mục đích tạo những không gian tĩnh tại, mang lại cảm giác thư giãn.

Khu quản lý: Bao gồm các công trình kiến trúc phục vụ cũng như các công trình hành chính, điều hành quản lý và kỹ thuật của công viên. Các công trình phục vụ và hành chính được bố trí ở khu trung trung tâm, gần các lối tiếp cận nhằm thuận tiện cho mục đích sử dụng của người đến công viên. Hình thức công trình vẫn thống nhất vận dụng các hình thức kiến trúc truyền thống, sử dụng mái dốc, các họa tiết trang trí dân gian (hoa lá, vân mây, các linh vật, trồng đồng...) gợi những điển tích, sự kiện lịch sử trong nội thất và mặt đứng công trình. Vật liệu công trình sử dụng vật liệu gần gũi (gỗ, tre, đá, gạch đất nung...). Không gian quảng trường trung tâm

là không gian diễn ra các hoạt động lễ hội lớn, áp dụng họa tiết hoa văn trồng đồng, tổ chức cây xanh cắt tía theo dạng hoa văn truyền thống.



Hình 3.47. Tổ chức không gian khu trung tâm – áp dụng các dạng họa tiết hoa văn truyền thống tại công viên ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh



Hình 3.48. Minh họa công trình kiến trúc trong khu quản lý hành chính tổng hợp

3.7.4. Giải pháp tổ chức thực hiện, quản lý, khai thác công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh.

Mục tiêu cơ bản trong quy hoạch công viên ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh chính là thỏa mãn, làm hài hòa giữa nhu cầu- quyền lợi của các nhân, tập thể cộng đồng và đòi hỏi của toàn xã hội. Cũng như có thể đưa những yếu tố VHTT vào tổ chức không gian công viên nhằm giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa lịch sử đặc sắc của Bắc Ninh. Để đảm bảo mục tiêu, trong quá trình tổ chức thực hiện, luận án đề xuất các bước triển khai thực hiện như sau:

- **Bước 1:** UBND TP Bắc Ninh tổ chức công bố công khai nội dung Quy hoạch

phân khu được duyệt theo quy định hiện hành, công bố công khai chủ trương chính sách của TP về xây dựng công viên ĐTM Tây Bắc trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, internet...) để bước đầu thu hút đầu tư. Các đơn vị, tổ chức có nhu cầu sẽ nộp hồ sơ tham gia đấu thầu.

- **Bước 2:** Trên cơ sở các chỉ tiêu về quy hoạch- kiến trúc các đơn vị sẽ đề xuất các phương án, trình lên Sở Xây Dựng, tại đây Sở sẽ tổng hợp các phương án tham gia và tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng theo hình thức phát phiếu thăm dò, đồng thời sẽ lấy thêm ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành theo hình thức tổ chức hội đồng lựa chọn phương án.
- **Bước 3:** Sau khi tổng hợp kết quả điều tra ý kiến của cộng đồng và hội đồng đánh giá chuyên môn, Sở Xây Dựng sẽ trình văn bản lên UBND TP về phương án lựa chọn.
- **Bước 4:** Đơn vị được lựa chọn phương án sẽ hoàn thiện hồ sơ đồng thời phải đảm bảo dựa trên cơ sở đồ án Quy hoạch phân khu đã được phê duyệt. Trong hồ sơ dự án phải nêu rõ tiến độ thực hiện, kế hoạch đầu tư, quy hoạch chi tiết.
- **Bước 5:** Sau khi hoàn thiện hồ sơ, phải bàn giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành- Sở Xây Dựng, chính quyền địa phương- UBND TP, UBND phường trực thuộc, ban giám sát đầu tư của cộng đồng mỗi đơn vị 1 bộ hoàn chỉnh để theo dõi và cùng phối hợp quản lý việc thực hiện dự án. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các đơn vị, tổ chức thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Đề xuất các cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư (nhằm khuyến khích huy động xã hội hóa nguồn vốn làm giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách Nhà nước)

Đối với các doanh nghiệp trong nước:

- Được miễn tiền sử dụng đất (đây là diện tích đất xây dựng không chỉ nhằm mục đích kinh doanh mà phục vụ cho lợi ích của cộng đồng)
- Được miễn giảm đóng góp đầu tư xây dựng cho sở hạ tầng
- Được chậm nộp tiền sử dụng đất phù hợp với tiến độ xây dựng của dự án.

- Được miễn thuế sử dụng đất có thời hạn, kể từ khu được giao đất
- Được hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay đầu tư (từ quỹ đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ phát triển)

Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

- Được miễn tiền sử dụng đất
- Được miễn giảm đóng góp đầu tư xây dựng cho sở hạ tầng
- Được miễn tiền thuê đất trong 3 năm đầu tiên từ khi ký hợp đồng thuê đất

Đề xuất định hướng quản lý quy hoạch xây dựng và khai thác công viên với sự tham gia của cộng đồng

- Định hướng khai thác công viên ĐTM Tây Bắc TP Bắc Ninh- trên cơ sở phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của cộng đồng dân cư trong ĐTM Tây Bắc, tạo mạng lưới cây xanh mặt nước, tạo cảnh quan cho đô thị. Ngoài ra còn dựa trên cơ sở khai thác, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống của quê hương Kinh Bắc.
- Định hướng quản lý: (Xây dựng bộ máy quản lý quy hoạch xây dựng trong đó các bên tham gia có sự phối hợp chặt chẽ nhằm đem lại hiệu quả trong quá trình quản lý trước và sau khi xây dựng) Bao gồm:
 - ✓ Các cơ quan chính quyền: Chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch xây dựng đô thị theo thẩm quyền, điều phối các hoạt động của cộng đồng tham sự quản lý quy hoạch xây dựng.
 - ✓ Các đoàn thể xã hội: Giám sát các hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng, giúp đỡ chính quyền trong công tác quản lý QHXD, phát động quần chúng thực hiện theo các quy định về quản lý quy hoạch xây dựng.
 - ✓ Ban đại diện cộng đồng: Thanh tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch, đại diện cho cộng đồng trong các hoạt động có liên quan đến quyền lợi của cộng đồng
 - ✓ Người dân: Đóng góp ý kiến cho công tác quản lý QHXD, tham gia gia góp vốn, đóng góp nhân lực, chấp hành điều lệ quy định quản lý, tham gia giám sát, quản lý khai thác sử dụng.

3.8. Bàn luận các kết quả nghiên cứu

3.8.1. Bàn luận về khả năng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.

Trong thời đại ngày nay, việc bảo tồn, phát huy các giá trị VHTT đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển đô thị. Đặc biệt để đảm bảo được sự hài hòa, cân bằng ổn định, mặc dù trong quá trình phát triển gặp những khó khăn, thách thức do nhiều vấn đề chủ quan và khách quan mang tính thời đại, tính toàn cầu, việc đưa ra những chiến lược, giải pháp, định hướng cụ thể là rất cần thiết.

Với trường hợp Bắc Ninh, đây là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, là một trong những nơi hội tụ nhiều nhất các di tích lịch sử, văn hóa, là mảnh đất “địa linh nhân kiệt”, cái nôi sản sinh ra nền văn hóa Quan họ đặc sắc, nơi các loại hình nghệ thuật dân gian gắn liền với các lễ hội và các làng nghề truyền thống. Các yếu tố văn hóa đặc trưng tại Bắc Ninh đã được tổng kết thành 2 nhóm văn hóa vật thể (làng nghề truyền thống, đặc điểm quần cư, công trình kiến trúc, di tích lịch sử) và phi vật thể (văn hóa Quan Họ, lễ hội truyền thống, lịch sử văn hiến, văn hóa tâm linh, truyền thống khoa bảng). Các yếu tố văn hóa đặc trưng này của Bắc Ninh đã được tôn vinh, gìn giữ và phát huy tạo nên bản sắc văn hóa đặc trưng của vùng.

Theo Quyết định số 1560/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn 2050 và quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn 2050, trong đó mục tiêu phát triển đó là: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, từng bước xây dựng Bắc Ninh hiện đại, có bảo tồn và phát huy kiến trúc truyền thống, mang đặc trưng văn hóa Kinh Bắc, đây chính là 1 trong những cơ sở nền tảng cho khả năng khai thác yếu tố VHTT vào tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.

Theo Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã nhấn mạnh: xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Điều đó cho thấy Khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức công viên hoàn toàn có khả

năng thực hiện nhờ chủ trương của Đảng, sự quan tâm, nhất trí của các cơ quan quản lý của Nhà nước. Hơn nữa vấn đề này còn nhận được sự đồng thuận của đông đảo cộng đồng nhân dân.

Ngoài ra Quy hoạch xây dựng công viên bên cạnh mục đích phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, tạo lập môi trường sinh thái cân bằng bền vững, tạo những điểm nhấn cảnh quan, mục đích quảng bá hình ảnh của địa phương, của đất nước thông qua các giá trị VH TT cũng là một trong những khả năng thúc đẩy khai thác yếu tố VH TT vào tổ chức không gian công viên.

3.8.2. Bàn luận về mô hình cấu trúc không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh

Không thể phủ nhận công viên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của con người, là không gian thiên nhiên quan trọng của đô thị, không chỉ giúp cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng sống, đem lại những không gian lý tưởng cho các hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi giải trí cho cộng đồng mà còn góp phần hình thành nên bộ mặt của đô thị.

Xã hội ngày càng phát triển, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập là không thể tránh khỏi ở các nước đang phát triển. Vì vậy việc giữ gìn, phát huy các giá trị VH TT là một trong những nhiệm vụ quan trọng của quá trình phát triển đô thị bền vững. Trong rất nhiều nghiên cứu từ trước cho đến nay đã có những nghiên cứu độc lập về công viên, về VH TT, tuy nhiên gắn kết 2 vấn đề này lại là một khoảng trống nghiên cứu. Đặc biệt đưa ra những đề xuất, khai thác yếu tố VH TT trong tổ chức không gian công viên, áp dụng những đề xuất này trong các đô thị có tính chất riêng biệt, có bề dày lịch sử văn hóa như Bắc Ninh là chưa hề có. Để giải quyết vấn đề này, luận án đã đưa ra các mô hình cấu trúc không gian công viên.

Với mô hình tổng quát cấu trúc không gian công viên, luận án đề xuất cấu trúc không gian công viên sẽ bao gồm 6 khu chức năng: Văn hóa giáo dục, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, nghỉ ngơi, dịch vụ tổng hợp. Trong đó luận án khẳng định, yếu tố VH TT sẽ là yếu tố trọng tâm, là hạt nhân chủ chốt trong các khu chức năng của công viên.

Ngoài ra luận án cũng đề xuất thêm 3 mô hình cấu trúc hạt nhân đó là:

- Mô hình cấu trúc hạt nhân trung tâm
- Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập
- Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp

3 dạng mô hình cấu trúc hạt nhân này sẽ được áp dụng phù hợp tùy theo quy mô, cấp loại công viên.

Có thể nói, việc nghiên cứu mô hình cấu trúc không gian công viên là quá trình nghiên cứu dựa trên cơ sở các kết quả, nghiên cứu lý luận về xu hướng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên, những lý luận về phát triển đô thị bền vững, những lý luận về VHTT... cùng những quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc để từ đó kết quả nghiên cứu mô hình cấu trúc không gian công viên sẽ được sử dụng hỗ trợ cho định hướng phát triển không gian trong các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị. Cũng như những mô hình này sẽ có khả năng phát triển nhân rộng ở các đô thị khác có đặc thù về văn hóa.

3.8.3. Bàn luận về giải pháp khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh

Trong giới hạn nghiên cứu, luận án tập trung nghiên cứu theo các lĩnh vực về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và định hướng quản lý quy hoạch xây dựng. Trên cơ sở này, giải pháp khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại d Bắc Ninh được phân thành 3 nhóm bao gồm:

- (1)Nhóm giải pháp phân khu chức năng trong công viên;
- (2)Nhóm giải pháp tổ chức không gian công viên;
- (3)Nhóm giải pháp về hạ tầng kỹ thuật;

Nhóm giải pháp về phân khu chức năng trong công viên: trên cơ sở nghiên cứu các yếu tố văn hóa đặc trưng của Bắc Ninh, nhu cầu sử dụng các khu chức năng trong công viên của cộng đồng dân cư trên địa bàn, mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng, luận án đã đưa ra những luận điểm mới, lựa chọn yếu tố văn hóa đặc trưng lồng ghép trong các khu chức năng cụ thể, đề xuất thêm một số khu chức năng chuyên biệt trong công viên (khu dân ca Quan họ, khu làng nghề truyền thống, khu tổ chức trò chơi dân gian, khu Bắc Ninh thu nhỏ, Bắc Ninh truyền thuyết,

huyền thoại và lịch sử...) nhằm phù hợp với yêu cầu phát triển và đảm bảo khả năng áp dụng cao vào thực tiễn.

Nhóm giải pháp tổ chức không gian công viên: Luận án đề xuất các giải pháp tổ chức không gian cây xanh mặt nước (các cách phối kết cây xanh vận dụng các bố cục quy hoạch truyền thống: đối xứng, hướng tâm hay theo điều kiện tự nhiên, theo mảng, tuyến, cụm nhóm hoặc cây độc lập; cách lựa chọn các chủng loại cây phù hợp với địa hình thổ nhưỡng của khu vực, mang những sắc thái đặc trưng của vùng; tạo hình cây xanh theo các linh vật, nhân vật lịch sử hoặc tạo thành mảng xanh theo các sự kiện lịch sử văn hóa); các giải pháp tổ chức loại hình kiến trúc trong công viên (áp dụng hình thức kiến trúc dân gian truyền thống, sử dụng vật liệu địa phương, màu sắc công trình gần gũi với thiên nhiên, các chi tiết kiến trúc trong nội thất công trình và hình thức kiến trúc sử dụng và cách điệu hóa các họa tiết mang nét dân gian truyền thống); các giải pháp trong các tiện ích trong công viên như chỗ nghỉ chân, biển chỉ dẫn, thùng rác...đều được thống nhất trong thiết kế, tạo hình mang đậm phong cách dân gian truyền thống.

Nhóm giải pháp hạ tầng kỹ thuật: luận án đề xuất tổ chức mạng lưới đường (học tập nguyên tắc bố cục truyền thống với các dạng đường theo điều kiện tự nhiên và theo dạng hình học-dạng hình tia, hình vòng kín, đường cài răng lược), hệ thống chiếu sáng phù hợp với từng khu chức năng trong công viên nhằm góp phần làm rõ chủ đề tư tưởng muốn truyền tải trong quá trình thiết kế và khai thác công viên. Đây là những giải pháp đề xuất mới có tính ứng dụng cao trong quá trình triển khai quy hoạch những công viên mang yếu tố VHHT đặc trưng tại đô thị Bắc Ninh.

3.8.4. Bàn luận về giải pháp đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý công viên trong quá trình sử dụng.

Trong các giải pháp tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác công viên trong quá trình sử dụng, luận án đưa ra 3 giải pháp bao gồm: Giải pháp đầu tư xây dựng; Giải pháp khai thác; Giải pháp quản lý:

Giải pháp đầu tư xây dựng: luận án đưa ra quan điểm đó là cần phải xây dựng một chiến lược tài chính rõ ràng và cụ thể nhằm cân bằng chi phí vốn xây dựng và

chi phí vận hành bảo trì, có những chính sách rõ ràng trong vấn đề huy động vốn và sử dụng các nguồn vốn từ xã hội hóa, cũng như có các bước lập kế hoạch trong quá trình đầu tư xây dựng với sự góp mặt của chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng. Luận án đồng thời đưa ra những đề xuất mang tính chất gợi ý về cơ chế hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia góp vốn đầu tư xây dựng công viên.

Giải pháp khai thác: luận án đề xuất trong quá trình vận hành cần đảm bảo phục vụ cho mọi đối tượng, đặc biệt là nhóm đối tượng yếu thế, cần có những giải pháp đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý phù hợp với các đối tượng, các giải pháp về chính sách ưu tiên dành cho nhóm đối tượng này trong quá trình sử dụng các tiện ích, các khu chức năng trong công viên; các giải pháp khai thác đa dạng trong công viên (đa dạng trong loại hình khai thác các hoạt động, đa dạng các loại hình phục vụ...) các giải pháp khai thác đảm bảo khả năng thích nghi (khả năng đáp ứng với những thay đổi có nghĩa việc thay đổi về văn hóa, thói quen giải trí, lối sống có thể ảnh hưởng đến cách thức sử dụng công viên và cách phát triển)(thích nghi sử dụng quanh năm, thích nghi với sự thay đổi về mật độ sử dụng, các chính sách thiết kế công viên phải đảm bảo có tính dự báo nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển, nhu cầu sử dụng trong tương lai)

Giải pháp quản lý: luận án đề xuất những giải pháp về an toàn, an ninh, nhằm đem lại những hiệu quả trong quá trình quản lý, cũng như đem đến một môi trường vui chơi giải trí lành mạnh, an toàn cho người dân (giải pháp đảm bảo công viên có thể được quan sát một cách dễ dàng, trong công viên hạn chế những góc khuất, góc tối để giảm nguy cơ tội phạm...) Ngoài ra luận án còn đề xuất giải pháp quản lý với sự tham gia của cộng đồng (tuyên truyền vận động phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò, tầm quan trọng của công viên đối với đời sống con người, cũng như quyền lợi trách nhiệm của cộng đồng đối với công viên; giải pháp huy động vốn xã hội hóa; đề xuất thiết lập ban quản lý công viên; đề xuất điều tra xã hội học khuyến khích cộng đồng tham gia đóng góp ý kiến, bày tỏ quan điểm cho công tác xây dựng, vận hành, khai thác và quản lý công viên)

Có thể nói những giải pháp này có tính ứng dụng cao trong quá trình triển khai

xây dựng các công viên có khai thác yếu tố VHTT. Đặc biệt việc nghiên cứu tại đô thị Bắc Ninh sẽ mang tới nhiều bài học kinh nghiệm và có khả năng áp dụng tại các đô thị khác có đặc thù về văn hóa.

3.8.5. Bàn luận về huy động sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch và quản lý công viên

Một trong những mục tiêu cơ bản của Quy hoạch đô thị nói chung và thiết kế quy hoạch công viên nói riêng đó là thỏa mãn nhu cầu của con người về đời sống vật chất văn hóa và tinh thần, về nghỉ ngơi giải trí, tái tạo sức lao động. Do đó đồ án quy hoạch phải tạo tiền đề cho sự hài hòa giữa nhu cầu và quyền lợi của cá nhân, tập thể cộng đồng và đòi hỏi của toàn xã hội. Đây là một quá trình liên tục và lâu dài, vì thế cần phải thu thập thông tin, nghiên cứu thực nghiệm xây dựng những giả thuyết và dự báo dài hạn, trung hạn, lập các quy hoạch ngắn hạn nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và định hướng phát triển không gian đô thị, đồng thời vừa phải đáp ứng được các vấn đề cụ thể, thiết thực phù hợp với nguyện vọng của quảng đại quần chúng.

Một đồ án quy hoạch tốt nhất phải thể hiện được sự mong muốn của người dân hay nói cách khác là đồ án quy hoạch đó phải đáp ứng được những yêu cầu của người dân cho là cấp thiết. Chính vì vậy cách tốt nhất đó là đảm bảo sự tham gia trực tiếp của người dân vào quá trình quy hoạch hay đề dự án quy hoạch mang tính khả thi thì phải quan tâm đến bối cảnh xã hội của công tác quy hoạch đô thị, trong đó cần chú trọng vai trò tham gia của cộng đồng. Cụ thể:

- Cần nắm bắt mục tiêu, coi trọng công tác tuyên truyền cổ vũ quần chúng tham gia vào quá trình quy hoạch.
- Khuyến khích sự tham gia của quần chúng nhưng phải lưu ý đến quyền lợi và những hạn chế.
- Khai thác huy động sự tham gia của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước để triển khai các dự án.

Tuy nhiên các đồ án có sự tham gia của cộng đồng thường đòi hỏi triển khai quy hoạch một cách thận trọng. Điều rất quan trọng trong quá trình quy hoạch là phải

lưu tâm tới các lợi ích của các nhóm khác nhau trong cộng đồng. Quy trình tham gia của cộng đồng vào quản lý quy hoạch xây dựng cần được thể thức hóa thành các hướng dẫn, các văn bản pháp quy để triển khai thực hiện. Các bước tham gia trong quá trình lập quy hoạch được thực hiện theo một chuỗi logic, chuỗi logic này có thể thay đổi tùy thuộc vào hoàn cảnh từng địa phương lập đồ án. Nhìn chung sự tham gia của cộng đồng trong quá trình lập đồ án quy hoạch như sau:

- Xác định nhiệm vụ thiết kế
- Xác định mục tiêu đồ án
- Đánh giá hiện trạng
- Xây dựng các tiêu chí đánh giá khả năng thực hiện đồ án
- Lựa chọn phương án
- Đánh giá các giải pháp thực hiện
- Tham gia quyết định lựa chọn phương án và giải pháp
- Quản lý đầu tư xây dựng
- Quản lý khai thác sử dụng

Ngoài ra sự tham gia của cộng đồng trong quá trình đầu tư xây dựng cũng có thể được thể hiện thông qua các mô hình đầu tư như sau:

- Mô hình các dự án đầu tư bằng nguồn vốn và công sức của cộng đồng hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân.
- Mô hình các dự án có nguồn vốn của Nhà nước và cộng đồng.
- Mô hình các dự án đầu tư bằng nguồn vốn của Doanh nghiệp
- Mô hình các dự án đầu tư có nguồn vốn của Doanh nghiệp và có huy động nguồn vốn của cộng đồng.

Tóm lại công tác quy hoạch, quản lý xây dựng công viên trong đô thị không chỉ là nhiệm vụ của chính quyền và các các nhà chuyên môn mà còn là trách nhiệm của cả cộng đồng và của mỗi người dân đô thị.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong cấu trúc không gian đô thị, công viên luôn là một trong những thành phần không thể thiếu; không chỉ giúp cải thiện môi trường, cân bằng hệ sinh thái, kiến tạo không gian phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, giao lưu cộng đồng mà còn góp phần tạo nên bộ mặt cho đô thị.

Việc khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên hiện đang trở thành xu hướng, không chỉ nhận được sự quan tâm của các cơ quan quản lý của Nhà nước mà còn nhận được sự đồng thuận của đông đảo quần chúng nhân dân. Đặc biệt ở Bắc Ninh, một trong những nơi hội tụ nhiều nhất các di tích lịch sử văn hóa, là mảnh đất “địa linh nhân kiệt”, cái nôi sản sinh ra nền Văn hóa Quan họ đặc sắc, nơi các loại hình nghệ thuật dân gian gắn liền với các lễ hội và các làng nghề truyền thống, thì vấn đề nhận diện các yếu tố VHTT đặc trưng lồng ghép trong tổ chức không gian công viên là một trong những vấn đề cần được nghiên cứu, nhất là trong bối cảnh các đô thị đang trong quá trình hướng tới phát triển bền vững, hiện đại nhưng vẫn mang đậm đà bản sắc dân tộc.

Trên thực tế, trong công tác quy hoạch, việc đưa các giá trị VHTT đặc trưng vào tổ chức không gian công viên còn rất hạn chế và chưa đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng của người dân. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu trong lĩnh vực này vẫn chưa có những lý luận đầy đủ, sâu sắc và toàn diện.

Để giải quyết những vấn đề trên, luận án đã tìm hiểu, đánh giá yếu tố VHTT đặc trưng của đô thị Bắc Ninh, tìm hiểu các xu hướng cũng như những bài học kinh nghiệm cụ thể trên thế giới cũng như ở Việt Nam, nghiên cứu các cơ sở khoa học về tổ chức không gian công viên. Từ đó đưa ra 6 quan điểm, 5 mục tiêu cùng 6 nguyên tắc chung và đề xuất khả năng áp dụng yếu tố VHTT trong các công viên đô thị Bắc Ninh (xác định quy mô các khu chức năng trong công viên, xác định mức độ ưu tiên giữa các khu chức năng trong công viên). Nhờ các kết quả nghiên cứu, Luận án đề xuất mô hình tổng quát cấu trúc không gian công viên và 3 mô hình cấu trúc hạt nhân phát triển từ mô hình tổng quát đó là:

- Mô hình cấu trúc hạt nhân tập trung
- Mô hình cấu trúc hạt nhân phân tán độc lập
- Mô hình cấu trúc hạt nhân đan xen kết hợp

Trong các mô hình cấu trúc không gian công viên mà luận án đề xuất, yếu tố VHTT được xác định là thành phần quan trọng, là hạt nhân trung tâm của các khu chức năng trong công viên.

Ngoài ra, luận án cũng đề xuất các giải pháp khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh ở các khía cạnh: Phân khu chức năng; tổ chức không gian công viên; hạ tầng kỹ thuật và các giải pháp tổ chức thực hiện, quản lý, khai thác công viên trong quá trình sử dụng. Đặc biệt qua trường hợp nghiên cứu cụ thể tại công viên khu ĐTM Tây Bắc- TP Bắc Ninh, cho thấy khả năng áp dụng các giải pháp khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian đã được đề xuất .

Tóm lại, từ các kết quả nghiên cứu, luận án đã bám sát các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Các đề xuất được xây dựng trên cơ sở đánh giá tổng quan, các cơ sở lý thuyết và thực tiễn phù hợp với định hướng nghiên cứu. Việc đề xuất mô hình và các giải pháp áp dụng là điều kiện thuận lợi để có thể triển khai, áp dụng vào trong thực tiễn quy hoạch hiện nay.

2. Kiến nghị

Để đáp ứng tối đa nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đồng thời góp phần xây dựng giá trị bản sắc của Bắc ninh, Luận án kiến nghị:

• Nhà nước- Bộ Xây Dựng

- Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích và hướng dẫn cộng đồng tham gia đầu tư xây dựng công viên.
- Ban hành các văn bản pháp quy quy định liên quan đến tổ chức không gian công viên, những chính sách cụ thể để phân định trách nhiệm trong xây dựng và quản lý công viên trong đô thị. Có thể bổ sung trong Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009

- **UBND tỉnh- TP Bắc Ninh**

- Xây dựng chiến lược tổng thể phát triển công viên và đặc biệt là chiến lược khai thác các yếu tố VHTT vào quy hoạch tổ chức không gian công viên để làm cơ sở hướng dẫn cho Thành phố và các huyện trên địa bàn toàn tỉnh lập các kế hoạch chi tiết cho địa bàn mình quản lý.
- Ban hành “Quy định xây dựng và quản lý công viên” trong đó mục tiêu của quy định là xác định các định hướng và những khuyến cáo nhằm nâng cao chất lượng các công viên, tạo dựng hình ảnh, cũng như nhấn mạnh việc đưa các yếu tố VHTT vào tổ chức không gian công viên để tạo ra những công viên hấp dẫn mang những nét đặc trưng riêng, góp phần tạo nên sức hút cho đô thị. Bên cạnh đó trong quy định cũng cần đề cập đến việc huy động tối đa nguồn lực xã hội trong vấn đề xây dựng và quản lý công viên.
- Đề nghị Thành phố triển khai các nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện các cơ sở lý luận và thực tiễn về quy hoạch kiến trúc cảnh quan, về bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa lịch sử để phục vụ trong công tác quản lý và xây dựng công viên tại Bắc Ninh.

- **Sở VHTT Tỉnh Bắc Ninh**

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về các giá trị văn hóa nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư tham gia trong quy hoạch và quản lý các công viên đô thị Bắc Ninh.

- **Sở Xây dựng Bắc Ninh**

- Xây dựng đề án và triển khai việc công tác xã hội hóa đầu tư cho các hoạt động văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị VHTT, di sản văn hóa của tỉnh Bắc Ninh
- Tham mưu cho Tỉnh, Thành phố về các hoạt động đầu tư xây dựng và quy hoạch xây dựng công viên, trong đó kiến nghị xây dựng hệ thống cơ sở pháp lý và quy chuẩn trong tổ chức không gian công viên nhằm cụ thể hóa hệ thống quan điểm và nguyên tắc mà luận án đã đề xuất.
- Kiến nghị bổ sung những nội dung, chỉ tiêu quy hoạch, cơ sở xác định trong tổ

chức không gian công viên phù hợp với điều kiện và đặc điểm của đô thị Bắc Ninh.

• **Đơn vị tư vấn**

- Áp dụng các yếu tố VHTT đặc trưng tại Bắc Ninh đã được xác định trong nghiên cứu của luận án vào các giải pháp quy hoạch tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh.
- Kiến nghị điều chỉnh và cải tiến đổi mới phương pháp lập quy hoạch ở 2 khía cạnh: (1) Cải tiến phương pháp tiến hành, tiếp cận và triển khai thực hiện đồ án theo hướng đáp ứng nhu cầu (quan tâm đến nhu cầu, nguyện vọng sử dụng của cộng đồng); (2) Nâng cao vai trò của cộng đồng trong các quá trình lập quy hoạch và quản lý xây dựng đô thị.

• **Nhà đầu tư**

- Kiến nghị trong quá trình đầu tư xây dựng công viên cần quan tâm đến việc đưa các yếu tố VHTT đặc trưng vào tổ chức không gian công viên: phối kết cây xanh theo phong cách nghệ thuật truyền thống, lựa chọn cây trồng có giá trị và phù hợp với các không gian đặc trưng của các khu chức năng và xây dựng các công trình kiến trúc, kiến trúc nhỏ có hình thức kiến trúc công trình mang phong cách kiến trúc dân gian...

• **Cộng đồng dân cư**

- Kiến nghị cộng đồng dân cư quan tâm đến vấn đề bảo tồn phát huy các giá trị VHTT, khai thác lồng ghép trong tổ chức không gian công viên.
- Nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư trong quá trình quy hoạch và lập quy hoạch.
- Khuyến khích cộng đồng dân cư đề đạt nhu cầu, nguyện vọng sử dụng không gian mang yếu tố VHTT.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Các bài Hội thảo quốc tế

1. *The quality of Children's playground in Ha Noi under the Impact of Urbanization and Community cooperative Strategy (Chất lượng sân chơi trẻ em ở Hà Nội dưới tác động của quá trình đô thị hóa và chiến lược hợp tác cộng đồng)*- Hội thảo quốc tế APSA lần thứ 13- Malaysia- tháng 8/2015.
2. *Traditional cultural factor in the sustainable urban development process in Bac Ninh (Yếu tố VHHT trong quá trình phát triển đô thị bền vững ở Bắc Ninh)*- Hội thảo quốc tế- Đà Loan- tháng 8/2016.
3. *Community factor in the spatial organization for city parks (Yếu tố cộng đồng trong tổ chức không gian công viên)*- Hội thảo quốc tế do Hiệp hội Quy hoạch Châu Á Thái Bình Dương tổ chức- Nhật Bản- tháng 8/2017.
4. *The Reality of City Park in Vietnam under the Impact of Urbanization and Community cooperative Strategy (Thực trạng công viên ở Việt Nam dưới tác động của ĐTH và chiến lược hợp tác cộng đồng)*- Hội thảo quốc tế APSA lần thứ 14- Bắc Kinh- Trung Quốc- tháng 10/2017.
5. *Design policies and management parks system to improve the quality of life in the cities (Chính sách thiết kế và quản lý hệ thống công viên nhằm nâng cao chất lượng sống trong đô thị)*- Hội thảo quốc tế do Hiệp hội Quy hoạch Châu Á Thái Bình Dương tổ chức- Việt Nam- tháng 8/2018.
6. *Establishing planning principles for urban parks in Viet Nam (Xây dựng những nguyên tắc quy hoạch công viên trong điều kiện Việt Nam)*- Hội thảo Quốc tế thiết kế đô thị- Trung Quốc- tháng 9/2018.

Các bài báo

1. *Sân chơi cho trẻ em chiến lược đầu tư mang lại lợi ích lâu dài*, Tạp chí Quy hoạch xây dựng, Bộ Xây dựng số 75/2015.
2. *Thực trạng khai thác yếu tố VHHT trong tổ chức không gian công viên văn hóa tại Việt Nam*, Tạp chí Xây Dựng, Bộ Xây Dựng số 576, tháng 3/2016.
3. *Một số yếu tố tạo nên sự hấp dẫn cho không gian công cộng*, Tạp chí khoa học Kiến trúc& Xây dựng- Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, số 26- tháng 8/2017.
4. *Vận dụng yếu tố VHHT trong phân khu chức năng công viên tại đô thị Bắc Ninh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Hội nhập trong đào tạo Quy hoạch đô thị- Nông thôn Việt Nam”, NXB Xây dựng, tháng 11/2017.
5. *Phát triển bền vững trong tổ chức không gian CVĐCN tại đô thị Bắc Ninh*, Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây Dựng số 596- tháng 11/2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- [1]. Huỳnh Công Bá (2015), *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng- tiểu vùng ở Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, 259-260.
- [2]. Nguyễn Thế Bá (1996), *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng.
- [3]. Trần Minh Chính (2016), *Sinh hoạt văn hóa Quan họ Làng- qua trường hợp làng Quan họ Viêm Xá*, Luận án tiến sỹ chuyên ngành Văn hóa học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- [4]. Phạm Anh Dũng (2013), *Giáo trình cây xanh đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng
- [5]. Trần Duy (2002), *Cẩm luận nghệ thuật*, NXB Mỹ thuật, 219.
- [6]. Phạm Đức Dương (2013), *Văn hóa học dẫn luận*, NXB Văn hóa thông tin.
- [7]. Lê Hồng Dương (1972), *Một số vấn đề về dân ca quan họ*, NXB Ty Văn hóa Hà Bắc, 93.
- [8]. Nguyễn Văn Đáp (2006), “Chùa Phật Tích, Chùa Dạm di tích nghệ thuật tiêu biểu thời Lý ở Bắc Ninh”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, (số 3), 99.
- [9]. Phạm Duy Đức (2009), *Phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Những vấn đề phương pháp luận*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Phó Giang (2000), *Khai thác các yếu tố truyền thống trong tổ chức không gian công viên vui chơi giải trí (lấy khu nghỉ ngơi, vui chơi giải trí làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam làm địa bàn nghiên cứu)*, Luận văn thạc sỹ Kiến trúc, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [11]. Trần Thị Kiều Thanh Hà, Phạm Thu Hà (2010), *Không gian công cộng làm nên cuộc sống TP*, Nhà xuất bản xây dựng.
- [12]. Đỗ Hậu (2002), *Mô hình và giải pháp quy hoạch- kiến trúc các vùng sinh thái đặc trưng ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.
- [13]. Lê Huy Hòa, Hoàng Đức Nhuận (1999), *Văn hóa Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nhà xuất bản Văn hóa.
- [14]. Nguyễn Trọng Hoàng (1998), *Nghững vấn đề văn hóa Việt Nam hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 113,114.
- [15]. Trần Hùng (2014), *Nghệ thuật kiến tạo Cảnh quan đô thị Phương Đông- Phương Tây*, Nhà xuất bản Xây dựng.
- [16]. Đinh Thị Thanh Huyền (2015), *Tục chơi Quan họ Xứ Kinh Bắc xưa và nay*, Luận án tiến sỹ lịch sử, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn- Đại học

Quốc gia Hà Nội, 26.

- [17]. Chu Huy (2013), *Sổ tay kiến thức văn hóa dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, 8.
- [18]. Nguyễn Hoàng Huy (1997), *Vườn cảnh phương Đông*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 17.
- [19]. Lê Thị Hương (2010), *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Kinh Bắc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận văn thạc sỹ, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
- [20]. Nguyễn Quang Khải (2006), “Tìm hiểu truyền thống khoa cử ở Bắc Ninh”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, (số 3), 65-69.
- [21]. Doãn Quốc Khoa (2004), *Kế thừa một số giá trị của cảnh quan đô thị truyền thống trong quy hoạch xây dựng đô thị Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Kiến trúc, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [22]. Hoàng Văn Khoán (2000), *Văn hóa Lý Trần: kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc chùa tháp*, Viện văn hóa.
- [23]. Trần Trọng Kim (2015), *Việt Nam sử lược*, Nhà xuất bản Văn học.
- [24]. Hoàng Bích Lan (2009), *Quy hoạch, kiến trúc CVĐCN trong điều kiện Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Kiến trúc, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 4, 68.
- [25]. Nguyễn Quang Lê (2001), *Khảo sát thực trạng văn hoá lễ hội truyền thống của người Việt ở Đồng Bằng Bắc bộ*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- [26]. Nguyễn Quang Lê (2011), *Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt*,
- [27]. Trần Đình Luyện (2004), “Bắc Ninh đất trăm nghề”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, (Số 7), 78-81.
- [28]. Hoàng Nam (2014), *Văn hóa dân tộc Văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 39-40.
- [29]. Hàn Tất Ngạn (1992), *Khai thác và tổ chức cảnh quan trong sự hình thành và phát triển đô thị Việt Nam*, Luận án phó tiến sỹ Kiến trúc, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [30]. Hàn Tất Ngạn (2000), *Nghệ thuật vườn- công viên*, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 9, 63, 106, 175.
- [31]. Hàn Tất Ngạn (1999), *Kiến trúc cảnh quan*, Nhà xuất bản Xây dựng, 123.
- [32]. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin Hà Nội.
- [33]. Trần Đức Nguyên (2016), *Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở Bắc Ninh trong*

- quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa*, Luận án tiến sĩ văn hóa học, Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 39, 41, 43-44, 46.
- [34]. Nguyễn Tri Nguyên (2004), “Bản chất và đặc trưng tín ngưỡng dân gian trong lễ hội cổ truyền Việt Nam”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, (Số 7), 27-32.
- [35]. Trương Hoài Phương (2011), “Giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống của con người Việt Nam- một yêu cầu tất yếu khách quan trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, *Tạp chí phát triển nhân lực*, số 5(26), 63.
- [36]. Ngô Huy Quỳnh (1991), *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nhà xuất bản Xây dựng
- [37]. Hà Nhật Tân (2003), *Từ ý đến hình trong thiết kế cảnh quan*, Nhà xuất bản văn hóa thông tin.
- [38]. Bùi Quang Thanh (2006), “Từ một số nét tương đồng giữa sinh hoạt dân ca Sán chay với dân ca Quan họ Kinh Bắc”, *Tạp chí di sản Văn hóa*, (số 4), 91.
- [39]. Chu Thị Thanh (2013), *Nghiên cứu hiện trạng và giải pháp phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn TP Bắc Ninh*, Luận văn thạc sỹ khoa học lâm nghiệp, Đại học nông lâm- Đại học Thái Nguyên, 64.
- [40]. Bùi Văn Thành (2000), *Lễ hội của người Việt ở Hà Bắc*, Luận án tiến sĩ Sử học, Viện dân tộc học- Trung tâm Khoa học Xã hội và nhân văn Quốc gia.
- [41]. Võ Văn Thắng (2005), *Kế thừa và phát huy các giá trị VHMT dân tộc trong việc xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [42]. Ngô Đức Thịnh (2015), *Tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, NXB Khoa học Xã hội, 185, 198-199.
- [43]. Nguyễn Thịnh (2013), *Di sản văn hóa Việt Nam bản sắc và những vấn đề về quản lý và bảo tồn*, Nhà xuất bản Xây dựng, 38, 39, 132.
- [44]. Nguyễn Quốc Thông (2000), *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại Phương Tây*, Nhà xuất bản Xây dựng.
- [45]. Lê Trung Thu (2012), *Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn thạc sỹ, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
- [46]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (1996), *Bố cục vườn công viên*, Nhà xuất bản Xây Dựng, 7, 52.
- [47]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (1985), *Bố cục phong cảnh vườn- công viên*, Luận án phó tiến sĩ Kiến trúc, Bộ môn Quy hoạch đô thị và Nông thôn- khoa Kiến trúc trường Đại học Xây Dựng Hà Nội.
- [48]. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn Minh vật chất của người Việt*, Nhà xuất bản tri

thức.

- [49]. Đỗ Trần Tín (2012), *Khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước trong tổ chức không gian công cộng các khu ĐTM tại Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Quy hoạch, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [50]. Đào Ngọc Tú (2016), *Chiếu sáng nghệ thuật các không gian công cộng khu ĐTM Linh Đàm, TP Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Quy hoạch Vùng và đô thị, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [51]. Trần Văn Túy (2006), “Phát huy di sản văn hóa góp phần xây dựng tỉnh Bắc Ninh giàu mạnh, văn minh”, *Tạp chí Di sản*, (số 3), 11.
- [52]. Phạm Ánh Tuyết (2011), *Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan khu du lịch văn hóa Quan họ Cổ Mễ- Bắc Ninh*, Luận văn thạc sĩ Quy hoạch, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [53]. Nguyễn Như Vân (2011), *Khai thác các yếu tố văn hóa dân gian trong tổ chức không gian công viên Hà Đông, Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Quy hoạch, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [54]. Bùi Quang Vinh (2008), *Quản lý quy hoạch xây dựng công viên tuổi trẻ TP Hòa Bình với sự tham gia của cộng đồng*, Luận văn thạc sĩ Quản lý đô thị, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [55]. Trần Quốc Vượng (1996), *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 352.
- [56]. Trần Quốc Vượng (2000), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo Dục.
- [57]. Chu Thị Huyền Yên (2017), *Một số yếu tố xã hội tác động đến việc bảo tồn các giá trị truyền thống của Quan họ Bắc Ninh*, Luận án tiến sĩ Xã hội học, trường Đại học Quốc gia- trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 62.
- [58]. Nhiều tác giả (2013), *Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc.

Tài liệu nước ngoài

- [59]. Albert J Rutledge (1971), *Anatomy of a Park- The Essentials of Recreation Area Planning and design*, McGraw Hill Book Company.
- [60]. Alan Tate (2015), *Great city Park- second edition*, Routledge New York, 77, 123, 207-212.
- [61]. Andrew J. Mowen (2010), *Park, playgrounds and active living- active living research*, San Diego State university, 4.
- [62]. Ann Forsyth, Laura Musacchio, Frank Fitzgerald (2005), *Designing small parks- A manual addressing social and ecological concerns*, John Wiley&

Sons, Inc, Hoboken, New Jersey

- [63]. Cooper (2007), *Sarasota Cultural Park master plan*, New York
- [64]. Cliff Moughtin – Peter Shirley (1996), *Urban design: Green Dimensions*, Architectural Press.
- [65]. Cliff Moughtin (1999), *Urban Design: method and techniques*, Architectural Press.
- [66]. Cliff Moughtin (1992), *Urban design: Street and Square*, Architectural Press.
- [67]. Darren Peter Venn (2008), *A changing cultural landscape: Yanchep National Park, Western Australia*, Edith Cowan University.
- [68]. Dong Wang (2015), *Rethinking planning for Urban Parks: Accessibility, Use and Behaviour*, University of Queensland.
- [69]. Edited by Catharine Ward Thompson & Penny Travlou (2007), *Open Space, people space*, Taylor & Francis.
- [70]. Elizabeth LO (2008), *Culture and Planning: How can Hong Kong's urban planning system facilitate comprehensive cultural development*, The University of Hong Kong.
- [71]. George E.Fogg , *Park planning guidelines 3rd edition*, National Recreation & Park Association.
- [72]. Gorokhov V.A, Lunts L.B (1985), *Parks of the World*, Strojisdad.
- [73]. Green spaces strategy 2013-2017, *Building a world-class city for everyone, Leisure, Park and Communities*- Oxford city council, 2.
- [74]. Hans Leinfelder (2008), *Rural Futures in Urbanising Contexts: Open Space as Public Space*, Bài viết Hội thảo.
- [75]. Hudson- Mohawk, *Urban Cultural Park management plan*, New York 1984
- [76]. James D.Mertes, James R. Hall, *Park, Recreation, Open space and greenway Guidelines*, A project of the National Recreation and Park Association and the American Academy for Park and Recreation Administration
- [77]. Kristie Daniel (2011), *Adding Parks to Already Built- up cities*, Development and Management great urban public space.
- [78]. Lauren H.Day (2013), *Urban Parks: Qualities of success and application to Indianapolis Parks*, Ball State University Muncie, Indiana.
- [79]. Mohsen Faizi (2006), *The Role of Urban Parks in a Metropolitan City*, Environmental Sciences 12
- [80]. Noha Ahmed Abd El Aziz (2012), *Designing and Managing Urban Park to improve the quality of life in the Egyptian Cities*, Faculty of Urban and Regional

Planning- Cairo University

- [81]. Raintry Salk, Việc sử dụng công viên khu vực trong các cộng đồng đa màu chọn lọc- www.metrocouncil.org/park.aspx.
- [82]. Saleh A. Al-Hathoul (1981), *Traditional, continuity and change in the Physical environment: The Arab -muslim city*, Massachusetts Institute of Technology (MIT).
- [83]. Sirong Liu (2012), *Research on landscape design of urban park*, ICCMS.
- [84]. Stephanie Geertman (2010), *Urban development trends in Hanoi & impact on ways of life, public health and happiness*. Liveability from a Health Perspective, Bài viết hội thảo.
- [85]. Stephanie Geetman (2001), *Eleven principles for creating and maintaining great public spaces as inspiration for Vietnamese public space policy*, Development and Management great urban public space.
- [86]. Taylor Crush (2014), *Public art in urban park*, University of Louisville, Kentucky.
- [87]. Valery Patin (2008), *Du lịch và di sản*, La Documentation Francaise.
- [88]. William H. Whyte (1980), *Social Life of small urban spaces*, Project for Public spaces.
- [89]. Yi-Fu Tuan (1997), *Space and Place, the perspective of experience*, University of Minnesota press.

Các tài liệu khác

- [90]. Báo cáo tóm tắt đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (2001), Nghiên cứu tác động của điều kiện tự nhiên, khí hậu và văn hóa đến đặc điểm kiến trúc đồng bằng và vùng núi Bắc Bộ, Bộ Xây dựng- trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [91]. Báo cáo tổng kết đề tài NCKH độc lập cấp Nhà nước (2002), Mô hình và giải pháp quy hoạch kiến trúc các vùng sinh thái đặc trưng ở Việt Nam, Bộ Xây dựng- Trường đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [92]. Chuyên đề khoa học, Sinh thái nhân văn và sự hình thành đặc trưng vùng của kiến trúc nhà ở Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu Địa lý nhân văn- Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia.
- [93]. Chương trình phát triển đô thị TP Bắc Ninh đến năm 2025-UBND Tỉnh Bắc Ninh, UBND TP Bắc Ninh
- [94]. Đề án Phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn TP Bắc Ninh giai đoạn 2016-2020- UBND TP Bắc Ninh
- [95]. Đề tài nghiên cứu “Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ

công viên công tại Hà Nội”

- [96]. Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu công viên Văn miếu TP Bắc Ninh.
- [97]. Đồ án Quy hoạch chi tiết Công viên văn hóa vui chơi giải trí Yên sở- Hoàng Mai- Hà Nội.
- [98]. Giáo trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích (2016), Bộ văn hóa thể thao và du lịch- Viện bảo tồn di tích, Hà Nội, 22.
- [99]. Hội thảo Quốc tế “Quản lý và phát triển không gian công cộng trong đô thị”, Bộ Xây dựng- Cục phát triển đô thị- HealthBrigde Canada, Hà Nội, tháng 10/2011.
- [100]. Hội thảo “Giải pháp bảo vệ, phục hồi và phát triển hệ thống cây xanh mặt nước TP Hà nội đáp ứng mục tiêu quy hoạch và tạo bản sắc đô thị”, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, Hà nội, tháng 01/2018, 186, 199, 200.
- [101]. Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050- Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng TAT và Công ty Nikken Sekkei Civil Engineering Ltd Nhật Bản.
- [102]. Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050- Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh và Công ty Nikken Sekkei Civil Engineering Ltd (NSC) Nhật Bản.
- [103]. Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa, hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050- Viện quy hoạch Hà Nội.

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- [104]. Luật Quy hoạch đô thị, Nước CHXHCNVN số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009, điều 3.
- [105]. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QHXDNT, quy chuẩn VN:14-2009/BXD, Bộ Xây dựng ban hành theo thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/.2009.
- [106]. Quyết định số 1560/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn 2050
- [107]. Quyết định số 3621/QĐ-BKHHCN ngày 28/12/2012 ban hành TCVN 9257: 2012 “QH cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế”

PHỤ LỤC 1. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

1. Xin Ông/bà cho biết khoảng cách từ nhà Ông/bà đến công viên ?

TT	Khoảng cách	Phường Suối Hoa		Phường Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
1	Dưới 1km	98	65.3%	10	14.7%
2	Từ 1-3km	51	34.0%	55	80.9%
3	Trên 3km	1	0.7%	3	4.4%
	Tổng số	150	100.0%	68	100.0%

2. Ông/bà có thường đến công viên không?

TT	Mức độ thường xuyên	Phường Suối Hoa		Phường Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
1	Hàng ngày	81	54.0%	28	41.2%
2	2 lần/tuần	21	14.0%	9	13.2%
3	1 lần/tuần	22	14.7%	6	8.8%
4	1 lần/tháng	16	10.7%	10	14.7%
5	Vài tháng 1 lần	10	6.7%	13	19.1%
6	Không bao giờ	0	0.0%	2	2.9%
	Tổng số	150	100.0%	68	100.0%

3. Ông/ bà thường đến công viên vào khoảng thời gian nào ?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Đến công viên vào buổi sáng	Có	65	43.3%	15	22.7%
	Không	85	56.7%	51	77.3%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Đến công viên vào buổi trưa	Có	0	0.0%	2	3.0%
	Không	150	100.0%	64	97.0%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Đến công viên vào buổi chiều	Có	93	62.0%	30	45.5%
	Không	57	38.0%	36	54.5%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Đến công viên vào buổi tối	Có	31	20.7%	29	43.9%
	Không	119	79.3%	37	56.1%
	Total	150	100.0%	66	100.0%

4. Mục đích Ông/bà đến công viên làm gì?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Suối Hoa	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Thể dục, thể thao	Có	111	74.0%	44	67.7%
	Không	39	26.0%	21	32.3%
	Total	150	100.0%	65	100.0%
Chơi các trò chơi	Có	6	4.0%	8	12.3%
	Không	144	96.0%	57	87.7%
	Total	150	100.0%	65	100.0%

Nghỉ ngơi thư giãn/ngắm cảnh đi dạo/gặp gỡ bạn bè/trò chuyện tâm sự	Có	83	55.3%	17	26.2%
	Không	67	44.7%	48	73.8%
	Total	150	100.0%	65	100.0%
Mục đích khác	Có	3	2.0%	8	12.3%
	Không	147	98.0%	57	87.7%
	Total	150	100.0%	65	100.0%

5. Điều gì ở công viên khiến Ông/bà thích đến?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Diện tích rộng	1 Có	80	53.3%	46	69.7%
	2 Không	70	46.7%	20	30.3%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Có cây xanh/cảnh quan đẹp	1 Có	138	92.0%	61	92.4%
	2 Không	12	8.0%	5	7.6%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Có trò chơi/các hoạt động hấp dẫn	1 Có	27	18.0%	45	68.2%
	2 Không	123	82.0%	21	31.8%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Dịch vụ tốt	1 Có	18	12.0%	13	19.7%
	2 Không	132	88.0%	53	80.3%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
An toàn, an ninh	1 Có	49	32.7%	43	65.2%
	2 Không	101	67.3%	23	34.8%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Vệ sinh môi trường tốt	1 Có	77	51.3%	47	71.2%
	2 Không	73	48.7%	19	28.8%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Lý do khác	1 Có	4	2.7%	0	0.0%
	2 Không	146	97.3%	66	100.0%
	Total	150	100.0%	66	100.0%

6. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về cây xanh, vườn hoa trong công viên?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Số lượng cây xanh, vườn hoa	Ít	14	9.4%	15	22.7%
	TB	75	50.3%	24	36.4%
	Đủ	60	40.3%	27	40.9%
	Total	149	100.0%	66	100.0%
Hình thức cây xanh, vườn hoa	Chưa đẹp	21	14.0%	3	4.5%
	TB	80	53.3%	33	50.0%
	Đẹp	49	32.7%	30	45.5%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Cách bố trí cây xanh, vườn hoa	Chưa hợp lý	25	16.8%	5	7.6%
	TB	73	49.0%	20	30.3%

	Hợp lý	51	34.2%	41	62.1%
	Total	149	100.0%	66	100.0%

7. Xin Ông/bà cho biết về đường dạo trong công viên thế nào?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Chất lượng đường dạo	Chưa tốt	13	8.7%	2	3.0%
	TB	72	48.0%	20	30.3%
	Tốt	65	43.3%	44	66.7%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
An toàn đường dạo	Không	4	2.7%	0	0.0%
	TB	72	48.3%	18	27.3%
	Có	73	49.0%	48	72.7%
	Total	149	100.0%	66	100.0%

8. Ông/bà thấy hệ thống đèn chiếu sáng trong công viên thế nào?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Số lượng đèn chiếu sáng	Ít	31	20.7%	2	3.0%
	TB	61	40.7%	17	25.8%
	Đủ	58	38.7%	47	71.2%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Hình thức đèn chiếu sáng	Chưa đẹp	20	13.3%	0	0.0%
	TB	82	54.7%	16	24.2%
	Đẹp	48	32.0%	50	75.8%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Cách bố trí đèn chiếu sáng	Chưa hợp lý	20	13.4%	1	1.5%
	TB	76	51.0%	15	22.7%
	Hợp lý	53	35.6%	50	75.8%
	Total	149	100.0%	66	100.0%

9. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về hệ thống ghế ngồi trong công viên?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Số lượng ghế ngồi	Ít	50	33.6%	20	30.8%
	TB	58	38.9%	19	29.2%
	Đủ	41	27.5%	26	40.0%
	Total	149	100.0%	65	100.0%
Hình thức ghế ngồi	Chưa đẹp	27	18.0%	6	9.1%
	TB	88	58.7%	25	37.9%
	Đẹp	35	23.3%	35	53.0%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Chất lượng ghế ngồi	Chưa tốt	19	12.8%	5	7.8%

	TB	91	61.1%	19	29.7%
	Tốt	39	26.2%	40	62.5%
	Total	149	100.0%	64	100.0%
Cách bố trí ghế ngồi	Chưa hợp lý	24	16.2%	7	10.6%
	TB	79	53.4%	20	30.3%
	Hợp lý	45	30.4%	39	59.1%
	Total	148	100.0%	66	100.0%

10. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về các thùng rác trong công viên ?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Số lượng các thùng rác	Ít	46	30.7%	17	25.8%
	TB	53	35.3%	23	34.8%
	Đủ	51	34.0%	26	39.4%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Cách bố trí các thùng rác	Chưa hợp lý	24	16.3%	9	13.6%
	TB	79	53.7%	24	36.4%
	Hợp lý	44	29.9%	33	50.0%
	Total	147	100.0%	66	100.0%

11. Xin Ông/bà cho biết vào những ngày mưa, công viên có bị ngập hay lầy lội không?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Vào những ngày mưa, công viên bị ngập hay lầy lội	Có	13	8.7%	5	7.7%
	Không	136	91.3%	60	92.3%
	Total	149	100.0%	65	100.0%

12. Ông/bà thấy vấn đề vệ sinh môi trường trong công viên thế nào?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Vấn đề vệ sinh môi trường trong công viên	Không tốt	9	6.0%	6	9.1%
	Bình thường	95	63.3%	29	43.9%
	Tốt	46	30.7%	31	47.0%
	Ý kiến khác	0	0.0%	0	0.0%
	Total	150	100.0%	66	100.0%

13. Xin Ông/bà cho biết công viên có các dịch vụ dưới đây không?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Nhà hàng/quán ăn/giải khát	Có	107	71.3%	23	34.8%
	Không	43	28.7%	43	65.2%

	Total	150	100.0%	66	100.0%
Nhà vệ sinh	Có	116	77.9%	37	56.1%
	Không	33	22.1%	29	43.9%
	Total	149	100.0%	66	100.0%
Bãi để xe	Có	79	52.7%	43	65.2%
	Không	71	47.3%	23	34.8%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
Các dịch vụ khác	Có	2	1.3%	13	19.7%
	Không	147	98.7%	53	80.3%
	Total	149	100.0%	66	100.0%

14. Xin Ông/bà đánh giá về dịch vụ trong công viên

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Chất lượng nhà hàng/quán ăn/giải khát	1 Kém	10	9.3%	2	8.0%
	2 TB	80	74.1%	11	44.0%
	3 Khá	15	13.9%	8	32.0%
	4 Tốt	3	2.8%	4	16.0%
	Total	108	100.0%	25	100.0%
Chất lượng nhà vệ sinh	1 Kém	37	31.9%	5	13.5%
	2 TB	54	46.6%	13	35.1%
	3 Khá	16	13.8%	7	18.9%
	4 Tốt	9	7.8%	12	32.4%
	Total	116	100.0%	37	100.0%
Chất lượng bãi để xe	1 Kém	12	15.2%	3	7.1%
	2 TB	43	54.4%	15	35.7%
	3 Khá	20	25.3%	7	16.7%
	4 Tốt	4	5.1%	17	40.5%
	Total	79	100.0%	42	100.0%
Chất lượng các dịch vụ khác	1 Kém	1	11.1%	1	7.7%
	2 TB	5	55.6%	11	84.6%
	3 Khá	2	22.2%	0	0.0%
	4 Tốt	1	11.1%	1	7.7%
	Total	9	100.0%	13	100.0%

15. Ông/bà muốn có các dịch vụ dưới đây trong công viên hay không?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Muốn có nhà hàng/quán ăn/giải khát	1 Có	94	63.1%	31	47.7%
	2 Không	55	36.9%	34	52.3%
	Total	149	100.0%	65	100.0%
Muốn có nhà vệ sinh	1 Có	129	86.6%	57	87.7%
	2 Không	20	13.4%	8	12.3%
	Total	149	100.0%	65	100.0%
Muốn có bãi để xe	1 Có	114	76.5%	55	84.6%

	2 Không	35	23.5%	10	15.4%
	Total	149	100.0%	65	100.0%
Muốn có các dịch vụ khác	1 Có	4	2.7%	4	6.2%
	2 Không	145	97.3%	61	93.8%
	Total	149	100.0%	65	100.0%

16. Ông/bà thấy an toàn, an ninh trong công viên thế nào?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
An toàn, an ninh trong cv ban ngày	1 Báo động	0	0.0%	1	1.5%
	2 Không tốt	1	0.7%	0	0.0%
	3 Bình thường	81	54.0%	23	34.8%
	4 Tốt	68	45.3%	42	63.6%
	Total	150	100.0%	66	100.0%
An toàn, an ninh trong cv ban đêm	1 Báo động	0	0.0%	1	1.5%
	2 Không tốt	8	5.3%	0	0.0%
	3 Bình thường	85	56.7%	25	37.9%
	4 Tốt	57	38.0%	40	60.6%
	Total	150	100.0%	66	100.0%

17. Xin Ông/bà cho biết trong công viên có các trò chơi hay không?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Các trò chơi trong công viên	1 Có	107	71.3%	54	81.8%
	2 Không	43	28.7%	12	18.2%

18. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về số lượng, hình thức, chất lượng các trò chơi trong công viên?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Số lượng các trò chơi	1 Ít	62	57.9%	14	25.9%
	2 TB	34	31.8%	19	35.2%
	3 Đủ	11	10.3%	21	38.9%
	Total	107	100.0%	54	100.0%
Hình thức các trò chơi	1 Chưa đẹp	28	26.9%	1	1.9%
	2 TB	55	52.9%	24	45.3%
	3 Đẹp	21	20.2%	28	52.8%
	Total	104	100.0%	53	100.0%
Chất lượng các trò chơi	1 Chưa tốt	28	26.9%	1	1.9%
	2 TB	56	53.8%	28	51.9%
	3 Tốt	20	19.2%	25	46.3%

	Total	104	100.0%	54	100.0%
--	-------	-----	--------	----	--------

19. Xin Ông/bà cho biết hiện nay ở công viên có bố trí các trò chơi truyền thống không?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Bố trí các trò chơi truyền thống ở cv hiện nay	1 Có	51	34.0%	24	35.3%
	2 Không	90	60.0%	34	50.0%
	3 Không biết	9	6.0%	10	14.7%
	Total	150	100.0%	68	100.0%

20. Xin Ông/bà cho biết công viên có các hoạt động VH TT không (các sự kiện văn hóa/ lễ hội..)?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
1 Hàng tuần		15	10.0%	2	3.0%
2 Hàng tháng		49	32.7%	5	7.5%
3 Hàng quý		31	20.7%	11	16.4%
4 Hàng năm		39	26.0%	18	26.9%
5 Không tổ chức		9	6.0%	13	19.4%
6 Theo sự kiện của tỉnh		6	4.0%	18	26.9%
7 Khác		1	0.7%	0	0.0%
Total		150	100.0%	67	100.0%

21. Xin Ông/bà cho biết công viên tại Bắc Ninh có mang nét VH TT không?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Nét VH TT tại công viên Bắc Ninh	1 Có	24	16.0%	4	5.9%
	2 Không	120	80%	62	91.2%
	3 Không biết	6	4.0%	2	2.9%
	Total	150	100.0%	68	100.0%

22. Bắc Ninh là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa, theo Ông/bà có nên xây dựng những công viên mang những nét đặc trưng về văn hóa đó hay không?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Nên xây dựng những công viên mang những nét đặc trưng về VH TT	1 Có	146	97.3%	66	100.0%
	2 Không	3	2.0%	0	0.0%
	3 Ý kiến khác	1	0.7%	0	0.0%
	Total	150	100.0%	66	100.0%

23. Theo Ông/bà đề công viên tại Bắc Ninh có những nét đặc trưng VHHT có nên bố trí trong công viên một số khu chức năng khác như:

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Khu vực biểu diễn Quan họ	1 Có	142	95.3%	62	92.5%
	2 Không	7	4.7%	5	7.5%
	Total	149	100.0%	67	100.0%
Khu vực tổ chức lễ hội truyền thống	1 Có	114	76.0%	58	86.6%
	2 Không	36	24.0%	9	13.4%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Nơi trải nghiệm, trưng bày, tìm hiểu các nghề truyền thống	1 Có	67	44.7%	44	65.7%
	2 Không	83	55.3%	23	34.3%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Khu triển lãm, trưng bày mô hình thu nhỏ các di tích lịch sử văn hóa, công trình kiến trúc đặc trưng của BN	1 Có	85	56.7%	44	65.7%
	2 Không	65	43.3%	23	34.3%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Khu vực tái hiện trường thi, khóa thi, các hoạt động văn hóa (ngày hội đọc sách, hội thi thơ, hội thi viết chữ...)	1 Có	71	47.3%	44	65.7%
	2 Không	79	52.7%	23	34.3%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Nơi tái hiện những trận đánh giặc ngoại xâm (phòng chiến tuyến sông Như Nguyệt, hội nghị Diên Hồng...)	1 Có	53	35.3%	46	68.7%
	2 Không	97	64.7%	21	31.3%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Khu vực tổ chức các trò chơi truyền thống (kéo cọ, đánh đu, đập niêu, bịt mắt bắt dê, cờ người...)	1 Có	112	74.7%	51	76.1%
	2 Không	38	25.3%	16	23.9%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Ý kiến khác	1 Có	10	6.7%	0	0.0%
	2 Không	140	93.3%	67	100.0%
	Total	150	100.0%	67	100.0%

24. Ông/bà mong muốn tham gia vào những hoạt động nào tại công viên trong tương lai:

		Địa bàn nghiên cứu			
		1 Suối Hoa		2 Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Trò chơi giải trí hiện đại	1 Có	49	32.7%	30	44.8%
	2 Không	101	67.3%	37	55.2%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Trò chơi truyền thống	1 Có	91	60.7%	42	62.7%

	2 Không	59	39.3%	25	37.3%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Hoạt động thể thao ngoài trời	1 Có	116	77.3%	46	68.7%
	2 Không	34	22.7%	21	31.3%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Hoạt động thể thao trong nhà	1 Có	46	30.7%	20	29.9%
	2 Không	104	69.3%	47	70.1%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Xem biểu diễn nghệ thuật truyền thống (hát Quan họ...)	1 Có	105	70.0%	59	88.1%
	2 Không	45	30.0%	8	11.9%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Xem biểu diễn nghệ thuật hiện đại	1 Có	39	26.0%	30	44.8%
	2 Không	111	74.0%	37	55.2%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Tham gia các lễ hội	1 Có	67	44.7%	26	38.8%
	2 Không	83	55.3%	41	61.2%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Xem triển lãm văn hóa, lịch sử, nghệ thuật	1 Có	57	38.0%	29	43.3%
	2 Không	93	62.0%	38	56.7%
	Total	150	100.0%	67	100.0%
Nghỉ ngơi (trò chuyện/thư giãn/đi dạo/đọc sách)	1 Có	100	66.7%	57	85.1%
	2 Không	50	33.3%	10	14.9%
	Total	150	100.0%	67	100.0%

25. Ông/bà có muốn các tiện ích (ghế ngồi, đèn, chỗ nghỉ chân...) công trình dịch vụ (cửa hàng, nhà hàng, nhà vệ sinh...) trong công viên mang hình thức kiến trúc truyền thống?

		Địa bàn nghiên cứu			
		Suối Hoa		Đại Phúc	
		Số người trả lời	Tỷ lệ	Số người trả lời	Tỷ lệ
Muốn các tiện ích (ghế ngồi, đèn, chỗ nghỉ chân...) công trình dịch vụ (cửa hàng, nhà hàng, nhà vệ sinh...) trong cv mang hình thức kiến trúc truyền thống	1 Có	145	96.7%	65	98.5%
	2 Không	4	2.7%	1	1.5%
	Ý kiến khác	1	0.7%	0	0.0%
	Total	150	100.0%	66	100.0%

PHỤ LỤC 2: PHIẾU PHÒNG VẤN CÁ NHÂN

Kính thưa Ông/bà.

Nhằm nâng cao chất lượng các công viên và đáp ứng nhu cầu vui chơi, nghỉ ngơi giải trí của nhân dân TP Bắc Ninh, trường Đại học Kiến trúc Hà nội triển khai nghiên cứu đề tài: “Khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian công viên tại đô thị Bắc Ninh”. Để phục vụ cho công tác nghiên cứu, xin Ông/bà vui lòng trả lời những câu hỏi dưới đây.

Các thông tin từ cuộc phỏng vấn sẽ được sử dụng với nguyên tắc khuyết danh và chỉ nhằm phục vụ công tác nghiên cứu.

Rất mong Ông/bà dành thời gian để trả lời. Xin chân thành cảm ơn!

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên :..... 1. Nam 2. Nữ
2. Địa chỉ:.....
3. Năm sinh:.....
4. Nghề nghiệp : **Khoanh vào các phương án thích hợp**
 1. Học sinh/sinh viên
 2. Cán bộ/ viên chức nhà nước/ liên doanh
 3. Buôn bán/dịch vụ
 4. Công nhân/sản xuất tiểu thủ công nghiệp
 5. Bộ đội/Công an
 6. Lao động tự do
 7. CB/CNVC về hưu/già yếu không làm việc
 8. Không nghề/Không việc
5. Trình độ học vấn:
 1. Phổ thông (Ghi rõ)
 2. CĐ/Đại học/Trên đại học
 3. Chưa bao giờ đi học

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CÔNG VIÊN TẠI ĐÔ THỊ BẮC NINH

(Phần II,III xin trả lời về công viên Ông/bà hay đến nhất)

6. Khoảng cách từ nhà Ông/bà đến công viên
 1. Dưới 1km 2. Từ 1 – 3km 3. Trên 3km
7. Ông/bà có thường đến công viên không?
 1. Hàng ngày
 2. 2 lần / tuần
 3. 1 lần / tuần
 4. 1 lần / tháng
 5. Vài tháng 1 lần
 6. Không bao giờ đến (xin cho biết lý do).....

Nếu trả lời câu 6 → chuyển đến câu 24, phần IV
8. Ông/ bà thường đến công viên vào khoảng thời gian nào ?
 1. Sáng 2. Trưa 3. Chiều 4. Tối
9. Mục đích Ông/bà đến công viên làm gì? (chọn nhiều phương án)
 1. Thể dục, thể thao
 2. Chơi các trò chơi
 3. Nghỉ ngơi thư giãn/ ngắm cảnh đi dạo/ gặp gỡ bạn bè/ trò chuyện tâm sự
 4. Mục đích khác (ghi rõ).....
10. Điều gì ở công viên khiến Ông/bà thích đến? (chọn nhiều phương án)

1. Diện tích rộng
2. Có cây xanh/ cảnh quan đẹp
3. Có trò chơi/ các hoạt động hấp dẫn
4. Dịch vụ tốt
5. An toàn, an ninh
6. Vệ sinh môi trường tốt
7. Lý do khác (ghi rõ).....

III. CÂY XANH, HẠ TẦNG KỸ THUẬT, DỊCH VỤ VÀ QUẢN LÝ

Hiện trạng về cây xanh

11. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về cây xanh, vườn hoa trong công viên?

(TB: *tạm đủ/ có chỗ đẹp, có chỗ chưa đẹp/ có chỗ hợp lý, có chỗ chưa hợp lý*)

1	Số lượng	1. Ít	2. TB	3. Đủ
2	Hình thức	1. Chưa đẹp	2. TB	3. Đẹp
3	Cách bố trí	1. Chưa hợp lý	2. TB	3. Hợp lý
4	Ý kiến khác (ghi rõ):			

Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

12. Xin Ông/bà cho biết về đường dạo trong công viên thế nào?

(TB: *có chỗ an toàn, chỗ không an toàn/ có chỗ tốt có chỗ chưa tốt*)

1	Chất lượng	1. Chưa tốt	2. TB	3. Tốt
2	An toàn	1. Không	2. TB	3. Có

13. Ông/bà thấy hệ thống đèn chiếu sáng trong công viên thế nào?

(TB: *tạm đủ/ có chỗ đẹp, có chỗ chưa đẹp/ có chỗ hợp lý, có chỗ chưa hợp lý*)

1	Số lượng	1. Ít	2. TB	3. Đủ
2	Hình thức	1. Chưa đẹp	2. TB	3. Đẹp
3	Cách bố trí	1. Chưa hợp lý	2. TB	3. Hợp lý

14. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về hệ thống ghế ngồi trong công viên?

(TB: *tạm đủ/ có chỗ đẹp, có chỗ chưa đẹp/ có chỗ hợp lý, có chỗ chưa hợp lý*)

1	Số lượng	1. Ít	2. TB	3. Đủ
2	Hình thức	1. Chưa đẹp	2. TB	3. Đẹp
3	Chất lượng	1. Chưa tốt	2. TB	3. Tốt
4	Cách bố trí	1. Chưa hợp lý	2. TB	3. Hợp lý

15. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về các thùng rác trong công viên ?

(TB: *tạm đủ / có chỗ hợp lý, có chỗ chưa hợp lý*)

1	Số lượng	1. Ít	2. TB	3. Đủ
2	Cách bố trí	1. Chưa hợp lý	2. TB	3. Hợp lý

16. Xin Ông/bà cho biết vào những ngày mưa, công viên có bị ngập hay lầy lội không?

1. Có

2. Không

17. Ông/bà thấy vấn đề vệ sinh môi trường trong công viên thế nào?

1. Không tốt

2. Bình thường

3. Tốt

4. Ý kiến khác (ghi rõ).....

Hiện trạng dịch vụ và quản lý

18. Xin Ông/bà cho biết công viên có các dịch vụ dưới đây không?

TT	Công trình	1. Có	2. Không
1	Nhà hàng/quán ăn/ giải khát		
2	Nhà vệ sinh		
3	Bãi để xe		
4	Các dịch vụ khác (ghi rõ).....		

Nếu chọn các phương án **Có** → chuyển đến câu 19

Nếu chọn các phương án **Không** → chuyển đến câu 20

19. Xin Ông/bà đánh giá về dịch vụ trong công viên:

TT	Công trình	Chất lượng công trình				Chất lượng phục vụ			
		Kém	TB	Khá	Tốt	Kém	TB	Khá	Tốt
1	Nhà hàng/quán ăn/ giải khát								
2	Nhà vệ sinh								
3	Bãi để xe								
4	Các dịch vụ khác								

20. Ông/bà muốn có các dịch vụ dưới đây trong công viên hay không?

TT	Công trình	1. Có	2. Không
1	Nhà hàng/quán ăn/ giải khát		
2	Nhà vệ sinh		
3	Bãi để xe		
4	Các dịch vụ khác (ghi rõ).....		

21. Ông/bà thấy an toàn, an ninh trong công viên thế nào?

TT	Thời gian	1. Báo động	2. Không tốt	3. Bình thường	4. Tốt
1	Ban ngày				
2	Ban đêm				

22. Xin Ông/bà cho biết trong công viên có các trò chơi hay không?

1. Có → chuyển đến câu 23

2. Không → chuyển đến câu 24

23. Xin Ông/bà cho biết ý kiến về số lượng, hình thức, chất lượng các trò chơi trong công viên? (TB: tạm đủ/ có chỗ đẹp, có chỗ chưa đẹp/ có chỗ tốt. có chỗ chưa tốt)

1	Số lượng	1. Ít	2. TB	3. Đủ
2	Hình thức	1. Chưa đẹp	2. TB	3. Đẹp
3	Chất lượng	1. Chưa tốt	2. TB	3. Tốt

IV. CÁC YẾU TỐ VHTT VỚI VIỆC XÂY DỰNG CÔNG VIÊN

(Phần này xin Ông/bà trả lời về công viên ở Bắc Ninh nói chung)

24. Xin Ông/bà cho biết hiện nay ở công viên có bố trí các trò chơi truyền thống không?

1. Có

2. Không

3. Không biết

25. Xin Ông/bà cho biết công viên có các hoạt động VHTT không (các sự kiện văn hóa/ lễ hội..)?

1. Hàng tuần

2. Hàng tháng
 3. Hàng quý
 4. Hàng năm
 5. Không tổ chức
 6. Khác (ghi rõ).....
26. Xin Ông/bà cho biết công viên tại Bắc Ninh có mang nét VHTT không?
 1. Có 2. Không 3. Không biết
27. Bắc Ninh là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa, theo Ông/bà **có nên** xây dựng những công viên mang những nét đặc trưng về văn hóa đó hay không?
 1. Có
 2. Không
 3. Ý kiến khác (ghi rõ).....
28. Theo Ông/bà đề công viên tại Bắc Ninh có những nét đặc trưng VHTT **có nên bố trí** trong công viên một số khu chức năng khác như:

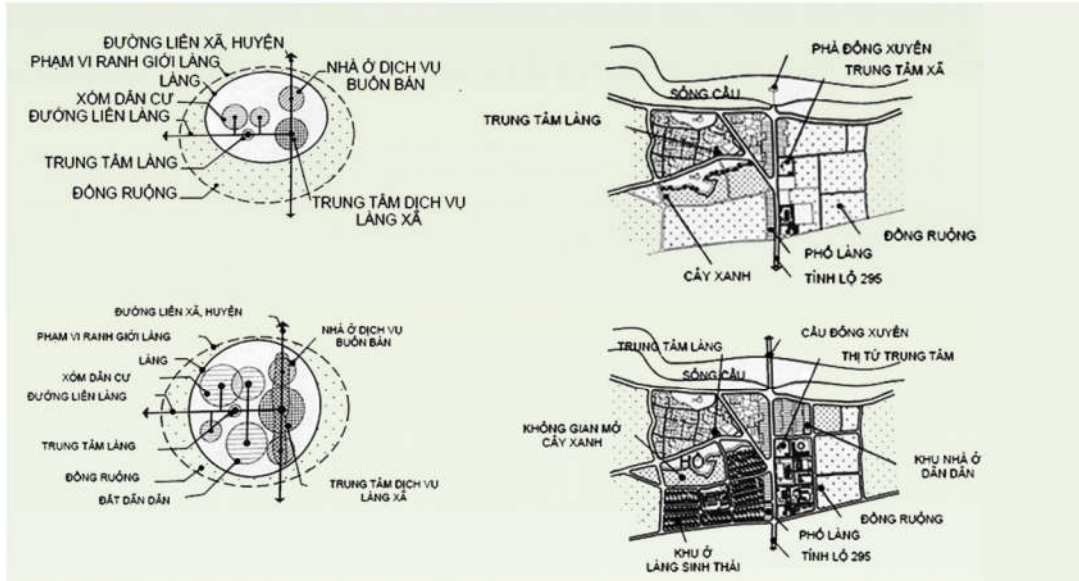
TT	Các phương án	1. Có	2. Không
1	Khu vực biểu diễn Quan họ		
2	Khu vực tổ chức lễ hội truyền thống		
3	Nơi trải nghiệm, trưng bày, tìm hiểu các nghề truyền thống		
4	Khu triển lãm, trưng bày mô hình thu nhỏ các di tích lịch sử văn hóa, công trình kiến trúc đặc trưng của Bắc Ninh		
5	Khu vực tái hiện trường thi, khóa thi, các hoạt động văn hóa (ngày hội đọc sách, hội thi thơ, hội thi viết chữ...)		
6	Nơi tái hiện những trận đánh giặc ngoại xâm (phòng chiến tuyến sông Như Nguyệt, hội nghị Diên Hồng..)		
7	Khu vực tổ chức các trò chơi truyền thống (kéo co, đánh đu, đập niêu, bịt mắt bắt dê, cờ người...)		
8	Ý kiến khác (ghi rõ):.....		

29. Ông/bà mong muốn tham gia vào những hoạt động nào tại công viên trong tương lai:
1. Trò chơi giải trí hiện đại
 2. Trò chơi truyền thống
 3. Hoạt động thể thao ngoài trời
 4. Hoạt động thể thao trong nhà
 5. Xem biểu diễn nghệ thuật truyền thống (hát Quan họ...)
 6. Xem biểu diễn nghệ thuật hiện đại
 7. Tham gia các lễ hội
 8. Xem triển lãm văn hóa, lịch sử, nghệ thuật
 9. Nghỉ ngơi (trò chuyện/ thư giãn/ đi dạo/ đọc sách...)
30. Ông/bà có muốn các tiện ích (*ghế ngồi, đèn, chỗ nghỉ chân...*) công trình dịch vụ (*cửa hàng, nhà hàng, nhà vệ sinh...*) trong công viên mang hình thức kiến trúc truyền thống?
 1. Có 2. Không 3. Khác(ghi rõ).....

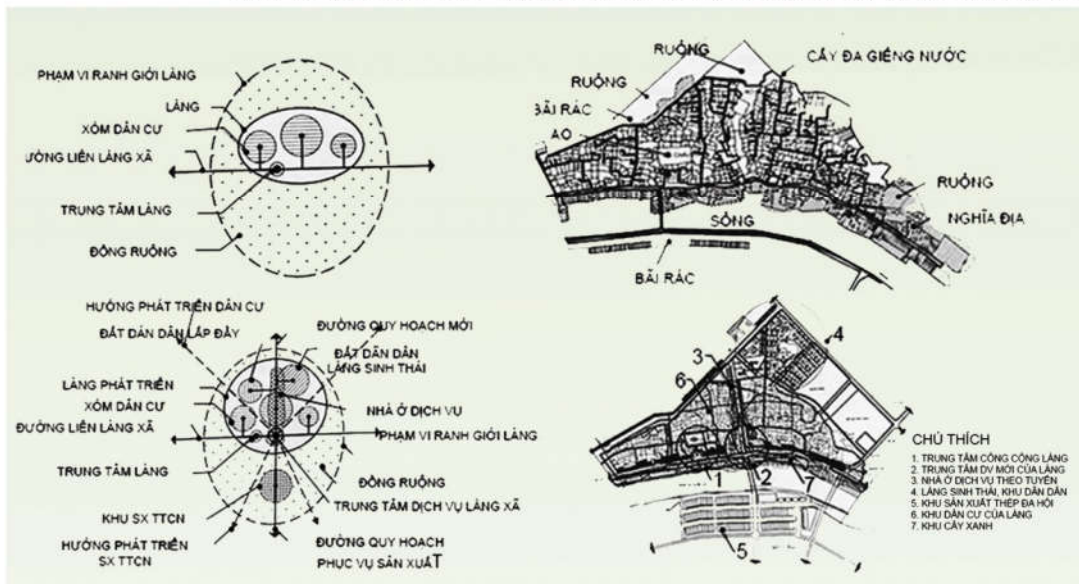
Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ông/bà!

PHỤ LỤC 3. Cấu trúc một số làng truyền thống tại Bắc Ninh

QUY HOẠCH CHI TIẾT LÀNG ĐÔNG XUYỀN - XÃ ĐÔNG TIẾN - YÊN PHONG

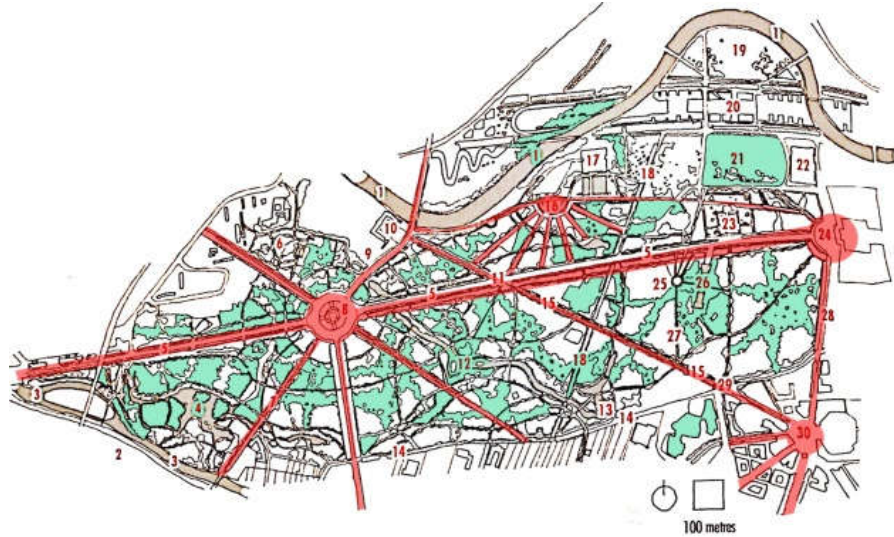


QUY HOẠCH CHI TIẾT LÀNG ĐA HỘI - XÃ CHÂU KHÊ - TỪ SƠN - BẮC NINH

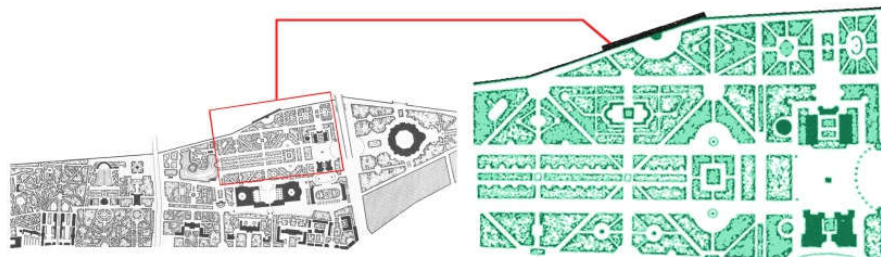


LÀNG NGHỀ DỆT LỤA NHA XÁ

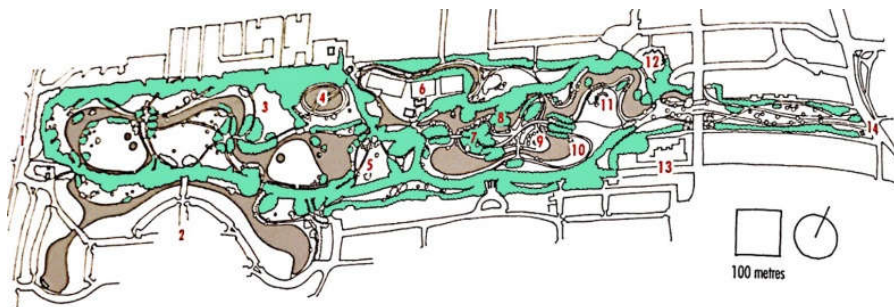
PHỤ LỤC 4.1. Xu hướng khai thác yếu tố VHTT trong tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan



Công viên Tiergarten Berlin- Đức (1740) có bố cục dạng tia hội tụ kết hợp với hệ thống đường dạo tự do tạo một không gian linh hoạt, phong phú [60]



Mặt bằng tổng thể công viên trung tâm văn hóa nghỉ dưỡng Gorky- Matxcova- Nga bố cục hình học với các trục đối xứng [nguồn Salome Nikuradze]



Mặt bằng tổng thể công viên Vondelpark Amsterdam có bố cục tự do theo điều kiện địa hình tự nhiên, khéo léo kết hợp giữa mặt nước cây xanh trong công viên để tạo nên nét đặc trưng cảnh quan địa phương [55]

PHỤ LỤC 4.2. Xu hướng khai thác yếu tố VHTT trong xây dựng công viên



Công viên Guell- Barcelona là một trong những công viên nổi tiếng thành công trong việc sử dụng vật liệu. Mang một phong cách tráng lệ và vô cùng lôi cuốn. Những hoa văn, thơ ca xứ Catalan cũng được sử dụng hài hòa trong toàn bộ thiết kế của công viên [60]

PHỤ LỤC 6. GHI CHÚ

- Tỷ lệ % người thường xuyên đến công viên (hàng ngày): a% (xác định bằng phương pháp thống kê)
- Tỷ lệ % người không đến công viên: c% (xác định bằng phương pháp thống kê)
- Tỷ lệ % người đến công viên: b%
- Tỷ lệ % người muốn tham gia hoạt động trong các khu chức năng (xác định bằng phương pháp thống kê) : d%
- Số lượng người đến công viên hàng ngày : A
- Số lượng người đến công viên (lượng người đến công viên nói chung với tần suất khác nhau): B
- Dân số khu vực : P
- Diện tích công viên tối thiểu : St
- Diện tích công viên tối đa : Sđ
- Diện tích khu chức năng : Scn
- Tiêu chuẩn cây xanh công viên / người : n (theo quy chuẩn)

PHỤ LỤC 7. Mức độ phù hợp và các loài cây được lựa chọn trồng tại TP Bắc Ninh

[39]

TT	Tên loài	Hình dáng đẹp	Hoa có màu sắc đẹp, hương thơm	Hoa quả, nhựa không gây ô nhiễm độc hại	Khả năng thích ứng cao	Có khả năng chống chịu gió bão	Có khả năng chống bụi, chống ồn	Tổng điểm
1	Ban	9	10	9	9	6	9	52
2	Bằng lăng	8	10	10	9	9	7	53
3	Sấu	9	4	10	10	10	9	52
4	Long Nõ	9	3	10	8	10	8	48
5	Sưa	7	3	6	7	6	8	37
6	Keo lá tràm	8	4	10	8	7	8	45
7	Phượng vĩ	8	10	9	8	7	7	49
8	Liễu	8	8	9	6	8	6	45
9	Lát hoa	9	4	10	10	10	8	51
10	Sao đen	9	5	9	10	10	9	52
11	Trúng cá	9	5	7	9	9	10	49
12	Sừa	9	7	9	10	8	8	51
13	Ngọc Lan	10	8	8	8	5	8	47
14	Muồng đen	8	9	9	9	9	8	52



Minh họa một số loại cây trồng trong công viên